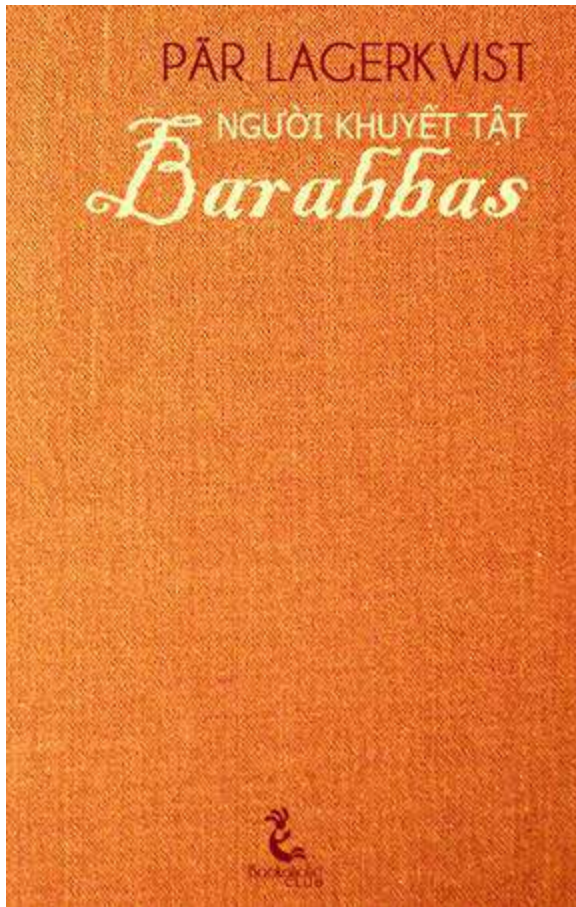


PÄR LAGERKVIST

NGƯỜI KHUYẾT TẬT

# *Barabbas*



# NGƯỜI KHUYẾT TẬT BARABBAS

Pär Lagerkvist

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **NGƯỜI KHUYẾT TẬT – BARABBAS**

Tác giả: **Pär Lagerkvist**

Nguyên tác: *Dvärgen – Barabbas*

Dịch giả: Nguyễn Thái Hà & Dương Cẩm

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn

Năm xuất bản: 2001

Số trang: 456

Khổ sách: 13 x 19 cm

Đánh máy: Minh Khuê, Lan Anh, Bảo Khanh, Trần Thị Thùy Linh, Thanh Thảo, Nguyễn Thị Thương, Quan Trường, Khánh Dư, Duyên, Cường

Soát lỗi: Duyên, Đức Nguyễn

Chế bản ebook: Hồng Sơn

Ngày thực hiện: 29/09/2012

Making Ebook Project #276 - [www.BookaholicClub.com](http://www.BookaholicClub.com)

Bạn đang đọc ebook **NGƯỜI KHUYẾT TẬT – BARABBAS** của tác giả **Pär Lagerkvist** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook** (Making Ebook Project).

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

**Making Ebook Project** của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

**Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.**

CUỐN SÁCH ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG KHUÔN KHỔ  
QUỸ GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT NAM – THUY ĐIỀN DO SIDA  
TÀI TRỢ

**PÄR LAGERKVIST**

**Giải thưởng Nobel**

# MỤC LỤC

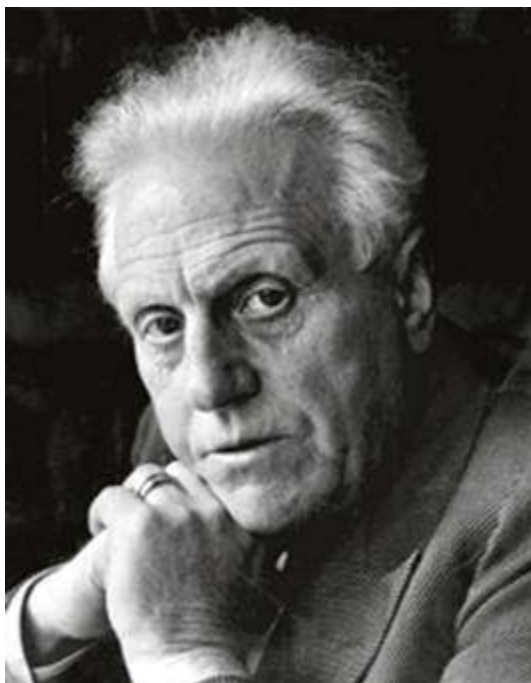
GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

NGƯỜI KHUYẾT TẬT

BARABBAS

## GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch Thụy Điển **Pär Lagerkvist** là con một công nhân đường sắt, học ngữ văn và lịch sử nghệ thuật, yêu thích văn chương và có định hướng trở thành nhà văn ngay từ thời niên thiếu, năm 1912 bắt đầu in thơ và truyện, viết báo và phê bình sân khấu. Do ảnh hưởng Thế chiến I nên các sáng tác thời kỳ đầu của **P. Lagerkvist** phản ánh tâm trạng lo âu, hoang mang, cô đơn và bất lực của con người trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa (*Nỗi buồn*, 1916). Năm 1925, ông cho ra đời cuốn tự truyện *Người khách của thực tế* mang quan điểm nhân đạo, có tính chiến đấu, được viết bằng ngôn ngữ giản dị nhưng mang tính nghệ thuật rất cao. Năm 1940, ông được bầu vào Viện Hàn lâm Thụy Điển. Tiểu thuyết *Barabbas* (1950) là đỉnh cao sáng tác của **P. Lagerkvist**, kể lại cốt truyện của Kinh Phúc Âm một cách chân thực và đầy sức thuyết phục, ngay lập tức được dịch sang chín thứ tiếng, được dựng thành phim. Năm sau, nhà văn nhận giải Nobel vì những tác phẩm mang sức mạnh nghệ thuật và những tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi muôn đời vẫn đứng trước loài người. Tiểu thuyết *Barabbas* là tuyệt tác của **P. Lagerkvist** về nỗ lực của con người tìm kiếm

đức tin, đề cập đến những vấn đề cấp thiết nhất của tồn tại con người một cách hết sức xác thực và dũng cảm.



# GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

*Barabbas* (1950) là một tiểu thuyết của văn hào Pär Lagerkvist, người đoạt Giải Nobel Văn chương năm 1951. Tác phẩm thuật lại câu chuyện về cuộc đời của Barabbas, người mà Thánh Kinh cho biết đã được tha thay vì Chúa Giê-xu. Barabbas đã dùng suốt cuộc đời còn lại của mình để tìm hiểu lý do vì sao mình được chọn để sống.

Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên đồi Golgotha. Bên lề đám đông, Barabbas đứng đó. Vốn là một người bạo lực, sống ngoài vòng luật pháp và nổi loạn, Barabbas không thể nào có chút kính trọng với một người không biết phản kháng, dầu người đó đã chết thay chỗ của mình. Barabbas cũng hoài nghi về thân tánh của Chúa Giê-xu. Dầu vậy, ông cũng bị lôi cuốn về sự hy sinh của Chúa. Ông tìm gặp nhiều môn đệ khác nhau của Chúa để tìm hiểu. Tuy nhiên, những quan điểm tôn cao Chúa của họ không phù hợp với sự quan sát cụ thể của ông về Chúa. Quan trọng hơn nữa, vì Barabbas chưa bao giờ kinh nghiệm được tình yêu - vốn là nền tảng của niềm tin Cơ-đốc - nên Barabbas thấy rằng ông không thể nào hiểu được tình yêu, và do đó không thể nào hiểu được đức tin Cơ-đốc. Barabbas nói rằng ông “muốn tin”, nhưng đối với Barabbas, hiểu biết là điều kiện tiên quyết để tin, do đó ông không thể tin.

Sau nhiều thử thách gian truân, cuối cùng Barabbas đến Rome, nơi ông hiểu lầm cuộc hỏa hoạn tại Rome là khởi đầu của Thiên Đàng mới, do đó ông hăng hái giúp đám cháy lan rộng. Kết quả, ông bị bắt và bị đóng đinh cùng với những Cơ-đốc nhân khác như là những người tử đạo về một đức tin mà ông vẫn chưa hiểu.

# NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Tầm vóc của tôi cũng được với chiều cao 26 tấc Anh, khổ người tôi cân đối, duy có cái đầu hơi to. Tóc không đen như mọi người khác mà có màu hung hung, tóc rất cứng và rất rậm được chải lật về đằng sau để lộ vầng trán rộng tuy không cao lắm. Khuôn mặt tôi nhẵn nhụi, song về mọi đặc điểm khác thì giống hệt những người đàn ông trên thế gian này. Hai hàng lông mày mọc sát với nhau. Tôi rất khỏe, đặc biệt là khi tôi nổi giận. Khi người ta tổ chức cuộc tỉ thí giữa tôi và Iosaphat thì chỉ sau hai mươi phút tôi đã vật ngã anh chàng phoi bụng và bóp nghẹt thở đối thủ. Từ đó tôi là người lùn duy nhất tại cung đình này.

Phần lớn người lùn là những anh hề. Công việc của họ là kể những chuyện tiểu lâm và làm trò để tiêu khiển cho các quý ông quý bà và khách khứa. Tôi chưa bao giờ hạ mình đến thế. Vả lại, chưa có ai lại ngỏ lời đưa ra những đề nghị tương tự như vậy với tôi cả. Về ngoài cửa tôi đã không cho phép sử dụng tôi cho một vai trò như thế. Bộ dạng nơi tôi không phù hợp cho những điệu bộ buồn cười vui nhộn. Tôi chẳng cười bao giờ.

Tôi không phải một anh hề. Tôi là một người lùn và chỉ là một người lùn và chỉ là một người lùn mà thôi.

Thế nhưng tôi có một ngôn ngữ sắc sảo, một thứ mà có thể làm cho ai đó trong số mọi người xung quanh thấy vui vẻ. Nhưng điều ấy hoàn toàn không phải là yếu tố khiến tôi trở thành một anh hề của họ.

Tôi đã nói rằng khuôn mặt tôi y hệt mặt của mọi người đàn ông khác. Điều đó không hoàn toàn đúng vì mặt tôi nhẵn nhó, đầy những nếp nhăn. Tôi không coi đó là một nhược điểm. Tôi đã được sinh thành như vậy, và tôi không để tâm nếu mọi người khác được tạo hóa sinh ra khác vậy. Khuôn mặt tôi bộc lộ tôi là con người thế nào mà không hề tô điểm và không hề làm sai lạc hay bóp méo. Có thể khuôn mặt chỉ là một cái mặt nạ, nhưng tôi thích vì mặt tôi không phải là cái mặt nạ như thế.

Vì các nếp nhăn mà tôi nom có vẻ già nua. Tôi không phải người già. Nhưng như tôi nghe nói thì những người của chúng tôi thuộc về một chủng tộc cổ xưa, hơn là những người hiện nay đang cư trú trên trái đất, và bởi thế nên người lùn chúng tôi sinh ra đã như những ông già rồi. Tôi không biết có phải thực thế không, nhưng nếu vậy thì hóa ra quyền là những kẻ đầu tiên trên thế giới này thuộc về chúng tôi. Tôi vui sướng vì tôi không phải dòng giống người khác và theo thể tạng của tôi thì điều đó thật rõ ràng.

Mọi khuôn mặt của những người khác đều hoàn toàn không biểu cảm gì hết, tôi nghĩ vậy.

Các đức ông của tôi rất có thiện cảm với tôi, đặc biệt là ngài quận công, một con người phi thường và hùng mạnh. Một con người có những ý đồ tầm xa và có khả năng hiện thực hóa chúng trong cuộc sống. Một con người hành động, đồng thời là một nhà cầm quyền có học vấn cao biết tìm đủ thời gian cho mọi việc và thích lí giải về những vấn đề khác nhau nhất. Ông khéo léo biết che giấu những ý đồ đích thực của mình trong những câu chuyện đó.

Dường như ông quan tâm tới tất cả mọi điều cùng một lúc - nếu quả thực ông có quan tâm - nhưng có thể những lợi ích của ông phải rất rộng rãi có như thế ông mới là quận công. Tôi có cảm tưởng dường như ông đã đạt được tất thảy mọi điều trên thế gian và nắm được mọi sự, hoặc bất luận thế nào thì ông cũng đang nhằm mục tiêu thực hiện được những lẽ đó. Sẽ không ai phủ nhận rằng con người ông khiến người ta phải vị nể. Ông là người duy nhất mà tôi không coi thường, khinh thị.

Ông là con người rất giả dối.

Tôi hiểu ông chủ của mình khá rõ. Nhưng tôi không thể nói rằng tôi biết ông ta căn kẽ. Đó là một bản chất người phức tạp mà không dễ gì lí giải được. Sẽ là một sai lầm nếu khẳng định rằng ông ẩn chứa trong mình những bí ẩn đặc biệt nào đó, hoàn toàn không phải vậy, nhưng lựa được một chìa khóa để mở, hiểu hết ông tuyệt nhiên không đơn giản. Phải thừa nhận là tôi không hiểu được ông trọn vẹn và tự thân tôi cũng ngạc nhiên không rõ vì sao tôi lại luôn sẵn sàng đi theo ông ta với sự trung thành của loài khuyển như vậy. Nhưng chính ông cũng không thể hiểu được tôi.

Ông không gieo được nơi tôi sự sùng kính như ông đã khiến mọi người khác phải sùng mộ ông như thế. Nhưng tôi thích phục vụ một đức ông biết gây ra sự sùng kính. Ông là một nhà cầm quyền vĩ đại, tôi không thể phủ nhận điều này. Nhưng không ai có thể là vĩ đại dưới con mắt người lùn của mình cả.

Tôi theo ông không rời như một cái bóng.

Lệnh bà phu nhân quận công Teodora phụ thuộc tôi thật nhiều. Tôi giữ điều bí mật của bà trong tâm khảm mình. Không bao giờ, không lần nào tôi lỡ buột ra một lời nào hết. Cho dù tôi có bị tra tấn trên giá căng chân tay và có bị khảo tra bằng những đòn ghê gớm nhất thì tôi cũng không hề hé lộ điều gì hết. Vì sao vậy? Chính tôi cũng không biết. Tôi căm thù bà, tôi mong muốn bà ta chết đi cho rảnh, tôi những mong được thấy bà bị thiêu cháy trong lửa của địa ngục và ngọn lửa thiêu đốt tâm can bỉ ổi của bà ta ra sao. Tôi căm hận cuộc sống phóng đảng của bà, những bức thư tình ái không biết xấu hổ mà bà gửi qua tôi tới các tình nhân của mình, những lời lẽ nồng cháy yêu đương của bà như những hòn than hồng rực thiêu đốt lồng ngực tôi dưới lớp áo trấn thủ. Nhưng tôi sẽ không phản bội bà. Tôi thường xuyên mạo hiểm cuộc đời vì bà.

Khi bà ta gọi tôi vào phòng bà, thăm thì với vẻ tin cậy những dặn dò và đút giấu các bức thư tình trong lớp áo trấn thủ của tôi thì tôi run lên và máu giần giật trong đầu. Nhưng bà không nhận ra điều gì, thậm chí bà ta còn không hề nghĩ tới việc những công cụ bà giao có thể khiến tôi mất mạng. Mạng của tôi chứ không phải của bà! Bà chỉ tỏ vẻ nở một nụ cười khó nhận ra và phái cử tôi đi bất cứ nơi đâu bà ta cần để tôi phải đối mặt với hiểm nguy và mối đe dọa chết người. Bà không cho tôi can dự vào đời sống bí mật của mình. Nhưng bà tin tôi.

Tôi luôn luôn căm ghét các tình nhân của bà, với họ tôi những muốn lao tới và xọc dao vào mình họ để được chiêm ngưỡng dòng máu phọt ra. Đặc biệt tôi căm thù tay quý tộc Riccardo mà bà đã đan díu nhiều năm trời và chưa có ý định chia tay. Ông ta thật đáng tởm.

Đôi khi bà gọi tôi đến mà vẫn nằm trên giường, không ngồi dậy. Bà quận công không còn trẻ trung gì. Khi nằm với tư thế đó thì bộ ngực bà xệ xuống, bà lấy các thứ đồ trang sức ra khỏi cái tráp do gia nhân vừa đặt trước mặt và mân mê chúng. Tôi không hiểu làm sao có thể yêu được bà ta. Nơi bà chẳng có gì để có thể kích thích được ham muốn của đàn ông. Duy chỉ có một điều là khi xưa bà từng là người đẹp.

Bà hỏi tôi nghĩ xem bà nên đeo đồ trang sức nào hôm nay. Bà luôn luôn hỏi tôi về điều ấy. Bà thả các thứ đồ trang sức ấy lọt qua những ngón tay thanh tú của mình và uể oải trườn người dưới tấm chăn lụa dày. Bà là một con điểm. Một con điểm trên giường nệm to và xa hoa của vương triều. Toàn bộ cuộc đời bà chìm ngập trong tình ái. Bà bỏ lọt ái tình qua những ngón tay và nhìn xem nó trôi đi với nụ cười khó nhận thấy nơi bà.

Trong những giây phút ấy bà dễ dàng rơi vào trạng thái u sầu, mà có thể chỉ đơn thuần bà giả vờ mà thôi. Bằng một cử chỉ thần thờ bà ướm cái dây chuyền vàng lên cổ, viên hồng ngọc to tướng lấp lánh giữa hai vàng ngực vẫn rất đẹp của bà, và bà hỏi xem tôi có cho rằng bà nên đeo nó hay không. Chăn nệm thấm đẫm mùi bà, thứ mùi khiến tôi phải buồn nôn; Tôi căm ghét bà, tôi những khát khao được thấy bà bị thiêu đốt trong đám lửa địa ngục. Song tôi đáp rằng theo tôi thì bà không nên chọn nó, thế là bà liếc nhìn tôi vẻ hàm ơn, cứ như tôi đã chia sẻ cùng nỗi khổ buồn của bà và ban tặng bà sự an ủi cho nỗi sầu muộn.

Đôi khi bà gọi tôi là người bạn độc ác của mình. Có một lần bà hỏi liệu tôi có yêu bà hay không.

Ngài quận công có biết điều gì không? Không gì hết? Hay có thể ngài biết tất cả?

Có cảm tưởng rằng hình như ngài không bao giờ nghĩ tới cuộc sống thứ hai bí mật của bà. Vả lại, ai hiểu biết được ngài vì chẳng bao giờ có thể nói được một điều gì chắc chắn về ngài cả. Đối với ngài, bà quận công chỉ tồn tại trong hiện thân của bà lúc ban ngày, bởi lẽ, chính ngài là một sinh thể ban ngày, tất cả mọi sự nơi ngài dường như đều được tỏa sáng, bởi thứ ánh sáng ban ngày rực rỡ. Duy chỉ một điều ngạc nhiên là với tôi, một con người như ngài có thể là điều bí ẩn. Chính con người ngài chứ không phải

ai khác. Có thể do tôi là người lùn của ngài. Tôi xin nhắc lại: Chính ngài cũng không hiểu được tôi. Với tôi thì lệnh bà quận công thật dễ hiểu hơn so với ngài. Tôi hiểu bà vì tôi căm ghét bà. Người mà ta không căm ghét thì ta khó lòng hiểu được, bởi lẽ ta bất lực, ta chẳng có gì để khai mở được con người đó cả.

Ngài đang trong mối quan hệ nào đó với lệnh bà quận công đây? Ngài cũng là tình nhân của bà chẳng? Có thể, ngài là tình nhân đích thực duy nhất của bà? Hay là do cái lẽ ngài chẳng bận lòng với điều mà bà đang lặng lẽ bí mật quan hệ? Nhưng với tôi thì tôi căm phẫn - còn ngài thì chẳng hề hấn gì!

Tôi không đủ sức hiểu được con người điềm tĩnh này. Sự độ lượng làm tôi phát điên và thường xuyên khiến tôi mất tự chủ. Giá như ngài là một con người như tôi.

Nơi cung đình chúng tôi chen chúc đủ loại người lạ lùng nhất và vô tích sự nhất. Những nhà thông thái ngồi hàng giờ với hai tay ôm đầu, dường như bằng đôi mắt già nua, đục lờ của mình có thể theo dõi được những đường chuyển vận của các vì tinh tú vốn được tin rằng đang xác định nên mọi số phận con người. Những kẻ ăn không ngồi rồi và những tên bọm đãi suốt bao đêm rờn ngấm ngợi cho các Lệnh bà của vương triều nghe những dòng thơ nảo nuột, và lúc bình minh người ta thấy những kẻ ấy thông thọt dưới rãnh hào, có lần một người trong số họ bị đâm chết tươi ngay con hào, có một gã khác bị quất roi như tử do đã viết những bài thơ tục tằn về vũ công Morosenli. Những tay họa sĩ có cuộc đời phóng đảng và bôi đầy nhà thờ bằng những hình vẽ thánh tráng lệ. Những tay kiến trúc sư và thợ vẽ giờ được giao nhiệm vụ thiết kế một tháp chuông<sup>[1]</sup> mới tại đại giáo đường. Những nhà chiêm tinh và đám bịp bợm đủ loại nữa. Tất cả đám người vô công rồi nghề này xuất hiện rồi biến đi khi ngài xuất thần nghĩ ra các ý mới, còn một số người được cư ngụ ở đây lâu như thuộc hạ thân tín, tất cả những người này không trừ một ai đều được thụ hưởng lòng mến khách của ngài quận công.

Không hiểu ngài cần đến lũ ăn bám đó để làm gì. Và cũng hoàn toàn không tài nào hiểu nổi làm sao ngài có thể hàng giờ ngồi nghe những câu

chuyện tầm phào ngu độn của lũ họ. Hơn nữa, ngài lại còn có thể suốt giờ đồng hồ nghe những gã thi sĩ, những kẻ cũng chỉ là đám hề mà thôi, mà ở mọi triều đình, các bậc vương giả đều di dưỡng đám thi sĩ như thế. Họ ca ngợi sự thanh khiết và cao cả của tâm hồn con người, những sự kiện vĩ đại và những chiến công anh dũng. Không khí càng thêm nghiêm trang đặc biệt khi họ xu nịnh chủ nhân của mình trong những vần thơ hết sức vớ vẩn. Sự nịnh nọt cần thiết cho con người bởi nếu không thì con người ấy không thể trở thành cái mà anh ta vốn có sứ mạng phải trở thành, điều mà không có được ngay trong thiên nhĩ của chính anh ta. Cả trong hiện tại lẫn trong quá khứ đều có thể tìm được không ít cái đẹp và cái cao thượng vốn có được là nhờ phải trở nên đẹp và cao thượng, tức là những điều đã được các nhà thơ ngợi ca. Họ ca tụng tình yêu trước hết, điều đó là đúng bởi tình yêu lớn lao hơn hết thảy và cần có để người ta hình dung, không phải như nó vốn có ngoài đời thực. Các quý bà lập tức trở nên buồn, ngực họ thổn thức vì hơi thở, các quý ông bắt đầu có cái nhìn siêu thoát, mơ mộng bởi vì tất thảy bọn họ đều hiểu rõ sự thể của tình yêu là thế nào trên thực tế, và như họ biện luận, điều này có nghĩa rằng thực sự thơ đã là cái đẹp rồi. Tôi cũng hiểu rằng, phải có các họa sĩ đang có thể sáng tác cho dân thường bằng nguệch ngoạc diễn hình các thánh để thứ dân có người mà thờ phụng, con người chẳng nghèo kiệt như ăn mày và bản thủ như chính họ; ấy là những điển hình đẹp để các thánh tử vì đạo được ban thưởng nơi thiên đường, bận những bộ xiêm y quý giá và mang vàng hào quang bằng vàng trên đầu để mọi người tin rằng, họ cũng sẽ được ân thưởng khi họ chịu hết cuộc đời trần thế đã được phó thác cho họ. Và những điển hình ấy đã trực quan phô diễn cho đám tiện dân thấy rằng chúa trời của họ bị đóng đinh câu rút, rằng người ta đã đóng đinh người lên thập giá khi người đang gắng sức thực hiện lẽ gì đó trong cuộc đời này, và rằng hóa ra là họ chẳng nên hi vọng gì trên trần thế tội lỗi này. Những gã thợ thủ công thô lậu kiểu đó cần cho bất cứ vị quân vương nào, điều này thật dễ hiểu, song tôi chỉ không tưởng là họ làm gì trong khu lâu đài này. Họ đang xây dựng cho con người ta một chốn nương thân, một ngôi đền, một nhà ngục được sơn màu đẹp để, nơi có thể bước vào, vào bất cứ lúc nào để có được sự an tĩnh trong tâm hồn. Nơi ấy chúa trời của họ đã ở trên cây thập giá từ lâu và thật kiên nhẫn. Tôi đều hiểu tất cả những điều đó bởi lẽ chính tôi cũng là tín đồ Kytô giáo. Cũng được rửa tội theo đức tin như họ vậy. Lễ rửa tội này có một sức mạnh thực sự mặc dầu người ta làm lễ rửa tội cho tôi chỉ là vì đùa cợt: Vào lễ hôn phối của công tước Gonzago lấy lệnh bà Elena, tôi được người ta đưa đi làm lễ

rửa tội tại bình lễ của cung đình tựa hồ tôi là con đầu lòng của họ vậy, điều đó giống như một cô dâu để đứng vào ngày cưới, và tất cả mọi người rất ngạc nhiên. Tôi nhiều lần được nghe nói người ta kể về chuyện đó cứ như về một điều lí thú kì dị, và lại sự việc đã xảy ra như vậy, bản thân tôi có thể khẳng định điều này bởi vì tôi tròn mười tám tuổi khi điều đó xảy ra, tức là lúc ngài quận công đã dùng tôi để cho họ mượn nhân buổi lễ ấy.

Nhưng tôi thực sự không hiểu lẽ làm sao có thể suốt hàng giờ đằng đẳng cứ ngồi và nghe những kẻ luận giải về ý nghĩa của cuộc đời. Nghe những triết gia cùng những biện giải cao siêu về sự sống cái chết, về những vấn đề vô cùng đa dạng và vĩnh hằng, đủ thứ bịa đặt tinh quái về đức hạnh, danh dự và tinh thần hiệp sĩ. Nghe những kẻ vốn tưởng tượng dường như thấu hiểu lẽ gì đó về những vì sao, những kẻ vốn nghĩ rằng có tồn tại mối liên hệ nào đó nhất định giữa các thiên thể và những số phận con người. Họ đã báng bổ thánh thần, mặc dầu tôi không biết, và chẳng cũng chẳng muốn biết sự báng bổ của họ chính là điều gì. Họ là những chàng hề, mặc dầu chính họ cũng không hề nghi gì về điều ấy, hơn nữa, chẳng có ai nghi ngờ gì hết, không ai cười nhạo họ, những chuyện bịa đặt của họ không làm tiêu khiển được ai cả. Tại sao người ta lại lưu giữ họ trong cung đình thì chẳng ai biết cả. Nhưng nghĩ quận công vẫn nghe họ nói, dường như nơi những lời của họ tiềm ẩn một ý nghĩa gì đó, ông ngồi và vân vê chòm râu với vẻ trầm ngâm và sai tôi rót rượu cho họ vào những chiếc cốc bạc giống hệt như chiếc cốc của ông đang uống. Duy thỉnh thoảng họ cười nếu có ai đó đặt tôi ngồi lên gối của ông ta để tôi dễ bề rót rượu cho họ.

Ai có thể biết được lẽ gì đó về các vì sao? Ai có khả năng lí giải được những lẽ huyền bí của chúng? Chẳng lẽ lại là những kẻ rồi rỗi vô công rồi nghề này chẳng? Họ tưởng tượng cứ như có thể hầu chuyện với Vũ trụ và sung sướng vì nhận được những câu trả lời thông thái. Họ giở tung những tấm bản đồ của họ vẽ bầu trời sao và đọc bầu trời như đọc sách vậy, chỉ có điều là quyển sách ấy là do chính họ viết và các vì sao chuyển vận theo những con đường bí ẩn của chính họ, thậm chí họ chẳng hề hề nghi về những gì đã được nói lên nơi quyển sách ấy.

Tôi cũng đọc những điều viết trong sách Bóng Đêm. Nhưng tôi không định luận giải ý nghĩa. Tôi chỉ phân biệt chữ nghĩa, nhưng tôi hiểu những



chữ nghĩa ấy, không thể lí giải được và suy nghĩ ấy chính là lẽ thông thái của tôi.

Họ ngồi suốt đêm thâu trong tòa tháp, tòa tháp tây của lâu đài, với đủ loại ống nhòm và máy đo góc, rồi họ tưởng tượng như đang giao tiếp với vũ trụ. Còn tôi ngồi trong tòa tháp đối diện nơi có các phòng dành cho người lùn, và là nơi tôi sống một mình. Trần nhà thấp, tuy nhiên lại hợp với chúng tôi, còn các ô cửa sổ thì bé như lỗ châu mai. Trước đây đã có rất nhiều người lùn sống ở tòa tháp này, họ được tập trung từ mọi nơi, từ những xứ sở xa xôi, từ tận quốc gia của người Môơ; đó là những quà tặng của các vị quận công, các vị giáo hoàng và các vị hồng y giáo chủ, hay họ là một món hàng sống, mà trường hợp như vậy không phải là hiếm. Nhưng người lùn chúng tôi không có nơi chôn nhau cắt rốn, không có cha lẫn mẹ, chúng tôi đến thế giới này một cách bí mật vì được sinh ra từ những người lạ, bất kì ở nơi đâu, cho dù là gốc gác từ ai đi chăng nữa, có thể chúng tôi được ra đời trong những gia đình nghèo kiết nhất, song giống người lùn chúng tôi không hề tuyệt chủng. Khi những bậc cha mẹ ngẫu nhiên của chúng tôi phát hiện rằng họ đã cho ra đời một sinh thể thuộc loài người lùn thì họ bán chúng tôi cho các đức ông đầy quyền lực để chúng tôi giải trí cho họ bằng sự quái dị của mình và làm các anh hề cho họ. Điều đó cũng đã xảy ra với tôi. Tôi đã bị mẹ tôi bán đi, bà đã chối bỏ tôi với vẻ ghê tởm sau khi thấy bà đã sinh hạ một thứ gì bà không thể ngờ được rằng tôi là hậu duệ của một loài giống xa xưa nhất. Bán tôi đi bà nhận được hai mươi escudo và bà dùng số tiền đó mua được số vải đủ may cho mình một chiếc áo váy và một con chó đực canh giữ đàn cừu của bà.

Tôi ngồi bên cạnh ô cửa sổ bé lùn và nhìn vào bóng đêm về thăm dò như những nhà chiêm tinh khảo cứu sao trời kia. Tôi không cần ống nhòm, với tôi thì cũng đủ sáng suốt và rõ ràng mà chẳng cần đến phương tiện nào. Tôi cũng đang đọc mọi sự trong Quyền Sách Bóng Đêm.

Có một lời giải thích rất đơn giản cho thấy vì sao ngài quận công lại quan tâm đến thế tới các nhà bác học, các nhà họa sĩ, các nhà triết học, các nhà chiêm tinh. Ông muốn cung đình của mình nổi danh khắp thế giới, còn chính ông sẽ xứng đáng được hưởng vinh dự và sự thừa nhận của mọi người. Ấy là một ham muốn hoàn toàn dễ giải thích: như tôi biết thì tất cả mọi người đều hết sức nỗ lực vươn đạt tới điều đó.

Tôi biết ông ta rất rõ và hoàn toàn đồng ý với ông.

Viên tư lệnh<sup>[2]</sup> Boccaroza đã vào thành và hạ trại cùng tùy tùng ở lâu đài Greran đi vốn đã bị trống rỗng kể từ thời gia đình này bị xua đuổi. Ông ta tới thăm ngài quận công trong vài giờ không ai được phép có mặt trong cuộc viếng thăm đó.

Đó là một viên tư lệnh vĩ đại và vinh quang.

Mọi công việc tại công trường xây dựng tháp chuông đã bắt đầu, chúng tôi đã có mặt ở đó và theo dõi công tác tiến triển ra sao. Tòa tháp chuông sẽ cao hơn hẳn vòm nhà thờ, khi những chiếc chuông được đánh lên thì tiếng chuông sẽ vang vọng như từ vòm trời xuống. Một ý tưởng tuyệt vời, nó đích thực xứng đáng được gọi là một ý tưởng. Những chiếc chuông này sẽ cao hơn tất cả mọi chiếc chuông khác ở nước Ý.

Ngài quận công rất mê say với công trình xây dựng mới, điều này cũng dễ hiểu thôi. Ông đã xem xét lại tại công trường những bản phác thảo và rất mãn nguyện với những bức phù điêu mô tả những cảnh đời của chúa trời bị đóng đinh thập giá mà lúc này được trang trí cho phần bệ của tháp chuông. Tuy vậy công việc hiện thời chưa tiến xa hơn thế.

Có thể người ta sẽ chẳng bao giờ kết thúc việc xây dựng ngọn tháp chuông này. Nhiều công trình do ngài quận công của tôi đề xướng đã không bao giờ kết thúc. Đó là những phế tích đẹp đẽ của những ý đồ vĩ đại. Những đài kỷ niệm người tạo nên ý đồ, tôi không bao giờ phủ nhận điều cho rằng ông là một nhà cầm quyền vĩ đại. Mọi người đều ngược nhìn lên, nhìn ông, chẳng ai nhận ra tôi cả. Nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì hết. Họ cung kính chào ông dường như ông là một sinh thể cao cấp hơn họ, nhưng chỉ là do tất cả họ là một bầy nô lệ, hèn nhát chứ tuyệt không phải họ thực sự yêu mến hay kính trọng ông như ngài quận công vẫn nghĩ. Tôi chỉ cần xuất hiện một mình trong thành thì người ta lập tức nhận ra tôi và hò hét sau tôi đủ những lời cay độc: “ấy kia gã lùn anh dũng! Đá cho gã một cái - đá cả ông chủ của gã nữa nhé!”. Dĩ nhiên họ không dám thực sự làm điều đó, tuy nhiên họ ném vào tôi, từ phía sau, nào là những con chuột chết và đủ loại

thối tha lấy từ thùng rác. Khi tôi nổi giận và rút gương ra thì cười sằng sặc trêu chọc tôi: “Ôi chao, ông lớn của bọn ta hùng mạnh làm sao!” - họ kêu, họ gào như vậy. Tôi không thể tự vệ được vì thứ vũ khí của chúng tôi khác của họ. Tôi buộc phải thoát thân bằng chạy trốn, cả người từ đầu đến chân lấm bê bết đủ thứ rác rưởi.

Người lùn luôn luôn biết về mọi lẽ nhiều hơn ông chủ của mình.

Phải thừa nhận rằng tôi tuyệt không phản đối việc chịu đựng thay cho ngài quận công của mình. Cuối cùng, sẽ là thừa nếu chứng minh rằng tôi là một phần của ông chủ và trong nhiều trường hợp, tôi đại diện cho tư cách cao cả của riêng ông. Đám dân đen dốt nát và nhiều quần thần hiểu rằng, người lùn của ông chủ về thực chất là chính ông ta như tòa lâu đài với những ngọn tháp, đó chính là ông ta, như triều đình với mọi sự xa hoa, tráng lệ, là chính ông ta, với tên đao phủ chặt đầu người trên quảng trường, với ngân khố đầy vàng bạc châu báu, với viên giám hộ trưởng phân phát bánh mì cho dân nghèo vào thời buổi đói kém - tất cả những hình tượng ấy là chính ông ta... Người ta cảm nhận thấy tôi như sự đại diện cho một quyền lực lớn đến thế nào. Và tôi luôn luôn nếm trải sự thỏa mãn khi nhận thấy người ta căm thù tôi.

Tôi cố gắng phục sức cùng loại vải, cùng kiểu may như ngài quận công. Khi ông may quần áo thì những phần vải còn thừa được dùng cho tôi. Tôi luôn đeo thanh gươm bên đùi như ngài quận công, duy thanh gươm đó ngắn hơn. Nếu chăm chú nhìn thì thấy bộ điệu nơi tôi cũng kiêu hãnh như ông ta.

Nói chung tôi rất giống ngài quận công, chỉ có điều thấp hơn rất nhiều. Nếu nhìn tôi qua kính viễn vọng như những anh hề ở tháp phía tây dõi nhìn theo những vì sao, có thể nghĩ rằng tôi chính là ngài.

Có sự khác biệt lớn giữa trẻ con và người lùn. Họ có tầm vóc như nhau nên người ta nghĩ rằng họ giống nhau. Còn thực tế họ chẳng giống nhau chút nào. Người ta hay bắt người lùn chơi với trẻ con mà không hiểu rằng người lùn hoàn toàn trái ngược với chúng, rằng lúc sinh ra họ đã là những người già. Lúc nhỏ, như tôi được biết, người lùn không bao giờ chơi. Mà họ chơi để làm gì khi khuôn mặt già nua nhăn nheo của họ chẳng hợp với tuổi

thor chút nào. Nếu bắt chúng tôi chơi thực sự là sự xúc phạm. Tuy nhiên người ta không bao giờ hiểu ra điều đó.

Các quý ngài không bao giờ bắt tôi chơi với quý cô Angelica. Nhưng cô lại bắt tôi chơi. Tôi không muốn nói rằng cô làm điều ấy vì có ác ý gì. Nhưng khi hồi tưởng lại thời đó, đặc biệt những năm đầu tuổi thơ của cô, tôi bắt đầu cảm thấy rằng người ta cố ý đả đọa tôi bằng sự ác độc tinh vi nào đó. Đứa trẻ có đôi mắt xanh tròn, chiếc miệng nũng nịu làm người khác rất thích thú nhưng lại làm tôi khổ sở hơn bất cứ người nào trong đám tôi tớ. Chẳng ngày nào thoát được, từ sáng sớm nó đã đánh trên lưng tôi (lúc đó nó chỉ mới biết đi) y hệt con mèo tha con chuột. “Anh lùn, có muốn chơi với bọn em không?”. Tôi trả lời: “Tôi không thể. Tôi có những việc trọng đại hơn. Hôm nay tôi chẳng có lúc nào để chơi cả!” - Thế hôm nay anh sẽ làm gì?” - cô bé đáp ngay. “Bé con không thể hiểu được”, - tôi trả lời. “Nhưng anh phải ra ngoài, không nên ngủ cả ngày! Em dậy từ lâu từ lâu rồi” Và tôi đành đi với nó, không dám từ chối vì sợ ông bà chủ mặc dù trong lòng tức sôi lên. Nó nắm tay tôi cứ như tôi là bạn của nó. Một thói quen ngu ngốc! Tôi không thể chịu được bàn tay nhóp nhép của trẻ con. Tôi tức giận xiết chặt ngón tay, nhưng con bé vẫn bám nhằng nhẵng, kéo tôi đi khắp nơi, luyên thuyên luôn miệng. Nó dẫn tôi đến chỗ những con búp bê để cho ăn và trang điểm cho chúng, đến cả chỗ những con chó chưa mở mắt còn đang ngơ ngậy trong chuồng ở vườn hồng. Như các ngài thấy đấy, dứt khoát chúng tôi phải chơi với con mèo con, con bé thích chọc quấy tất cả những con vật, nhưng không phải những con lớn mà thích quấy quả tất cả những con vật nhỏ. Con bé có thể chơi mãi với mèo con và cho rằng tôi cũng thế. Con bé nghĩ tôi cũng là đứa trẻ, mà trẻ con thì cái gì cũng thích. Còn tôi thì thế đấy! Tôi chẳng vui thú cái gì!

Quả thật, đôi khi nó cũng sáng ý bỗng dưng nhận thấy tôi bị khổ sở và bực bội. Nó ngạc nhiên nhìn tôi, nhìn vào khuôn mặt nhăn nhoe già nua của tôi: “Tại sao anh không thích chơi?” và không nhận được lời đáp lại nào từ đôi môi mím chặt, từ đôi mắt lạnh lùng dạn dày kinh nghiệm từ hàng ngàn năm của tôi. Nó nhìn tôi một cách mới mẻ, sợ sệt trong khái niệm con trẻ thơ ngây và ngừng nói một lúc.

Trò chơi là cái gì? Một sự bát nháo vô ích, vờ vịt... chẳng với cái gì. Người ta coi chúng không phải đúng như sự hiện hữu của chúng mà là một

cái gì rất không nghiêm túc. Các nhà chiêm tinh đùa cợt với các ngôi sao, quận công cợt nhả với các công trình, với các nhà thờ, những bức phù điêu và những tháp chuông. Angelica chơi trò búp bê - Tất cả đều đùa cợt, đều vờ vịt. Mình tôi khinh bỉ sự vờ vịt ấy. Mình tôi sống nghiêm túc.

Một hôm tôi lặng lẽ đến chỗ con bé nằm cạnh con mèo, dùng dao găm đâm vào đầu con mèo. Rồi tôi quăng con mèo qua cửa sổ vào đồng rác. Tôi điên khùng đến nỗi hầu như không nhận ra mình đang làm gì. Nghĩa là tôi có ý thức rất rõ về việc mình làm. Tôi chuẩn bị thực hiện kế hoạch đã chín muồi từ lâu trong những giờ chơi những trò gớm ghiếc ở vườn hồng. Con bé không thể nào yên khi thấy con mèo biến mất; Còn khi mọi người nói có lẽ nó chết rồi, con bé lên cơn sốt cao và ốm lâu đến nỗi tôi không gặp được nó nữa. Cuối cùng lúc nó bình phục có lẽ tôi phải nghe một câu chuyện buồn vô cùng về thân phận của con vật yêu quý, về sự biến mất khó hiểu của nó. Tất nhiên chẳng ai vô đầu, bứt tai về chuyện con mèo biến đâu mất. Nhưng cả triều đình sợ chết khiếp vì trên cổ con bé có những vết máu mà theo nhiều người có thể là điềm gở. Người ta thường thích thú tìm kiếm tất cả các điềm báo.

Tôi chẳng lúc nào được yên sống những năm tháng thơ ấu của cô bé nếu trò chơi không biến đổi cùng thời gian. Con bé lúc nào cũng quấy nhiễu, làm tôi phát ngán với những bí mật và sự thân thiện của nó, mà tôi đâu có cần những thứ ấy. Đôi khi tôi nghĩ có thể lí giải việc con bé quẩn quýt tôi cũng giống như quẩn quýt những con mèo con, chó con, vịt con, và với tất cả những gì bé nhỏ khác. Cũng có thể con bé không thể hòa hợp được với thế giới của những người lớn tuổi, có thể còn sợ sệt hay hoảng sợ một cái gì đấy. Nhưng việc đó có liên quan gì đến tôi? Con bé cảm thấy đơn côi thì tôi còn có thể giúp nó được một cái gì. Đẳng này nó đeo đẳng tôi và không thể dứt ra được kể cả lúc chẳng còn bé bỏng gì. Cô vẫn cứ chơi, tất cả mọi người đều chơi khi bà quận công chẳng còn bận tâm đến cô nữa vì cô chẳng còn là búp bê của bà; quận công hiển nhiên có đầy những mối quan tâm khác. Cũng có thể vì lí do khác mà chẳng bận tâm đến. Nhưng đến đây tôi đành nín lặng.

Chừng mười, mười hai tuổi cô bắt đầu ít nói, tự thu mình lại và cuối cùng tôi được giải thoát khỏi cô. Từ đó, ơn trời, cô để tôi yên và cô sống

theo ý của mình. Nhưng đôi khi đến giờ tôi vẫn giận sôi lên, nhớ lại tôi đã phải chịu đựng cô đến chừng nào.

Giờ thì cô hoàn toàn là một thiếu nữ, cô tròn mười lăm tuổi và sắp tới có lẽ người ta sẽ nhìn cô như nhìn một quý bà. Nhưng tới giờ cô cũng còn rất trẻ con và xử sự hoàn toàn chẳng giống một tiểu thư khuê các. Chẳng rõ ai là cha của cô, dĩ nhiên cũng có thể là ngài quận công, nhưng không loại trừ cô mang dòng máu pha tạp. Và khi đó mọi người hoàn toàn chẳng cần cư xử với cô như tiểu thư con nhà quận công. Một số người nói cô rất đẹp. Còn tôi chẳng thấy có nét nào đẹp trên khuôn mặt rất đỗi trẻ thơ với chiếc miệng hé mở và đôi mắt to tròn chẳng chút lạnh lợi.

Tình yêu đã chết. Và khi chết thì bắt đầu phân hủy, thối rữa và cũng có thể hình thành mầm mống cho một mối tình mới. Nhưng mối tình đã chết đó thực chất vẫn còn duy trì sự tồn tại vô hình trong con người ta. Tình yêu không biết đến cái chết.

Phu nhân quận công đến với niềm tin ấy. Theo như tôi hiểu bằng chính kinh nghiệm của mình và bà đắp xây hạnh phúc bằng chính niềm tin đó. Chẳng có gì nghi ngại rằng bà hạnh phúc. Bằng cách của mình bà đã làm cho tất cả những người khác cũng hạnh phúc. Và hiện tại con người hạnh phúc là ngài Riccardo.

Có thể ngài quận công cũng hạnh phúc lắm chứ! Ngài hạnh phúc vì những cảm xúc ngài đẩy lên trong lòng phu nhân vẫn còn sống động trong sự tưởng tượng của ngài. Ngài giả bộ như vẫn còn tình yêu. Cả hai đều đóng kịch.

Ngày trước phu nhân quận công đã từng có người tình, người mà bà đã tra khảo vì đã thay lòng đổi dạ. Bà sắp xếp mọi việc để quận công không ngờ vực gì khi xét hỏi người tình của bà những tội lỗi mà người ấy chẳng bao giờ nghĩ đến là có thể làm. Chỉ có duy nhất tôi hiểu toàn bộ sự thật. Và tôi có mặt trong tất cả các cuộc tra hỏi để sau đó kể lại cho bà việc người tình của bà chịu đựng thế nào. Ông ta xử sự chẳng quân tử chút nào, hệt như tất cả những người tầm thường khác.

Cũng có thể ông ta là cha cô bé. Ai mà biết được.

Cũng chẳng loại trừ có khi là ngài quận công. Quận công phu nhân ra sức phỉnh nịnh rằng tình yêu của họ sống lâu hơn cả mùa xuân. Đêm đêm bà ôm ấp ông, dâng hiến ông thứ tình cảm giả dối, thèm khát cháy lòng người tình cũ. Bà ve vuốt chồng như tìm thấy gã tình nhân bị tra khảo. Và ngài quận công cũng âu yếm lại như những ngày đầu hương lửa cháy nồng của họ. Tình yêu đã chết được sống lại một cách diệu kì.

Thứ bảy hàng tuần cha tinh thần của quận công phu nhân đến vào giờ định trước. Trước khi người đến phu nhân đã dậy mặc quần áo, chải đầu và khoảng hai tiếng quý trước tượng chúa bị đóng đinh câu rút. Bà đã sẵn sàng cho buổi xưng tội.

Bà chẳng có gì để thú tội. Bà không lừa dối, không làm trái lương tâm. Ngược lại, tự đáy lòng mình bà nói rất chân thành. Bà không biết đến tội lỗi. Bà chẳng thấy có hành động nào xấu xa sau lưng bà. Chẳng lẽ lại bực bội khi cô hầu gái ghim tóc không khéo. Bà thật trong sạch như một trang giấy trắng và cha tinh thần mỉm cười, cúi xuống bà như cúi xuống một cô gái đồng trinh.

Sau khi đọc kinh, sau khi nói với tượng chúa, ánh mắt bà trở nên trong sáng, lấp lánh. Chúa trên cây thánh giá sẽ chịu khổ thay cho bà và tâm hồn bà được gột sạch những nhuốc nhơ, khái niệm về tội lỗi cũng mờ dần. Bà cảm thấy mình mạnh mẽ hẳn lên, dường như trẻ ra, đồng thời tràn đầy niềm sùng kính và cuốn hút đến nỗi trông bà với khuôn mặt không hề trang điểm rất hợp với bộ đồ đen. Bà ngồi vào bàn và viết cho người tình về tâm trạng của bà hôm đó. Bức thư thấm thiết tình chị em, chẳng có từ nào về tình yêu hay hò hẹn. Với tâm trạng đó bà không thể chịu được những lời bóng gió dù chỉ thoảng qua về sự trắng gió của mình. Tôi mang thứ ấy cho người tình của bà.

Chẳng nghi ngại gì rằng bà là con chiên ngoan đạo thực sự. Tín ngưỡng đối với bà là một cái gì đó vô cùng hệ trọng. Bà cần tín ngưỡng và bà cũng lạm dụng điều đó. Tín ngưỡng - đó là một phần trái tim bà, một phần linh hồn bà.

Ngài quận công có phải là người mộ đạo không? Thật khó nói. Xét một góc độ nào đó, tất nhiên, là có bởi vì ngài hài hòa mọi thứ và có mọi thứ. Tất cả cái đó có thể gọi là tín ngưỡng không? Ngài thích trên đời có cái gọi là tín ngưỡng. Ngài thích nghe nói về nó, nghe những cuộc tranh luận thần học đầy lí thú. Chẳng lẽ những cái gì đó rất ngược lại xa lạ với người? Ngài rất thích tranh thánh trong cung đình và tranh Đức mẹ của những họa sĩ nổi tiếng, cả những điện thờ uy nghi do chính ngài xây dựng. Tôi chẳng biết có nên gọi đó là tín ngưỡng không? Nhưng có thể lắm chứ. Nếu như nói về ngài như nói về một quốc vương thì hiển nhiên ngài là người trung thành với tôn giáo. So với đức tin ngài chẳng kém phần chân thực. Ngài thấu hiểu nhu cầu tín ngưỡng của dân chúng, thừa hiểu cần phải đáp ứng khát vọng đó và cánh cửa nhà ngài luôn rộng mở cho tất cả những ai muốn thỏa mãn ước muốn này. Tổng giám mục và các cha cố tập nập lui tới nhà ngài. Nhưng ngài có phải là người mộ đạo hay không - đó là một chuyện khác. Đến đây tôi lại lặng im. Song về phần phụ nhân, tôi nhắc lại, chẳng hề phải nghi ngờ - dĩ nhiên bà thực sự là người mộ đạo.

Cũng có thể cả hai đều sùng đạo, mỗi người theo một cách riêng.

Nói chung, thế nào là tín ngưỡng? Tôi suy nghĩ rất nhiều, nhưng thật vô ích.

Tôi đặc biệt suy nghĩ nhiều về tín ngưỡng vào dịp lễ hội hóa trang vài năm trước. Tôi được cất cử hầu Đức hồng y rửa tội ở cung đình cho tất cả những người lùn được quốc vương mang đến với đầy đủ lệ bộ.

Chúng tôi tụ tập quanh bàn thờ nhỏ ở một trong những phòng của cung điện. Xung quanh chúng tôi là những vị khách nhếch mép cười mai mỉa, tất cả những hiệp sĩ, những quý ông, quý bà, những người hói đầu trong bộ quần áo vui nhộn. Tôi nâng cao thánh giá và tất cả bọn người lùn quỳ xuống. “Đây là người cứu khổ cứu nạn của các người, - tôi nói oang oang như sấm, nhìn bọn họ bằng cái nhìn rực lửa, - Đó là người cứu nạn của tất cả người lùn và cả người lùn của quận công Ponti Pilat cũng bị đóng đinh câu rút trên cây thánh giá nhỏ xíu để tất cả mọi người được vui sướng, bằng an”. Tôi cầm chiếc chén và đưa lên trước mặt họ: “Đây là máu của người lùn mà có thể gột sạch mọi tội lỗi và tất cả những hồn ma bóng quỷ đều trở thành trong trắng như tuyết.” Tôi cầm bánh thánh, giơ cho họ xem và cắn



trước mặt họ một miếng rồi chỉ uống một ngụm nước như phong tục vẫn làm đồng thời giải thích cho họ ý nghĩa thiêng liêng thần thánh: “Tôi ăn thân thể dị dạng của người.” Mùi vị của nó đắng như mật vì được đúc kết từ lòng thù hận. Các người hãy nhận lấy và ăn đi! Tôi uống máu của người, và bầu máu ấy được ngọn lửa bất diệt hun đốt. Đường như tôi nếm thử chính dòng máu của mình.

Người cứu rồi linh hồn của tất cả người lùn! Ngọn lửa của người thiêu cháy toàn thế giới!

Và tôi rảy rảy rượu vào những người ngồi quanh. Những đôi mắt xúc động, bọt bọt nhìn chúng tôi.

Tôi không phải là kẻ báng bổ. Họ mới là kẻ báng bổ, không phải tôi. Thế mà quận công ra lệnh cùm tôi vài ngày. Mọi người, ngài nói, muốn vui vẻ, vô tư, còn tôi lại phá hỏng mọi thứ và chủ tâm làm tất cả sợ hãi và tức giận. Chiếc cùm hợp chân tôi không có nên đành phải rèn riêng. Gã thợ rèn cứ lâu bầu nói rằng quá bận bịu vì hình phạt chết tiệt này. Nhưng ngài quận công nói rằng chiếc cùm đó còn có lúc cần đến. Nhưng ngài thả tôi rất sớm, sớm hơn cả hạn định và tôi cảm thấy ngài phạt tôi chỉ để lấy lòng khách mà thôi. Họ vừa đi khỏi là ngài thả tôi ngay. Lúc đầu ngài nhìn tôi một cách e dè, tránh ở lại một mình với tôi. Tôi có cảm giác ngài hơi sợ tôi.

Những người lùn dĩ nhiên chả hiểu tí gì. Họ cứ lảng xảng dáo dác như những con gà, kêu the thé bằng cái giọng hoạn quan đáng ghét. Tôi biết vì sao giọng họ nực cười, còn giọng tôi trầm và khỏe đến thế. Họ là hoạn quan, là nô lệ cả phần xác lẫn phần hồn. Phần lớn họ là những chú hề nhục mạ dòng giống bằng những lời ngu xuẩn điều cốt chính thân thể mình.

Ôi cả một giống người bị nhục mạ. Để khỏi phải thấy họ trước mặt mình, tôi tìm cách sao cho quận công lần lượt bán họ. Cuối cùng còn lại mỗi mình tôi. Tôi sung sướng vì những phòng dành cho người lùn sạch trơn và trống rỗng. Đêm đêm tôi có thể bình yên đắm chìm trong suy tưởng. Tôi cũng vui vì Ioxaphat cũng không còn, rằng tôi không phải thấy bộ mặt già nua tội nghiệp và nghe giọng the thé của ông. Tôi mãn nguyện vì chỉ còn có mình tôi.

Có những khi đành phải căm ghét ngay chính dân tộc mình. Tôi ghét chính đồng bào mình.

Nhưng tôi căm ghét cả bản thân mình. Tôi ăn thân thể đầy mật đắng của mình. Tôi uống dòng máu bị đầu độc của mình. Hàng ngày tôi thầy tu tối cao ghê gớm của giống nòi tôi - làm lễ dâng hiến những điều bí mật thiêng liêng.

Sau sự cố đó quận công phu nhân xử sự rất lạ lùng. Vào buổi sáng tôi được tha bổng bà gọi tôi tới chỗ mình, và khi tôi bước vào phòng ngủ, bà im lặng nhìn tôi đắm chiêu, dò hỏi. Tôi chờ đợi lời quở trách và cũng có thể là một hình phạt mới. Cuối cùng bà thú thực rằng buổi lễ thánh của tôi có ấn tượng rất sâu sắc đối với bà. Buổi lễ này có một điểm gỡ, đáng sợ xáo trộn tất cả tâm can bà. Không hiểu làm sao tôi có thể soi rọi, làm xao động những gì thâm kín nhất của bà.

Tôi chẳng hiểu gì cả. Tôi nhếch mép cười nhân lúc bà nằm trên giường lặng im, hững hờ nhìn tôi bằng cái nhìn trống rỗng.

Bà hỏi tôi bị căng ra như chúa Giê su trên cây thánh giá là như thế nào? Có phải người ta dùng roi quất, làm đau đớn, hành hạ cho đến chết? Và bà nói bà thừa biết chúa Giê su căm ghét bà, chúa phải căm thù lắm sau khi người đã chịu đựng những đòn đau đó vì bà.

Tôi muốn trả lời, còn bà cũng ngừng câu chuyện và nằm im lặng rất lâu, hờ hững nhìn vào khoảng không.

Sau đó bà nhẹ nhàng giơ cánh tay xinh đẹp của bà lên ý nói mọi chuyện hôm nay thế là đủ và gọi người hầu gái mang cho bà bộ vá áo màu đỏ sẫm. Đã tới lúc bà phải dậy.

Suốt ngày hôm ấy tôi không hiểu cái gì đã đến với bà.

Tôi nhận thấy đôi khi tôi làm người ta sợ hãi. Nhưng người ta thực chất lại sợ chính bản thân mình. Họ cho rằng tôi gây ra sự sợ hãi cho họ, còn thực tế trong con người họ còn có một con quỷ lùn, một quái vật hình người, mồm khi đã rúc đầu vào tận góc ngách tâm can họ. Họ sợ vì họ

không biết trong họ còn có một sinh vật khác. Nói chung họ luôn luôn sợ vì đột nhiên bên trong lại có cái gì đó nổi cộm lên từ một cái hố bản thủ của tâm linh, một cái gì đó mà họ chẳng ngờ đến, chẳng liên quan chút xíu nào với cuộc đời thực của họ. Khi mọi việc thuận buồm xuôi gió người ta phớt lờ tất cả, chẳng nổi hiểm nguy nào làm cho người ta sợ hãi. Người ta đi đi lại lại, cao lớn, điềm nhiên và những bộ mặt nhẵn nhụi dường như chẳng thể hiện điều gì. Nhưng trong lòng họ luôn luôn có một cái mà chính họ cũng không nhận thấy. Họ sống cùng một lúc mấy cuộc đời và họ cũng chẳng nghi ngại chút nào về điều đó. Họ nguy trang rất giỏi, có nhiều bộ mặt và khó hiểu.

Chính họ quái dị dù bề ngoài không thể hiện ra.

Tôi luôn luôn chỉ sống một cuộc đời của mình, cuộc đời của anh lùn. Tôi chưa bao giờ cao to và bảnh bao. Tôi luôn luôn là tôi, luôn luôn là người như thế, chỉ sống một cuộc đời. Trong con người tôi không có một người nào khác. Tôi biết rõ tất cả những gì trong lòng tôi, không bao giờ có gì bỗng dưng nổi cuộn lên từ trong sâu thẳm đáy lòng, một cái gì đó ẩn trong bóng tối. Cho nên tôi chưa biết sợ cái gì chưa biết mà mọi người lại khiếp đảm trước những cái bí hiểm và khó hiểu. Với tôi đơn giản điều đó không tồn tại. Trong con người tôi không có cái khác.

Sợ hãi ư? Đó là cái gì? Chắc tôi sẽ phải ném trái nó khi nằm một mình trong bóng đêm và thấy hồn ma Iosaphat tiến lại chỗ tôi mỗi lúc một gần hơn, mặt bệch bạc như thần chết với những vết tím trên cổ và mồm há hốc.

Nhưng tôi không thấy khiếp đảm hay ăn năn, không có lấy một cảm giác dữ dội nào. Với Iosaphat tôi chỉ nghĩ rằng anh ta đã chết, rằng từ đó đến nay tôi còn lại một mình.

Tôi muốn một mình; không muốn ngoài tôi lại có cái gì khác tồn tại. Và tôi hiển nhiên thấy anh ta đã chết. Đây chỉ là hồn ma mà thôi. Đêm đêm tôi hoàn toàn một mình trong bóng tối kể từ khi tôi giết chết anh ta.

Chuyện này chẳng có gì đáng sợ.

Trong cung đình xuất hiện một người đàn ông cao lớn mà quận công rất kính nể, thậm chí còn tôn thờ. Quận công nói đã chờ đợi vị khách này từ lâu và cuối cùng ngài đã hạ cố đến thăm.

Quận công đối xử với ông ta bằng vai phải lứa. Không ai ở chốn cung đình chúng tôi cũng bắt gặp nụ cười của người nói rằng ông ta nổi tiếng ngang hàng với các bậc vương giả. Người khách này ăn mặc quá đơn giản, không hề giống quận công chút nào. Thực chất ông ta là ai? Có gì đáng lưu ý? Tạm thời tôi chưa biết được chắc hẳn điều đó dần dần sẽ rõ. Nghe nói ông tới chỗ chúng tôi rất lâu.

Không thể phủ nhận rằng vị khách này có một cái gì đấy làm người ta kính nể: ông xử sự thoải mái, đúng mực hơn những người khác; trán ông cao và như người ta thích tả, hần những giấu ẩn của trí tuệ. Còn gương mặt có bộ râu bạc viền quanh thực sự toát lên vẻ thanh tao và hoàn mỹ. Ông có vẻ hài hòa trang nhã, phong thái đỉnh đặc, điềm nhiên.

Thật là thú vị nếu được biết những cái quái dị của ông.

Khách quý ngồi cùng bàn ăn trưa với quận công. Họ lúc nào cũng đàm đạo đủ mọi đề tài. Còn tôi phục vụ quý ông (ngài lúc nào cũng muốn chính tôi làm việc đó) không thể không nhận thấy vị khách này là người rất thông thái. Hình như những suy tư luôn xâm chiếm ngài và ngài quan tâm mọi thứ trên đời. Ngài bắt đầu giảng giải bất luận về điều gì. Nhưng khác người ở chỗ không phải lúc nào ngài cũng tin rằng những lời giải thích của ngài là đúng. Ngài lí giải khá khúc triết, cặn kẽ theo ngài nên hiểu cái này, cái kia như thế nào. Cũng có khi ngài im lặng sau đó ngập ngừng nói có thể cái đó không phải thế. Tôi không biết đánh giá việc ấy như thế nào. Cũng có thể cho đó là thông thái nhưng không loại trừ rằng ông nói đơn giản là do không hiểu và thành thử tất cả mớ lí luận tư duy dù cố đẩy lên ấy cũng chẳng đáng giá là bao. Nếu tôi đánh giá đúng năng lực trí tuệ của con người thì cái khả năng sau có phần chắc chắn hơn. Song nhiều người không hiểu rằng sự khiêm khuyết trí năng buộc người ta phải thật khiêm tốn. Có thể ông hiểu điều đó.

Ngài quận công không thấy gì hết. Ngài khát khao nghe vị khách dường như đang uống dòng nước trong vắt chứa đầy am hiểu và anh minh. Ngài

nhìn vào miệng ông ta như cậu học trò ngoan dỗi theo thầy giáo, mặc dù dĩ nhiên, không làm mất đi phẩm giá quận công của mình. Đôi khi ngài còn làm tăng thêm vẻ uy nghi của vị đại sư. Hay thật, cốt lõi của sự quy phục, xu nịnh là gì? Tôi hiểu quý ngài của tôi đến nỗi biết rõ có một căn nguyên nào đấy. Đại sư là người thông thái hay làm ra vẻ không nghe thấy những lời bợ đỡ. Có thể thực sự ông ta khiêm tốn. Nhưng mặt khác thỉnh thoảng ông lại nói rất chắc chắn, cương quyết bảo vệ chính kiến và đưa ra những bằng chứng để chứng tỏ một trí tuệ sáng láng uyên thâm.

Không phải lúc nào ngài cũng ngờ vực. Đại sư nói đều đều bằng một giọng du dương hiếm có rất hay. Ông rất niềm nở với tôi và hình như còn có một chút ưu ái. Tôi không hiểu tại sao. Có lẽ ông có cái gì đó giống quận công, đôi khi tôi cảm thấy thế mặc dù tôi không thể giải thích cặn kẽ cụ thể là gì.

Ông không giả dối.

Con người xa lạ đáng lưu ý này chuẩn bị làm ở nhà thờ Santa Croche, ông sẽ vẽ bức tranh gì đấy trên tường của phòng ăn ở nhà thờ. Nghĩa là vẽ nguệch ngoạc các thánh thần và đại loại như nhiều người ở cung đình này vẫn làm. Điểm đáng lưu ý về ông là thế.

Dĩ nhiên tôi không muốn nói rằng cùng một lúc ông có thể là cái này hay cái khác hay nhất thiết phải đánh đồng ông với các bạn đồng nghiệp thô thiển khác. Phải thấy rằng ông gây nhiều ấn tượng và thật dễ hiểu vì sao quận công lại nghe ông chăm chú hơn chán vạn kẻ khác. Thực tế ông có phải là nhà tiên tri đến nỗi phải há mồm nghe ông nói hay chỉ là một con người tầm thường hàng ngày được ngồi cùng bàn với quận công? Không, điều đó không thể lí giải nổi. Bởi vì nói cho cùng ông cũng chỉ là thợ thủ công và cứ để những gì ông làm, làm bằng chính đôi tay, trí tuệ và sự miễn tiện của mình thuộc về ông. Cái đó nhiều đến nỗi chính ông cũng không biết hết được. Tôi chẳng biết đôi tay của ông thế nào, nhưng chắc chắn ông là người rất khéo léo một khi đã được quận công mời. Còn ý tưởng định làm, như chính ông thú nhận, vẫn chưa được chín muồi: Hẳn nhiên ông là người hay viễn vông mơ tưởng. Bằng trí tuệ sáng láng, ý tưởng phong phú ngài đã xây trên cát một thế giới hư ảo, hoàn toàn chỉ do ngài tạo nên.

Tuy vậy, thật lạ lùng, tôi chẳng có một ý kiến xác đáng nào về ngài. Sao lại thế nhỉ? Thường thường tôi có ngay ấn tượng về bất cứ người nào tôi chạm trán. Hay do ông cao hơn người khác nên nhân cách cũng cao hơn? Bất cứ mối quan hệ nào ông cũng nổi trội hơn. Tôi không biết vì sao tôi lại nghĩ thế, tại sao tôi lại cảm thấy thế? Tôi cũng không biết cái nổi trội của ông là gì, và thực chất ông nổi hơn bao nhiêu. Thử hỏi rằng tại sao ông phải khác biệt với tất cả những người tôi từng gặp.

Tôi tin rằng dù sao đi nữa ngài quận công cũng thẩm định lại nhân cách của đại sư.

Đại sư tên là Bernardo, một cái tên rất đổi bình thường.

Đại sư chẳng có gì hấp dẫn quận công phu nhân. Ông là một lão già. Còn những câu chuyện đàn ông rõ ràng hoàn toàn chẳng có gì lôi cuốn bà. Trong những buổi nói chuyện kì lạ của họ bà im lặng và suy nghĩ về mình. Thậm chí hình như bà còn không nghe thấy người đàn ông đáng kính ấy nói gì.

Thế nhưng quận công phu nhân lại cuốn hút ông quá đổi. Tôi thấy lúc không ai để ý ông hay liếc trộm bà. Càng ngày ông càng trầm ngâm, hiểu kì quan sát khuôn mặt bà dường như muốn khám phá ra điều gì không hiểu bà có gì cuốn hút ông đến thế? Mặt bà chẳng có gì hấp dẫn. Rõ ràng đó là một con đĩ dù bà muốn che giấu bằng vẻ ngoài chất phác dối trá. Chẳng cần quan sát lâu la gì để hiểu được bản chất của bà. Khi đó cái gì cần xem xét, cái gì sẽ thấy trên khuôn mặt đầy tội lỗi kia? Liệu có còn vẻ quyền rũ của khuôn mặt đó không?

Nhưng tất cả mọi thứ trên đời đều lôi cuốn đại sư. Thí dụ, chính mắt tôi trông thấy, ông nhặt một viên đá dưới đất, xoay xoay, chăm chú ngắm nghía rồi bỏ vào túi như một báu vật. Chẳng có gì trên đời là không có sức cuốn hút ông. Phải chăng ông là người sung sướng?

Người sung sướng cũng đáng để ghen tị. Đó là người mà hòn đá cũng thành ngọc quý, mỗi bước đi đều chạm phải báu vật.

Ông tò mò đến mức khó tin. Việc gì ông cũng chen vào. Ông muốn biết tất cả, thích căn vặn bất cứ chuyện gì. Ông vặn hỏi những người làm công về những công cụ, cách thức làm ăn rồi nhận xét này nọ và lại còn khuyên bảo nữa. Những lần đi chơi ngoại ô về ông ôm những bó hoa, ngồi xuống và bắt đầu bút bút cánh hoa để xem đài hoa cấu tạo thế nào. Ông có thể đứng hàng giờ nhìn chim bay dường như sự bay của chim có một cái gì đó kì diệu. Thậm chí cả những chiếc đầu của những kẻ giết người và những tên cướp cầm trên những chiếc cọc trước cửa lâu đài mà mọi người ghê tởm vẫn khiến ông có thể ngắm hàng giờ, xem xét kĩ lưỡng dường như chúng có những bí ẩn diệu kì nào đó và vẽ bằng bút chì bạc vào quyển sổ ghi chép của mình. Vài ngày trước trên quảng trường treo cổ Francesco, ông đứng ngay hàng đầu cùng đám trẻ con để nhìn rõ hơn. Đêm đêm ông lại ngắm sao. Tính hiếu kì của ông bao trùm lên tất cả mọi việc.

Vậy phải chăng ông có mối liên quan đến tất cả mọi thứ?

Tôi phải nhổ vào những nơi ông ta thọc mũi vào. Còn nếu ông ta động vào tôi lần nữa, tôi sẽ dùng dao găm đâm lại. Tôi nhất quyết sẽ làm thế nếu bị đe dọa.

Tối hôm nay khi tôi rót rượu hầu ông ta, ông cầm tay tôi để xem. Tôi bực tức hất ra. Nhưng ngài quận công mỉm cười bảo tôi cho xem tay. Đại sư nhìn rất kĩ, xem từng khớp tay, từng nếp nhăn ở cổ tay và còn định vén ống tay áo lên để xem phía trên. Tôi lại giật tay ra, tức điên người, giận sôi máu. Cả ngài quận công và đại sư cùng cười, còn tôi hần học nhìn họ.

Nếu ông ta còn động tới tôi, tôi sẽ lấy máu ông ta. Tôi không chịu được sự đụng chạm của người khác, không thể chịu được chút nào sự xâm phạm thân thể của tôi.

Có những lời đồn đại kì quái rằng hình như đại sư thuyết phục ngài quận công giao cho ông ta thi thể của Francesco để mổ xẻ và xem bên trong cơ thể cấu tạo thế nào. Điều ấy không thể được. Điều ấy không thể tưởng tượng được. Ngay việc hạ thi thể xuống cũng không được. Vì người ta muốn treo gã lủng lẳng trên dây để dọa dân chúng và răn đe những kẻ độc ác khác. Sao quạ lại không rĩa thịt kẻ vô lại, xấu xa như với những kẻ khác? Tiếc rằng tôi quen biết gã Francesco và hiểu quá rõ người này. Anh

ta xứng với những hình phạt đó lắm. Anh ta đã hét vào tôi những lời thóa mạ trên đường phố. Nếu người ta hạ gã xuống thì hình phạt treo cổ phỏng nghĩa lí gì. Hôm nay tôi nghe thấy chuyện đó. Bây giờ là đêm và tôi chẳng rõ thân người chết còn lủng lẳng ở ngoài kia không?

Tôi không tin quận công lại đồng ý hạ xác xuống. Đó không phải là sự thật.

Nhưng đó là sự thật. Quân đề tiện không còn lủng lẳng trên giá treo cổ nữa và tôi biết rõ nó ở đâu. Tôi đã bắt được quả tang công việc bẩn thỉu của lão già uyên bác đó.

Tôi để ý rằng dưới tầng hầm không phải mọi việc đều bình thường. Cánh cửa bao giờ cũng đóng nay lại mở. Tôi thấy việc đó từ hôm qua, nhưng lại cho là chuyện thường tình. Hôm nay tôi đi kiểm tra xe có chuyện gì xảy ra không và thấy cánh cửa khép hờ như thường lệ. Tôi đi theo hành lang hẹp, đến cửa tiếp theo và nó cũng không đóng. Tôi bước vào, cố không gây một tiếng động nào và tôi đã ở một phòng rộng thênh thang được cửa sổ tường phía nam chiếu sáng và tôi thấy vị đại sư già đang cúi xuống thi thể đã được mổ phanh ra của Franchesco. Lúc đầu tôi không tin vào mắt mình, nhưng đó là Franchesco, hơn nữa lại còn bị phanh ra, thấy hết tất cả cơ quan nội tạng, cả tim, cả phổi y hệt một con vật. Trong đời tôi chưa bao giờ nhìn cái gì ghê tởm hơn. Thậm chí không thể tưởng tượng sự gớm guộc của bộ lòng người. Còn đại sư cúi xuống cổ lòng và chăm chú xem xét, cẩn thận lấy dao cắt cắt cái gì gần quả tim. Ông say mê công việc đến nỗi không biết tôi bước vào phòng, dường như với ông chẳng có gì tồn tại ngoài cái việc ghê tởm ông đang làm. Tôi có thể nhìn ông ta bao nhiêu tùy thích bởi vì ông ta đang ở chỗ sáng đèn, còn tôi đang trong bóng tối. Và ông cũng chẳng để ý gì. Ông phấn chấn như nhà tiên tri đang nói chuyện với Chúa. Tôi thấy vô cùng kinh tởm.

Y hệt các bậc quận công! Quý ông thanh tao, tinh tế biết tận gan ruột của tên tội phạm. Ngài còn xới tìm ở cái thân ma ấy.

Đêm hôm đó họ ngồi gần tới sáng, và chuyện trò mãi, chuyện mãi như trước đây chưa hề được trò chuyện. Họ nồng nhiệt đến phấn chấn thực sự. Họ nói về thiên nhiên, về sự vĩ đại và hào phóng của nó. Có một điều kì



diệu nhất thống, một sự toàn vẹn vĩ đại. Động mạch dẫn máu đi khắp cơ thể giống như con sông dẫn nước đi khắp mặt đất. Phổi để thở như đại dương với con nước thủy triều, khung xương là giá đỡ cho cơ thể như những lớp đá để tựa cho đất còn thân thể - như chính mặt đất vậy. Lửa trong lòng đất giống như cái nóng bỏng của tâm hồn được lấy từ mặt trời, vàng thái dương thiêng liêng, thần thánh đối với những người cổ đại, là ông tổ của các thần linh, cội nguồn, căn nguyên của tất cả sự sống ban phát ánh sáng của mình cho tất cả hành tinh trong vũ trụ. Bởi chính thế giới của chúng tôi - chỉ là một trong hàng ngàn vì sao trong vũ trụ.

Họ bị ám ảnh như ma ám. Và tôi không thể nào cưỡng lại muốn nghe tất cả mọi điều. Càng ngày tôi càng tin chắc rằng ngài đại sư thật sự hân hoan, vui sướng. Ông có thể lắm, sẽ biến quận công thành người như thế. Thật kì lạ, trong tay ông ta, ngài quận công mới dịu dàng, nhu nhược làm sao.

Sao lại có thể tin vào những chuyện bịa đặt như thế? Làm sao có thể tin vào cái nhất quán đó, vào sự hài hòa thần thánh như ông ta thể hiện. Thật khó biết xấu hổ khi dùng những lời lẽ vô nghĩa, to tát và khoa trương đó, kì diệu thay tự nhiên! Tôi nhớ đến nội tạng của Franchesco và suýt nôn mửa.

Hạnh phúc biết bao khi họ kêu lên trong niềm hân hoan phấn khởi được nhìn thấy cả khoang bụng bí ẩn của tự nhiên. Nó vẽ ra trước con mắt hiếu kì của nhà khảo sát biết bao nhiêu cái vô tận. Và nếu đạt được những cái đó, những sức mạnh - bí ẩn của tự nhiên, con người được đề cao bao nhiêu trong sự giàu có và hùng mạnh sau khi bắt chúng phục vụ cho lợi ích của mình. Bản năng và sự nhẫn nhục phải nghiêng mình trước ý chí của đại sư, ngọn lửa sẽ ngoan ngoãn phụng sự ông, được chế ngự trong con thịnh nộ, trái đất sẽ sinh sôi hoa trái gấp trăm lần bởi lẽ ông đã khám phá ra những quy luật của sự tiến triển, những con sông sẽ trở thành những nô lệ bị xích xiềng thuần phục của ông, còn đại dương sẽ đưa những con tàu đi khắp mọi nơi trong khoảng không vũ trụ. Thậm chí ông còn chinh phục cả khí trời bởi lẽ có lần ông đã học được cách bắt chước chim bay, ông giải phóng khỏi trọng lực giống những con chim và sao đôi ngôi trên bầu trời, tự ông bay đến những mục đích của mình mà ý tưởng con người không bao giờ đoán được, không bao giờ có khả năng vươn đến.

Ồi! Sống trên đời mới tuyệt diệu, tuyệt trần làm sao! Biết bao nhiêu cái kì vĩ của đời người không thể hiểu nổi.

Niềm hân hoan của quận công và đại sư là vô tận. Họ giống như những đứa trẻ ao ước đồ chơi, cả một núi đồ chơi mà chính họ cũng chưa biết sẽ làm gì với chúng. Tôi nhìn họ bằng cái nhìn thông thái, khôn ngoan của người lùn. Chẳng có thứ thật nào rung động trên khuôn mặt cũ kĩ, nhiều nếp nhăn của tôi. Những người lùn không giống trẻ con. Và họ không bao giờ chơi bời cả. Tôi nhón chân, rút đầy cốc đã cạn trong lúc hàn huyên.

Họ biết gì về sự cao cả của cuộc đời? Vì sao họ biết được sự cao cả ấy? Đó chỉ là câu nói họ thích nhắc đi nhắc lại. Bằng cách nào có thể khẳng định cuộc sống thật đê tiện, đốn hèn? Rằng cuộc sống thật vô dụng, nhỏ nhặt, là thứ sâu bọ mà ta có thể lấy chân dẫm nát còn bản thân cuộc sống ấy chẳng có một phản ứng gì. Cái chết chẳng làm nó bận tâm hơn là sự sống còn. Cuộc đời thờ ơ với tất cả. Tại sao lại không chứ? Tại sao khi lục vấn nó lại phải bảo vệ mình, cố gắng để tồn tại? Và tất cả những cái đó để làm gì? Quả thật vì sao lại phải xáo động cuộc sống?

Cần phải nhìn vào bản chất của tự nhiên. Nó có gì tốt? Nếu quận công và đại sư có khả năng làm điều đó thì chính họ sẽ sợ hãi và khiếp đảm.

Họ hình dung rằng tất cả mọi thứ của tự nhiên tồn tại riêng cho họ, bởi họ nghĩ rằng chúng dành riêng cho họ, cho lợi ích và niềm khoái lạc để cuộc đời họ thực sự tươi đẹp và oai phong. Họ biết gì về cái rồn tự nhiên đó? Vì sao họ nghĩ nó dành riêng cho họ để họ có thể thực thi những ước muốn phi lí, ấu trĩ của mình.

Họ tưởng rằng dường như họ biết đọc cuốn sách của tự nhiên, hình dung rằng cuốn sách đó do họ khám phá. Thậm chí họ nghĩ như có thể nhìn thấy tương lai, đọc được những gì chưa từng được viết, những trang giấy trắng tinh, sạch sẽ.Ồi những người ngu xuẩn thiếu suy nghĩ và quá tự tin làm sao! Cái tự thị trắng trợn của họ chẳng có giới hạn nào cả.

Ai có thể biết thiên nhiên thai nghén cái gì? Nó đơm hoa, kết trái gì trong bụng? Ai có thể biết trước điều gì đó? Phải chăng bà mẹ biết bà đang mang cái gì trong người dưới quả tim, vì đâu bà ta biết cái đó? Bà đang chờ

đợi kì sinh nở và chỉ khi đó mọi người mới biết bà sinh hạ được cái gì. Nếu hỏi anh lùn thì anh ta sẽ giải thích cho mọi người biết.

Đó là người khiêm tốn ư? Tôi nhầm lẫn xiết bao! Ngược lại ông ta là người tự cao tự đại. Ông ta tự tin đến nhường nào kể cả cái ý nghĩ cố bắt chước quốc vương điều khiển thế giới mà hoàn toàn không thuộc quyền hạn của ông.

Ông ta tỏ ra dường như rất khiêm tốn vì lúc nào cũng hỏi han đủ thứ như dò xét, nói rằng không hiểu cái này cái nọ nhưng lại muốn biết theo khả năng của mình. Song toàn bộ, như cách ông nói, ông biết rất rõ. Ông tưởng tượng ông đã hiểu được ý nghĩa của sự tồn tại. Ông đã hòa hoãn, nhún nhường cái nhỏ, còn cái lớn thì không. Sự khiêm nhường thật kì lạ.

Tất cả mọi thứ trên đời đều có ý nghĩa của nó, tất cả những gì đã xảy ra và tất cả những gì người ta làm. Nhưng chính cuộc sống thì chẳng có một nghĩa lí gì. Nó không thể tồn tại theo cách khác.

Niềm tin của tôi là vậy.

Nhục nhã biết bao! Ô danh biết bao! Trong đời tôi chưa bao giờ bị sỉ nhục như cái ngày đáng sợ đó. Tôi cố miêu tả lại chuyện gì đã xảy ra với tôi mặc dù tốt hơn hết chẳng nên nhớ lại làm gì.

Ngài quận công sai tôi tới chỗ Bernardo đang làm ở nhà ăn của nhà thờ Santa Croche vì ông ấy cần tôi làm gì đó. Tôi đi mặc dù rất bực bội vì phải làm đầy tớ cho kẻ tự cao tự đại xa lạ ấy. Ông đón tôi và thông báo trước rằng ông rất quan tâm tới người lùn. Tôi thầm nghĩ: Một khi ông ta tọc mạch cả ruột rà Francesco và các vì sao thì còn gì ông chẳng bận tâm. Nhưng về tôi, gã lùn, ông chưa biết gì đâu, sau một vài câu lịch thiệp, vô nghĩa, ông nói rất muốn phác họa tôi. Tôi hiểu rằng ông muốn vẽ chân dung mà mà có thể quận công đã đặt và tôi không thể không cảm thấy sorn gai ốc mặc dù đã trả lời rằng tôi không thích. “Tại sao vậy?”, - ông ta hỏi. Tôi trả lời như cần phải có: “Tôi muốn mặt tôi chỉ là của mình tôi thôi!”. Ông ta cười khẩy, nói rằng đó là ý nghĩ độc đáo song lại đồng ý hiển nhiên điều ấy là đúng. Mặc dù nhìn chung, ông ta nói, trên thực tế bất kì khuôn mặt nào, kể cả trong tranh là sở hữu của nhiều người, nhưng nó sẽ thuộc về từng

người chiêm ngưỡng chúng. Và lại ông chỉ đơn giản muốn vẽ tôi để nghiên cứu xem tôi cấu tạo thế nào, vì thế tôi cứ việc cởi quần áo để ông có thể phác họa bằng chì thân hình tôi. Tôi thấy nhột nhạt. Cũng có thể do tức giận, có thể do sợ hãi. Tôi chẳng biết vì lẽ gì nhiều hơn. Cả cảm giác này, cả cảm giác kia xâm chiếm tôi và tôi run rẩy toàn thân.

Đại sư cũng nhận thấy sự trơ tráo của ông ta làm tôi phần nộ. Ông bắt đầu nói rằng chẳng có gì xấu hổ về việc anh là người lùn và cho người khác xem thân thể thực sự của mình. Ông ta nói, trước tạo hóa ông tôn thờ mọi vật như nhau, bình đẳng trong mọi trường hợp khi mà nó đã tạo ra một cái gì đó vì thói đồng đẳng kì quặc, một cái gì đó ngoài khuôn khổ bình thường. Ông ta nói chẳng có gì xấu khi cho người khác xem thân thể tự nhiên của mình và chẳng có người nào thực sự chỉ thuộc về một mình cả. “Nhưng tôi thì thế!” - tôi hét lên giận dữ, - “Ông thì chẳng có gì thuộc về mình! Còn tôi thì có!”

Ông bình tĩnh đón nhận cơn nóng nảy của tôi. Đã thế ông ta còn tò mò, thích thú ngắm nhìn tôi đến nỗi tôi càng tức khí hơn. Sau đó ông nói rằng đã đến lúc bắt tay vào việc và bước đến chỗ tôi: “Tôi không thể chịu được người khác xâm phạm thân thể tôi!”, tôi thét lên, hoàn toàn không kiềm chế được. Ông không mảy may đếm xỉa đến điều đó. Nhưng khi hiểu ra rằng tôi không đòi nào tự nguyện cởi quần áo thì ông sẵn sàng cởi bỏ cho tôi. Tôi rút dao găm ra khỏi vỏ và tôi nghĩ ông rất ngạc nhiên khi nhìn thấy ánh thép lấp loáng. Nhưng ông bình tĩnh tước con dao, thận trọng đặt ra xa. “Anh chàng này hiển nhiên, rất nguy hiểm đấy”, - ông nói, ngạc nhiên nhìn tôi. Tôi độc địa cười khẩy những lời nói của ông. Sau đó ông hoàn toàn điềm nhiên cởi quần áo của tôi, tro trên ôm lấy người tôi. Tôi tuyệt vọng chống trả và vật lộn với ông ta dường như vì sự sống còn. Nhưng tất cả đều vô ích bởi vì ông khỏe hơn tôi. Làm xong cái việc xấu xa đó, ông kéo tôi lên và đặt tôi lên một cái bệ ở giữa phòng ăn.

Tôi đứng đó yếu ớt, trần truồng, bất lực không làm gì được vì sự tức giận đang trào sôi trong tôi. Còn ông ta đứng cách bệ vài bước, lạnh lùng nhìn tôi, lạnh lùng đến vô cảm chiêm ngưỡng sự nhục nhã của tôi.

Tôi hoàn toàn bị ông thôi miên, điều khiển, dường như tôi là của riêng ông. Phải phô ra cho người khác ngắm nghía là một sự xỉ nhục vô chừng

đến nỗi cho đến giờ tôi vẫn không thể hiểu vì sao tôi lại chịu đựng được lão ta. Giờ tôi vẫn còn nhớ tiếng bút chì màu bạc vẽ trên giấy. Có thể đó chính là cái bút mà ông ta phác họa những cái đầu khô khốc ở cổng lâu đài và tất cả những điều xấu xa, đê tiện khác. Cái nhìn của ông ta cũng thay đổi. Nó trở nên sắc bén như mũi dao. Tôi cảm thấy hình như ông ta nhìn xoáy vào tôi.

Tôi chưa bao giờ căm thù con người như những giây phút đó. Sự hận thù có thể cảm thấy rõ rệt trong cơ thể tôi và tôi suýt nữa ngất. Mắt tôi tối sầm lại. Trên thế gian còn những tên súc sinh nào đốn mạt hơn, đáng căm giận hơn không.

Tôi thấy bức tranh lớn ngay trên bức tường đối diện. Đó chính là bức tranh mà mọi người nói sẽ trở thành một kiệt tác thực sự. Nó mới chỉ bắt đầu và chắc chắn phải vẽ một cuộc họp kín, Giêsu cùng tông đồ ngồi bên bàn ăn. Tôi tức điên nhìn những bộ mặt thanh bạch, trang nghiêm của những thánh tông đồ tưởng rằng họ cao siêu hơn tất cả họ đang cùng với các vị thiên thần trên đầu đang tỏa những ánh hào quang siêu phàm. Tôi độc địa nghĩ rằng Giu-đa đang co ro trong góc sắp phản lại Người rằng chừng nào Người còn được ái mộ và tôn thờ thì gã vẫn còn chễm trệ ngồi sau bàn tiệc. Trong khi đó tôi bị nhục mạ ở đây. Nhưng ai sẽ tới giờ phải khổ nhục của Chúa? Sắp tới Người sẽ không còn chễm trệ trong đám tông đồ của mình nữa. Trung thành với các tông đồ nhưng một mình Người sẽ bị đóng đinh câu rút trên cây thánh giá. Người sẽ bị treo trần truồng như tôi đứng bây giờ ở đây, cũng bị lăng nhục như thế, cũng bị phơi bày phỉ báng và mặt sát. Tại sao lại không vì lẽ gì mà Người không bị đòn đau như tôi đau đớn bây giờ? Người luôn luôn được nuôi dưỡng, được bao bọc bằng yêu thương trong lúc tôi chỉ được di dưỡng bằng hận thù. Tôi đã uống oán hờn cùng sữa mẹ, nếm thử vị đắng của nó. Tôi nằm trong lòng mẹ đầy bức bối, còn Người được bú Đức Mẹ đồng trinh hiền dịu, trù mên nhất, tuyệt vời nhất trong các bà mẹ và uống dòng sữa mẹ ngọt ngào nhất trên đời mà chưa một người trần tục nào nếm. Người ngồi bao dung trong bè bạn của mình, một người tốt bụng hồn nhiên, chẳng nghi ngại rằng có thể reo rắc thù hận hay có thể một mình người nào đó sẽ làm hại Người. Vì sao lại không cơ chứ? Vì sao Người lại là ngoại lệ? Tất nhiên Người tưởng rằng chắc chắn sẽ được tất cả những người trần thế mặc kệ vì được chúa trời đầu thai. Thật ngây ngô làm sao! Sự hiểu biết về con người mới ấu trĩ làm sao!

Chính vì sự kì diệu nhất ấy mà người ta che giấu sự hèn học Người tận nơi sâu kín. Những đứa trẻ trần tục không thích bị Chúa trời ức hiếp.

Đứng ở cửa của cái phòng ăn đáng nguyên rửa, nơi tôi ném trải sự sỉ nhục nhiều nhất trong đời, tôi vẫn nhìn ông ta. Tôi nghĩ cũng chẳng làm sao nếu sắp tới sẽ bị bán cho các quý ông cao quý lấy mấy đồng êquy cũng hết như tôi bị bán đi vậy.

Tôi điên tiết đóng sầm cánh cửa ngăn cách giữa tôi và Đức chúa và với người đang tái tạo Ngài, đại sư Bernardo, người đang trầm ngâm ngắm nhìn tác phẩm cao quý của mình dường như đã quên mất tôi, người đã được ngài ban phát cho khổ nhục.

Tốt nhất không nhớ đến nhà thờ Santa Croche, tốt nhất là cố quên đi. Đây chỉ có một điều không sao quên được. Khi tôi mặc quần áo thì lại thấy những bức tranh miêu tả những con thần lùn, những con vật chưa ai thấy bao giờ, chưa bao giờ có trong tự nhiên. Có cái gì đó giữa con người và động vật. Phụ nữ có những chiếc cánh có màng của loài dơi, đàn ông có những cái đầu của con chim kền kền và thay vì tay là những chi có vuốt nhọn, hua hua trong không khí như những con ác quỷ độc ác và cả những con thần lùn nào đó, không phải đàn ông, không phải đàn bà, cái gì đó tựa như những con thủy quái.

Phải chăng những kì quan thiên nhiên như tôi hay những viên đá kì lạ của ông ta, những vật quý giá mà ông ta nhặt nhạnh trên mặt đất vẫn chưa đủ để ông ta ngắm nghía thỏa thuê hay sao? Ông ta ngồi im, tỏ vẻ xúc động chân thành mặc dù cô bé ngồi yên như tượng và chẳng thốt ra lời nào. Sự im lặng trở nên nhức nhối.

Tôi chẳng biết cái gì khiến ông xúc động đến thế. Có thể ông đang tiếc thay cho cô bé vì cô không đẹp, bởi ông biết giá trị của cái đẹp và ông hiểu nó có ý nghĩa tới mức nào. Có lẽ thế nên ông mới nhìn cô bé bằng ánh mắt buồn bã, ái ngại nhường ấy. Tôi không biết và cũng chẳng muốn biết.

Cô bé không chịu nổi, và tất nhiên nhanh chóng rút lui. Cô chỉ ngồi một chút vừa đủ để giữ phép lịch sự, không hơn một phút nào và nhanh chóng xin phép quận công cho ra ngoài. Chậm chạp, rụt rè cô ta đứng dậy với cả

vẻ lúng túng thường lệ - cho tới bây giờ cô bé vẫn chỉ là một thiếu niên vụng về. Thật ngạc nhiên là sao trước đó cô cũng có thừa vẻ duyên dáng, yêu kiều. Lẽ dĩ nhiên cô ăn mặc cũng chỉ giản dị như mọi khi, chỉ chưa tới mức xoàng xĩnh. Với cô ấy hay với người khác thì việc cô ăn mặc thế nào cũng thế mà thôi.

Đại sư Bernardo chắc là chưa tìm thấy sự thỏa mãn đích thực trong công việc. Ông ta nay bắt tay vào việc này mai lại mớ tay vào việc khác, chẳng đến đâu, đến đâu gì cả. Thế là tại làm sao? Lẽ ra bây giờ ông ta nên chú tâm làm một việc là hoàn thiện bức “Buổi họp mặt kín”. Thế mà ông ta lại hoàn toàn bỏ bê. Chắc là đã chán. Thay vào đó bỗng nhiên ông ta lại đi vẽ bức chân dung quận công phu nhân.

Theo mọi người thì chính phu nhân cũng tuyệt nhiên chẳng thích thú gì để người ta vẽ chân dung của mình. Đó chỉ là sở nguyện của ngài quận công. Tôi biết rằng để hiểu là bà thì chẳng khó khăn gì. Bạn có thể ngắm kĩ mình trong gương nhưng khi rời khỏi nó bạn hẳn không muốn hình ảnh của mình còn đọng lại ở đó để bất kì ai cũng có thể chiêm ngưỡng, chiêm lĩnh nó. Tôi hoàn toàn hiểu tại sao bà ta, cũng như tôi, không muốn ở đâu đó có lưu giữ hình ảnh của mình.

Không có ai thuộc sở hữu chính mình? Ôi cái ý nghĩ mới ghê tởm, bỉ ổi làm sao! Các bạn có cho là không ai thuộc chính bản thân mình không? Quyền sở hữu là của tất cả mọi người. Như vậy là các mặt tư hữu bạn hóa ra không phải đã thuộc về bạn đâu! Nó thuộc về bất kì người nào đang nhìn vào nó! Và cả cơ thể bạn nữa chứ? Hóa ra, bất kì ai khác cũng có thể làm chủ thể xác bạn! Nghĩ đến điều này tôi thấy thật ghê tởm.

Tôi muốn là người duy nhất nắm giữ tất cả những gì thuộc về tôi. Không ai dám cả gan chiếm hữu cho mình những gì là của tôi và xâm phạm những gì thuộc về tôi. Mọi thứ của tôi phải thuộc sở hữu của tôi chứ không thuộc về một ai khác. Tôi muốn thuộc về chính mình ngay cả sau khi chết. Không ai có quyền cả gan lục bới vào nội tạng tôi cả. Tôi không chịu để một người xa lạ nào đó xăm soi nó mặc dù chắc gì nội tạng của tôi đã đến mức đáng tởm như của tên vô lại Franchesco.

Dúng mũi vào tất cả mọi chuyện là thói quen của Đại sư Bernardo. Đó là thói tò mò cố hữu làm tôi ghét cay ghét đắng. Cái thói ấy có thể cung phụng cho cái gì kia chứ? Nó phục vụ cho mục đích khôn ngoan nào kia? Chỉ cần nghĩ là hình ảnh tôi vẫn lưu giữ lại ở chỗ ông ta, rằng ông ta dường như chiếm lĩnh được tôi là tôi đã cảm thấy khó chịu rồi. Mà tôi cũng đã hoàn toàn không làm chủ được bản thân, tựa như cùng lúc đó tôi cũng ở trong bẽ lủ những quái thai đê tiện của lão ta tại nhà thờ Santa Croche.

Thật tuyệt! Cứ để người ta vẽ bà quận công đi! Làm sao bà ta có thể nhần nhục bằng tôi cơ chứ! Tôi lấy làm sung sướng vì giờ đây bà sẽ trắng trợn đem cái con người trăng tráo ấy ra mà bình luận, phán xét rằng ông ta đã xâm phạm tới bà ra sao.

Người đàn bà phẩm hạnh dễ dãi kia thì hấp dẫn ở điểm nào kia chứ? Tôi không bao giờ cho rằng bà ta có được, dù chỉ một chút thôi, sức cuốn hút nào đó. Mà tôi thì hiểu bà rõ hơn ai hết. Tuy nhiên, ý đồ của bức chân dung rồi sẽ rõ cả thôi. Điều đó thì chẳng can hệ gì tới tôi.

Tôi không nghĩ đại sư lại am hiểu con người một cách đặc biệt hơn người.

Phải thú thật là Đại sư Bernardo làm tôi ngạc nhiên quá đỗi. Ông khiến tôi ngạc nhiên đến nỗi suốt đêm không thể chợp mắt và cứ nghĩ suốt về điều đó.

Chiều qua, như thường lệ họ ngồi nói chuyện - những đề tài cao siêu quen thuộc. Nhưng dễ thấy là đại sư đang mang một tâm trạng trầm uất, chán nản. Ông ngồi trầm ngâm suy nghĩ, tay vân vê chòm râu, hoàn toàn chìm trong những suy tưởng có lẽ là chẳng có gì vui vẻ, thú vị. Bỗng nhiên ông bắt đầu nói một cách say mê, hăng hái mặc dù ngọn lửa hăng say ấy dường như đã bị phủ tro. Tôi không nhận ra ông nữa, cứ như thể ông đang nghe một người hoàn toàn khác nói vậy.

Ý tưởng nhân loại, ông ta nói, suy cho cùng, thiếu sức mạnh. Đôi cánh ý tưởng thì mạnh mẽ, nhưng định mệnh ban tặng ta đôi cánh ấy còn mạnh mẽ hơn tất cả chúng ta. Chúng ta không thể thoát khỏi định mệnh. Nó không cho phép ta đi xa hơn những gì nó muốn. Chúng ta buộc phải chấp nhận



một giới hạn: cuộc chạy vòng ngẩn ngui sau khi gieo vào lòng ta sự hi vọng và niềm hạnh phúc thì chúng ta bị đuổi quay trở lại tựa như người thợ săn thít chặt sợi dây vào cổ chim ưng. Khi nào chúng ta mới tìm thấy tự do? Khi nào người ta cắt đứt dây trói và chim ưng tung cánh lên bầu trời bao la? Khi nào? Liệu điều đó có thành hiện thực không? Hoặc giả ngược lại, ngay những bí ẩn về sự tồn tại của chúng ta, rằng chúng ta bị buộc chặt vào tay người thợ săn và vĩnh viễn bị trói buộc có thực sự hay không? Rằng không thì chúng ta đã không phải là người như chúng ta vốn có và số phận chúng ta cũng không phải số phận con người.

Nhưng dù sao thì chúng ta được sinh ra đã khao khát bầu trời, cảm thấy mình có liên can tới nó. Dù sao thì nó vẫn tồn tại, nó mở tầm nhìn cho chúng ta như bất cứ một thực thể tuyệt đối nào đó. Nó tồn tại thực tế tựa như sự tù túng của chúng ta vậy.

Vì lẽ gì mà cái khoảng không vô hạn, bao la ấy tồn tại, chẳng phải đang nào chúng ta cũng không nắm bắt được, không lĩnh hội được hay sao? Có nghĩa lí gì trong cái vô hạn bao bọc quanh ta, quanh cuộc sống, nếu như dù sao chúng ta vẫn chỉ là những kẻ tự do bất lực và cuộc sống vẫn chỉ đóng kín trong bản thân nó? Thế thì cái khoảng không vô hạn ấy tồn tại cho cái gì? Cái thế giới xung quanh bao la hùng vĩ nhường ấy đối với số phận hèn mọn của chúng ta, đối với thung lũng chật hẹp của chúng ta có nghĩa lí gì? Chẳng lẽ vì điều đó chúng ta bất hạnh hơn mà thôi sao?

Tôi quan sát ông ta một cách chăm chú. Có cái gì đó ẩn sau khuôn mặt âm đạm, u sầu kia, sự mệt mỏi rã rời tràn lên trong ánh mắt già nua. Liệu khao khát chân lí có khiến chúng ta hạnh phúc hơn chẳng? Ông nói tiếp. Tôi cũng không biết. Tôi chỉ tha thiết mong tìm ra nó. Cả đời tôi là những cuộc kiếm tìm chân lí không mệt mỏi. Có lẽ đã đến lúc tôi sáng mắt ra tựa hồ đã khám phá một phần chân lí của cái bầu trời trong xanh kia. Nhưng chưa lần nào bầu trời hé mở cho tôi điều gì. Cái nhìn của tôi chưa khi nào tận hưởng hết vẻ đẹp của cái khoảng không vô hạn mà thiếu nó thì chẳng có gì sáng tỏ trên thế gian này. Lúc này tôi chưa thể vươn tới được. Bởi thế những nỗ lực của tôi về bản chất không hề uổng phí. Vì lẽ ấy, tất cả những thứ tôi chưa đụng tới chỉ là những thứ phi lí, những đứa con đẻ non. Tôi đau đớn suy ngẫm về những tác phẩm của mình. Chắc hẳn mọi người cũng đau đớn, âu sầu nhìn chúng như thế, tựa như chúng ta nhìn những bức tượng cổ

cụt đầu, cụt tay chân. Tất cả những thứ tôi tạo ra đều tàn tật và khiếm khuyết! Tất cả những thứ tôi để lại sau mình đều không hoàn thiện.

Điều đó có lạ lùng không?

Số phận con người là thế đấy. Định mệnh không tránh khỏi của những nỗ lực, những sáng tạo của nhân loại là thế đấy! Tất cả những gì chúng ta tạo ra chỉ là bước chập chững đầu tiên trên con đường hướng tới những thứ mà chúng ta không khi nào vươn tới được, những thứ không cần và cũng không thể chiếm lĩnh được. Tất cả nền văn hóa nhân loại về bản chất chỉ là bước đi đầu tiên trên đường hướng tới những cái không thể đạt được và hoàn toàn vượt sức chúng ta. Nó vượt lên trên những khuyết tật, vượt lên trên cả cái tay cụt đáng thương bị đất kia. Tâm hồn con người chẳng lẽ không phải là những khuyết tật đáng thương ấy sao?

Đôi cánh ý tưởng kia thì ích gì khi nó chẳng sao đưa nổi chúng ta lên bầu trời. Nhẽ ra chúng giải thoát cho chúng ta gánh nặng thì lại chỉ làm nặng gánh. Chúng ta bị chúng đè nặng. Ta kéo lê chúng khắp thế gian. Cuối cùng chúng trở nên đáng ghét.

Chúng ta sẽ cảm thấy nhẹ nhõm khi người thợ săn mệt mỏi vì trò tiêu khiển tàn ác của mình mà chụp lên đầu chúng ta chiếc mũ và chúng ta đắm chìm trong bóng tối.

Ông ngồi bất động, u uất, cau có bóp miệng một cách cay đắng, trong mắt ông âm ỉ những ngọn lửa rất rõ, u ám. Thú thật là tôi ngạc nhiên kinh khủng. Chẳng lẽ đó lại là ông ta, con người mà vừa mới đây thôi còn xúc động vì sự vĩ đại vô hạn của loài người, người đã tiên tri về con người với sự toàn năng của mình tựa như vị quân vương đầy quyền lực và sức mạnh chinh phục lãnh địa hoàn mỹ của mình. Ai đã tạc ra con người nếu không phải chúa trời?

Không, tôi không thể hiểu nổi. Tôi chẳng hiểu gì cả.

Bị mê hoặc bởi những lời thông thái của đại sư, ngài quận công há hốc mồm nghe, mặc dù, những lời nói ấy hoàn toàn mâu thuẫn với những gì

ngài được nghe từ miệng ông ta từ trước tới nay. Ngài hoàn toàn đồng ý với ông ta. Quả thật là một học trò xuất sắc.

Làm sao mà điều này lại có thể liên quan tới điều khác hẳn? Làm thế nào mà họ khéo xoay sở kết hợp trong mình những mâu thuẫn như thế. Sao họ lại có thể có cùng một đức tin khi nói về bất cứ điều gì như thế? Bản thân tôi thì không bao giờ thay đổi và thật tôi không thể hiểu nổi điều đó.

Khi thì vui sướng liên miên, nói rằng ôi chao, được là một con người mới tuyệt vời và kì diệu làm sao. Khi thì đột nhiên triền miên thất vọng, chán nản, tiêu cực với bất kì ý nghĩ nào.

Đó không phải chuyện đùa đấy chứ?

Ông ta thôi không vẽ chân dung quận công phu nhân nữa. Ông nói rằng không thể hoàn tất bức chân dung được. Theo ông, ở bà ta có một cái gì đó khó nhận thấy mà ông không thể nắm bắt, không thể chiếm lĩnh nó và cũng không tài nào lí giải nổi. Thế là công việc của ông ta lại bỏ dở, cũng như bức “Buổi họp mặt kín”, cũng như tất cả những thứ ông từng bắt đầu làm.

Tôi có dịp nhìn thấy bức chân dung trong phòng ngài quận công. Tôi không hiểu nó xấu ở chỗ nào. Theo tôi bức tranh rất đẹp. Ông ta vẽ bà đúng như bà vốn là vậy, một người đàn bà buông thả và tuổi xế chiều. Tranh và người giống nhau lạ thường. Khuôn mặt biểu cảm với mí mắt sụp xuống và nụ cười bất hảo khó nhận thấy, tất cả điều đó rất giống. Ông lôi cái phần hồn của bà ta ra và đơn giản là thể hiện cái vẻ trần trụi đáng sợ của nó.

Không, dù sao thì ông cũng thấu hiểu con người.

Chẳng nhẽ lại còn thiếu cái gì đó? Bởi ông ta cho rằng còn có cái gì đó chưa đủ. Cái gì nhỉ? Chính ông cho rằng còn thiếu cái mà không có nó bà ta không thể là bà ta được. Nhưng nó là cái gì kia chứ. Tôi thật chẳng hiểu ra làm sao cả.

Tuy nhiên có một lần ông nói, bức chân dung không hoàn thiện bởi nó vốn thế. “Tôi để lại sau tôi những cái dở dang” - Ông ta đã nói như vậy. Và tất cả những cái đó chỉ là bước chập chững đầu tiên trên đường hướng tới

sự viển vông. Cả nền văn hóa nhân loại chỉ là bước đầu tiên, mới chỉ là sự khởi đầu, còn hoàn thành nó theo ông là điều không tưởng. Bởi thế suy cho cùng tất cả mọi thứ đều vô nghĩa.

Lẽ dĩ nhiên là vô nghĩa. Làm sao có thể hình dung cuộc sống theo một cách khác đây?

Bởi sự vô nghĩa đã chính là cơ sở của mọi cơ sở tạo ra nó. Liệu sự vô nghĩa có thể xây dựng trên cơ sở nào khác nữa đủ bền chặt và không thể lay chuyển được không? Bởi bất cứ một ý tưởng nào dù có vĩ đại đến đâu thì cũng sẽ bị đào bới bởi những ý tưởng vĩ đại khác và rồi cùng với thời gian nó sẽ bị cắn hòn và bị tiêu diệt. Chỉ có sự vô nghĩa là không thể bị tổn thương và cũng không gì lay chuyển được. Nó chính là cơ sở xác đáng, vững chắc nhất và vì thế sự lựa chọn ngã về phía nó. Chẳng lẽ cần phải nát óc ra như thế để hiểu điều đó sao?

Điều ấy với tôi thế là đã rõ.

Bầu không khí trùm lên lan tỏa một mối âu lo mơ hồ. Có chuyện gì đây? Tôi không biết, nhưng linh cảm mách tôi biết có điều gì đó sắp xảy ra.

Nhìn bề ngoài tất thấy vẫn yên bình, cuộc sống trong lâu đài vẫn bình lặng trôi đi. Thậm chí yên bình hơn bình thường, khi mà lượng khách đã voi đi nhiều, tuyệt nhiên không có cuộc tiếp đón nào, không có dự định nào tại thời điểm này như mọi năm. Nhưng điều đó chỉ làm bạn cảm nhận rõ hơn là sắp có những sự kiện quan trọng diễn ra.

Tôi luôn cảnh giác hơn, để ý tất cả nhưng hầu như chẳng phát hiện ra điều gì đặc biệt. Tất cả vẫn y như thường lệ. Nhưng có điều gì đó vẫn không ổn. Phải là một việc gì đó rất nghiêm trọng. Tôi tin như vậy.

Cần phải thu hút kiên nhẫn để chờ đợi xem điều đó rốt cục là gì.

Viên tư lệnh Boccaroza rời đi và lâu đài Gieraldi lại trống vắng. Không ai biết ông ta đi đâu. Ông ta biến mất tăm cứ như thể chui xuống đất vậy. Tất nhiên nhiều người có thể nghĩ là ông ta và ngài quận công đã đoạn tuyệt với nhau. Nhiều người lấy làm lạ là tại sao con người có học vấn cao như

ngài quận công lại có thể hài lòng sống trong cái xã hội của những kẻ lỗ mãng, thô鄙 này. Còn tôi lại nghĩ khác. Tất nhiên tôi không phủ nhận Boccaroza chỉ là một gã mọi rợ trái ngược hẳn với con người tinh tế và có giáo dục của ngài quận công. Nhưng chính ngài cũng xuất thân từ dòng dõi tư lệnh, điều này thì hầu hết mọi người đã quên hẳn. Thế tổ tiên ngài làm tư lệnh lâu không? Bao nhiêu thế hệ rồi? Mà vài thế hệ thì có gì là lạ! Tôi vẫn nghĩ hai con người này hiểu nhau chẳng khó khăn gì.

Hiện tại tình hình chưa có gì biến chuyển nhưng mọi bí ẩn vẫn trù lên bầu không khí như trước.

Có thể nói ngài quận công đang hoạt động tích cực. Ngài đang làm gì? Ngài đón tiếp những vị khách nào đó và bàn bạc những câu chuyện bí mật. Họ có thể nói về cái gì nhỉ?

Những người báo tin hỏa tặc xuất hiện, họ trù lên mình một bức màn bí mật. Họ chỉ được phép vào lâu đài vào ban đêm. Bây giờ trong lâu đài của chúng tôi chen chúc đủ loại người: những viên toàn quyền, những nhà cố vấn, những vị tướng quân đội, những người đứng đầu những dòng tộc lâu đời - những dòng tộc bị ngài quận công chinh phục. Bọn họ mỗi người đều làm một việc nào đó. Bây giờ, không thể nói là trong lâu đài còn yên tĩnh, bình lặng.

Rõ ràng, đại sư Bernardo không có vai trò gì trong tất cả những chuyện này. Vây quanh quận công lúc này là loại người khác. Vị cha bề trên rõ ràng là đã rút lui khỏi vũ đài và dù sao không thể so với xưa kia.

Tôi chỉ có thể đồng tình với ông ta về điều này. Ông ta đã gây quá nhiều sự chú ý trong lâu đài này.

Linh cảm của tôi về điều gì đó nghiêm trọng xảy ra giờ đã thành hiện thực. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Tôi suy xét kĩ càng toàn bộ hàng loạt sự việc. Đầu tiên là các nhà chiêm tinh được triệu đến và ngồi rất lâu bên quận công cả nhà chiêm tinh của triều đình Nicodemus, cả những kẻ râu dài, sống như những con kí sinh trùng. Dấu hiệu không sai vào đâu được. Hơn thế ngài quận công còn nói

chuyện rất lâu với sứ giả của Medichi và đại biểu của nước cộng hòa Venezia và nhất là với ngài tổng giám mục, hiện thân của các ngài vàng thiêng liêng nhất. Cùng với những dấu hiệu khác trong mấy ngày gần đây đủ để thấy rõ là tất cả các sự kiện đều đang dồn về một hướng.

Thì ra người ta đang chuẩn bị cho một cuộc viễn chinh. Các nhà chiêm tinh được vời đến để cố vấn và xem các vì sao báo điềm gì về các kế hoạch - yếu tố đầu tiên mà bất cứ nhà cầm quyền nào cũng đều không thể bỏ qua. Những kẻ khốn khổ đang ở sân sau, nơi ngài quận công đón tiếp bạn bè và đại sư Bernardo, người cũng thực sự tin vào sức mạnh của những vì sao, nhưng lần này lại có những ý tưởng hoàn toàn khác. Những ý tưởng do các nhà chiêm tinh của chúng tôi nghĩ ra là về tà đạo và những bóng ma quái đản. Rõ ràng, giờ đây ngài quận công cho rằng vì những cái tốt đẹp hơn cần phải lôi kéo chính giáo về phía mình. Những ý tưởng này suýt nữa có nguy cơ bị đổ vỡ bởi sự cách biệt về nhận thức. Tất nhiên, cuộc nói chuyện với sứ giả các nước chỉ nhằm mục đích làm đất nước họ ủng hộ hay chí ít cũng không phá vỡ kế hoạch. Tôi thiết nghĩ, quan trọng hơn tất cả vẫn là thái độ của đảng tối cao với những kế hoạch này. Thiếu lời chúc phúc của chúa trời thì chẳng có điều gì thành công trên thế gian này hết.

Tôi hy vọng Người sẽ đồng tình bởi tôi hết sức nóng lòng chờ đợi xem rốt cục thì lúc nào chiến tranh xảy ra.

Sẽ có chiến tranh ư! Linh cảm chưa khi nào đánh lừa tôi. Tôi cảm thấy chiến tranh ở mọi nơi, mọi thứ: ở cả nỗi âu lo này, sự bí ẩn kia và cả trên những nét mặt thân quen... Ngay cả không khí cũng sặc mùi chiến tranh. Bầu không khí ẩn giấu một cái gì đó rất hào hứng mà tôi đã quá quen. Hiển nhiên bạn sẽ hồi sinh sau những ngày vô tích sự, ăn không ngồi rồi, lấp đầy thời gian rồi bằng chỉ một câu chuyện phiếm, ba hoa, vớ vẩn bất tận. Ồn chúa, cuối cùng thì ngoài những chuyện rỗng tuếch thì con người cũng có việc để làm.

Thực tế thì tất cả mọi người đều muốn có chiến tranh. Khi chiến tranh xảy ra, mọi sự đều đơn giản hơn, chính thể chiến tranh mang đến sự nhẹ nhõm. Ai cũng cho rằng cuộc sống quá phức tạp. Đúng thế, bởi chính con người làm cho nó trở nên phức tạp. Cuộc sống vốn không phức tạp mà ngược lại, nó đơn giản kì lạ. Tuy nhiên, rõ ràng là con người không khi nào

chịu hiểu điều đó. Họ không hiểu rằng tốt hơn là cứ để yên tất cả như nó vốn có. Họ không thể để cuộc sống yên, không tài nào ngừng lợi dụng cuộc sống cho cơ man những mưu đồ kì quái nhất. Và rồi họ vẫn nghĩ rằng được sống đơn giản và được thờ thôi đã là một điều tuyệt diệu rồi.

Ngài quận công bỗng chốc trở nên minh mẫn và làm việc rất hiệu quả. Khuôn mặt ngài ngời lên vẻ cương nghị và quyết đoán: chòm râu ngắn vuông vức, má hóp xanh xao, cái nhìn tinh anh, thâm trầm mà sắc sảo như mắt loài ác điểu đang bay lượn trên lãnh địa săn mồi của mình. Chắc hẳn ngài đang nhắm vào con thú săn ưa thích nhất của mình - kẻ thù không đội trời chung của dòng tộc ngài.

Hôm nay tôi nhìn thấy ngài chạy xuống cầu thang chính, theo sát gót là viên tướng đội cận vệ (Tôi nghĩ họ vừa đi kiểm tra việc chuẩn bị của quân đội). Bước vào phòng, ngài trao chiếc áo mưa vào tay người hầu mới đến, trên người còn độc chiếc áo ngắn tay màu đỏ, mạnh mẽ và linh hoạt, sắc tựa lưỡi dao, trên đôi môi dày nở một nụ cười ngạo mạn. Ngài như người vừa trút bỏ bộ lễ phục hóa trang. Cả cơ thể ngài toát lên vẻ cương nghị đầy nghị lực. Tất cả bộc lộ rõ một con người hành động trong ngài.

Tôi luôn biết rằng đó mới chính là con người thật của ngài.

Các nhà chiêm tinh tuyên bố, thời cơ ngàn năm có một đã đến, không thể chọn được cơ hội nào tốt hơn. Người ta xem tử vi của quận công và thấy ngài được cung sư tử chiếu mệnh (chẳng có gì mới mẻ cả, ngay từ khi chào đời điều đó đã rõ, nó được coi như một điềm lành hứa hẹn những điều tốt đẹp cho một nhà cầm quyền tương lai). Điều đó đã cổ vũ mãnh liệt trí tưởng tượng của những người thân của ngài. Nó cũng đã khơi dậy trong lòng thần dân không ít nghĩ suy và cả những nỗi sợ hãi nữa. Chính vì thế ông ta mới được đặt tên là Leo<sup>[3]</sup>. Cung hoàng đạo của ngài lại ngự ngay cạnh Hỏa tinh - sao chiếu mệnh của thần Chiến tranh. Chắc hẳn, chẳng bao lâu nữa chòm sao khát máu của vị thần Chiến Tranh kia sẽ hòa vào làm một với chòm sao hùng mạnh của ngài quận công. Bởi các hiện tượng kì lạ khác của bầu trời có ảnh hưởng tới số mệnh của ngài quận công đều rất thuận lành. Chính vì thế chúng, những thiên thể siêu nhiên ấy, có thể hứa hẹn một kết

cực có hậu cho cuộc chiến. Hơn nữa, hiển nhiên là không thể bỏ qua mà không tận dụng cơ hội quý hiếm nhường ấy.

Tôi hoàn toàn không hề ngạc nhiên về những lời tiên tri của họ, bởi họ luôn tiên đoán những điều mà người cầm quyền mong muốn, nhất là sau khi cha ngài quận công truyền lệnh trừng phạt một nhà chiêm tinh dám khẳng định dòng tộc của ngài sẽ bị cái chết đe dọa chừng nào còn tính toán đồ máu để leo lên ngai vàng của người lập nên cả triều đại, do cùng lúc đó trên bầu trời xuất hiện một ngôi sao dữ kéo lê sau mình cái đuôi lửa - lời tiên tri suýt nữa đã ứng nghiệm với dòng họ thống trị.

Tôi xin nhắc lại là tôi không hề ngạc nhiên chút nào về những điều họ tiên đoán, lần này tôi hoàn toàn đồng ý với họ. Họ biết công việc của mình. Và chẳng thì cuối cùng họ cũng có ích khi làm được một việc cực kì quan trọng khiến ngài quận công, binh lính và tất cả thần dân đều tin rằng các vì sao báo điềm lành. Bây giờ tới lượt các vì sao nói lời của mình và mọi người đều rất hài lòng với những lời tiên tri đó.

Tôi thì chưa khi nào nói chuyện với các vì sao, thế mà mọi người thì lại say mê cái thú này. Đại sư Bernardo một lần nữa lại khiến tôi ngạc nhiên. Tôi qua ông lại có chuyện bí mật nói với quận công, cũng như nhiều lần trước họ lại ngồi tới tận đêm khuya. Tôi cảm thấy rõ ràng là vị đại sư già thông thái này không làm mất vị trí của mình trong cung điện như tôi tưởng. Hơn nữa những nghiên cứu thông thái tuyệt đỉnh của ông tuy nhiên không hoàn toàn xa lạ với thế giới sôi động của chúng tôi. Tôi đã nhầm lẫn.

Ông làm tôi bức tức tới mức tôi nhầm lẫn, mặc dầu tôi hiểu ông ta như đi guốc vào bụng.

Khi tôi được gọi đến hầu, rót cho họ những cốc rượu vang như thường lệ, tôi bắt gặp cả hai đang cúi mình trên bức tranh kì lạ mà đầu tiên tôi chưa hiểu là cái gì. Sau đó, được nhìn gần hơn và qua câu chuyện của họ tôi đã hiểu. Bức tranh phác họa loại vũ khí quân sự bí mật chưa từng thấy bao giờ, thứ vũ khí gieo rắc cái chết và nỗi kinh hoàng vào hàng ngũ kẻ thù. Đó là một chiến xa tiêu diệt con người bằng những lưỡi hái dài, cắt người ta ra từng khúc trên đường tiến công. Còn có một số chi tiết rất kì quái trên bánh xe được kéo bằng những con ngựa phi nước đại đâm thẳng vào kẻ thù mà



không một sự dừng cảm nào chống cự được. Những chiếc xe có mái che với mũi tên sắc nhọn giấu kín bên trong, theo ông ta nói, nó có khả năng phá tan bất cứ một đội hình chiến đấu nào và yểm hộ cho bộ binh đột nhập vào đột phá khẩu đã mở và kết liễu số phận kẻ thù. Đó là thứ vũ khí giết người kinh khủng đến mức tôi không hiểu nổi sao người ta lại có thể nghĩ ra nó.

Rất tiếc tôi không có khả năng hiến cả đời mình cho nghệ thuật quân sự và thậm chí không hiểu được dù chỉ bằng ý nghĩ thôi rằng nó sẽ mang lại điều gì. Bức tranh còn vẽ biết bao nhiêu súng cối, đại bác phun ra lửa, đá và cả những viên đạn sắt có khả năng giật đứt phăng đầu hay tay chân của con người. Tất cả được phác họa rõ ràng, y như thật dường như ngài đại sư đã trình diễn nó đúng như công dụng của nó ở ngoài đời. Ông giải thích một cách tỉ mỉ về việc vũ khí phá hủy này, vũ khí kia hoạt động ra sao, nó có khả năng tàn phá kì diệu như thế nào. Như thường lệ, ông nói về điều ấy một cách bình thản và thành thạo tựa như nó xâm chiếm hết trí óc và sức tưởng tượng của ông. Rõ ràng, ông rất hài lòng nhìn những thứ vũ khí kia hoạt động, điều đó hoàn toàn dễ hiểu bởi chúng chính là những đứa con đẻ của ông ta. Mà có ai không muốn ngắm nhìn thành quả của chính bản thân mình cơ chứ?

Ngài đại sư Bernardo làm việc này nhưng đồng thời cũng say mê hàng nghìn việc khác nữa. Ông vừa nghiên cứu thiên nhiên với đủ những bí ẩn của nó, lại vừa nghiên cứu từng nhánh hoa, hòn đá, và cũng cùng lúc lục lại cơ thể của Francesco mà tôi nhớ là khi đó ông đã kể cho ngài quận công nghe như kể về những kiệt tác vĩ đại và bí ẩn của tạo hóa. Trong lúc ấy ông còn vẽ cả bức “Buổi họp mặt kín”, đưa vị chúa siêu nhiên ấy lên bức tượng đài vô hình, vị chúa mà tập hợp quanh mình những tín đồ trung thành và bị đóng đinh câu rút vì tên phản bội bán chúa.

Tôi tin rằng dù làm việc gì chẳng nữa, ông vẫn bị cuốn hút, say mê như thế. Thế thì vì lẽ gì ông lại không say mê những thứ vũ khí kì lạ của mình nồng nhiệt như những niềm đam mê khác của ông!

Cứ cho là cơ thể con người thực tế được tổ chức rất phức tạp, mặc dù bản thân tôi cũng không biết điều này, nhưng chính những cỗ máy kia cũng không đơn giản hơn, thế mà, tôi xin nhắc lại, ông ta chính là người tạo ra chúng.

Rất lạ là ngài quận công không hẳn bị cuốn hút bởi vẻ ngoài kì lạ và đáng sợ của những thứ vũ khí kia, mặc dù theo lời thì chúng đặc biệt hữu hiệu, chỉ cần một loại vũ khí thôi đã làm cho cả một đội quân phải rút lui. Ngược lại, ngài bị hấp dẫn bởi theo ngài, vẻ đáng sợ của chúng làm cho ngài có cảm giác tin cậy. Theo ngài, chúng là những vũ khí đầu tiên, hay nói đúng hơn chúng được dành cho tương lai. Còn bây giờ cần sử dụng những gì có thể thực hiện được trên thực tế. Những thiết bị phong tỏa, những phương pháp đặt mìn dưới tường thành. Sự hoàn thiện tài tình trong cách chế tạo những cỗ máy bắn đá này đều được giữ bí mật với kẻ thù. Nói chung, một phần của tất cả những gì nhiều lần được bàn tới trước kia đã được thực hiện.

Nói chung, ngài quận công đang rất phấn chấn. Sự phong phú, đa dạng tới kinh ngạc, đáng tôn kính của những ý tưởng, giá trị đích thực của những vũ khí quý giá kia, sự bay bổng không kìm giữ nổi của trí tưởng tượng vô hạn - tất cả đều làm ngài say mê, khâm phục và ngài ca ngợi thiên tài của ngài đại sư thông thái bằng những lời lẽ tán dương, tăng bốc nhất. Chưa khi nào đại sư chứng minh sức mạnh của ý tưởng và trí tưởng tượng của mình rõ ràng đến thế. Hai con người thông thái đắm chìm trong thế giới say mê của trí tưởng tượng, những kế hoạch gìn giữ và tốt lành nhất nảy sinh trong những buổi tối cùng nhau sáng tạo. Tôi nghe họ với niềm vui sướng bởi lần này tâm hồn tôi tràn ngập niềm hân hoan và sùng kính.

Giờ đây tôi đã hoàn toàn hiểu tại sao ngài quận công mời ngài Bernardo đến cung điện, và tại sao ngài kết thân với ông ta, đối xử với ông như với những người đồng vai phải lứa, quan tâm tăng bốc và tán dương ông đến thế. Tôi cũng đã thấu hiểu niềm say mê cháy bỏng của đại sư với nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thiên nhiên của ông, hiểu những kiến thức mê mông của ông với cái lợi, cái hại của nó. Tôi cũng đã hiểu những luận giải tinh anh, sắc sảo và đáng phục của ông về hội họa và về bức “Buổi họp mặt kín” của ông, cũng như đã hiểu tất cả những gì mà con người tài ba, kiệt xuất, toàn diện này đã làm. Bây giờ tôi đã rõ tất cả.

Ông thực sự là một vị tướng vĩ đại!

Hôm nay tôi mơ một giấc mơ rất kì lạ. Tôi mơ thấy ngài đại sư đứng cao cao trên một ngọn núi, cao hơn, vĩ đại, vàng hào quang lấp lánh trên mái tóc bạc phủ lên vàng trán thanh cao của nhà tư tưởng. Quanh ông những con quái vật lao vun vút, chính những quái vật tôi đã nhìn thấy ở Santa-Croche trên bức tranh của ông ta. Chúng lao quanh ông tựa những con quỷ dữ và dường như ông thống trị chúng. Bộ mặt của những tạo vật ghê tởm này giống như mặt thần lùn và ếch. Trong khi, khuôn mặt đại sư như thường lệ vẫn trang trọng, nghiêm khắc và thanh cao. Bỗng nhiên, người ông cứ nhỏ dần đi, cơ thể co rúm lại trở nên kì quái và đáng thương. Trên người ông mọc ra hai cánh và những cái chân đầy lông tựa chân dơi. Giữ khuôn mặt trang nghiêm như trước, ông vẫy chúng lại và bỗng nhiên cùng đám quái thai gớm ghiếc kia biến khỏi mặt đất, lao vào bóng đêm.

Tôi không nghĩ giấc mơ ấy có nghĩa lí gì. Nó không mang ý nghĩa nào cả và cũng chẳng can hệ tới điều gì. Thực tế - đó mới chính là điều duy nhất có ý nghĩa nào đó.

Ông ta là con người kì quái! Điều đó tôi đã hiểu từ lâu.

Tư lệnh Boccaroza dẫn bốn nghìn binh sĩ đã vượt qua biên giới! Ông đã thọc sâu vào miền đất kia được hai dặm thì bất ngờ gặp Lodovico Montan, biệt danh Bò Đực, người này không ngờ, không lường tới cuộc tấn công này và không kịp trở tay.

Nguồn tin không thể tin nổi như một cú sét làm sững sốt cả thành phố. Sự kiện khó tin này làm rung động tất cả mọi trí não.

Hoàn toàn bí mật, ngài tư lệnh tập trung lính đánh thuê trên một ngọn núi hiểm trở ở miền đông nam và tổ chức cuộc tấn công thần kì, thắng lợi oanh liệt đến thế.

Không một ai biết gì cả, kể cả chúng tôi. Không ai ngoài ngài quận công biết - người chỉ huy chân chính, người khởi xướng kế hoạch tấn công thiên tài ấy!

Bây giờ những ngày tồn tại của dòng họ Montan đã chấm dứt, đối với cả tên Lodovico đáng ghét kia, đối với đồng bào của hắn và cả với chúng tôi

thì cuối cùng cái cổ to của hắn đã bị bẻ gãy và theo đó quyền lực dòng họ đề tiện của hắn cũng tiêu tan.

Mặc dù rất tinh quái nhưng hắn ta đã bị lừa rất khéo. Không hoài nghi gì việc hắn đã ngờ ngài quận công đã ấp ủ lâu kế hoạch tấn công nhằm vào hắn, nhưng vì hắn biết trong thành phố không hề có quân đội nên đã không hề lo lắng. Vả lại, hắn chờ đợi cuộc tấn công từ hướng khác, nơi địa hình hiểm trở, và cả ở phía thậm chí không có tường thành biên giới. Với Bò Đực thế là đã hết! Thời khắc bị trả thù đã đến!

Khó mà diễn tả tâm trạng bao trùm lên cả thành phố. Ngoài phố, người người chen chúc nhau làm trò, hét vang, huyên náo, nhảy lên hoặc đứng yên lặng nhìn đội quân của ngài quận công. Không biết từ đâu họ hiện ra, cứ như thể từ dưới đất chui lên vậy. Tất cả cho thấy cuộc tiến công được chuẩn bị rất kĩ lưỡng.

Những hồi chuông vang lên trong không trung, nhà thờ đầy người, chen chúc nhau ở mọi lối vào. Cha đạo khấn những bài kinh mừng chiến thắng. Không nghi ngờ gì nữa, cuộc tấn công được thực hiện với lời chúc phúc và sự tán thành tuyệt đối của nhà thờ. Mà làm sao có thể khác được! Cuộc chiến của chúng tôi đã thắng lợi vẻ vang.

Toàn thể dân chúng hoan hỉ. Cung điện tràn ngập niềm vui - một sự phấn chấn chưa từng có còn ngài quận công được sùng kính vô bờ.

Quân đội chúng tôi được chuyển đến hoạt động ở vùng khác: Họ vượt qua biên giới miền Đông, men theo triền sông rộng - con đường tiến công cổ xưa. Họ sẽ dừng lại ở đồng bằng cạnh chân núi nơi địa hình rất thuận tiện cho cuộc tấn công, nơi mà mặt đất thấm đẫm máu anh hùng. Họ sẽ phối hợp với quân của ngài tư lệnh. Kế hoạch chiến dịch là thế. Chính tôi đã dò hỏi được cơ đấy!

Tôi đã biết điều đó là chính xác, nhưng lại muốn biết tất cả tường tận hơn nên nảy ra một ý định. Tôi bận bịu với việc làm thế nào để thám thính tình hình. Không bỏ lỡ cơ hội nào, tôi nghe trộm, nấp sau cánh cửa, sau tủ và các bức tường, trốn chui trốn lủi để nghe được nhiều nhất những sự kiện vĩ đại đang diễn ra.

Kế hoạch mới hoàn hảo làm sao! Chắc chắn chúng tôi sẽ giành thắng lợi. Sự thực là lần này khu vực chiến đấu có bức thành biên giới, nhưng rồi chúng sẽ sụp đổ. Chưa kể đến là kẻ thù sẽ tự đầu hàng, bởi bất cứ một sự kháng cự nào cũng đều vô nghĩa. Mà cũng có thể chúng sẽ phản công, nhưng đằng nào thì chúng cũng không làm gì nổi. Không gì có thể cản bước tiến của chúng tôi chừng nào cuộc tấn công còn bất ngờ, gây kinh hoàng, khiếp đảm kinh hồn đến thế. Ngài quận công của chúng tôi, vị thống soái mới tài ba kiệt xuất làm sao! Thật đúng là con cáo già đầy kinh nghiệm sẵn mồi. Mưu kế của ngài mới tinh quái, thông thái quá đổi! Biết bao nhiêu sự vĩ đại ẩn trong những mưu lược chiến tranh này!

Tôi tự hào vì đã là người lùn của ngài.

Tất cả suy nghĩ của tôi lúc này đều dồn vào điều duy nhất là làm thế nào để được tham gia vào cuộc chiến. Tôi cần phải chiến đấu bằng bất kì giá nào. Tôi phải làm gì để thực hiện ước mơ của mình đây? Tôi chẳng có một chút kiến thức quân sự nào theo đúng nghĩa của từ này. Những kiến thức đòi hỏi ở một nhà lãnh đạo quân sự hay chí ít chỉ một người lính thôi cũng phải có. Nhưng tôi cũng có vũ khí đấy nhé! Tôi có thể đấu kiếm như một người đàn ông thực thụ. Thanh kiếm của tôi không tồi hơn lưỡi kiếm của người khác đâu! Chỉ có điều là nó ngắn hơn. Nhưng lưỡi kiếm ngắn hơn đôi khi còn nguy hiểm hơn những lưỡi kiếm dài chứ! Chính những kẻ thù kia sẽ được trải nghiệm điều đó.

Tôi phát ốm vì những ý nghĩ luôn ám ảnh trí não, vì sợ hãi phải ở nhà với phụ nữ và trẻ con. Tôi sợ phải ở nhà vào chính cái lúc mà điều gì đó rất cuộc sẽ xảy đến. Bởi lẽ vụ thảm sát dường như sắp xảy ra ngay chính lúc này, khi cuộc chiến mới chỉ bắt đầu.

Tôi đang khát máu!

Người ta sẽ cho tôi đi! Sẽ mang tôi theo!

Cuối cùng, sáng nay tôi đã tâm sự tất cả cùng ngài quận công, nói cho ngài biết khao khát cháy bỏng của tôi là được tham chiến. Tôi nói ra đề nghị của mình tha thiết tới mức ngài không còn thờ ơ nữa. Thế là tôi đã gặp may.

Ngài vuốt những lọn tóc vừa chải vương trên trán - dấu hiệu chính xác cho thấy ngài đang trong tâm trạng thoải mái và khi nhìn tôi, cặp mắt đen của ngài sáng lên. “Tất nhiên, ngươi sẽ được đi chiến đấu” - ngài nói với tôi. Chính ngài sẽ đi chinh chiến và tất nhiên mang tôi đi cùng. Làm sao ngài quân công có thể đi mà không có người lùn của ngài ở bên? Ai có thể rót rượu cho ngài đây? Ngài vui vẻ nháy mắt với tôi.

Ngài sẽ cho tôi đi! Tôi sẽ được đi!

Bây giờ tôi ngồi trong chiếc lều dã chiến căng trên một ngọn đồi mọc đầy thông. Từ chỗ này nhìn bốn giắc dưới chân núi rõ như lòng bàn tay. Vải lều in sọc to màu vàng và đỏ - màu ưa thích của ngài quân công. Vải lều vỗ phàn phật trong gió, thổi thúc và giục giã như âm thanh của chiếc kèn lệnh. Tôi đã đủ lệ bộ trong trang phục nhà binh, y hệt như ngài quân công: cũng giáp trụ, mũ và thanh kiếm đeo ở dây bạc bên hông. Trời đã về chiều, bây giờ ngoài tôi không có người nào ở đây. Vọng đến tai tôi lúc này là giọng nói của các tướng sĩ, bàn bạc kế hoạch cho trận đánh ngày mai, xa xa vọng lại giọng hát hùng dũng, âm vang của binh lính. Dưới đồng bằng, tôi nhìn thấy lều đen trắng của gã Bò Đực và những bóng người hối hả chạy ngược chạy xuôi, bé tí tẹo đến nỗi cảm tưởng như họ chẳng gây hại cho ai được. Xa xa bên trái, tôi nhìn thấy như lính kỵ binh không áo giáp, ở trần đang tắm cho đàn ngựa dưới sông.

Chúng tôi đã ở chiến trận hơn một tuần, thời gian được lấp đầy bằng những sự kiện vĩ đại. Cuộc chiến tiến triển đúng như tôi dự đoán. Chúng tôi đã chiếm được những thành trì biên giới của kẻ thù. Ngay sau loạt bắn phá đầu tiên, những quả trái phá tuyệt đích, độc nhất vô nhị của đại sư Bernardo đã chứng minh sức mạnh của mình. Kinh hoàng vì những loạt đại bác ghê hồn, cả doanh trại địch đã đầu hàng. Trong lúc hấp tấp, gã Bò Đực đã điều một số quân tinh nhuệ của mình hùng mưu toan dừng bước tiến của Boccaroza nhưng chúng tôi đã chiến thắng trong trận đấu ác liệt với gã. Chính vì thế kẻ thù càng không thể sánh với chúng tôi về binh lực. Giữa lúc đó, binh lính đánh thuê của Boccaroza phải đối mặt với sự kháng cự, bằng súng và kiếm họ dọn đường tiến về đồng bằng, không thêm tìm diệt đến bọn còn sống để phối hợp với chúng tôi ở phía Bắc.

Giữa trưa, cuộc gặp gỡ tối quan trọng được mong đợi từ lâu đã diễn ra nhằm chuẩn bị cho bước tiếp theo của chiến dịch. Giờ đây đội quân đã hợp nhất, chúng tôi gồm hơn mười lăm nghìn lính, trong đó có hai nghìn kỵ binh, đang đứng ở miền trung du, giữa đồng bằng và núi.

Tôi có mặt trong buổi gặp gỡ của ngài quận công và tư lệnh của ngài. Đó là những phút giây lịch sử trọng đại không thể nào quên. Ngài quận công làm tất cả mọi người ngạc nhiên vì vẻ trẻ trung lúc này của ngài. Ngài thật oai phong trong chiếc giáp bào làm bằng bạc mạ vàng. Trên mũ có hai chiếc lông vũ: một vàng, một đỏ, chúng lung linh đẹp kì lạ khi ngài, theo sau là đoàn tùy tùng đông đúc, chào người đồng minh nổi tiếng lạnh lùng của mình một cách thanh lịch. Khuôn mặt xanh xao vẻ quý tộc của ngài ửng hồng lên một chút, đôi môi dày nở nụ cười chân thành thân ái, nhưng ngay lúc đó, như thường lệ, lại bị kìm giữ lại, cứ như ngài đang trong mối lo âu, căng thẳng nào đó. Tư lệnh Boccaroza đứng đối diện với ngài, hùng dũng và cao lớn - một người khổng lồ thật sự. Trong tôi xuất hiện một cảm giác rất lạ, dường như tôi mới thấy ông ta lần đầu tiên. Nhưng đúng là lần đầu tiên tôi thấy ông như thế - bởi ông vừa từ chiến trận tới đây. Trên người ông vẫn giữ nguyên bộ giáp thép hết sức giản dị so với giáp bào của ngài quận công, vật trang sức duy nhất của chiếc áo là cái mặt thú làm bằng đồng đỏ treo trên ngực áo - cái mõm sư tử nhe nanh trong cơn giận dữ. Trên mũ ông chẳng có chiếc lông vũ nào, cũng chẳng có đồ trang trí gì, chỉ là chiếc mũ trống trơn. Tôi cảm giác, mặt ông ta đáng sợ nhất trong tất cả khuôn mặt của loài người. Khuôn mặt rõ béo nung núc với hàm răng ghê đến nỗi bạn sẽ giật nảy mình nếu bất ngờ nhìn thấy, rồi còn cái mõm loài thú ăn thịt đỏ máu kia nữa. Đôi môi dày mím chặt, ánh mắt như ẩn sâu vào chốn xa xăm nhất tựa như mãnh thú trong lúc mai phục. Tôi nghĩ ông ta sẽ chiếu ánh mắt ấy vào bất cứ kẻ thù nào đang chạy trốn dù chỉ một khoảnh khắc thôi thì kẻ đó phải rời khỏi nơi ẩn náu của mình. Thật kinh sợ khi nhìn ông ta. Nhưng chưa khi nào tôi gặp một người có vẻ đàn ông như ông ấy. Đối với tôi, ông ta là hiện thân của quyền lực. Tôi như bị mê đi, nhìn ông bằng cái nhìn xa xăm của mình, cái nhìn đã soi rọi mọi thứ trên thế gian, cái nhìn của một người lùn giữ trong mình kinh nghiệm ngàn năm.

Ông ta là người trầm tĩnh, hầu như lúc nào cũng im lặng. Mọi người vẫn nói chuyện. Chỉ duy có một lần ông mỉm cười vì câu nói gì đó của ngài

quận công. Tôi không biết tại sao tôi nói là ông mỉm cười, nhưng nếu ở người khác thì đúng là nó được gọi là cười mỉm.

Thật thú vị là có lẽ cũng như tôi, ông không biết cười.

Mặt ông ta không nhăn nhui như người khác. Ông cũng sinh ra từ dòng giống cổ xưa, chỉ có điều không tới mức cổ xưa như tôi. Tôi có cảm giác là bên cạnh ông ta, ngài quận công chẳng là gì cả mặc dù lòng tôn kính với người chủ của tôi đã đặc biệt tăng lên trong thời gian gần đây như có lần tôi đã kể.

Tôi hy vọng được chiêm ngưỡng ông trong khi chiến trận đang diễn ra ác liệt.

Rạng đông ngày mai sẽ diễn ra một trận đánh quyết định. Tôi đã tưởng sẽ tấn công ngay không chậm trễ khi hai đội quân của chúng tôi đã hợp nhất và khi Lodovico chưa kịp định thần, đang cuống cuồng chuẩn bị lực lượng. Tôi bày tỏ những suy nghĩ của mình với ngài quận công nhưng ngài đáp rằng nên cho mọi người ngừng bắn. Theo ngài, cần phải xử sự như một hiệp sĩ với địch thủ của mình, cho hấn khả năng để chuẩn bị binh lực trước cuộc chiến trọng đại nhường ấy. Tôi hoài nghi về sự khôn ngoan, thận trọng, hợp lí của phương sách tác chiến ấy. Sự thận trọng lúc nào cũng chỉ là sự thận trọng, ngài nói, nhưng trước tiên ta là hiệp sĩ và phải xử sự như một hiệp sĩ. “Đạo luật ấy của chúng ta hấn không nghĩa lí gì đối với người.” Tôi lắc đầu. Phải cố mà hiểu, cố mà nắm giữ cái con người kì lạ này. Giá tôi biết được quan điểm của tư lệnh Boccaroza.

Để thấy là gã Bò Đực không bỏ phí thời gian vô ích. Từ chỗ này chúng tôi quan sát thấy tất cả. Chỉ trong một ngày hấn đã vội vã tập trung khôi phục binh lực.

Lẽ tất nhiên là đảng nào chúng tôi vẫn chiến thắng, điều đó đã được định trước. Rất có thể còn chiến thắng oanh liệt hơn vì hấn ta đang gia tăng lực lượng sẽ có biết bao kẻ bị rơi đầu đây. Kẻ thù càng nhiều chiến thắng càng lấy lòng. Có lẽ, hấn cũng hiểu rằng đảng nào cũng chết và càng ít lính hơn thì càng tốt cho hấn ta. Nhưng hấn là người kiêu ngạo và cực kì cứng đầu, đúng như bò đực.



Tuy nhiên sẽ là sai lầm lớn nếu nghĩ rằng hắn ta dù sao cũng không nguy hiểm. Thực chất hắn là một viên tướng kiệt xuất, ranh ma, táo bạo và khéo léo. Hắn sẽ là một địch thủ đáng gờm nếu như cuộc chiến này không giáng vào đầu hắn một đòn bất ngờ đến thế. Mỗi ngày, hắn bận càng hiểu rõ hơn tấn công bất ngờ như thế quan trọng tới mức nào, điều mà có lẽ suốt thời gian chinh chiến chúng tôi sẽ nhớ tới nhiều lần.

Tôi biết kế hoạch chiến đấu ngày mai rất chi tiết. Đội quân của chúng tôi, tức là quân của ngài quận công sẽ đánh vào trung tâm, còn quân của Boccaroza sẽ đột kích bên cánh trái. Như vậy, chúng tôi tấn công từ hai hướng chứ không phải từ một hướng. Đó cũng là lẽ hoàn toàn tự nhiên vì chúng tôi có hai cánh quân. Quân thù chỉ có một đội quân và sẽ phải đầu hàng ngay lập tức ở cả hai phía. Rõ ràng điều đó gây khó khăn cho kẻ thù còn chúng tôi lại chiếm ưu thế. Không còn nghi ngờ gì về kết cục của cuộc chiến. Dù vậy, tất nhiên chúng tôi vẫn phải chuẩn bị đón nhận những tổn thất đã được tính trước. Nói chung, tôi nghĩ đó sẽ là một cuộc chiến đẫm máu. Tuy nhiên sẽ chẳng đạt được gì nếu không hy sinh. Trận chiến này quan trọng vô cùng bởi kết cục của cả cuộc chiến tranh đều phụ thuộc vào đó. Và sự nghiệp đòi hỏi sự hy sinh.

Những bí mật nghệ thuật quân sự ngày càng cuốn hút tôi, những điều mà trước đây vẫn còn bí ẩn với tôi. Giờ đây sự phong phú và căng thẳng của cuộc sống chinh chiến thậm chí còn làm tôi hết sức thích thú. Cuộc sống mới tuyệt diệu làm sao! Tham gia chinh chiến, ấy là sự giải thoát, sự tự do tuyệt diệu cho cả thể xác lẫn tâm hồn! Bạn dường như trở thành con người hoàn toàn khác. Chưa bao giờ tôi cảm thấy sảng khoái như thế này. Cảm giác thật dễ thở. Kể cả đi lại cũng dễ dàng hơn. Cơ thể cứ như không có trọng lượng vậy.

Trong đời mình, chưa bao giờ tôi cảm thấy hạnh phúc đến thế. Phải nói thế nào nhỉ? Có lẽ tôi đã hiểu thế nào là hạnh phúc.

Ôi! Ngày mai!

Như một đứa trẻ, tôi vui mừng vì trận đánh sắp tới.

Tôi đang rất vội vã và sẽ nói vắn tắt thôi.

Cuộc chiến đã giành thắng lợi, thắng lợi oanh liệt. Bọn giặc đã bỏ chạy hỗn loạn, cố gắng một cách vô ích thu nhặt đám tàn quân. Chúng tôi đã truy kích sát gót! Giờ đây thành phố khó có thể xâm phạm của xứ Montan đã ngổ lồi dần vào.

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe trận đánh thần kì này ngay khi có thời gian.

Các sự kiện tự nói bằng ngôn ngữ của mình - từ ngữ chẳng nghĩa lí gì nữa. Tôi thay ngòi bút bằng thanh kiếm.

Cuối cùng tôi cũng được rảnh rang một chút để nghĩ lại cái gì đó. Những ngày cuối cùng chúng tôi kiên trì tiến lên phía trước, trong chúng tôi cảm giác xúc động, phấn chấn vẫn nguyên vẹn như trước. Trước đây hàng đêm chúng tôi vẫn dựng lều còn bây giờ chúng tôi hạ trại ngay ngoài trời, giữa những lùm cây mầu đơn và ôliu. Chúng tôi ngủ cuộn tròn trong áo mưa và gối đầu lên những tảng đá. Cuộc sống mới tuyệt diệu làm sao! Bây giờ, như đã nói, tôi đã rảnh rang hơn trước. Ngài quận công nói rằng chúng tôi được phép nghỉ ngơi. Có lẽ ngài nói đúng. Rốt cục thì những chiến thắng liên tiếp cũng khiến người ta mệt mỏi. Chúng tôi đứng cách thành phố thật gần, cả thành phố hiện rõ trước mắt chúng tôi như nhìn vào lòng bàn tay mình vậy. Tọa lạc giữa khu đồi là lâu đài cổ kính của Montan, vây bọc xung quanh là những nóc nhà nhọn, những ngọn tháp nhà thờ, những tháp 30 chuông. Xa xa là những ngôi nhà đơn sơ hơn, những ngôi nhà được bao bọc bằng những bức tường cao, thật đúng là một ổ cướp thực sự. Chuông nhà thờ đồng vọng tới chỗ chúng tôi - chắc hẳn bọn họ đang xin sự cứu rỗi của chúa. Chúng tôi cố gắng để không phải nghe những lời cầu nguyện của họ. Tên Bò Đực tập hợp nơi đây tất cả đám tàn quân của mình, trên đồng bằng giữa chúng tôi và đồi núi. Hắn tập trung tất cả những ai hắn có thể thu nhận. Dù có cản trở đến đâu thì hắn cũng chẳng trụ được, chẳng thể chịu được những đòn trời giáng của chúng tôi. Có lẽ như một viên tướng tài ba kiệt xuất đến thế cũng không ý thức hết tình thế tuyệt vời của mình. Nhìn chung hắn cũng định chiến đấu trước khi bỏ tất cả những gì còn lại của mình vào cuộc để chạy thoát cái số phận đã được định đoạt. Đó là mưu toan cuối cùng của hắn để cứu cả thành phố của mình.

Mưu kế ấy hoàn toàn vô nghĩa lí. Số phận của triều đại Montan đã được định đoạt ngay từ buổi sáng lịch sử gần một tuần trước đây và giờ đây giờ khắc cuối cùng của nó đã đến.

Dưới đây tôi sẽ cố gắng miêu tả một cách tỉ mỉ chính xác về trận đánh vĩ đại vô song này.

Trận đánh bắt đầu từ khi hai cánh quân của tôi nhất tề tấn công, chính xác như tôi dự đoán. Từ đỉnh đồi nhìn xuống, cảnh tượng vô cùng hùng vĩ trở nên niềm hân hoan, cổ vũ cho cả ánh mắt và tâm hồn. Quân nhạc vang lên, lá cờ của ngài quận công tung bay giữa lưng linh rừng cờ rực rỡ, đẹp tuyệt. Những bức tường thành được soi rọi bằng ánh sáng mặt trời vừa rạng, theo âm thanh kêu vang của những chiếc kèn bằng bạc từ sườn núi, đoàn kỵ binh lao xuống ào ào như tuyết lở. Quân địch đã rình sẵn xông vào xiết chặt vòng vây và ngay lập tức những tên địch được trang bị tới tận răng sôi sục lao vào trong trận chiến giáp lá cà. Dường như, ở nơi ấy máu chảy thành sông. Những cơ thể người như bị cắt ra, thương tích, cổ lết nhưng vẫn bị giết cho tới tận khi chết hoặc chí ít cũng bị xéo nát. Những tiếng kêu ai oán văng trọi, như bất kì một cuộc chiến nào. Cuộc chiến đấu cuộn cuộn, chao đảo tựa như biển nổi cơn thịnh nộ, chỗ này, cảm tưởng như chúng tôi chiếm ưu thế, chỗ kia ưu thế lại thuộc về kẻ thù. Lúc đầu Boccaroza làm ra vẻ cùng một hướng tấn công với chúng tôi nhưng dần dần quân của ông hướng theo hình vòng cung, xông thẳng vào kẻ thù từ bên sườn. Quân giặc bị tấn công một cách bất ngờ, bởi mưu kế thông minh nên không cách gì chống cự được. Theo tôi, chiến thắng không chỉ ở sau dãy núi mà ở tận biên giới. Thời gian trôi đi, mặt trời đã đứng bóng.

Bỗng nhiên, một điều gì đó rất khủng khiếp xảy ra. Đội quân chúng tôi bên bờ sông đang dao động, khiếp sợ. Họ bắt đầu rút lui trước sức tấn công ồ ạt của quân bên phải của Lodovico. Chúng đẩy lùi họ mỗi lúc một sâu hơn, còn họ chỉ biết làm mỗi một việc là yếu ớt chống cự. Dường như họ đã mất hết tinh thần chiến đấu. Họ lùi dần, lùi dần như sợ cái chết tới mức sẵn sàng mua cuộc sống bằng bất cứ giá nào. Tôi không tin vào mắt mình nữa. Tôi không hiểu nổi đã xảy ra chuyện gì khi chúng tôi đang chiếm ưu thế về số lượng: tôi xấu hổ vô cùng vì sự hèn nhát đê tiện này! Tôi nổi điên lên, tôi hét, tôi giậm chân, tôi giơ nắm tay dọa họ trong cơn giận dữ điên cuồng, trút lên họ những lời nguyên rủa thậm tệ, trút ra tất cả sự phẫn nộ và miệt

thị của mình. Nhưng ích gì đâu kia chứ! Tất nhiên là họ không nghe thấy tôi nói - họ cứ lui, mặc tôi cảm thấy mình như phát điên lên. Mà cũng chẳng có ai đến cứu giúp họ! Không ai để ý đến tình cảnh khốn khó của họ. Mà họ cũng chẳng đáng được cứu giúp!

Bỗng nhiên tôi nhìn thấy ngài quận công, người đang chỉ huy ở phía trung tâm, ra hiệu cho đội quân phía sau mình. Quân lính tiến lên phía trước theo hướng bờ sông và dùng mãnh lướt qua hàng loạt kẻ thù. Với sức mạnh vô song, không kìm giữ nổi họ giành lại từng tấc đất trên đường tới con sông. Cho tới khi ủa ra bờ sông với những tiếng hô hân hoan. Cuộc phản công của kẻ thù đã bị đập tan! Không dưới năm trăm, sáu trăm con người đã ở trong vòng vây. Chúng bị bao vây và không còn cách nào khác ngoài việc chờ đợi người ta tàn sát mình.

Tôi sửng sờ vì kinh ngạc. Tôi chưa từng biết đến mưu mô chiến đấu nào tương tự như thế. Tôi như vừa trút được một trái núi khỏi vai.

Đằng xa, cảnh chinh chiến vẫn tiếp diễn. Đội quân của chúng tôi bắt đầu bao vây địch từ mọi hướng, ép chúng vào dải đất hẹp ở giữa chiến trường và dòng sông. Cuối cùng, bọn giặc bị xiết chặt đến độ không cựa quậy được và bị chúng tôi tàn sát không thương tiếc. Trong đời mình tôi chưa từng nhìn thấy bể máu như thế. Bể máu ấy còn chan chứa hơn, kinh khủng hơn khi chúng tôi dồn thẳng chúng xuống sông, đổ xuống đây cả đồng giặc, dìm chúng như những con mèo. Chúng bị dòng nước cuốn đi một cách tuyệt vọng, chìm xuống chỗ nước xoáy, la hét, kêu cứu, chúng xử sự hoàn toàn không như một người lính. Hầu như chẳng ai trong số chúng biết bơi, có lẽ đây là lần đầu chúng bị rơi xuống nước. Còn những kẻ có ngoi lên được thì cũng ngay lập tức bị dìm chết. Ngay cả những kẻ cố dươn sang bờ bên kia thì cũng bị dòng nước xiết cuốn đi. Hầu như không tên nào thoát khỏi cái chết.

Sự ô nhục đã chuyển thành chiến thắng vẻ vang.

Từ giờ phút này các sự kiện đều dồn dập ồ ạt tới mức khó tin. Cánh quân ở giữa đột kích dồn dập vào kẻ thù, ở cánh trái tình thế tương tự, bên cánh phải đội quân của Boccaroza tàn sát quân giặc với sức phần nộ gấp đôi. Từ sườn núi, đoàn kỵ binh được nghỉ ngơi, tràn đầy sinh lực và lao

thăng vào đám tàn quân, gây ra một nỗi khiếp đảm, kinh hoàng cho đội quân bị bao vây, và một lũ của Lodovico. Không thể chịu nổi, chúng nhanh chóng giơ lưng ra đỡ đòn của chúng tôi. Đoàn kỵ binh dẫn đầu, chúng tôi theo sau, truy kích địch để hưởng thụ tận cùng cái chiến thắng vẻ vang ấy. Lẽ tất nhiên ngài quận công không dành cho chúng một cơ hội tẩu thoát nào. Một vài cánh quân, cả kỵ binh và bộ binh bỗng nhiên tách khỏi hàng quân, tiến theo sườn núi - rõ ràng là để cắt đường rút của địch. Cuộc chiến vẫn tiếp diễn nhưng chúng tôi không thể nhìn thấy bởi ngọn núi đã che khuất cuộc giao tranh. Cảnh tượng đột ngột mất hút tầm mắt, bị che khuất giữa những đồi núi đầy nho dọc phía bên kia của đồng bằng, nơi vừa mới đây còn là chiến trường.

Trên đồi, trại của chúng tôi bắt đầu chuyển quân, tất cả đều nhận nhip. Chúng tôi thắng ngựa vào xe tải, hồi hả chờ theo tất cả vũ khí, quân trang, tất cả mọi người đều chạy, bận rộn, hồi hả. Đoàn xe chuẩn bị lên đường. Tôi phải đi trên chiếc xe tải chở lều của ngài quận công. Tín hiệu xuất phát vang lên, chúng tôi xuống núi, lao ra chiến trường mà bây giờ tựa hồ một sa mạc tiêu điều, thê lương rải đầy xác chết và thương binh. Xác người nhiều đến nỗi chốc chốc chúng tôi đành phải đi dè lên. Phần lớn bọn chúng đã chết nhưng một số mới bắt đầu kêu la như bị chọc tiết. Những binh lính bị thương của chúng tôi hét lên để ra hiệu, cầu xin chúng tôi chờ họ theo, nhưng chúng tôi không thể, bởi phải nhanh chóng đuổi kịp đội quân. Dường như chiến tranh tôi luyện để bạn phải quen với mọi thứ. Dù sao tôi cũng chưa có dịp nhìn thấy một cái gì tương tự như thế. Người ngựa nằm hỗn độn, la liệt. Chúng tôi lướt qua một thân ngựa nằm phơi cái bụng bị vỡ tung, lòng ruột phòi hết ra ngoài. Tôi không thể nhìn cái cảnh suýt nữa nôn ọe.

Chính tôi cũng không biết tại sao điều đó tác động mạnh tới tôi đến thế. Tôi quát người đánh ngựa đuổi theo nhanh. Ông ta quát roi vun vút và chúng tôi lao về phía trước.

Thật là kì lạ. Đã nhiều lần tôi nhận ra là mình khá miễn cảm trong các mối quan hệ. Có những thứ, những việc mà tôi hoàn toàn không chịu nổi. Chúng làm tôi thấy lợm giọng, ghê tởm và bắt tôi nhớ lại ruột rà của Franchesco. Dường như những gì tự nhiên nhất vì sao đó cũng luôn tanh hôi, ghê tởm.

Ngày dần tàn. Đáng tiếc là mọi thứ trên thế gian này đều có hồi kết thúc. Mặt trời lấp ló nơi đỉnh núi chiếu những tia tiền biệt cuối ngày xuống chiến trường - một minh chứng của sự dũng cảm vô song, của vinh quang tuyệt đích và sự thất bại thảm hại.

Ngồi trên xe tải lắc lư, xoay lưng về phía những con ngựa tôi nhìn hoàng hôn phủ đặc quánh trên đồng bằng.

Chiếc sân khấu vừa trình diễn thảm kịch đầm máu kia, giờ đã là tài sản vô giá của lịch sử, nó đang chìm dần vào bóng tối.

Bây giờ tôi có thể làm bao nhiêu tùy thích công việc viết lách của mình. Trời mưa dai dẳng.

Bầu trời như tách ra đổ xuống những cột nước. Mưa đổ cả ngày, cả đêm.

Đáng ghét là trong trang trại rất bẩn thỉu và lầy lội. Lối đi giữa các lều trở nên đặc quánh những bùn và đất sét mà bạn rất có thể bị sa lầy đến tận gối ở các nơi ngấp ngựa, hỗn độn phân người, phân ngựa này. Tất cả đều nhớp nhúa, bẩn thỉu, khó chịu mỗi khi phải chạm vào. Nước dội vào bên trong qua tấm vải lều làm tất cả đều ướt nhoét. Dĩ nhiên điều đó cũng ít nhiều tác động đến tinh thần. Mỗi ngày chúng tôi đều hi vọng rằng ngày mai thời tiết sẽ đẹp hơn nhưng khi tỉnh dậy lại nghe thấy tiếng mưa lộp độp trên mái lều.

Chẳng lợi lộc gì trong cơn mưa bất tận này! Nó ảnh hưởng đến việc chinh chiến, cả cuộc chiến tranh phải dừng lại. Mà lại đúng lúc mà chúng tôi có thể thụ hưởng những thành quả chiến tranh tuyệt vời của chúng tôi. Vì lẽ gì mà trời lại mưa cơ chứ!

Binh lính đều chán nản, rầu rĩ. Họ chỉ biết làm một việc là ngủ và chơi xúc xắc. Lẽ dĩ nhiên là học mất hết tinh thần chiến đấu. Gã Bò Đực, không còn nghi ngờ gì nữa, đang tận dụng thời gian để chuẩn bị lực lượng. Còn chúng tôi cũng chẳng mạnh hơn chút nào. Chẳng có gì phải lo lắng, nhưng dĩ nhiên là rất bực mình.

Thật chẳng có gì hủy hoại tinh thần chiến đấu của binh lính hơn là mưa. Cảnh tượng chinh chiến không còn gây hưng phấn nữa, tất cả như mờ đục đi, mất hết vẻ bóng bẩy vốn có, ấy là tất cả những gì vốn rực rỡ, lung linh, tươi vui gắn với chiến tranh. Mọi vẻ đẹp bị lu mờ. Tuy nhiên không nên hình dung chiến tranh như một ngày hội vĩnh hằng. Chiến tranh không phải trò đùa, đó là việc nghiêm túc. Đó là sự chết chóc, sự hủy diệt và tiêu vong. Nó không chỉ đơn giản là một cách giết thời gian để chịu trong cuộc giao tranh hấp dẫn với kẻ địch đã bị suy yếu về binh lực. Ở đó cần phải học sự kiên nhẫn, lòng nhẫn nại, cam chịu và khả năng chịu đựng bất cứ sự mất mát, bất hạnh, gian khổ và nỗi đau nào. Và điều đó là thực sự cần thiết.

Nếu sự chán nản xâm chiếm cả đoàn quân thì đó là sự việc có thể sẽ chuyển hướng nguy cấp. Chúng tôi còn không ít việc phải hoàn thành, trước tiên chúng tôi phải chiến thắng! Bọn giặc chưa bị đánh bại, tất nhiên đánh bại chúng cũng chẳng cần đợi lâu nữa. Phải thừa nhận là bọn chúng đã khéo léo rút quân sau trận thất bại khiếp đảm bên bờ sông, chúng đã rút từng bộ phận ra khỏi vòng vây. Còn bây giờ, tôi xin nhắc lại, bọn chúng đang chuẩn bị binh lực. Bởi thế, để tiêu diệt tận gốc bọn chúng, chúng tôi phải có tinh thần chiến đấu như trước, đó là đòi hỏi cấp bách lúc này.

Tất nhiên, không thể nhận thấy sự chán nản dù nhỏ nhất ở ngài quận công. Ngài thuộc loại người thực sự yêu thích chiến tranh. Với tất cả cách biểu hiện của nó. Ngài bình tĩnh, lạc quan và đầy nghị lực, thường xuyên trong trạng thái tinh thần thăng bằng và minh mẫn. Không giây phút nào ngài đánh mất sự hùng dũng và niềm tin tưởng vào chiến thắng. Thật là một chiến binh ưu tú! Trong chinh chiến tôi và ngài giống nhau kì lạ.

Chỉ duy nhất có điều tôi cực lực phản đối ngài và không thể tha thứ cho ngài, là nguyên nhân của những lời chửi rủa thậm tệ nhất của tôi, đó là việc ngài cương quyết loại tôi khỏi cuộc chiến. Tôi không hiểu vì lẽ gì, ngài từ chối tôi? Vì lẽ gì ngài ngăn cản tôi? Trước mỗi cuộc giao tranh tôi đều cầu xin ngài, thậm chí có lần tôi quỳ xuống ôm lấy chân ngài mà kêu than một cách đau khổ! Nhưng khi thì ngài giả vờ không nghe thấy, khi thì đáp lại bằng nụ cười, ngài nói rằng ngài rất yêu quý tôi và cầu trời cho đừng có chuyện gì xảy ra với tôi. Nó sẽ xảy ra! Thậm chí tôi chỉ luôn mơ ước tới điều đó! Ngài không muốn hiểu rằng điều đó xiết bao quan trọng với tôi. Ngài không hiểu rằng, bằng cả tâm hồn mình tôi hướng ra cuộc chiến, y

như các chiến binh của ngài, mà còn hăng hái hơn, nhiệt tâm hơn, chân thành hơn và cũng say mê hơn cả họ. Đối với tôi chiến tranh không phải trò đùa mà chính là cuộc sống. Tôi khao khát chinh chiến, khao khát được tàn sát xiết bao! Không phải vì tôi muốn nổi trội mà vì chính cuộc chiến. Tôi muốn nhìn thấy những kẻ bị đánh tơi tả ngã xuống xung quanh tôi, tôi muốn nhìn thấy cái chết và sự diệt vong. Ngài không có nghi ngờ xem tôi chính là người như thế nào. Tôi phải lấy rượu vang dâng ngài, phải hầu hạ ngài và không được rời khỏi lều một bước trong lúc tâm hồn tôi khao khát chiến đấu. Tôi phải làm khán giả, buộc phải xem người khác làm những việc mà cả tâm trí, ý nghĩ của tôi dồn vào đó - bởi tôi không được phép tham gia chinh chiến. Thật một sự sỉ nhục không thể chịu nổi. Cho tới giờ tôi chưa từng giết được một người nào! Giá như ngài biết được ngài gây đau khổ cho tôi ra sao khi cướp mất của tôi khả năng ấy!

Chính vì thế tôi chưa thật sự chân thành khi khẳng định rằng tôi hạnh phúc một cách đích thực.

Tất nhiên, người khác cũng nhận ra lòng nhiệt thành chinh chiến của tôi. Nhưng khác với ngài quận công, họ không biết điều đó quan trọng với tôi tới nhường nào. Họ chỉ nhìn thấy tôi lúc nào cũng mặc giáp lính, và họ rất ngạc nhiên. Tôi hoàn toàn bàng quang với ý nghĩ của họ về tôi và về vai trò của tôi trong cuộc viễn chinh này.

Dĩ nhiên, tôi biết rõ nhiều người trong số những kẻ đang vây quanh quận công lúc này. Đó là những vị khách quý tộc thường xuyên của lâu đài, những viên tướng trứ danh xuất thân từ dòng dõi danh giá cổ xưa, cả những nhân vật cấp cao mà chỉ nhờ địa vị của mình mà họ bước vào cuộc chiến trong vai trò chỉ huy quân đội. Tất cả các tướng lĩnh quân đội hiện giờ tôi đều biết tường tận cũng như họ biết tôi vậy. Thực sự mà nói, cả một xã hội thượng lưu vây quanh ngài - những đại biểu sáng giá nhất của tầng lớp quý tộc quân sự nước nhà.

Việc gã quý tộc Riccardo cũng tham gia vào cuộc chiến làm tôi tức điên lên. Kẻ huênh hoang mới phát lên này (thích hơn cả là được ngồi cạnh quận công) lúc nào cũng giải trí cho người khác bằng những chuyện đùa xuẩn ngốc, lố bịch của mình. Má của hắn ta lúc nào cũng đỏ ửng, những chiếc răng trắng thô kệch cứ nhe ra bởi tất cả đều có vẻ buồn cười với gã - thật



đúng là một nhân cách thô lậu tới mức kì dị! Vì lẽ gì mà lúc nào hấn cũng lắc lắc mái tóc và vân vê chòm râu loăn quăn màu đen giữa các ngón tay với vẻ tự mãn. Tôi không hiểu làm thế nào ngài quận công có thể chịu đựng được sự có mặt củ hấn cơ chứ.

Tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi phu nhân quận công say mê gì ở gã quý tộc tầm thường này. Tuy nhiên, điều đó cũng chẳng can gì tới tôi và công việc.

Chỉ đơn giản là tôi không thích.

Khi bạn nghe câu chuyện rằng hấn có vẻ dũng cảm thì bạn không tài nào hiểu nổi có ngụ ý gì. Tôi thì dù trong bất cứ trường hợp nào cũng không hiểu nổi. Hấn cùng với người khác tham gia trận chiến bên bờ sông nhưng tôi không thể tìm được hấn làm gì để nổi trội dù chỉ một chút thôi. Ví như, tôi hầu như không nhận ra hấn ta đã ở đó. Chắc chắn là hấn tự huênh hoang như thế. Mà chừng nào mọi người còn nhìn vào mồm hấn ta, nuốt lấy từng lời của hấn thì hấn chẳng nề gì mà không thuyết dụ người ta. Bản thân tôi thì hoàn toàn không tin hấn ta lại thể hiện được cái gì đó của lòng dũng cảm ở đó cả. Hấn ta thật đúng là kẻ khoác lác, ba hoa không chịu đựng nổi.

Người can đảm cơ đấy! Thậm chí chỉ nghĩ đến thôi đã thấy nực cười rồi!

Ngài quận công mới thực sự là người can đảm. Ngài ta luôn có mặt ở những chỗ nóng bỏng, ác liệt nhất, bạn sẽ luôn nhận ra ngay con ngựa bạch của ngài với mũ lông rực rỡ luôn xông vào những chỗ đông đúc nhất của trận chiến, bọn giặc nếu muốn thì bất cứ lúc nào cũng có thể chiến đấu một đôi một với ngài. Ngài thường đẩy cuộc sống của mình đến chỗ nguy hiểm. Ngài rất thích đánh giáp lá cà, đó là lúc ngay lập tức có thể nhận ra ngài đang say sưa. Và lẽ dĩ nhiên Boccaroza cũng dũng cảm. Tuy từ này có lẽ không xứng để nói về ông ta. Nó quá nhỏ mọn, không thể đưa ra ý niệm ông là người thế nào trong chiến trận. Người ta kể cho tôi rằng: khi ông đi ngang qua bọn giặc, ông đã reo rắc nỗi khiếp sợ cho ngay cả những tên giặc được tôi luyện gan dạ nhất! Người ta còn kể, nỗi khiếp sợ nhất là ông dường như không phát khùng lên, không say sưa chiến trận mà đơn giản ông chỉ tập trung làm công vụ của mình, tàn sát điềm tĩnh và đúng chiến

thuật. Người ta còn kể ông thường xuống ngựa chiến đấu, có lẽ là để đi gần hơn tới nạn nhân của mình. Đơn giản là ông muốn thả kẻ thù vào vũng máu, đâm xuyên thủng chúng. Theo mọi người, so với ông ta thì việc chinh chiến của ngài quận công và những người khác nữa chỉ là trò tiêu khiển trẻ con. Chính tôi cũng không được tận mắt chứng kiến bởi từ xa tôi không thể theo dõi cận kề, tôi chỉ biết qua lời kể của người khác. Không thể tả nổi là tôi đã bức mình thế nào vì không thể nhìn gần được ông ta.

Những người như ngài quận công và ông ta mới chính là những con người dũng cảm thực sự, mỗi người theo cách riêng của mình. Còn gã quý tộc Riccardo. Thật nực cười khi nhắc đến hắn bên cạnh họ.

Tuy nhiên, Boccaroza cũng như những tên lính đánh thuê của ông ta đều thiêu ra tro tất cả mọi thứ trên đường đi của mình và tiêu diệt, phá hủy và tàn phá tất cả tới mức sạch trơn. Theo ngài quận công, điều đó hơi quá, chiến tranh không nhất thiết phải như vậy. Mặc dù chính ngài không ngăn cản tàn phá. Theo mọi người kể lại, nơi nào có Boccaroza đi qua thì không còn dấu hiệu của sự sống. Nói chung, tất nhiên là nếu những câu chuyện này đáng tin, thì ngài quận công và viên tư lệnh của ngài bất đồng quan điểm. Riêng tôi càng tôn kính và khâm phục quan điểm của Boccaroza hơn. Mảnh đất của giặc thì vẫn là đất giặc và cần đối xử thích đáng với nó. Qui luật của chiến tranh là thế. Cứ để cho điều đó được gọi là sự tàn bạo, nhưng chiến tranh và sự tàn bạo luôn đi đôi, không thể chia cắt được, bạn không thể làm khác được. Dù muốn hay không bạn vẫn phải tiêu diệt những kẻ chiến đấu với ta và tàn phá đất nước chúng đến trống trơn để nó không thể khôi phục được. Thật nguy hiểm nếu để lại sau mình ổ đề kháng, cần phải tin tưởng rằng hậu phương không nguy hiểm. Không, Boccaroza đúng, điều này là không thể chối cãi được.

Ngài quận công đôi khi quên là mình đang ở giữa lòng địch. Theo tôi, việc ngài quá chú ý tới dân cư là điều không thể chấp nhận được. Lấy ví dụ trường hợp sau. Một lần chúng tôi đi ngang qua một bản miền núi nhỏ, xấu xí, ngài đứng lại và xem họ tổ chức lễ hội gì đó. Ngài đứng và chăm chú nghe họ thổi sáo cứ như đó mới chính là âm nhạc và vì nó phải dừng lại. Tôi không hiểu ngài tìm thấy sự thỏa mãn nào ở nó. Cái gì làm cho ngài thấy thú vị khi nói chuyện với những kẻ gần như hoang dại này. Bản thân

tôi hoàn toàn không hiểu nổi điều đó. Và ngay cả ý định của họ cũng hoàn toàn nhằm nhĩ, vô nghĩa.

Hình như đây là ngày hội mùa hay ngày lễ gì đó tương tự. Một người phụ nữ mang thai đổ xuống đất một ít rượu nho và dầu ôliu, tất cả ngồi vòng quanh chỗ đó bắt đầu truyền cho nhau bánh mì, rượu vang và pho mát tự làm bằng sữa dê theo vòng tròn. Họ ngồi ăn và uống. Ngài quận công cũng ngồi xuống và bắt đầu ăn cùng họ, ngài khen ngợi những quả ôliu của họ và cả miếng pho mát mỏng dẹt trông phát ghê kia. Khi tôi lướt mình, ngài nâng chiếc bình rượu nho cũ và bắn lên miệng và uống như mọi người. Nhìn thật phát ghê. Tôi không thể hiểu nổi ngài. Tôi chưa bao giờ lại nghĩ rằng ngài có thể xử sự như vậy. Ngài luôn làm tôi ngạc nhiên chứ không như những người khác.

Khi ngài hỏi người phụ nữ kia đổ rượu và dầu ăn ra đất để làm gì, điều đó có ý nghĩa gì thì họ lúng túng và im lặng, như thể đó là điều bí mật. Trên khuôn mặt nông dân ngờ ngẩn của họ luôn hiện lên một nụ cười tinh quái, ranh mãnh. Cuối cùng chúng tôi cũng biết họ làm thế để mặt đất sản sinh nhiều nho và ôliu cho năm sau. Thật buồn cười. Cứ như là đất có thể biết họ đổ rượu và dầu lên nó và họ muốn gì ở nó vậy.

“Chúng tôi luôn có những ngày hội như thế” - một người nói. Một lão già có bộ râu dài rối bù, có vẻ đã uống khá nhiều rượu, tiến lại gần ngài quận công, quỳ xuống, nhìn thẳng vào mắt ngài và nói một cách quả quyết: “Cha ông chúng tôi đã làm thế và chúng tôi không bỏ truyền thống của tổ tiên”.

Sau đó họ bắt đầu nhảy những điệu nhảy quê mùa, vụng về, cả già, cả trẻ, ngay cả những người già đã gần kề miệng lỗ. Nhạc công thổi những chiếc sáo mục ca tự làm của mình, những chiếc sáo có hai - ba thanh âm và âm thanh của chúng gần giống nhau. Tôi không hiểu ngài quận công thích thứ gì ở cái thứ nhạc nguyên thủy của thế gian này. Gã quý tộc Riccardo cũng có mặt cùng chúng tôi, hẳn ta đứng đờ ra tại chỗ dường như quên hẳn là chiến tranh đang diễn ra và bọn giặc đang vây quanh. Còn khi những người mọi rợ này bắt đầu hát những bài buồn tẻ và dài lê thê thì như họ không thể dứt ra được. Và họ ngồi đến tận khuya. Họ không hình dung nổi qua đêm trên núi là nguy hiểm.

“Một buổi tối thật tuyệt vời” - Trên đường trở về trại họ không ngừng khẳng định điều đó. Còn gã Riccardo, kẻ dễ thán phục và mũi lòng bắt đầu thuyết giảng về vẻ đẹp của phong cách bằng cái vẻ huênh hoang, tự đắc mặc dù chẳng có gì là đẹp. Chốc chốc hắn lại dừng lại, lắng nghe tiếng sáo và tiếng hát từ cái bản xấu xí, bản thiêu và hẻo lánh trên núi cao kia hồi lại vẫn còn vọng tới chỗ chúng tôi.

Buổi chiều Riccardo đến trại của ngài quận công cùng với hai người phụ nữ làng chơi mà không hiểu bằng cách nào đã từ thành phố lọt vào chỗ chúng tôi, vượt qua nơi nước sôi lửa bỏng của cuộc chiến đấu, chắc chắn họ đến với hy vọng kiếm chác trong lúc ở chỗ chúng tôi thứ mặt hàng này còn chưa tốt lắm. Hơn nữa phụ nữ luôn thích qua đêm với kẻ thù, chính họ đã nói như thế. Lúc đầu nhìn vẻ mặt ngài quận công rất khó chịu, tôi đã không nghi ngờ là ngài sẽ nổi cơn thịnh nộ và đuổi những mụ đàn bà hư đốn này đi, còn gã quý tộc Riccardo sẽ bị trừng phạt thích đáng vì sự hỗn xược chưa từng thấy này. Nhưng ngài làm tôi hết sức kinh ngạc khi ngài bỗng nhiên cười lớn, đặt một trong số mụ đàn bà kia ngồi lên đùi và sai tôi rót thứ rượu quý nhất của chúng tôi. Tôi mong ước trả bằng bất cứ giá nào để không phải có mặt trong cuộc chè chén thâu đêm của họ: Bây giờ tôi không thể nào dứt ra khỏi cái hồi ức tởm lợm ấy.

Làm sao mà bọn chúng lại lọt vào được cơ chứ! Thật không thể hiểu nổi. Tuy nhiên, đàn bà, nhất là những mụ đàn bà thuộc loại này thì cũng giống như lũ chuột mà thôi, với chúng thì chẳng có một rào cản nào có hiệu lực, chúng sẽ gặm thủng hết đường nào chúng muốn đi qua. Ngay lúc tôi định về lều của mình để ngủ thì lại phải ở lại hầu hạ họ - không phải chỉ có quý ngài của tôi mà còn cả gã quý tộc Riccardo, rồi đến cả cái thứ đàn bà đốn mạt này, bọn đàn bà nhể nhại mồ hôi, mặt đỏ bừng, bôi trát lên mặt các thứ phấn xức Venezia mà đứng cách hàng trăm bước cũng sặc sụa bốc mùi. Không lời nào có thể diễn tả hết sự ghê tởm cùng cực của tôi.

Gã quý tộc Riccardo không ngớt lời ca tụng vẻ đẹp của bọn chúng, đặc biệt là một ả, gã ta thích cặp mắt của ả, tóc ả và đôi chân của ả và gã lần lượt chỉ cho ngài quận công xem. Giá mà tôi có thể làm cho kẻ mặt dày mày dạn này im mồm đi nhỉ!, sau đó, quay lại với ả kia gã lại tán dương ả bằng những lời lẽ xu nịnh hết cỡ để ả khỏi méch lòng. Tất cả phụ nữ đều

tuyệt đẹp! - gã thốt lên. Trong con người họ là cả sự khoái lạc mê li của cuộc đời. Nhưng đáng trọng hơn cả là kĩ nữ, những người hiến dâng cả cuộc đời cho tình yêu và không thay lòng đổi dạ chỉ một khoảnh khắc thôi! Gã ta xử sự xuân ngọc và đê hèn kinh khủng, và dù tôi vẫn luôn nghĩ gã ta là kẻ đê tiện và ngu ngốc nhất trong số đàn ông, thì cũng chưa thể nghi là gã lố bịch và ngu độn đến mức ấy.

Họ uống rất nhiều, và dần dần rượu cũng phát huy tác dụng. Gã quý tộc Riccardo lẽ dĩ nhiên lại kích động, bắt đầu thao thao diễn thuyết về tình yêu và kết thúc bằng những vần thơ, những vần thơ ảo não, buồn thảm, nhiều nhất là những bài Sonnet trữ tình về một cô nàng Lara nào đó - những con ngọc kia thậm chí còn rom róm nước mắt. Gã ta đặt đầu lên đùi một cô, còn ngài quận công gối đầu lên ả kia và những mục đàn bà khốn nạn này vuốt ve mái tóc họ và mê đi trong khoái lạc khi nghe những điều ba hoa xuân ngọc kia. Trong lòng gã quý tộc là ả đàn bà đẹp hơn và tôi không thể không nhận thấy cái nhìn lạ lùng, trừng trừng của ngài quận công hướng vào gã khi nghe các mục đàn bà ngu xuẩn kia bắt đầu ồ, à thán phục những gì gã nói hay những việc hắn làm. Đàn bà luôn thích những gã đàn ông thô lậu và hèn mọn, bởi vậy giữa họ sẽ có nhiều điểm chung hơn.

Nhưng bỗng nhiên Riccardo bật dậy và tuyên bố thể là đã đủ, những khoái lạc tình yêu đa cảm thể là đủ, chúng ta sẽ uống và sẽ vui vẻ! Và bây giờ cuộc chè chén mới thực sự bắt đầu, say mềm, những câu nói đùa, những tiếng cười hô hố, những câu chuyện tiêu lâm thô tục đến mức tôi thậm chí không thể kể lại. Vào lúc sôi nổi nhất của cuộc nhậu nhẹt, nâng cốc chúc sức khỏe gã quý tộc Riccardo, ngài quận công bỗng nhiên hét lên “Ngày mai người sẽ là người cầm cờ cho ta trong trận chiến!” Hân hoan vì sự trìu mến không mong đợi ấy, mắt Riccardo sáng rực lên. “Hi vọng rằng cuộc chiến ngày mai sẽ khốc liệt!” Hắn hét lên, khoác lác trước mặt các mục đàn bà kia để họ đánh giá sự dũng cảm của gã một cách xứng đáng! “Không thể biết trước được nhưng có thể sẽ như thế” ngài quận công đáp lời. Và gã quý tộc nắm tay ngài hôn lên nó một cách tôn kính và biết ơn tựa như chàng hiệp sĩ với lãnh chúa của mình vậy. “Ngài quận công thông thái của tôi ơi, hãy nhớ rằng chính ngài đã hứa lần nào chúng ta sẽ say sưa vui vẻ!” - “Cứ yên tâm. Ta không quên đâu”.

Những mụn điểm kia, như phát hiện ra một sân khấu trắng lệt, dán mắt vào cả hai người. Tất nhiên, nhất là với người được cầm cờ vào trận chiến.

Ngay sau khi kết thúc cái cảnh chuyển hồi này, cuộc nhậu nhẹt phóng túng lại tiếp tục, họ cư xử hết sức bất nhã, thô bỉ và vô sỉ. Tôi, khán giả bất đắc dĩ này nhìn họ bằng con mắt lúng túng đầy căm hờn. Họ ôm nhau, hôn nhau, đổ mật, bùng lên trước nhục dục dề hèn, buông thả, mãnh liệt. Một sự nhơ nhuốc, ghê tởm không tả nổi! Mặc dù các mụn đàn bà có vẻ phản đối nhưng những gã đàn ông kia vẫn kéo váy của họ lên tận thắt lưng, lột trần bộ ngực, ở ngực của ả đẹp hơn, núm vú có vẻ màu hồng và trên đó có một nốt ruồi không lớn lắm nhưng dễ nhận thấy.

Khi tôi rót rượu cho ả, tôi khờ sờ từ cái mùi bốc lên từ cơ thể ả. Mùi của ả đúng như mùi của quận công phu nhân mỗi buổi sáng khi bà ta vừa rời giường ngủ, biết thế nên tôi không bao giờ đến gần bà ta. Khi gã Riccardo động tay vào ngực ả, trong tôi dâng lên sự kinh tởm và căm thù đến nỗi tôi sẵn sàng bóp chết gã bằng bàn tay của chính mình hay đâm chết hắn tại chỗ bằng một con dao găm, để tất cả dòng máu dâm dăng kia chảy hết khỏi hắn ta, để hắn ta không bao giờ còn chạm vào đàn bà được nữa. Run lên vì cảm giác ghê tởm xâm chiếm cả cơ thể, đứng trong góc phòng tôi nghĩ: Tất cả lũ người bỉ ổi kia cũng chỉ là một lũ súc sinh. Cứ để chúng bị thiêu đi trong ngọn lửa dữ dội!

Tự nhiên gã Riccardo, kẻ cô ý hay vô ý vô vập con bé xinh đẹp hơn kia, có lẽ vì ả cứ bám chặt lấy hắn, bỗng nảy ra một ý nghĩ thật dâm dớ, là chơi xúc xắc để giành ả đàn bà xinh đẹp ấy: ai thắng thì kẻ đó sở hữu ả. Ý tưởng ấy làm cả bốn người đều thích, cả ngài quận công, cả hai mụn đàn bà, còn ả gái làng chơi vừa nói tới kia thì lửa thể đến phần nửa ngồi ngửa người về đằng sau, và cười the the vì khoái chí với cuộc đấu sắp tới. Tôi nhìn ả mà chực buồn nôn, tôi không thể hiểu họ tìm được lẽ gì đẹp và quyến rũ nơi ả để mà có thể đạt được cái giải thưởng ghê tởm ấy. ả đàn bà đó có mái tóc sáng và làn da trắng với đôi mắt to, xanh và hai nách mọc lông rậm rì, theo tôi ả thực đáng tởm. Tôi không bao giờ có thể hiểu được là lông nách ở con người cần để làm gì; và bất cứ lúc nào mà tôi nhìn thấy lông nách tôi đều thấy kinh tởm, đặc biệt khi nách đầy mồ hôi. Mọi sự đều khác nơi người lùn chúng tôi, bởi vậy điều đó khiến chúng tôi lợm giọng. Nếu như mà lại có

lông ở nơi nào đó trên cơ thể tôi ngoài trên đầu chỗ con người thực sự cần tóc, thì có lẽ tôi sẽ chẳng biết độn thổ đi đâu vì xấu hổ.

Họ sai tôi đi lấy xúc xắc. Ngài quận công gieo trước tiên, ngài được sáu và một. Theo thỏa thuận thì ả xinh đẹp phải được giao cho người năm mươi điểm trước tiên. Họ lần lượt gieo xúc xắc, còn hai ả theo dõi chẳng rời mắt, chúng quan tâm say sưa, buông những lời nhận xét cợt nhả, the thé và cười sằng sặc. Ngài quận công thắng cuộc, thế là cả bốn người đều nhẩy căng lên, họ cười và gào thét tranh nhau cướp lời.

Và rồi cả hai người đàn ông vồ lấy hai ả đàn bà, mỗi người chộp một đứa, họ xé toạc áo váy khỏi người hai ả và bắt đầu những trò nhục dục, đôn mạt không thể tưởng tượng nổi đến mức tôi không chịu được nữa bèn lao ra khỏi căn lều và trong người thấy sôi sục. Khấp người tôi toát ra mồ hôi lạnh, da tôi sồn gai ốc. Run rẩy vì ớn lạnh, tôi chui vào cái lều dành cho đầy tớ và ngả lưng nằm trên ổ rom của mình giữa tay đầu bếp và gã chăn ngựa thô lậu. Người gã sặc sụa mùi ngựa và cứ sáng sáng khi gã dậy đi tắm cho ngựa thì gã lại lấy chân đạp tôi một cái, tôi không hiểu vì sao gã làm vậy. Tuy nhiên như gã nói rằng làm thế chỉ đơn thuần là gã thích đạp tôi thôi.

Có thể lí do ở chỗ tôi là một sinh linh khác loài, nhạy cảm hơn, tinh tế hơn và bởi thế tôi phản ứng rất mau lẹ và rành rẽ với nhiều điều mà vốn chẳng khiến họ phải bận lòng. Tôi không biết về yêu đương. Tôi chưa bao giờ nếm trải cái mà người ta gọi là ái tình, vả lại tôi đâu có mong muốn, không một mảy may ham muốn. Có một lần người ta đề nghị tôi cầu hôn một cô gái lùn, một cô gái xinh đẹp với đôi mắt nhỏ tinh tường như mắt tôi trên khuôn mặt nhăn nheo và còn làn da như giấy da cừu - một khuôn mặt đích thực xứng đáng là con người. Nhưng cô ta không hề kích thích nơi tôi bất cứ một cảm giác nào cả, mặc dầu tôi đã nhìn nhận thấy rằng trong vẻ đẹp của cô không có gì là gây khó chịu cả như điều thường thấy ở mọi người, vẻ đẹp của cô mang tính chất hoàn toàn khác. Có thể, nguyên nhân là do chính quận công phu nhân đã đề nghị cô ta đến với tôi vì toan tính chúng tôi kết hôn với niềm hy vọng chúng tôi sẽ sinh ra một chú lùn tí hon mà khi đó bà ta rất muốn có. Việc ấy xảy ra trước lúc bà sinh hạ Angelica, cho nên bà mơ ước muốn có một thứ đồ chơi cho mình. Bà ta bảo thật là vui khi có một đứa bé lùn mà. Song tôi hoàn toàn không có ý định cung phụng

bà ta như vậy và cũng chẳng chịu hạ nhục dòng giống mình vì phải đồng ý với lời đề nghị đề tiện như thế.

Cần nói rõ là bà ta đã nhầm khi nghĩ chúng tôi sẽ có thể ban tặng bà ta một đứa bé. Những người lùn chúng tôi không đẻ em bé, về bản chất của mình chúng tôi là vô sinh. Chúng tôi không có khả năng duy trì nòi giống mà chúng tôi cũng chẳng muốn việc này. Chúng tôi chẳng bận lòng việc sinh hạ con cháu vì loài người tự mình cho ra đời những người lùn. Cứ để những sinh linh cao ngạo đó tự sinh hạ ra chúng tôi trong những cơn đau vật vã. Dòng giống xa xưa lâu đời chúng tôi được kế tiếp bởi những nỗ lực của chính họ và chỉ có như thế mà chúng tôi phải lần lượt ra đời. Trong sự vô sinh của chúng tôi hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc. Chúng tôi có cùng nguồn gốc với họ và đồng thời cũng hoàn toàn khác họ. Chúng tôi là khách trên thế gian này. Những vị khách xa xưa, đầy nếp nhăn, những vị khách suốt hàng thiên niên kỉ, những vị khách, mãi mãi.

Nhưng tôi đã đi quá xa khỏi đề tài câu chuyện của mình rồi. Vậy thì tôi xin tiếp tục.

Thực sự là Don Riccardo mang lá cờ của quận công vào sáng hôm sau. Tôi đã nghe nhiều người nói về việc tại sao điều đó lại xảy ra như thế! Song tôi có ý kiến riêng về việc này, tôi nghi ngờ có điều uẩn khúc thực sự trong sự thể đã diễn ra. Người ta kháo nhau dường như sau khi ra mệnh lệnh kì cục đó mà ngài quận công đã khiến sinh mạng Don Riccardo lâm vào một tình huống nguy hiểm không cần thiết và không bị tử thương chỉ là nhờ sự may mắn kì diệu, bởi lẽ anh ta đã lâm vào một tình thế cực kì nguy hiểm khi bị buộc phải cùng một đội kỵ binh nhỏ nhoi dẫn đầu tấn công quân thù. Đồng thời người ta cũng khẳng định rằng Don Riccardo đã chiến đấu với lòng can đảm chưa từng thấy. Khi anh ta chỉ còn có một nhóm quá ít ỏi các tay kỵ binh thì tất cả họ tập trung lại như một xung quanh lá cờ và chống trả quyết liệt hoàn toàn, mặc dù họ chỉ còn là một giọt nước trong biển cả nếu so sánh với quân địch. Và khi mọi sự như đã sụp đổ thì ngài quận công dường như lao thẳng vào đám quân lính đang hỗn chiến, hoặc là do đơn thuần ngài không thể đứng im không tham gia một cuộc chơi mạo hiểm nhường ấy, hoặc do một nguyên nhân nào khác nữa. Có trời mà biết sự thật. Với sự tháp tùng của một nhóm nhỏ kỵ binh, ngài xông thẳng vào hàng ngũ địch quân và bắt đầu chém lia lịa khi lao tới giúp giải thoát cho Don



Riccardo. Nhưng bỗng ngựa của ngài bị một ngọn lao đâm vào ngực khiến nó đổ gục xuống đất. Ngài quận công văng ra khỏi yên ngựa và lăn xuống đất trong vòng vây của quân giặc. Điều đó dường như đã làm cho Don Riccardo trở nên nổi giận và dũng mãnh đến nỗi anh ta cùng các chiến sĩ của mình chọc thủng vòng bao vây của quân giặc, và dưới sự yểm hộ từ phía các kị binh của ngài quận công, anh ta đã không cho phép kẻ thù đến gần chỗ ngài ngã ngựa. Chắc Don Riccardo đã mất nhiều máu vì bao nhiêu vết thương. Người ta đồn rằng chắc hẳn anh ta đã hiểu việc ngài quận công mong cho anh ta chết, tuy nhiên anh ta vẫn lập công như vậy và cứu mạng sống của chính ngài quận công.

Tôi không tin vào ức thuyết ấy. Ưc thuyết này với tôi có vẻ hoàn toàn không giống thực tế. Song tôi truyền đạt lại nó chỉ để kể lại những điều người ta kể về các sự kiện bi thảm vào buổi sáng hôm đó. Nếu như tôi nhìn sự thật theo một nhãn quan khác thì điều này được giải thích trước hết bởi lẽ là tôi hiểu quá rõ tính cách của Don Riccardo. Tôi biết rõ anh ta hơn ai hết. Anh ta không phải là một con người như vậy.

Như tôi mừng tượng thì ức thuyết này tỏ ra được tô màu quá lộ liễu bởi cách hình dung về Don Riccardo đã hình thành trong tâm não tất cả mọi người, và cũng bởi chính quan niệm của anh ta về bản thân mình. Một câu chuyện truyền thuyết đẹp dễ được sắp đặt ra, chẳng có ai lại đoái hoài xem nó có phù hợp với sự thật hay không. Người ta cho rằng anh ta là hiện thân của lòng can đảm và tất thấy những gì anh ta làm đều cao thượng đẹp đẽ và tuyệt vời. Mà nguyên do của điều đó chỉ là khả năng kì lạ của anh ta khiến mọi người bắt mắt và thu hút mọi sự chú ý tới mình. Hành vi của anh ta ngoài sa trường nổi bật nhờ thói hư danh nực cười và toàn bộ lối cư xử và mọi hành động của anh ta cũng thế. Đó là thói khinh suất liều lĩnh của anh ta, cái thói đã khiến mọi người vị nể, mà lẽ đó chỉ đơn thuần được giải thích bằng sự xuẩn ngốc của anh ta mà thôi. Thói khinh suất liều lĩnh ngu xuẩn của anh ta bị nhận nhầm là lòng dũng cảm.

Nếu thực tế anh ta can trường đến vậy, nếu anh ta thường dấn thân vào mọi mối nguy hiểm như anh ta thường nói thì vì sao anh ta lại không bao giờ chết, người ta có thể tự hỏi như vậy. Câu hỏi tự nó nổi lên trong óc mọi người. Chắc chẳng có ai thương xót anh ta nếu anh ta chết, tôi lại càng không.



Đến lần này thì dường như anh ta bị thương khắp người. Đó là sự thật hay không, tôi chẳng rõ, nhưng tôi tự cho phép mình được hoài nghi. Có lẽ mọi sự kinh khủng không đến nỗi ấy. Có thể những vết thương chỉ xoang xinh mà thôi. Bất luận thế nào đi nữa thì cũng từ khi đó, tôi chẳng còn phải gặp anh ta nữa.

Thế nhưng tôi vẫn tin là anh ta có cơ để lâm chiến cùng với những mũ lông của quận công phu nhân mà như người ta nói là chính bà ta đã tặng anh ta trước khi chúng tôi hành quân, điều này có nghĩa là buổi sáng hôm ấy, những cái lông ấy đã phấp phới trên chiếc mũ sắt của Don Riccardo, và anh ta đã công khai chiến đấu vì ý trung nhân của mình. Khi bảo vệ lá cờ của quận công, gan dạ nhường ấy, anh ta đã chiến đấu có lẽ vì người yêu của mình. Và khi cứu mạng sống cho ngài quận công thì chắc anh ta cũng lao vào huyết chiến vì bà ta. Mà anh ta cũng vừa mới ôm người đàn bà khác. Có thể là anh ta ra trận ngay từ giường ngủ của ả, sau khi trang trí cho mình bằng mũ lông do người đàn bà của con tim vừa tặng, ấy là một đồ vật của một tình yêu vĩ đại và nồng cháy. Tình yêu đích thực của anh ta nở ra thành một đóa hoa tươi tốt trên chiếc mũ che mặt để ngỏ của người hiệp sĩ, và lại khi ấy, cái xác thịt phản bội vẫn còn nồng ấm thứ đam mê nhục dục đầy tội lỗi. Thực sự thì tình yêu giữa mọi người với nhau quả là một ẩn số. Không lạ lùng ngạc nhiên gì việc tình yêu không thể đạt thấu được đối với tôi.

Cũng thật bí ẩn những mối quan hệ giữa hai người đàn ông vốn cùng gắn bó với một người đàn bà. Liệu điều đó có phải đã gây nên những mối ràng buộc bí mật giữa họ với nhau hay không? Đôi khi bắt đầu có cảm giác rằng chính là như vậy. Liệu có phải thực sự như người ta khẳng định rằng Don Riccardo đã cứu mạng cho ngài quận công? Tôi không nghĩ như vậy. Tuy nhiên, có thể lắm chứ - nhưng chỉ trong trường hợp xảy ra do tính hiếu danh để bằng một hành vi hiệp sĩ của mình mà đem ơn trả oán với ngài quận công, người đã mong anh ta chết, để chứng minh cho tất cả mọi người thấy rằng anh ta cao thượng đến nhường nào. Điều này hoàn toàn phù hợp với khí chất của anh ta. Và cũng có thực sự như người ta muốn cam đoan rằng ngài quận công khi đó đã lao vào cứu sống Don Riccardo, cho dù ngài vừa mới mong cái chết ập đến với anh ta. Tôi không biết rõ. Dầu sao tôi cũng không hiểu được điều này. Liệu một con người có thể đồng thời vừa yêu vừa căm thù không nhỉ?

Tôi nhớ tới cái nhìn chăm chú, lạ lùng của ngài quận công đêm hôm ấy khi ông báo trước cái chết. Nhưng tôi cũng nhớ rằng với ngài có cặp mắt mơ mộng và ướm át đến mức nào khi ngài đang nghe Don Riccardo đọc thơ về ái tình, một tình yêu vĩ đại đang cuốn hút chúng ta bằng ngọn lửa nồng nàn, ngầu ngiên và thiêu đốt hết tất cả thân xác chúng ta. Có thể tình yêu ấy chỉ là những dòng thơ đẹp để không có một nội dung xác định nào, chỉ đơn thuần êm ái cho thính giác nếu đọc to và xúc động hay chẳng? Tôi không rõ. Song cũng không loại trừ việc chính tình yêu là như vậy. Con người ta là những kẻ đúc tiền giả đặc biệt.

Cái đêm bên cạnh ả gái điếm cũng khiến tôi ngạc nhiên. Tôi luôn luôn nghĩ rằng ngài không thể suy đồi đến mức như vậy. Tôi vốn đã quen với việc ngài thường tỏ ra khác với những gì tôi vẫn hình dung về ngài. Hôm sau đó tôi dùng lời nói ngụ ý khéo léo, cẩn thận kể lại điều đó cho một người đầy tớ nghe, và tôi đã thật sững sốt. Anh ta tuyệt chẳng ngạc nhiên chút nào. Anh ta bảo tôi, ngài quận công đã luôn luôn có nhân tình trong số các lệnh bà hay các nữ thị dân, đôi khi là những kĩ nữ nổi tiếng. Bây giờ ngài có một nữ gia nhân của bà quận công Phiametta là người tình. Ngài thay đổi tình nhân như găng tay, anh ta vừa nói vừa cười vì ngạc nhiên với sự kém hiểu biết nơi tôi.

Thật lạ lùng vì lẽ gì lại có thể lọt qua cái nhìn nói chung là tinh tường hiem có của tôi cơ chứ. Vậy là sự thuần phục vô điều kiện trước ông chủ đã làm tôi mờ mắt đi đến mức độ nào.

Tôi chẳng động lòng khi ngài phản bội quận công phu nhân. Tôi căm ghét bà ta và thậm chí còn vui sướng khi người ta lừa dối bà. Hơn nữa, bà ta còn yêu Don Riccardo. Bà ta đã viết những lời lẽ yêu đương cháy bỏng mà tôi phải giấu trong áo ngực để gửi không phải cho ngài quận công mà là cho anh ta. Trong thâm tâm tôi hi vọng cuối cùng anh ta sẽ bị triệt hạ.

Ôn Chúa, mưa đã tạnh. Khi chúng tôi ra khỏi lều thì mặt trời đã tỏa nắng nóng nực, những đường viền của núi non nom thật rõ ràng và rành rẽ mặc dù đương nhiên tất cả xung quanh thấm đẫm khí ẩm ướt, khắp nơi là những vùng nước, những dòng nước chảy róc rách. Buổi sáng gieo niềm hưng phấn lạ lùng. Bầu trời quang quẻ, trước tầm mắt hiện ra thành phố của

quân cướp bóc xứ Montan nhô cao trên ngọn đồi, chúng tôi đã hơi quên đi hình dạng của nó, song bây giờ nhìn rõ từng căn nhà sàn bức tường thành, những lỗ châu mai nơi những ngọn tháp pháo đài cổ xưa, tất cả đều rõ ràng, cho tới tận những cây thập tự mạ vàng trên nóc các nhà thờ và tháp chuông, sau mưa mọi thứ nom thật rõ ràng đặc biệt. Chẳng còn xa nữa cái ngày thành phố đáng nguyên rủa kia sẽ bị chiếm và sẽ biến mất khỏi mặt đất.

Tất cả mọi người đều vui sướng chui ra khỏi lều và khoan khoái dưới làn không khí tươi mát, thời tiết đẹp và dễ chịu làm người ta khoan hoạt và nâng cao tinh thần chiến đấu. Sự uể oải, hờ hững dường như đã bị gió cuốn đi đâu hết. Tất cả binh sĩ đều mong ra trận. Tôi thật sai lầm khi cho rằng mưa có tác động tai hại tới tinh thần quyết chiến của quân đội. Có lẽ, mưa chỉ ngăn chặn được tinh thần đó trong một khoảng thời gian ngắn mà thôi.

Cuộc sông của chúng tôi ở trong trại sôi nổi. Các binh sĩ râm ran chuyện trò và lau vũ khí. Bọn đầy tớ lau giáp trụ hiệp sĩ đến sáng bóng, đàn ngựa được lừa tới tắm trên những dòng suối chảy xiết giờ đây cuộn cuộn chảy dọc triền dốc giữa những rừng mận chín. Tất cả mọi người đều đang chuẩn bị cho trận đánh sắp tới. Khu trại trở lại dáng vẻ xưa kia vốn có, còn chiến tranh lại trở về với vẻ đẹp và tính chất ngày hội của nó, điều mà dứt khoát phù hợp với cuộc chiến này. Những bộ binh phục rục rờ, những bộ giáp phục kỵ sĩ, những bộ yên ngựa đắt tiền bằng bạc - tất thảy đều lấp lánh và long lanh dưới ánh mặt trời.

Tôi đứng hồi lâu lặng ngắm thành phố, cái cứ điếm là mục tiêu cuối cùng của cuộc hành quân. Nom thoát đầu nó thật vững chãi, các bức tường và các công trình bố phòng có thể tỏ ra không gì vượt qua nổi. Nhưng chúng tôi sẽ chiếm được nó, và đại sư Bernardo sẽ giúp chúng tôi thật đặc lực trong việc này. Tôi đã thấy những cỗ súng bắn đá, những thiết bị phong tỏa khôn ngoan và những trái đạn to tướng khủng khiếp của ông. Không có lâu đài nào trên thế giới có thể đương đầu được với những vũ khí thế này. Chúng tôi sẽ chọc thủng qua bất cứ những chiến lũy nào, sẽ nghiền nát và đập tan chúng, chúng tôi sẽ làm nổ tung từng đoạn tường bằng cách cho nổ mìn, chúng tôi sẽ giao chiến bằng tất cả các phương tiện có thể nghĩ ra được, sẽ đem vào thực thi tác chiến tất cả những gì mà thiên tài của ông đã sáng chế ra. Và chúng tôi sẽ lao vào thành phố, tiếp bước trên các đường phố và gieo cái chết và hoang tàn khắp mọi nơi. Thành phố sẽ bị đốt cháy,

bị tàn phá, bị xóa sạch khỏi mặt đất. Nó sẽ chỉ còn những đồng gạch đá vụn mà thôi. Còn cư dân nơi thành phố này, tức là bọn thổ phỉ cướp đường cướp chợ, sẽ chịu nhận trừng phạt đúng tội, sẽ bị tiêu diệt hoặc bị bắt làm tù binh, và chỉ những đồng đồ nát tởa khối là còn gọi nhớ tới sự hùng mạnh xưa kia của đô thị đó mà thôi. Tôi tin chắc ngài quận công sẽ thắng tay trừng trị kẻ thù. Còn đám lính đánh thuê của Boccaroza thì sẽ thực kinh khủng khi hình dung cảnh chúng kinh hoàng gào thét thế nào. Đó là chiến thắng cuối cùng và trọn vẹn của chúng tôi.

Nhưng trước hết, chúng tôi phải tiêu diệt đám quân lính đang chặn giữa chúng tôi và thành phố. Thật chẳng khó khăn khi nhận thấy rằng số lượng đám lính đó đã tăng lên đáng kể như tôi đã từng tiên liệu. Có ai đó đã khẳng định rằng, đội quân hùng hậu đó hầu như đông đảo như quân đội chúng tôi cũng gồm cả các binh đội của Boccaroza. Đó là một sự phóng đại. Đội quân đây bây giờ thực sự chiếm một vùng lãnh thổ lớn hơn trước đây, nhưng gọi đó là đội quân hùng hậu thì theo tôi là đánh giá quá cao lực lượng kẻ thù. Khi ngài quận công thấy đội quân ấy lần đầu tiên ông thoát đầu dường như nhúu mày, nhưng lập tức ông lại thấy vui vẻ, khoái hoạt như thường thấy do sự khinh bỉ các lực lượng quân địch, ông vui vẻ với ý nghĩ về trận đánh sắp tới, về khả năng được tham gia vào trận đánh quyết định. Đó mới đúng là một chiến binh chân chính! Không giây phút nào ông hoài nghi về chiến thắng của chúng tôi, vả lại, cũng không có ai trong số các tướng lĩnh của chúng tôi lại hoài nghi cả như tôi từng biết từ quan sát và nghe bình luận.

Được tham dự vào trận công phá thành phố quả là vui vẻ. Từ trước tới giờ tôi chưa bao giờ hề hả như thế.

Tôi lặng lẽ ngồi trong mé đằng đông của tòa lâu đài, cái nơi tôi vẫn thường làm công việc viết lách. Trước mặt là một chiếc bàn thâm thấp rất tiện mỗi khi tôi viết lách và tôi lại tiếp tục công việc ghi chép những sự kiện trọng đại có liên quan đến số mệnh của cuộc đời. Các bạn sẽ thắc mắc rằng bằng cách nào tôi lại trở về ở chính trong nhà mình? Đơn giản mọi sự tình sẽ được làm rõ ngay thôi. Chúng tôi thắng trận. Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi thắng không dễ dàng mà phải trả bằng những mất mát đau thương. Dù phía này hay phía kia nạn nhân bị giết hại thế là quá đủ, nhưng mất mát chúng gây ra lớn hơn gấp bội lần. Đến tận bây giờ tất chưa có một sự phản kháng quyết liệt nào như thế. Tôi muốn nói, đối với chúng tôi đó là

một trận huyết chiến. Đặc biệt là ngày thứ hai của trận đánh đối với những người lính tham chiến. Chưa có một trận nào hãi hùng như vậy diễn ra cả. Người ta tha hồ mà tán quan. Lí do đơn giản cho việc chúng tôi ở nhà lúc này là ngài quận công buộc phải trở về chuẩn bị lực lượng để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh này. Ngoài ra tôi còn nghe cần phải tích trữ những khoản tiền cần thiết cho cuộc chiến trên. Những trận đánh như thế cần đến những khoản tiền kha khá. Người ta nói ngài quận công bây giờ đang tiến hành thỏa thuận với đám thương nhân, đám này đang nắm trong tay vô khối hàng hóa mà ta đang cần, và tất nhiên mọi việc cần phải được giải quyết càng sớm càng tốt. Sau đó, ngay lập tức chúng ta sẽ tiếp tục hành quân.

Boccaroza và những thuộc hạ của ông quả quyết đòi tăng tiền thù lao, không thì họ sẽ chẳng làm gì sất ngay sau lần thỏa thuận đầu tiên. Vì lí do này mà bây giờ họ mới phái người đến chỗ chúng tôi. Tôi phải ông nhận rằng họ có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc chiến vì không có một ai có thể chiến đấu dũng cảm gan dạ như họ. Tôi cho họ thích chiến tranh chỉ đơn thuần là thích chiến tranh thôi, vì cũng như tôi đây. Và lại có thể đâu cần sự hào hiệp như thế, có lẽ đơn giản họ cũng đã quan tâm đến các khoản thù lao hơn cơ. Nhưng đầu sao họ cũng đã nhận rồi còn gì. Còn những bất đồng giữa người cầm đầu và ngài quận công nói nữa mà làm gì. Khi quân lính phải chịu tổn thất cộng với mọi việc diễn ra không thuận buồm xuôi gió thì thường họ dễ sinh ra chán nản. Không được việc gì thì họ đổ vấy cho nhau, rồi đổ cho một mỗi, sau đó thường họ so sánh những tổn thất giữa họ và phía quân địch. Nói chung là vậy. Còn những quân lính của Boccaroza thì họ là những chiến binh tinh nhuệ, chiến đấu như điên, nhưng rất có thể là họ không hiểu khi thực hiện những toan tính sâu xa của ngài quận công. Cũng rất có khả năng là họ còn có điều gì khác chẳng? Nhưng tất cả chỉ là vật vãnh, hoàn toàn không quan trọng và nhất thời mà thôi.

Nhưng với tôi điều này chẳng hay ho gì sất, trong chuyện này, những khoản tiền thù lao nhờ đánh thuê mà có được hết sức tầm thường, và tôi cũng không có ý định tiếp tục chủ đề này nữa. Quả ngồi ở nhà thì buồn chết khiếp! Đối với một người lính ra sinh vào tử thì sống như vậy quả là trống rỗng và buồn tẻ. Thời gian thì không ngừng trôi, và bạn sẽ chẳng biết làm gì, do vậy, bất kì một hoạt động sống nào cũng cảm thấy như bị tê liệt. Ấy vậy rồi mọi việc sẽ được giải tỏa, và chẳng bao lâu lại lên đường hành quân. Cuộc sống, con người nơi đây quả buồn cười, tôi muốn nói đám gia nhân và

tất cả những người khác, những người không tham gia vào cuộc chiến. Họ dường như đang sống trong một thế giới khác, tựa hồ như không nghi ngờ rằng đất nước đang rơi vào cảnh nước sôi lửa bỏng. Khi họ nhìn vào quân phục của tôi đang mặc, họ há hốc mồm chờ đợi vì ngạc nhiên, cứ như là họ không biết người ta vẫn mặc như thế trên chiến trường, nơi mà đôi khi chỉ loáng một cái bạn có thể bị bắt hay bỏ mạng. Họ nói ở đây không hề chi, chẳng có nguy hiểm gì hết. Nhưng còn chiến tranh thì vẫn cứ nổ ra, và chẳng bao lâu tôi lại lên đường hành quân. Bất cứ thời khắc nào cũng sẵn sàng chờ lệnh ngài quận công ban xuống, và luôn phải ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao nhất. Đó là lí do tôi luôn mặc binh phục. Còn phải giải thích gì nữa? Lẽ tất nhiên đối với họ, nếu như chưa một lần ra trận, ắt họ chẳng thể nào tưởng tượng tại sao lại như thế, và khi bạn gắng sức tả lại dù là một phần nhỏ cảnh cuộc sống nơi sa trường đầy rẫy những niềm trắc ẩn ngờ nghech, không thể giấu những tính ghen tỵ bấy lâu họ vẫn giấu kín. Bằng những bộ dạng như thế, dường như họ cũng muốn nói rằng tôi chưa có dịp nếm trải và tham gia vào bất kì trận đánh nào như tôi vẫn kể. Dễ dàng có thể hiểu được rằng họ là những con người luôn bị tính đố kị thường nhật nhất xâm lấn. Họ chưa nếm trải nên họ cũng sẽ không biết rằng lưỡi gươm của tôi vẫn còn rớm vết máu của trận đánh khốc liệt gần đây nhất. Tôi thì tôi không bộc lộ ra đâu bởi lẽ tôi vốn không chịu được cái thói ba hoa chích tọc, thường thì người lính vẫn có thói này, ví như trường hợp Don Riccardo. Tôi chỉ có thể nắm lấy chuôi gươm chặt hơn và quay lưng lại về phía họ mà thôi.

Chuyện là thế này. Trong một trận chiến đấu kéo dài hai ngày gần đây nhất chúng tôi có nhiệm vụ phải chiếm cho được cao điểm nằm giữa một bên là sườn bên phải cánh quân của chúng tôi và một bên là thành phố, và chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ. Cái giá chúng tôi phải trả không hề rẻ chút nào. Ngay lập tức sau đó tình hình của chúng tôi đã được cải thiện. Cả ngài quận công ngay lúc đấy cũng nhận thấy những lợi thế mà chúng tôi có được nhờ chiếm được cao điểm này. Lẽ tất nhiên là cả tôi đi cùng ông. Ở trên độ cao này chúng tôi có thể nhìn thấy tòa lâu đài ở ngoại ô thành phố của Lodovico. Cao điểm này là điểm đã được lựa chọn đúng vì có thể nhìn thấy tòa lâu đài vốn được bao quanh bởi cánh rừng thông và diệp bách thật ấn tượng. Một vài người lính đã cùng tôi đi thị sát xem ở đó có kẻ thù mai phục chăng, nơi lũ địch có thể phục kích và giáng đòn bất ngờ nhằm ám sát cho được ngài quận công. Tòa lâu đài hoàn toàn trống rỗng nếu như chưa kể



nhóm gia nhân già nua bắt lực đến nhường nào rõ ràng đã bị bỏ rơi khi rút quân. Ngài quận công để mặc họ. Còn tôi, trong khi còn đang xét đoán, thì rơi ngay xuống một cái hang cáo mà chưa ai kịp phát hiện ra, mặc dù đây có thể là một nơi trú ẩn tuyệt vời. Ở đó bất ngờ tôi đã chạm trán anh lùn - Lodovico giam giữ rất nhiều người lùn. Tên này đã bị bỏ lại mà tôi cũng không rõ lý do tại sao. Anh lùn khiếp đảm và lao thẳng vào lối đường sườn nửa sáng nửa tối. Đứng lại! Tôi hô vang, anh lùn thấy vậy không dừng lại, vì thế tôi kết luận rằng lương tâm của gã này chẳng sạch sẽ gì cho cam. Tôi không rõ anh có trang bị vũ khí hay không bởi vì việc truy đuổi ở trong những đường ngầm lờ mờ quả là mạo hiểm. Cuối cùng anh lùn lao nhanh đến chỗ có lối thoát để lộ ra ngoài, qua lối đó anh ta nghĩ có thể thoát thân được, nhưng chưa kịp mở cửa thì tôi đã đuổi kịp. Anh lùn thốt lên một cách thảm thương khi thấy mình chẳng thể thoát. Tôi đuổi theo anh lùn cứ như mèo đuổi chuột dọc theo bức tường và biết rằng anh ta không thể thoát khỏi tay tôi. Cuối cùng tôi cũng dồn được anh lùn vào một góc. Bây giờ anh ta là của tôi! Tôi dùng gươm đâm anh lùn, lưỡi gươm đi rất bén. Anh lùn không bận binh phục, chẳng có dáng vẻ của một binh sĩ, anh ta vận một loại áo cam dôn nhưng cộc tay màu xanh da trời cùng với裳裳 ten và kim tuyết ở cổ cứ như là một đứa trẻ vậy. Tôi để mặc anh ta nằm ở chỗ mà anh ta té ngã, còn tôi trở về với thế giới ban ngày, với trận đánh.

Tôi kể tất cả về điều này không phải vì tôi coi hành động của mình như một chiến công nào đó. Đây chỉ là một điều vặt vãnh thường thấy ngoài mặt trận. Tôi không hề khoắc lác một chút nào. Tôi chỉ thực hiện nghĩa vụ của một người lính, chỉ vậy thôi. Cũng chẳng có ai biết rằng thanh gươm của tôi đã nhuộm máu kẻ thù, còn tôi thì không bao giờ lau vết máu vì để ghi nhớ tôi có tham gia vào cuộc hành quân. Tôi hơi ân hận vì đã giết hại anh lùn, có lẽ tốt hơn hết là giết bất kỳ một tên nào mà tôi căm thù khi chạm trán. Hơn nữa, chiến tranh vốn là thế. Nhưng, tôi lại đi căm thù dân tộc của chính mình, tôi căm ghét cả những đồng loại. Và trong cuộc đấu tay đôi nhất là lúc tôi giáng một đòn chí mạng cho đối phương, tôi cảm thấy một sự phấn chấn cao độ bao trùm lấy tôi cứ tựa như tôi vừa tiến hành một lễ nghi tôn giáo, cái cảm giác giống như khi giết Iosaphat ấy là sự khao khát điên cuồng bắn giết đồng loại của mình. Nhưng vì sao lại như vậy và để làm gì tôi cũng không biết nữa, chính bản thân tôi cũng không thể hiểu được. Chẳng lẽ tôi lại đáng bị lên án vì đã giết hại đồng loại của chính mình sao? Anh ta cũng như tất cả đám anh lùn khác có cái giọng the thé, cái giọng của

hạng người đê mạt, còn nữa, chính anh ta đã chọc giận làm tôi nổi xung lên đấy chứ. Còn chính tôi giọng đâu có vậy, giọng vừa thấp trầm vừa lại vang to.

Đúng là một tên lùn nữa đáng thương và đê hèn. Sao họ không như tôi nhỉ!

Buổi sáng hôm nay phu nhân quận công toan bắt chuyện cùng tôi đàm đạo về tình yêu. Tôi không hiểu tại sao bà ta cứ ủy mị như thế, nguyên do bà ta nhỏ lệ một thoáng, có lẽ chỉ có bà ấy mới hiểu được thôi, mà bà có hàng đống những lí do để khóc. Sau đó bỗng nhiên bà chuyển giọng, tâm khảm bà thay đổi đôi chút, rất nhanh, bắt đầu vui vẻ nói năng. Ngồi trước gương, cô hầu gái đang sửa đầu tóc cho bà, gọi ra một câu chuyện vui có phần nghiêm túc đôi chút, bà nhẩn nại cố kéo tôi vào câu chuyện của bà, còn tôi thấy chẳng có cái gì gọi là thú vị và hợp lúc. Này, anh thấy không, đừng vội cứ để tôi nói về đề tài này. Tôi lảng tránh bằng mọi cách, nhưng bà ta đâu có dừng ở đấy. Chẳng nhẽ tôi chẳng có một chút duyên dáng nào hay sao? “Chưa, chưa bao giờ!” tôi buông sõng cau có. Bà ngạc nhiên như không muốn tin. Và một lần nữa bà lại quấy rầy tôi, không để tôi yên. Cuối cùng để chấm dứt câu chuyện, tôi nói rằng nếu như có một lúc nào đó tôi chớm yêu hẳn tôi chỉ yêu đàn ông thôi. Bà ta quay lại nhìn tôi và cười khềnh khệch thật trơ trẽn, tiếp theo là cô hầu gái cũng cười. “Đàn ông!” bà thốt lên cười cợt cứ như có một cái gì đó rất ngộ - “Đàn ông? Là ai đây? Chẳng lẽ lão Boccaroza?”. Cả bà lẫn cô hầu gái lại cười hềnh hệch. Mặt tôi đỏ như gấc chín bởi vì tôi vừa mới đề cập đến ông ấy. Và khi họ nhận thấy tôi đỏ mặt, họ thôi không đùa nữa. Tôi không hiểu có điều gì buồn cười ở đây. Tôi nhìn họ bằng cái nhìn lạnh tanh và khinh bỉ. Cười ư, theo tôi đó là sự quái dị và tầm bậy. Tôi cảm thấy chướng mắt hết nỗi khi thấy vòm miệng của bà toạc ra để lộ toàn những viền lợi đỏ. Và tôi còn có thể làm được gì nếu như đối với ngài Boccaroza tôi luôn dành cho sự khâm phục, tình cảm này chẳng bao giờ mất đi. Trong con mắt tôi ông là một người đàn ông theo đúng nghĩa. Đặc biệt tôi nổi xung với kiểu cười hềnh hệch của người hầu gái kể cả điệu cười bình thường hơn bao giờ hết của người chủ của cô. Tôi còn có thể làm lạnh nếu như bà quận công cùng tôi đùa đôi chút, dù tôi chẳng có quyền làm bà cụt hứng bỗng đùa cùng tôi về đề tài này, tôi còn có thể giải đáp câu hỏi của bà về tình yêu, rằng bà có khiếp đảm thì may ra tôi có thể giúp bà sáng mắt về vấn đề ái tình.

Nhưng tôi muốn nói rằng tôi còn có thể dung hòa về vấn đề này. Bà ta chẳng gì cũng là quý bà của tôi, quý bà dòng dõi quận công. Còn để cho bất kì một loại súc sinh hèn kém nào giống như người hầu gái cười thì tôi cứ cười nhạo mình còn hơn. Không đòi nào! Đừng hòng! Bà ta luôn luôn xử sự với tôi hoàn toàn quá quắt cố làm ra vẻ quan trọng, bông đùa, và còn chòng ghẹo tôi bởi cái tội rằng tôi không thể mở được vài ô cửa nào đó trong lâu đài. Đó là việc của bà ta! Còn mục hầu gái quê mùa thô tục và xác xược cần phải giáo dục. Ở lâu đài này, quý ngài Boccaroza là một người trứ danh, tôi luôn khâm phục ông, chính tôi là con người có tinh thần chiến đấu kiên cường.

Những ngày trôi qua sẽ trong một mỗi nếu người ta không biết làm gì.

Hôm qua tôi được phái đến Santa-Croche ủy thác làm việc cùng đại sư Bernardo. Thông thường ông vẫn ẩn dật ở đó để tiếp tục sáng tác bức “Buổi họp mặt kín”. Tôi chưa một lần đặt câu hỏi tại sao ông không ra mặt trận, không xem những chiếc máy của mình hoạt động, những đứa con do chính ông tạo ra. Chẳng nhẽ ông đã hài lòng với những gì mà ông đã chế ra trên đời này sao? Tôi nghĩ ông cũng muốn ngắm nhìn chúng hoạt động. Ở đó ông có thể nghiên cứu bao nhiêu xác chết tùy thích., biết đâu ông có thể đạt được những thành tích lớn lao trong hoạt động khoa học của mình. Tôi bắt gặp ông toàn tâm toàn sức suy ngẫm cho hoạt động sáng tạo cao cả của mình, ông thậm chí cũng không nhận thấy tôi vào. Khi ông ngược mắt lên nhìn tôi, lúc ấy khuôn mặt ông toát ra một cái nhìn vô định. Ông ẩn dật ở đâu vậy? Ông không hề để tâm đến bộ binh phục của tôi, mặc dù trước kia ông chưa bao giờ thấy tôi mặc chúng. Có lẽ ông đã nhận thấy tất cả chẳng, tuy nhiên ông không tỏ ra ngạc nhiên hay sự chú tâm đặc biệt nào. Này anh nhóc anh cần gì ở tôi? - Ông ta hỏi, liếc nhìn tôi một cách đầy thân thiện. Tôi trình bày nhiệm vụ của mình mặc dù tôi nổi xung sao ông ta lại gọi tôi như thế. Ngay sau đó tôi xoay người và đi khỏi, còn có cái gì để níu kéo tôi lại ở với ông. Tôi chỉ kịp liếc nhìn thoáng qua bức kiệt tác này của ông, và tôi có cảm tưởng rằng để hoàn thành tác phẩm đó còn quá xa vời, cũng như lần trước tôi gặp mà thôi. Ông ta sẽ chẳng bao giờ làm cho ra hồn một cái gì. Làm sao mà ông ta có thể suy nghĩ lâu la về nó như vậy? Ông ta không hề quan tâm đến chiến tranh mặc dù ông ta biết đâu lại đoán rằng tôi thắng

từ mặt trận về đây. Tôi có ấn tượng là ông ta không hề quan tâm gì đến chiến tranh cả.

Đám thương gia từ chối không cho vay bạc, đại diện trong số họ cho hay họ sẽ không trong mong gì sát vào các nguồn lợi nào. Phi lí! Không thể hiểu được. Họ cho rằng chiến tranh là phi nghĩa. Phi nghĩa! Thật là vô liêm sỉ hết mức! Đòi bại ư! Chẳng đi đến đâu ư khi mà chúng tôi chỉ cần xuất quân là giành được chiến thắng! Chúng tôi sẽ tiến sâu vào vương quốc của bọn giặc cỏ, đuổi chúng, dồn chúng đến tận sào huyệt, và chúng tôi đang tiến gần tới một ý định táo bạo là giành lấy và gặt hái những thành công từ những chiến thắng trọng đại của mình. Và chính trong thời khắc này chúng lại gặt đi, chọc gậy bánh xe. Khi thành phố bị thất thủ hoàn toàn, nó sẽ bị xâm chiếm, chia năm xẻ bảy, xóa sổ. Thật tức chết đi được! Đơn giản là họ không tin và để cái đám gian thương bản thủ cản trở chúng ta giành lấy chiến thắng cuối cùng. Và đơn giản là vì chúng không thể nào xa rời được những đồng tiền bản thủ. Không, không thể như thế được! Nhục nhã hết chỗ nói.

Ngài quận công phải chịu trách nhiệm tìm cho ra được lối thoát. Và chắc chắn ông sẽ tìm ra. Phải chăng những đồng tiền cho vay kia lại ngăn cản việc kết thúc một cuộc chiến tranh vĩ đại và đầy vẻ vang? Điều này đã bị loại trừ.

Trong tòa lâu đài không còn lối đi vì chật cứng những người đưa tin hỏa tốc, những vị công sứ ngoại bang, những cố vấn cũng như những nhà cầm quân. Vì những người đưa thư hỏa tốc chạy đôn chạy đáo đó đây.

Tôi đến mất trí vì nôn nóng.

Những người kính đánh thuê của Boccaroza từ chối không đánh đấm gì hết. Họ đòi phải được trả ngay trọn các khoản lương như điều kiện đã thỏa thuận, còn để đánh tiếp họ đòi tăng lên gấp đôi khoản thù lao. Khi họ chưa nhận thì họ không nhúc nhích cho dù một ngón tay. Còn ngài quận công đào đâu ra số tiền để khuyến dụ họ, ông nói rằng khi thành phố bị chiếm, ông sẽ thanh toán sòng phẳng, và từ những chiến lợi phẩm thu được sẽ tha hồ giàu có. Họ cho rằng việc thành phố có chiếm được không còn chưa biết. Cho đến bây giờ điều này còn chưa xảy ra. Công việc trước tiên là phải đập tan

quân thù và tiến hành bao vây lâu dài, còn họ không ưa gì cảnh bao vây, họ đã ón cái trò đó lắm rồi. Bao vây rồi sẽ đi đến đâu, chẳng có một cơ may nào hết cho việc cướp bóc. Chưa tính đến chuyện bao vây thì họ đã phải chịu biết bao mất mát lớn lao. Số người chết còn vượt trên số dự tính. Điều này họ hoàn toàn không tán thành. Họ thích chém giết chứ hoàn toàn không ưa gì cái cảnh chết chóc chẳng khác gì súc vật như thế, và cho dù bất kì trong trường hợp nào phải chuyển cho được những đồng tiền chi trả cho khoản thù lao của binh sĩ. Cách họ đòi hỏi hoàn toàn chẳng có tính chất mềm dẻo trên phương diện ngoại giao nào hết.

Điều gì sẽ xảy ra và mọi sự sẽ đi đến đâu?

Nói vậy thôi chứ nhất định ngài quận công sẽ tìm được cách giải quyết nào đó vì ông là người rất nhanh trí. Ông ta thích phải đối mặt với trở ngại, chính trở ngại mới cho thấy hết tài năng hơn người của ông.

Quân đội của chúng tôi từ trước đến giờ vẫn luôn là đội quân bách chiến bách thắng, chiến đấu vẫn kiên cường, luôn đứng vững. Chúng tôi không quên điều đó.

Thế rồi chiến tranh cũng đi đến hồi kết! Quân đội rút hết qua biên giới mọi sự đều vào đấy. Xong xuôi tất cả.

Tôi không ngủ mơ đấy chứ! Tất cả hết như trong mơ ấy! Tôi bừng tỉnh, bây giờ tôi mới hiểu, đó hoàn toàn chỉ là giấc mộng, một giấc mộng khủng khiếp, một giấc mộng kinh dị. Nhưng không! Đây đâu phải giấc mơ! Tất cả vẫn diễn ra ngay trước mắt đấy thôi. Một thực tế kinh hoàng. Tỉnh ngộ chưa? Tôi tự nhủ trong tuyệt vọng mặc dù không muốn hiểu thêm bất cứ điều gì khác. Tính háms lợi, thói bất lương, sự phản phúc... tất cả những thói xấu luôn đi cùng nhau và có trong mỗi một người lính anh hùng của chúng ta, chúng làm lung lạc tay gươm, tinh thần chiến đấu ở họ. Những người lính tiếng tăm lẫy lừng của chúng ta chưa mấy may nếm mùi bại trận, luôn làm cho kẻ thù khiếp đảm giờ đây phải trở về nhà. Hay họ phải trở về nhà, trong khi họ lại muốn hoặc là giành lấy đại thắng hoặc sẵn sàng bỏ mạng nơi chiến trường. Thật là trớ trêu và bi kịch biết chừng nào! Cuộc chiến tranh vĩ đại và hiển hách nhất trong lịch sử của chúng ta đã kết thúc. Toàn thân tôi dường như bị tê dại. Chưa bao giờ trong đời tôi lại phẫn nộ

như thế, và cũng chưa bao giờ tôi lại xấu hổ như vậy. Cảm giác trong tôi chưa bao giờ trỗi dậy phản bác mãnh liệt như thế bao giờ. Lúc đó toàn thân tôi như bị tê liệt, tôi cảm giác mình đuối sức vô cùng. Bằng cách nào đó tôi có thể tác động vào cục diện và biến đổi nó? Làm thế nào có thể chấm dứt cảnh bị kịch tâm tôi này? Tôi chẳng thể làm gì hơn. Chẳng thể nào!

Tất cả đã mãn cuộc, tất cả đã chấm hết. Hết thật!

Tôi lặng lẽ tránh xa mọi người, quay về phòng mình ở phía trên để khỏi bị quấy rầy khi tôi biết tin đồn về chiến tranh sẽ chấm dứt là có căn cứ, là có cơ sở. Và tôi sợ rằng tôi sẽ không cưỡng lại được những tình cảm bột phát trong tôi, và e rằng tôi sẽ không thể cầm lòng được và như thế chẳng hợp với bộ dạng của một người đàn ông. Vừa vào đến phòng mình tôi bật khóc rung rức. Tôi chẳng việc gì phải giấu kín. Tôi không thể chịu đựng được nữa. Trong cơn giận dữ như điên như dại tôi xiết chặt nắm đấm ghì sát vào hai hốc mắt rồi nức nở. Nức nở.

Ngài quận xông sẽ không để yên đâu và ông sẽ chẳng muốn tiếp bất kì một ai. Thế rồi ông cũng dùng bữa trưa luôn ở đấy, chỉ một mình thôi. Tôi phục vụ bàn ăn cho ông. Ngoài tôi còn có thêm một tên gia nhân khác để mang thức ăn đến cho ông mỗi khi ông cần. Chẳng ai thấy ngoài hai chúng tôi. Bề ngoài xem ra ngài quận công rất bình thản. Nhưng điều gì ẩn giấu sau cái vẻ mặt nhợt nhạt của ông? Rất khó nói ra. Rồi khuôn mặt của ông được viền bằng một chòm râu đen nhánh, mặt ông lợt lạt đi, còn mắt ông ánh lên một cái nhìn bất động và vô định. Liệu ông có nhận thấy sự có mặt của tôi, và ông không hé răng nói lấy một lời từ cặp môi mỏng trắng bợt cắt không được giọt máu. Tên gia nhân đáng thương sợ ông đến phát hoảng vì hấn rất nhát gan. Khi được tin Venezia khước từ, nước cộng hòa thương mại đáng nguyên rủa gây khó khăn để ông khởi xuất binh, ông trở nên phần nộ vô cùng. Tôi chưa bao giờ chứng kiến thấy ông như thế, toàn thân ông bốc lên cơn tam bành, nom ông đến sợ, đến phát khiếp. Điên tiết ông rút phăng con dao găm ra khỏi bao cắm đánh phập xuống bàn suýt nữa thì đến chuôi. Giá như cái đấm thương gia ngay lúc ấy trông thấy ông, tôi tin rằng chỉ một loáng là chúng sẽ phải nôn tiền lên trên bàn cho coi.

Người ra nói rằng chưa bao giờ ông nổi nóng như thế và cho đến lần này ông chưa phải dùng đến sáng chế thiên tài của Bernardo. Nếu như nó ở

đây thì ông có lợi biết mấy. Ông tin là với sự trợ giúp của chúng thì chúng tôi biết đâu đó có thể chiếm được thành phố và chiến thắng có thể nằm trong tầm tay của chúng tôi. Và khi ấy mọi việc sẽ ra sao nhỉ? Tôi rất hài lòng xem xem ông ấy nổi xung như thế nào. Ông nổi cơn tam bành cũng ghê đấy chứ. Nhưng sau đó tôi chợt nghĩ có thể ông không phải là con người mạnh mẽ như tôi vẫn nghĩ, tại sao ông lại đi phụ thuộc vào người khác đến vậy? Thậm chí còn lệ thuộc ngay vào những khoản tiền đi vay? Tại làm sao ông không dùng những người lính bách chiến bách thắng của chúng tôi để chống lại, cứ làm sao ông không giành cho thành phố ấy một trận nảy lửa? Vậy thì quân lính để họ làm mỗ hay chẳng?

Tôi chỉ đơn thuần nêu ra câu hỏi đại loại thế vì tôi không phải là chỉ huy trưởng và cũng có thể tôi hoàn toàn không hiểu được nghệ thuật tác chiến. Nhưng tôi còn canh cánh trong lòng và vẫn lo lắng, cố gắng để hiểu cho được điều gì sẽ xảy tới với số phận của chúng tôi. Tôi cởi bỏ binh phục. Tôi treo lên tường với cảm giác đầy cay đắng ngay trong phòng dành cho người lùn. Binh phục thường được treo ở đó. Trông chúng thảm hại và bất lực chẳng khác con rối nhồi vải được treo dây. Nhục nhã và ê chề vô cùng.

Chúng tôi sống trong cảnh hòa bình dễ gần một tháng rồi còn gì, thế mà cái tâm trạng ảo não bao trùm lên cả tòa lâu đài, cả thành phố, cả đất nước này. Cái lạ ở chỗ là sống trong hòa bình song nói chung ai nấy đều không hài lòng, mà còn sinh chán nản, và ngay lúc này đây cũng thế, bầu không khí bao trùm có phần tẻ nhạt, cộng thêm phần ngột ngạt hơn nước ốc khiến con người ta không thoát khỏi sự rầu rĩ. Còn những người lính ngoài mặt trận trở về luôn trong trạng thái bất mãn vì mọi điều không chiều theo ý họ, còn những người không ra trận lại nói cạnh khỏe, trêu chọc họ chính vì cuộc chiến không mang lại những kết quả như mong muốn. Cuộc sống thường nhật vẫn diễn ra một cách uể oải và buồn bã theo cái lối từ thuở khai thiên lập địa vẫn thế: chẳng niềm hân hoan lẫn mục tiêu nào ở phía trước. Tất cả những gì gắn với cuộc chiến, sự khích lệ, lòng hăng say, sự vui tươi nay không còn nữa.

Lâu đài trở nên tiêu điều. Hầu như chẳng còn ai ra vào qua lối cửa chính ngoài chúng tôi, và lại chính chúng tôi phần đông, thường vào qua lối khác. Chẳng có ai để báo cáo cũng chẳng còn ai để thiết đãi. Những phòng khánh tiết không người ở, còn những người phục vụ ẩn dật đâu đó không lộ mặt

ra, ở những lối đi chẳng có ma nào cả, thậm chí không có lấy tiếng chân cất bước quen thuộc. Cảnh vắng tanh vắng ngắt gây cảm giác như rơi vào vương quốc hồn ma. Ngài quận công đi đi lại lại trong những căn phòng bên trong, những căn phòng cổ xưa, hết góc này đến góc khác, lúc lại ngồi vào bàn trầm ngâm, cái bàn vẫn còn hằn lại một vết khoét do dao găm. Ông nhìn một cách rầu rĩ và đầy chăm chú vào một điểm như đang suy tư một cái gì đó hầy còn chưa biết đến. Thời gian trôi thật nặng nề và sâu thẳm. Ngày thì dài lê thê, biết bao giờ mặt trời mới lặn tắt. Tôi bây giờ tha hồ rảnh rỗi, tôi muốn viết bao nhiêu tùy thích về cuộc đời, về những dòng suy nghĩ; song mong ước nhỏ nhất mảy may tôi cũng không có. Thường thì tôi ngồi cạnh cửa sổ buông mắt ngắm nhìn những con thuyền lặn vòng uốn khúc dưới bờ tường tòa lâu đài, dòng sông êm đềm uốn lượn cùng một dải màu xanh biếc. Chính con sông này trên phần đất của ngày Lodovico đã chứng kiến chiến thắng oanh liệt của chúng tôi. Không, điều này đã mấy ai thấy! Chẳng qua cũng chỉ là điều tồi tệ nhất trong toàn bộ những gì diễn ra trong thời gian khủng khiếp nhất gần đây. Tôi kinh hoàng, liệu còn có thể tin được ai hay bất cứ điều gì sau sự kiện này?!

Có thể hình dung thế này, ngài quận công cho rằng ông và dòng họ Montan cần phải hòa hoãn và tiến hành kí kết một hiệp định để không bao giờ dấy lên cảnh binh đao. Nói là vậy chứ điều gì có thể đảm bảo chấm dứt những cuộc chiến tranh liên miên này? Rằng cả hai dòng họ cần phải long trọng cam kết cùng một lúc chấm dứt cuộc chiến và sẽ không bao giờ xâm phạm lẫn nhau nữa. Ngài quận công thoát đầu xem ra không tán thành, còn cho là bị mạo phạm, là lời khiêu khích cuối cùng. Tuy nhiên, ngài quận công sẽ vẫn theo đuổi lời yêu cầu của mình cho đến cùng. Ông còn nói chúng tôi lấy lẽ gì mà chém giết lẫn nhau, rồi những cuộc chiến tranh phi nghĩa này sẽ đi đến đâu? Có gì chiến tranh nổ ra liên miên và kéo dài đến vài trăm năm, chẳng bên nào thắng, chẳng bên nào thua mà cả hai đều phải chịu tổn thất. Có biết bao nhiêu tai họa giáng lên đầu chúng tôi? Thật là tốt biết mấy khi chúng tôi cùng chung sống trong hòa bình, trong hòa ước, có như thế đất nước của chúng tôi mới thịnh vượng và phát đạt! Xem ra Lodovico cũng nhận thấy những lí lẽ mà ngài quận công viện cũng có lí. Và bây giờ ông mới đưa ra câu trả lời rằng ông đồng tình với lời đề nghị của ngài quận công, ông chấp nhận lời mời đến tham dự diễn thuyết về một nền hòa bình “vĩnh cửu” và kí kết một “hiệp định trọng thể”.



Rõ ràng tất cả bọn họ đã mất trí! Một nền hòa bình “vĩnh cửu” ư? Sẽ chẳng bao giờ xảy ra chiến tranh ư? Thật vớ vẩn và ấu trĩ hết sức! Chẳng nhẽ họ cho rằng những quyền lực mà họ có thể thay đổi được trật tự thế giới hiện hữu? Thật là tự kiêu tự đại quá mức! Quá khứ cũng như tất cả những truyền thống tốt đẹp đều có sự đổi thay đấy thôi! Không có nạn binh đao ư? Chắc sẽ không có cảnh đổ máu! Khi ấy cả danh dự lẫn chủ nghĩa anh hùng đều không được người đời coi trọng! Sẽ chẳng còn cảnh kỵ sĩ vác thương xung trận, sẽ chẳng còn phải giáp mặt với kẻ thù và hy sinh oanh liệt trên sa trường! Lẽ tất nhiên sẽ chẳng có cái gì để đem ra làm thước đo cho cái gọi là niềm tự hào của loài người. Sẽ chẳng còn nảy ra một Boccaroza điềm nhiên và tàn bạo nào khác vùng gươm nhắc nhở một bột tộc chuyên dương dương tự đắc rằng trên đầu họ nào còn có ai! Và liệu chính những nền tảng của cuộc sống có bị tiêu vong hay không? Dàn hòa ư! Chẳng gì hơn ngoài sự ô nhục! Làm sao có thể bắt tay hòa ước với kẻ thù không đội trời chung! Đúng là sự sỉ nhục hết cấp! Sự xuyên tạc bỉ ổi các quy luật của tạo hóa! Đê mạt! Đối với chúng ta đó là sự thóa mạ, thóa mạ đối với cả những người đang sống và chiến đấu, với cả những người đã hy sinh. Lãng mạ chính các vị anh hùng đã ngã xuống của chúng tôi, những người đã hy sinh giờ đây là vô ích! Tôi sẽ phanh phui các thói đón hèn này. Cái điều mà ông đang toan tính khiến tôi không tài nào hiểu được. Song mọi lẽ lại thay đổi. Bây giờ tâm trạng ông khá lên rõ rệt, ông lại trò chuyện với mọi người, lại trở nên tinh anh và hài lòng với chính mình. Ông muốn nói rằng ông đã nghĩ tới một điều thông minh khác thường, hẳn là một tư tưởng “vĩ đại”.

Với tôi chẳng có lời nào tả sự khinh rẻ khôn cùng của tôi. Niềm tin tôi giành trọn vẹn cho ngài quận công cho quý ngài của tôi đã bị đổ vỡ khó lòng có thể lấy lại được. Ông ta đón hèn cũng như bao kẻ cầm quyền khác. Hòa bình “vĩnh cửu” ư! Có mà ngưng chiến thì có! Thế kỉ này kế tiếp thế kỉ kia, cuộc chiến này nối tiếp cuộc chiến kia! Đâu chỉ đơn thuần hòa bình có tồn tại!

Quả thực, làm một anh lùn cho quý ngài đây cũng không dễ dãi gì. Sau cuộc binh biến, mọi thứ trong lâu đài đảo lộn tất cả. Bạn có thể té ngã do vấp phải mỗi khi bước phải những cái máng giặt vút ngổn ngang, những chiếc chổi vút lộn xộn. Khắp nơi đâu đâu cũng thấy giẻ rách, và khi người ta trút bỏ chúng để lau các ô cửa sổ, cơ man biết bao nhiêu là bụi bặm. Từ trên tít trần thượng người ta bố trí treo rất nhiều những bức thảm ghép cổ,

thảm được trải khắp nơi, trải trên lối ra vào, rồi thảm cũng được treo trên tường để trang hoàng chuẩn bị cho ngày lễ hòa bình và hòa ước đề tiện này. Những căn phòng để tiếp đãi khách được chuẩn bị hàng tháng trời mau chóng được đưa vào sử dụng đâu ra đấy, còn đám nô bộc chạy đi chạy lại cứ như chong chóng, chạy mãi không hề biết mệt. Tất cả bọn họ trong thâm tâm nguyện rửa công việc thù địch dờ hơi này của ngài quận công.

Đám tay chân cũng sẽ phải lau chùi và quét dọn khu cung điện Geraldì, chỗ đó sẽ bố trí nơi ăn chốn ở cho đoàn tùy tùng của Lodovico. Người ta kháo nhau rằng Boccaroza cùng đám lính đánh thuê của y đã để lại cái chuồng heo này. Các kho đầy ắp lương thực thực phẩm có vô vàn thịt bò, thịt bê, những súc thịt cừu nguyên con, tất cả được lão quản gia bố trí sắp xếp đâu ra đấy. Đây toàn là những vật phẩm do người nghèo cống nộp. Ngũ cốc trong kho chất cao như núi, có cả thức ăn cho ngựa. Nông dân, những người đen đui hẩm hiu, đều lấy làm bất bình. Tôi đồ rằng nếu như họ có thể họ sẽ nổi loạn chống lại ngài quận công vì cái lễ kí kết hòa bình ngốc nghếch đó. Cái họ phải cống phẩm là công sức săn bắn ở rừng, ở những triền núi mới có được. Nào hươu nai, nào gà lôi, nào lợn rừng. Đám gia nhân chẳng mất gì chỉ việc đem chế biến nấu nướng những món chim cút, món thịt gà gô, món thịt chim rừng. Đám đầy tớ chuẩn bị món chim câu gà quay béo ngậy, lựa những con công ngon nhất, lông đẹp cho bữa tiệc kí kết. Đám thợ may có trách nhiệm chuẩn bị y phục thật sang cho ngài quận công và cả phu nhân quận công. Để làm được họ phải đi vay giật, tất nhiên sẽ không phục vụ cho mục đích chiến tranh. Họ đi hỏi vay tất cả giới quý tộc trọng vọng của thành phố. Họ tất bật ngược xuôi để vay được khoản tiền cần thiết. Khải hoàn môn nằm ở phía trước lâu đài lùi xa về phía vệ đường nơi Lodovico cùng đám tháp tùng phải đi ngang qua. Người ta bày tán lọng khắp nơi, những tôi đòi tớ mướn giữ sạch những tấm thảm, những tiết học được thuê thừa để trang điểm cho các khung cửa sổ. Các nhạc công thì cử nhạc từ sáng cho đến tối, vì vậy đám người này được bố trí riêng, còn đám thợ phú phục vụ cung đình theo phiên thì ứng tác ra những điều nhăng cuội, sau đó những người dàn dựng dùng để họ phục vụ cung đình! Người ra kháo nhau về những gì họ biết. Rất khản trương, rất sôi động! Chẳng một góc ngách nào yên ắng! Mỗi một bước đi bạn nên cẩn trọng kéo va đựng hay vấp ngã. Cái cảnh kẻ chạy ngược người chạy xuôi bạn rộn không kể xiết. Tôi không để đâu cho hết tức. Bọn giặc cỏ rùm beng tiến vào đô thành chúng tôi. Đô thành chưa bao giờ được trang hoàng và tô điểm đẹp như thế

để chào đón chúng. Đi trước là một toán khoảng ba mươi tên cưỡi ngựa chơi kèn sáo, bao quanh là những viên kỵ sĩ cận vệ trong trang phục đen và xanh, tay nắm nắm binh khí. Tiếp đến là Lodovico cùng gã con trai miệng còn hôi mùi sữa, theo sau họ là những trang hiệp sĩ danh nổi như cồn, đám con dòng cháu dõi và cả hai trăm xạ thủ hậu quân. Lodovico cưỡi một con ngựa chiến màu quạ khoang, trên đầu ông là một chiếc tán nhung màu xanh thẫm được viền chỉ bạc. Nhân dân hoan hỉ đón chào ông. Nhân dân răm rắp chấp hành mỗi khi ông ban lệnh, đây là ông còn đương chức. Bằng không ông chả là cái gì sất. Hiện giờ họ nghĩ họ là những người hạnh phúc vì hòa bình sẽ mãi mãi bền chặt.

Ngài quận công phái ba công sứ ra đón tiếp họ, loan báo về việc Lodovico đã tới và lí do của chuyến viếng thăm, và thế là khắp các nhà thờ thành phố đổ chuông. Đó là khúc nhạc dạo đầu hùng tráng, còn chúng tôi cảm thấy sự nhục nhã ê chề đang kề cạnh. Tiếp theo là tràng đại bác bắn lên trời. Theo tôi nên dùng chúng vào đám rước thì tốt hơn. Con ngựa của con trai Lodovico phát hoảng né mình sang một bên, tí nữa thì con trai ngài văng người ra khỏi yên, nhưng cậu ta kịp cầm cương riết lấy và tiếp tục thúc ngựa chạy tiếp. Cậu then đến đỏ cả mặt. Chẳng khác một đứa trẻ, hẳn cậu ta cũng chỉ mười bảy tuổi là cùng. Dù bao cặp mắt xung quanh cậu chứng kiến, nhưng họ không hề cho rằng cậu ta kém cỏi. Họ luôn tìm thấy ở cậu những ưu việt và cho đó là những dấu hiệu tốt lành, nhất là trong những dịp trọng đại thế này. Nay thế nữa, họ không bao giờ bỏ qua những cơ hội mình chứng cho sự sắc sảo tinh tường của mình. Gần đến cổng lâu đài, Lodovico xuống ngựa và được ngài quận công tiếp đón một cách cầu kì đầy hoa mỹ. Lodovico là một tay khỏe như vâm, vừa lùn, vừa mập, bên hai má lộ những đường gân hồng nhằng nhịt chạy xuống cái cổ vừa ngắn lại vừa mập tròn như cổ bò. Ông chỉ có râu cằm, đã thế lại lưa thưa, hoàn toàn chẳng tôn khuôn mặt ông một chút nào, và cả cái bộ dạng vốn chẳng ưa nhìn gì của ông. Cặp mắt đen và sắc như dao cứ vờ như niêm nở khiến người ta chẳng thể nào tin vì tất cả đều biết ông chỉ là một tên cáo già. Theo tôi ông ta là một con người bản tính, kể cả nay lúc điềm đạm, bất kì lúc nào ông ta cũng có thể cho bạn ăn đòn. Một ngày chỉ toàn tiệc tùng, tiếp đón, nghi lễ và thương thuyết liên quan đến sự hiệp định giữa hai quốc gia. Tối đến người ta tổ chức buổi trình diễn bằng tiếng La tinh cực kì buồn tẻ. Tôi chẳng hiểu gì, còn mọi người khác thì theo tôi cũng thế. Sau đó người ta diễn một vở hài kịch dung tục mà ai cũng đã hiểu rõ hơn nhiều và bắt đầu

nói những lời bông đùa tục tĩu, thô bỉ. Với tôi đó là một vở diễn gây lợm giọng.

Thế rồi tất cả nghi thức trong ngày cũng kết thúc. Tôi ngồi trong phòng và lấy làm vui mừng chỉ còn lại một mình. Còn gì thú vị hơn thế nữa? Cũng thật buồn cười, tất cả cái đám khách khứa đông thế mà nhét vào phòng dành cho người lùn trong khi trần nhà chỉ vừa đủ cao để cho họ lom khom đi vào, như thế quả là ngớ hết mức!

Cậu con trai này của ngài Lodovico được người ta vẫn hay gọi là một “gã đẹp trai” bởi vì cậu ta không giống cha mình. Đi cạnh người cha, ngồi trên lưng ngựa, dưới cái tán nhung màu da trời, cậu ta vận trang phục đồng màu với tán che khiến mọi người xung quanh cứ gọi cậu là trang giai nhân của ông ấy. Chuyện như thế có thể xảy ra lắm chứ. Theo nhận định của tôi, cậu ta hầu như chẳng có nét gì của người đàn ông. Từ cặp mắt lá rậm mái tóc đen dài cho đến làn da tố nữ... Chẳng khác gì đám con gái, cậu hay thẹn thùng chỉ vì những chuyện vặt vãnh và nhầm lẫn về việc vẫn thường xảy ra. Tôi có thói quen xét nét, tôi không thể chịu được cái vẻ bề ngoài như thế... Theo tôi, đàn ông phải ra dáng đàn ông. Người ta nói cậu ấy giống mẹ, một trang thiên sắc, một mỹ nhân Beatriche. Người ta đồn rằng bà từ địa ngục được cứu rồi lên thiên đàng, bà ta bỏ bố con cậu mà đi để tròn đến mười năm rồi còn gì.

Lúc chiều tà tôi thấy cậu ấy đi dạo cùng Angelica ở vườn ươm hoa. Sau đó tôi lại thấy họ dạo bước phía gần bờ sông, ném những mẩu bánh vụn cho lũ thiên nga. Thỉnh thoảng tôi còn nhận thấy họ đàm đạo về một điều gì đó. Tôi không rõ cậu ta lại nói chuyện với cô bé con. Ất hẳn cậu ta không nhận thấy, mà cô ấy có xinh đẹp gì đâu, biết đâu cô ta lại muốn chạy trốn khỏi cái xã hội của cô? So với cô ấy, chắc gì cậu sáng dạ hơn, hay chỉ như người nguyên thủy. Don Riccardo tham gia vào các nghi lễ, thường ông len lỏi về phía trước mỗi khi có dịp thuận lợi. Vết thương của ông chắc đã lành lại. Tôi nói gì nhỉ? Những vết thương nào cơ? Sức khỏe ông chắc chẳng có gì tiến triển, một tay dường như không cử động được. Các bạn thấy đấy, ông là một con người có thừa lòng quả cảm! Đã tới ngày thứ ba tính từ khi quân giặc tiến vào thành phố chúng tôi. Các nghi lễ tiếp đón vẫn cứ diễn ra tuần tự, thành phố chưa có lấy một phút yên ắng nào. Tôi hoàn toàn kiệt sức vì cả ngày tôi cứ phải ngồi ghi chép. Sáng nay, chính lúc này đây, tôi vật vờ

lấy lại sức lực đã tiêu hao. Tôi kể lại vắn tắt chuyện diễn ra ngày hôm qua và những ấn tượng của tôi.

Cả hai ngài quận công ra khỏi lâu đài từ rất sớm đi về hướng tây thành phố, chỗ họ sẽ dành vài tiếng để đi săn trên đồng cỏ bằng chim ưng. Ngài Lodovico là người rất thích đi săn bằng chim ưng, còn ngài quận công của chúng tôi có nuôi loại chim ưng trác tuyệt, trong số đó một vài con là loại hiếm quý được vị hoàng đế Pháp ban tặng, và tất nhiên ông không vội gì để bộc bạch về chúng. Từ bãi săn trở về, họ ngồi ngay vào bàn ăn uống, uống rồi lại ăn cứ liên miên không dứt. Sau đó âm nhạc được cử lên, dù muốn hay không bạn cũng phải nghe. Theo tôi chẳng có một loại nhạc nào tôi tệ hơn thế kể từ lúc cha sinh mẹ đẻ! Tiếp đó là các tiết mục múa hát lèng phèng, và sau đó là tiết mục tung hứng, một trong những tiết mục làm người xem phấn khích. Và đây chính là tiết mục đáng xem nhất. Ngay sau khi tiết mục này chấm dứt, một lần nữa họ lại ngồi vào bàn ăn uống cho đến tận đêm khuya. Một màn kịch cảm hết sức gợi tình đã được thể hiện qua sự biểu diễn của những nam nữ diễn viên trong những trang phục bó chặt lấy thân chẳng khác gì màn trình diễn thoát y. Đến thời điểm này đa số bọn họ đã say xỉn. Và thế là một ngày đã hoàn tất, cuối cùng tất cả công việc của tôi chấm dứt và tôi được thiếp đi và ngủ say như chết. Vào thời gian này ngài quận công trở nên sôi nổi, lịch thiệp và cũng rất say mê. Ông cũng chẳng hiểu ông đãi khách ra sao, nhưng những gì ông làm, thái độ nhún nhường trước họ thật quả đáng phải ngạc nhiên. Tôi nhìn ông không thể không ngỡ ngàng. Có thể, đám khách khứa đều là những chiến hữu chí thân đối với ngài Lodovico. Còn ngài quận công ít nhất cũng làm hết sức mình tỏ ra là người bạn chân thành. Ngài quận công Lodovico mới đầu rất dè dặt và có phần thận trọng, nhưng rồi cái cảm giác ấy cũng qua mau. Và lại ông đến đây đâu chỉ có đám vệ sĩ mà còn hàng trăm binh lính hộ tống. Hơn nữa đi kí kết một hiệp định hòa bình cần chừng đấy binh lính đi theo để làm gì? Mặc dù hoàn cảnh buộc ngài quận công phải xử sự như thế, nhưng có lẽ, ông cũng không đủ can đảm để tiếp đón đám quân thần ngoại bang mà không có sự hộ tống của đội quân cận vệ đặc biệt. Tôi biết quá rõ điều này hơn ai hết. Bao giờ chả thế! Nhưng dù sao tôi cũng không thể khoanh tay đứng nhìn thấy bọn giặc ngoại bang này, tôi muốn nện cho chúng một trận. Còn bây giờ không được manh động. Tình hình lúc này là tình huống ngàn cân treo sợi tóc!

Nhất cử nhất động của ngài quận công đều trở nên bí ẩn đối với tôi. Tôi hoàn toàn không thể hiểu tại sao ông lại xử sự không thỏa đáng đối với lũ giặc không đội trời chung. Quả là bí ẩn! Tôi không tài nào hiểu được. Hay đơn giản người ta vẫn nói mưu sự tại nhân thành sự tại thiên! Tôi không muốn đề cập về điều này, như thế là quá đủ! Sự xem thường ông trong tôi vẫn là vô hạn định.

Tôi vẫn thấy Giovanni và Angelica hôm qua thường quán quýt bên nhau. Cả hai xem ra rầu rĩ. Lúc chàng vạng tôi vẫn thấy họ ngồi bên bờ sông, nhưng lần này không cho đám thiên nga ăn, chẳng chuyện trò, đơn giản chỉ ngồi yên lặng bên nhau, thả tầm nhìn lên dòng nước. Có thể chẳng chuyện trò gì hơn.

Còn gì nữa chẳng? Có lẽ chẳng còn gì hơn. Ngày hôm nay lễ kí kết hiệp định hòa bình sẽ được tiến hành, sau đó là một bữa tiệc thịnh soạn có lẽ sẽ kéo dài đến sáng. Nghe mà khiếp! Tất cả đối với tôi trở nên chán ngắt.

Tôi hoàn toàn tin cậy ở ngài quận công. Đầu óc tôi quay cuồng. Tôi không thể tiết lộ những nhiệm vụ mà ông đã giao không được hé dù là nửa lời! Đây là bí mật. Tôi không hiểu chúng tôi sẽ phải đợi bao lâu nữa! Tôi vô cùng hạnh phúc. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói. Hôm nay vào lúc sáu giờ, bữa tiệc long trọng sẽ được tổ chức. Đây là sự kiện quan trọng nhất trong tất cả các nghi thức đón tiếp, tôi chỉ biết nếu như trót lọt thì đây chính là niềm vinh quang trọng đại nhất. Tôi đợi giây phút này từng khắc. Ngài quận công quả thực là nhà lãnh đạo trù tính vẹn toàn và vĩ đại. Ngay bây giờ tôi sẽ kể ngày cuối cùng diễn ra như thế nào, và điều chính yếu đó là về bữa tiệc, nó đã khép lại tất cả những nghi thức có liên quan đến việc kí kết giữa hai dòng họ, một bên là dòng quận công chúng tôi và bên kia là dòng họ quận công xứ Montan, thậm chí cả về những sự kiện có liên quan tới lễ kí kết hiệp định hòa bình này. Thoạt đầu chúng tôi tụ tập trong phòng khánh tiết, nơi bản hiệp định về nền hòa bình bất khả xâm phạm sẽ được công bố giữa hai nhà nước. Bản hiệp định được soạn rất trọng thể, trong đó có đề cập đến việc bãi bỏ xây dựng những pháo đài kiên cố ở biên giới, thực hiện tự do hóa thương mại giữa hai nước, và những vấn đề thúc đẩy giao thông. Sau khi đọc xong là thời điểm của lễ kí kết. Cả hai vị quận công cùng với thuộc hạ tiến đến bàn và kí tên mình lên hai bản cam kết khổ to bố trí sẵn ở đấy. Tất cả diễn ra một cách long trọng. Ngay lúc đó vang lên một hồi kèn

lệnh, do người nhạc công bố trí dọc theo tường, cách hai bức lại có một người. Họ vận trang phục màu của ngài quận công của chúng tôi và của ngài quận công xứ Montan. Họ đứng xen kẽ, sau đó là cả một đám rước, người đứng đầu là ngài thái sư tiến vào dưới làn điệu đặc trưng cho thứ âm nhạc trọng thể phục vụ cho lễ kí kết. Căn phòng rộng lớn được chìm trong ánh sáng của năm mươi giá nến bằng bạc và hai trăm ngọn đuốc do đám tôi tớ mặc đồng phục nắm giữ. Ngoài đám tôi tớ trên có nhiều trẻ em lang thang ngoài phố quần áo rách bươm trông đến thảm thương, đi chân đất nhợt nhợt, nếu bạn tiến gần chúng một chút thì mùi xộc lên mũi đến kinh. Một dãy năm chiếc bàn liền trong phòng đã bị gãy do bị chất chồng lên quá nhiều, nào đĩa bạc, đĩa sứ đựng hàng núi thức ăn, rồi hoa rồi quả, rồi cơ man biết bao nhiêu bánh ngọt được làm theo những hình thù kì dị như người ta nói với tôi, đó là những cảnh trong thần thoại Hy Lạp, chính xác là một loại hình tượng giáo, cái mà tôi chưa hề được biết đến. Ở giữa mọi thứ đều được làm bằng vàng từ giá để nến, đĩa đựng hoa quả, đĩa để ăn, bình chứa rượu vang cho đến cốc chén dành cho hai vị quận công cùng những thành viên trong gia đình hoàng tộc, kể cả những kẻ thân tín danh nổi như cồn. Ngài quận công ngồi đối diện với Lodovico, còn phía bên phải ông là bà quận công vận trang phục váy thắm tay xẻ tà được làm bằng lụa có hình hoa văn màu trắng có đính những viên đá quý phía trước bộ ngực đầy đà có thêu kim tuyến óng ánh. Phía sau gáy tóc bà được vén lên bằng một loại lưới vén tóc màu trắng bạc, ở phía dưới có đính những viên đá quý, ít nhiều cũng giấu đi cái mớ tóc màu hạt dẻ nhạt nhợt xấu xí của bà. Có lẽ bà phải mất hàng giờ để điểm trang, nom bà rạng rỡ hơn ngày thường, cái mặt ngày thường phúng phính, nhưng hoàn toàn dịu dàng, giờ thì hoàn toàn xinh xắn. Bà cười nói rất thoải mái. Ngài quận công ăn vận chẳng cầu kì chút nào. Ông mặc bộ y phục nhung đen, tay xẻ để lộ ra thứ vải lụa màu vàng. Ông có dáng người cân đối, nom chẳng khác một chàng trai. Ông đâu có dấu hiệu của tuổi già, ông còn năng nổ và hoạt bát lắm. Ông ngồi yên trong giây lát chẳng hé lấy nửa lời, người ta còn thấy thi thoảng ông chìa tay ra vuốt vuốt mớ tóc ngắn đen nhánh của mình, trong thâm tâm tôi cho ông lúc này chẳng có thói quen làm như thế. Rồi tôi bỗng thấy mình trung thành tận tụy với ông đến nhường nào. Ngài Lodovico mặc một cái áo choàng rộng nhưng ngắn cũng được may bằng loại vải màu sẫm tối rất sang trọng được làm từ lông điều hắc tử, bên trong còn mặc một chiếc áo chên cộc tay màu đỏ sáng, điểm thêm bằng một chiếc vòng cổ bằng vàng vừa to vừa nặng trĩu xuống dưới ngực. Ăn vận như thế ông xem ra trông càng béo

hơn và càng lùn đi. Cái cổ vốn đã to như cổ bỏ đực lại càng cộn lên bằng áo lông điều hắc tử càng làm cho cổ ông bè ngang hơn, trông như lật đật không đầu. Khuôn mặt ông ánh lên sự nhiệt thành và đầy thiện chí, nhưng chỉ riêng khuôn mặt thôi làm sao nói lên tất cả?

Don Riccardo dường như ngồi đầu đó gần đây, một trong những chỗ danh giá nhất này, mặc dầu lẽ ra ông phải ngồi xa xa đầu đó. Ông bao giờ chả ngoi lên trước, còn ngài quận công chả làm gì ra hồn nếu như không có ông ta, thậm chí cả bà phu nhân nữa. Ông bắt đầu huyền thuyên trên gờ dưới bể và làm cho tất cả mọi người xung quanh phát ngáy bởi cái bộ dạng kiêu căng, cả việc vắn về cái mớ râu cằm đen xì và quần tít. Tôi ném cho ông ta cái nhìn lạnh lùng với ẩn ý đến trời cũng chẳng thể biết. Vả lại việc nói lúc này đối với tôi là không phải lúc.

Chắc mọi sự vẫn thế! Tôi muốn nói cái cặp chim bồ câu Giovanni và Angelica kia chắc lại ngồi đầu đó kề cận cùng nhau, cũng có thể ở dãy bàn chung kia chẳng? Mà họ ngồi gần nhau thì có sao đâu vì cô cậu gần như đồng lứa, lẽ tất nhiên là ngang hàng, là môn đăng hộ đối và cả hai đều xuất thân từ dòng dõi quận công. Giovanni ắt hẳn một trăm phần trăm rồi, còn Angelica thì biết đâu cô ta chỉ là một đứa con nuôi. Trong số khách khứa dự tiệc họ là những nam thanh nữ tú duy nhất nhưng nom họ còn trẻ con hơn là có nét của người lớn. Biết đâu họ đến dự tiệc chỉ là sự bắt buộc. Với cô Angelica đáng thương, đây là lần xuất hiện đầu tiên trước một thế giới đầy choáng ngợp. Cô ta vận một chiếc váy lụa tay dài và hẹp được may từ một loại gấm vàng. Tóc có vẻ sáng, cô đội một chiếc mũ nhỏ nhắn có đính ngọc và vàng, cô ta nom cứ ngồ ngộ thế nào đó. Bất kì ai trông thấy đều cho cô ăn mặc thật sơ sài và có phần tội tội thế nào đó. - Cô ta lúc nào cũng mấp má, má ửng đỏ chắc vì lúng túng, ngượng ngùng. Đôi mắt bồ câu to đen và tràn sáng lên vì thán phục tựa như cô vừa mới chứng kiến một điều kì diệu nào đó. Vả lại, Giovanni chắc đã hơn gì cô, giữa cái chôn toàn những nhân vật tai mắt, thỉnh thoảng chính cậu cũng len lét nhìn họ đấy thôi. Nhưng cậu thì đã quen với cái giới thượng lưu này rồi, sự rụt rè nhút nhát đó là bản tính của cậu. Cậu mặc bộ trang phục màu xanh da trời được làm từ vải nhung cùng với đường thêu kim tuyến ở cổ. Cái cổ mảnh khảnh đeo cái lắc bằng vàng hình ôvan trong đó có gắn chân dung mẹ cậu, mẹ cậu người ta kháo nhau rằng bà đang được an hưởng trên cõi cực lạc. Do đâu mà họ biết được? Biết đâu, cũng có thể bà ta đang phải chịu cảnh tủ nhục dưới địa



ngực! Tầm phào! Khách khứa vẫn có cảm giác cậu là một “trang thanh tú”, chính tai tôi nghe thấy họ thì thầm to nhỏ cùng nhau, tuy nhiên một số khác thì không thế, họ cho cô cậu là một cặp “đẹp đôi”, đến đây tôi mới chợt nhận thấy quan niệm về cái đẹp của họ đến thật là lạ! Nói chung, tôi chẳng ưa gì loại đàn ông như cậu, theo tôi đàn ông phải ra dáng đàn ông. Thậm chí tôi không thể tin cậu ấy là con trai một quận công dòng dõi Montan, làm sao cậu ta có thể trị vì đất nước, cai quản nhân dân một khi cậu chính thức kế vị? Tôi không cho cậu có đủ năng lực để gánh vác trọng trách này.

Hai cô cậu đâu có nô giỡn cùng nhau, mà rất chăm chú theo dõi những người quanh bàn tiệc, thậm chí họ chẳng nói với nhau lấy một lời! Còn tôi, tôi nhận thấy cả hai cứ đầu đầu con mắt theo dõi, nhìn nhau rồi nhoen những nụ cười quái dị. Tôi lấy làm lạ cô gái ấy, không biết cô cười về cái gì. Tôi chỉ mang máng nụ cười lần ấy cho thấy tâm hồn cô đã thực sự trưởng thành, cô đã thoát thai khỏi cái ngưỡng trẻ con để trở thành một thiếu nữ. Nụ cười của cô toát ra một cái gì đó tự nhiên, e dè và gượng gạo. Có thể cô ý thức được rằng cô cười không được duyên gì cho lắm, mà theo tôi loài người vẫn cười như vậy đó thôi. Ai mà chả thế!

Càng quan sát cô cậu, tôi càng cảm thấy ngạc nhiên giữa cô cậu này chắc có uẩn khuất gì đây? Cả cô lẫn cậu đều không đụng đũa và chỉ ngồi mặc kệ những người xung quanh. Bỗng tôi nhận ra cô cậu đang nắm tay nhau ở dưới mép bàn. Nếu như lúc ấy mọi người xung quanh bàn tiệc phát hiện ra tôi ra hiệu cho người bên cạnh họ cùng nhìn chắc cô cậu sẽ ngượng ngùng lắm, thẹn chín mặt hoặc cô cậu cũng có thể bông đùa nhau sôi nổi hơn là đằng khác. Cuối cùng tôi cũng hiểu ra giữa hai người có những tình cảm đặc biệt giành cho nhau, những tình cảm này còn gì khác ngoài tình yêu. Thú vị gớm nhỉ! Còn tôi, tôi cũng chẳng hiểu tại sao điều này khiến mình sôi máu đến vậy. Con bực tức dồn lên cổ làm tôi cứng hết cả họng, chẳng biết do đâu?

Tình yêu giữa con người khác giới giành cho nhau bao giờ chả mang nặng sự nhục dục. Còn tình yêu giữa cô cậu này bề ngoài có vẻ trong sáng lắm nhưng kì thực còn đòi hỏi nhục dục gấp đôi. Toàn thân tôi lúc đó nóng hừng hực như hòn than sắp sửa hóa điên, hóa điên vì bực dọc, và hóa điên lên vì phải chứng kiến cảnh chường tai gai mắt. Nói như vậy là quá đủ. Tôi đã quá sa đà vào cái đôi lứa oắt con mà hoàn toàn chưa động chạm đến

những nhân vật quan trọng trên bàn tiệc long trọng. Tôi xin được phép tiếp tục mô tả! Ngay sau khi khách dùng xong món ăn nguội, tôi muốn nói là còn vô khối lượng thức ăn ở trên bàn thì ngài thống đốc xuất hiện trước cửa chính. Ông ngồi trên lưng một con bạch mã yên màu huyết dụ, ông gọi mười hai món nóng sốt bằng một giọng oang oang. Có ngay thừa ngài! Ngay lúc đó biết bao gia nhân, hầu bàn mang thức ăn vào cùng một lúc. Hai tên chuyên thổi kèn trện, một tay nắm lấy cương ngựa, còn tay kia giữ lấy kèn mà thổi đồng thanh. Những món ăn đang bốc khói nghi ngút phả ra nồng nặc mùi thịt kèm mùi mỡ ngậy, còn tôi do phát khiếp với cái mùi này mà suýt nữa phát nôn. Người phục vụ với dáng vẻ quan trọng kì cục thường ngày né đầu rồi nhoai người về phía bàn quận công, ông ta dùng bàn tay trái để giữ đồ ăn, còn tay phải dùng dao thái nhỏ các miếng thịt lợn, thịt vịt và cả gà trống tây trông như một võ môn kiếm đạo cao cường ban ra những miếng đòn nguy hiểm chết người. Mỡ nhỏ từng giọt từ tay kia, cái tay ông dùng để giữ. Khách khứa đổ xô vào bàn và ăn ngấu nghiến. Tôi có cảm giác cứ chường chường, thế rồi cái cảm giác ghê tởm trỗi dậy. Luôn choán lấy tôi mỗi khi nhìn thấy họ nhai ngấu nghiến, nhất là đám ăn tục. Để tổng được những miếng to hơn, miếng họ phải ngoác ra, hàm nhai liên tục, lưỡi họ búng tốp tốp ở trong miệng. Ngài quận công ăn uống rất từ tốn. Thậm chí ông còn ăn ít hơn thường ngày, còn rượu ông ta không đụng lấy một giọt. Có một lần tôi thấy ông nhấc cốc lên, mãi mê suy tưởng, hướng tâm nhìn qua ô cửa kính xanh xanh để quan sát mọi vật. Còn những người khác uống vô tội vạ. Những người tôi tớ chạy đi chạy lại mang lên những món cá chiên, cá chép và cá măng kim được đựng trên các đĩa sứ to và rộng, những món này được tất cả khách khứa đều trầm trồ thán phục rằng chúng được chế biến khéo thế, ngon thế. Rồi đến món thịt đông được đựng trong các đĩa to tướng, bên trên được điểm thêm những họa tiết vàng rộm tỉ mỉ đến nỗi người ta không biết được đây là món gì. Sau đó là món patê hình đầu hươu và đầu lợn rừng, món thịt lợn sữa thuần khiết được quay giòn, món thịt gà hầm đường và nhiều món ăn khác sức nức mùi thơm được chế biến từ thịt chim cút, thịt lợn rừng và thịt chim. Cuối cùng một nhóm thanh niên choai choai được phân công khuân cả một con lợn rừng quay vàng, cái mõm toác ra bị lửa thiêu xạm, vì thế nên mới có mùi khen khét bốc ra đến là khiếp. Ngay lúc ấy các thiếu nữ hóa trang giả những vị thần trong truyền thuyết Hy Lạp, trông họ cứ như là những người thoát y, rắc tung những bụi phấn thêm lên sàn làm phép, không khí trở nên tột tệt. Ngọt ngọt đến tặc thờ. Ngài

Lodovico tham lam nhai ngấu nghiến món thịt lợn nóng giòn tựa hồ trước đó ông chưa được ăn gì cả.

Số còn lại đều được chia phần, phần của họ là một miếng thịt to nửa sống nửa chín, bên trong máu còn đỏ thẫm. Có hề gì, ai nấy đều hân hoan. Tôi nhìn họ mà phát ốm, họ nhai, còn môi và râu họ vậy đầy nước xốt mỡ bóng nhoáng, còn tôi, tôi đến phát nôn phát ọe vì phải chứng kiến cảnh tượng hãi hùng. Tóm lại, tôi chẳng muốn ăn cùng với họ chút nào, chỉ khi nào không thể dừng được. Tôi ớn đến tận cổ và thật chướng mắt mỗi khi bắt gặp họ, những con người quá khổ da đỏ hồng lúc nào cũng vui đầu vào ăn uống tiệc tùng, những người đều mắc một chứng, đó là họ háu ăn như nhau. Tôi không thể chịu được khi phải chứng kiến cảnh tên bồi bàn phanh bụng con lợn ra để cắt nốt những mẩu thịt nhuốm máu tươi bên trong cho đến khi chỉ còn lại bộ xương cùng những mẩu thịt bèo nhèo còn lưu lại.

Don Riccardo dùng tay trái để ăn cùng với sự trợ giúp của tên hầu bàn, tên này giúp ông cắt thịt thành nhiều miếng nhỏ và ông chỉ việc bỏ chúng vào mồm hết miếng này đến miếng khác. Ông vừa nhai chúng vừa uống những ngụm rượu to tướng. Khuôn mặt ông luôn nhoẻn những nụ cười không mấy sáng sủa. Chốc chốc ông lại dùng cánh tay không bị thương tật để nâng cốc đổ từng ngụm rượu một ừng ực vào mồm. Ông vận một chiếc áo chèn cộc tay bằng nhung màu đỏ thẫm, màu tượng trưng cho niềm đam mê. Ông ăn mặc như thế bởi lẽ ông luôn muốn giành sự quan tâm cho quý bà, người ông hằng thôn thức. Chưa bao giờ ông nhìn rực lửa như thế, ngọn lửa tình trong ông đang bùng cháy, rồi bỗng nhiên ông khua tay và bắt đầu đọc những vần thơ nào đó, ông hướng về bất kì ai muốn nghe, trừ bà quận công. Rượu ông uống vào bao nhiêu ông lại nhả ra ngần ấy những câu thơ. Đó là những mĩ từ nói về tình yêu dành cho phụ nữ và tình yêu dành cho cuộc sống. Những câu thơ cứ tuôn thành dòng. Thỉnh thoảng ông liếc nhìn bà quận công, ông thấy mắt bà rực sáng, còn bà đáp lại bằng nụ cười đầy ẩn ý. Thời gian còn lại bà ta nhấp nhồm chạy đi chạy lại như bà ta vẫn thường làm thế vào các dịp lễ. Ngoài ra thỉnh thoảng họ cũng lén nhìn trộm nhau và họ nghĩ rằng sẽ chẳng có ai nhận thấy, những lúc như thế đôi mắt bà toát ra sự ướm át và hoàn toàn yếu ớt. Tôi nhận thấy tất cả. Không một giây phút nào tôi dời mắt khỏi họ, còn họ, họ chẳng hay biết gì. Họ cũng chẳng biết những điều gì được giấu kín trong sâu thẳm tâm hồn tôi. Mà ai có thể biết được? Ai có thể hiểu được những điều thầm kín, tôi, một anh lùn, đang suy

tư trong sâu thẳm tâm hồn, nơi chẳng ai có thể xâm nhập? Chẳng ai! Chỉ có số phận! Thậm chí chẳng một ai biết tôi đang tồn tại trên cõi đời này! Họ cũng chẳng hay biết đến chính hạnh phúc của họ. Giả như họ có biết, có nhận thấy họ sẽ trở nên khiếp đảm và nụ cười sẽ chẳng thể ánh trên đôi môi họ, nó sẽ tan biến, bờ môi họ sẽ tàn tạ và héo úa ngàn đời. Khi đó tất cả loại rượu trên thế gian cũng chẳng thể làm nó hồi sinh và tươi tắn trở lại. Và bạn thấy đây liệu còn có một loại rượu trên thế gian này có thể giúp họ lấy lại được sự tươi trẻ và nụ cười?

Tôi đồng thời cũng lia tầm mắt về phía người hầu gái của quận công phu nhân, cô Phiametta. Mặc dù cô không ngồi vào bàn dành cho những người thuộc dòng dõi quận công, nhưng nói chung cô ta ngồi ở một nơi rất tốt, tốt hơn so với địa vị xã hội của cô. Cô ta vừa mới đến đây ít phút, nhưng trước đó tôi vẫn chưa nhận ra. Với tôi điều này vẫn chưa lời giải đáp. Cô ta có cái đẹp nổi trội, thân hình đầy đặn, trẻ trung và đã trưởng thành trưởng thành thực sự. Cô có khuôn mặt dữ dội, đôi mắt đen láy nhìn lâu mới thấy ánh sáng toát ra. Tôi nhận thấy thỉnh thoảng ngài quận công lên nhìn cô, tựa hồ như muốn đọc lên ý nghĩa và dò đoán tâm trạng cô qua khuôn mặt rất kín đáo này. Cô chẳng thèm để mắt tới ông ta. Đầu đó vắng vắng điệu nhạc gấp gáp. Mười hai nữ vũ công người Môrô mồm ngậm đuốc, ủa vào trong bóng tối. Họ bắt đầu nhảy thật sôi nổi. Tất cả đều nín thở ngắm nhìn. Lúc thì họ xoay đuốc tạo thành những vệt sáng bao quanh lấy đầu, lúc thì tung đuốc từ tay này sang tay kia. Sau đó, quãng mạnh lên không trung, đoạn dùng răng bắt lấy, những lúc như thế rằng họ trắng lập lòe trong bóng tối. Họ đang đùa với lửa, loại kẻ thù nguy hiểm, và tất cả đều ngắm nhìn hân hoan rồi sợ sệt, điệu nhảy vốn lạ tai lạ mắt này có phần mách bảo về một điềm gở sắp xảy ra. Đám vũ công này chỉ nhảy quanh chỗ hai ngài quận công ngồi và khi ấy họ tung lên, những đóm lửa bay lả tả xuống sàn. Khi họ dùng răng để bắt lấy, những khuôn mặt nhọ lem nhọ thiêu bị biến dạng bởi những đường nét góm ghiếc, trông họ tựa hồ như lũ quỷ dữ vừa lờn ra khỏi địa ngục, tay mang theo những ngọn đuốc. Và dưới địa ngục chắc gì đã có lửa? Mà lũ quỷ không dùng lửa ở địa ngục để đốt đuốc thì chúng lấy lửa từ đâu? Tôi đứng khuất trong bóng tối, bóng tối khiến gương mặt anh lùn tôi vốn già nua chẳng thể nhìn rõ, còn tôi, tôi lại thấy hết những gương mặt quái dị rồi điệu nhảy chưa thấy từ thời cha sinh mẹ đẻ đến giờ, cái điệu nhảy nhót toát ra một điềm dữ có lẽ chỉ có ở lũ quỷ satăng mới có. Tất cả bọn họ đồng loạt lộn chiều đuốc chúc xuống phía dưới chạm

tới sàn, tất cả đều tắt ngấm ngay lập tức và họ biến mất cứ như độn thổ. Tất cả những động tác trên tựa hồ muốn khẳng định một điều là sự ngự trị thế giới bên kia là vĩnh hằng, thế giới này là thế giới thuộc về lũ quỷ satăng, chúng luôn dang tay rộng mở đón chào tất cả những người trên thế giới dương gian. Trong bóng tối trước khi căn phòng được ánh nến rọi chiếu trở lại tận mắt anh nhìn tôi đã chứng kiến rõ, tình huống là chẳng khác, những vị khách khứa tay xiết chặt chuôi dao sẵn sàng đối phó với bất kì bất trắc nào xảy ra. Vì nhẽ gì cơ chứ, đó hoàn toàn chỉ là màn trình diễn của những diễn viên múa được ngài quận công thuê từ xứ Venezia để mua vui cho khách. Khi căn phòng vừa bừng sáng trở lại một lần nữa ngài thống đốc cười trên lưng con bạch mã xuất hiện trước cửa, miệng nói oang oang về sự kiện hôm qua, rằng họ được thưởng thức các món cao lương mỹ vị, những món ăn ngon nhất trần đời, ngay lúc đó những tôi tớ phục vụ tản ra mọi phía đổ dồn về các bàn, cả thấy bọn họ dễ phải hơn năm mươi người, đầu đội những đĩa to được làm từ những phiến đá quý bằng bạc bên trên đựng đầy áp thịt công được rán giòn vàng sẫm cùng những chiếc đuôi rử xuống ánh lên những ánh sắc muôn màu. Sự xuất hiện của họ đã gây nên sự khoái trá kì lạ. Nỗi sợ vừa rồi, những ngọn đuốc chúc đầu gợi nhớ tới cái chết, tất thấy đều tan biến dường như chưa hề tồn tại. Người lớn cũng như trẻ con thường họ quên ngay một tiết mục nào đó vì đằng sau còn vô khối tiết mục khác. Họ, chắc họ sẽ còn nhớ như in cái tiết mục mà tôi cùng tham gia biểu diễn với họ. Tất cả bọn họ trở mắt ra nhìn một món ăn lạ hoắc, họ nhai ngấu nhai nghiền với một sự thèm thuồng y như sự thèm khát khi họ ăn ngấu nghiền bất kì một món ăn nào khác. Và tất cả lại được bắt đầu, nhờ có món thịt chim gớm ghiếc này, cái món luôn làm tôi phát ốm, những cảnh tượng người ta ăn ngốn ngấu lại hiện về trong trí não tôi. Rõ ràng họ rất thích những món đó và còn lấy làm tâm đắc. Sau món thịt công quay giòn là món gà lôi, món gà trống tơ, món chim cút, món vịt, món cá tầm, cá chép và món thú rừng quay vẫn còn rỉ máu. Một đồng thức ăn cao như núi khiến họ tha hồ mà ăn tổng ăn táng đến nỗi tôi suýt nữa phát nôn ọe vì ghê tởm. Sau đó không biết cơ man nào bánh bích quy, các loại kẹo, và các thức khác sức nức mùi thơm... tất cả được ngốn sạch nhanh đến mức cứ như là suốt buổi tối trước đó, tất cả khách khứa ngồi như phỗng phải chịu cảnh kiến bò bụng. Gần cuối buổi tiệc họ ăn ngấu nghiền các loại bánh nướng mô phỏng các vị thần trong truyền thuyết Hy Lạp mà theo như lời họ thì đó là món bánh ngon nhất. Họ cắt thành các miếng nhỏ rồi vội vàng đút vào mồm cho đến khi chỉ còn lại trên bàn những mẫu vụn. Các bàn ăn cứ như vừa trải qua

cảnh cướp bóc của những người man rợ, cảnh tượng này tôi chỉ thấy toàn những người nhể nhại mô hôi mặt ửng hồng, trông phát khiếp.

Đúng lúc đó ngài thống đốc bước lên phía trước và yêu cầu “đề nghị” yên lặng! Ông tuyên bố bây giờ sẽ là màn kịch phóng dụ được các nhà thơ cung đình sáng tác theo yêu cầu gắt gao nhất của ngài quận công để mua vui và làm hài lòng các vị khách kính mến! Họ gầy gò ốm yếu ngồi ở tít góc đằng xa sau cái bàn trống trơn, đông tai nghe những câu chữ thô thiển đầy tâm đắc. Họ nóng lòng muốn thấy sự trình diễn tác phẩm đầy thâm thúy của mình. Do nội dung có tính chất ngụ ý và ý nghĩa sâu xa nên việc thể hiện tác phẩm của họ sẽ góp phần làm tăng thêm sự long trọng của ngày lễ. Trên sân khấu được dựng sát bìa tường, vị thần Mars, vị thần chiến tranh bỗng xuất hiện chói lòa trong bộ binh phục. Ông tuyên bố rằng ông ta quyết định dẫn hai binh lính khỏe mạnh nhất, là Selephon và Kalist tham gia trận đánh làm vẻ vang cả thế giới và sẽ lưu danh tên họ muôn thuở. Nhưng cái chính là trận đánh thuyết phục loài người tin vào ông - vị thần chiến tranh, tin vào sức mạnh toàn năng của ông cùng sự vĩ đại: hãy để mọi người thấy hai chiến binh cao thượng được khuất phục ý chí của ông đã tham gia vào trận chiến anh hùng và đã đổ máu vì danh dự. Lòng quả cảm và tinh thần trọng nghĩa sẽ mãi mãi ngự trị thế gian. Những phẩm hạnh vô giá trên sẽ luôn phụng sự ông, cũng như bất kì một ai. Ông nói như vậy rồi lui gót.

Ngay sau đó, cùng một lúc cả hai người lính đều bước ra sàn diễn. Và như thế họ nhận thấy nhau từ xa, cả hai lao vào trận đấu và trong cái màn diễn khá dài này họ cho thấy nghệ thuật kiếm đạo cao siêu đến nỗi cả các vị khách, những người biết đánh giá thấu đáo các cuộc đấu tay đôi đều rất phấn khích. Tôi cũng còn phải thừa nhận là kiếm pháp họ thật trác tuyệt và tôi rất hài lòng với màn biểu diễn này. Họ làm ra vẻ cứ như là họ bị trọng thương. Đến hồi kết, họ tuồng như kiệt sức vì mất máu và bị thương tật, cả hai khụy xuống sàn và bất tỉnh nhân sự. Một lần nữa vị thần chiến tranh bước lên phía trước và bắt đầu dùng những mỹ từ để nói về trận đánh vinh quang của họ, họ đã hi sinh anh dũng, nói về quyền lực vạn năng thống trị loài người, ông nói về chính mình, vị thần cao hơn tất cả các vị thần khác trên đỉnh Olimp về quyền lực. Sau đó ông lại biến mất và để lại một âm thanh êm ái và ngọt dịu. Một lát sau trên sân khấu, Thần Vệ Nữ hiện ra cùng ba tiên nữ đồng hành, họ trông thấy hai chàng lính bất động trong bộ dạng quần áo hoàn toàn rách bươm, ngập ngựa trong máu, theo như lời

Thần Vệ Nữ mô tả. Ba tiên nữ khom mình và bắt đầu than khóc rằng thật khủng khiếp cho những người đàn ông tuyệt vời, họ hi sinh sức lực và mạng sống của mình một cách uổng phí. Trong khi họ than khóc cho số phận cay đắng của những người lính, chủ nhân của họ giải thích điều này: chính là do vị thần chiến tranh tàn ác đã dụ dỗ họ, bắt họ lao vào cuộc chiến tranh phi nghĩa. Cả ba nàng tiên nữ đều tán thành, nhưng họ cũng không quên nhắc nhở Thần Vệ Nữ rằng thần Mars, thần chiến tranh, là nhân tình của bà, người bà ôm chầm lấy bất chấp sự thù mị bấy lâu không cho phép bà làm. Nhưng về phần bà, bà giải thích rằng đó là một lời ru không bịa đặt thấp hèn. Liệu một Thần Vệ Nữ như bà lại đi yêu vị thần man rợ và khát máu, tất thấy đều căm phẫn và phỉ báng, kể cả phụ thân của ông ta, vị thần Jupiter vĩ đại? Bà vừa nói vừa làm phép bằng một cây gậy thần, chạm vào thân của những người chiến binh đã chết. Ngay lập tức họ bật dậy, họ vẫn còn sống và khỏe mạnh. Họ giang rộng hai tay ôm nhau để bày tỏ một nền hòa bình vĩnh cửu và để tỏ rõ tình hữu nghị, họ hứa sẽ không bao giờ để cho vị thần Mars mê hoặc họ, dẫn dắt họ vào cuộc chiến đẫm máu và chết chóc. Sau đó, nữ thần còn nói một thôi một hồi dài và đầy cảm động về tình yêu, ca ngợi rằng ái tình có sức mạnh huyền diệu nhất và êm ái nhất trong tất cả các sức mạnh ngự trị chúng ta. Tình yêu là ngọn nguồn của cuộc sống và là khởi đầu của mọi khởi đầu. Bà còn tán rất lâu về sức mạnh vô song của tình yêu, và bà muốn nói cái tạo nên sức mạnh ấy không gì khác ngoài sự dịu dàng, nó có thể chế ngự mọi quy luật thiên tạo đối với tất cả chúng ta và tất cả sinh linh trên thế gian này, điều ấy có khả năng khiến tất cả phải chịu khuất phục. Tình yêu có thể giúp người ta sửa chữa cũng như cải hóa những mặt xấu như thói thô tục, sự đê tiện, uốn nắn những hành vi của các đấng vương giả và quán xuyến những tập tục của những lớp người bình dân và rằng tình yêu và lòng nhân đạo bắt đầu thắng thế đối với một thế giới hoang tàn luôn phải chịu cảnh máu chảy đầu rơi, tình yêu luôn coi trọng tính hào hiệp và tinh thần chuộng nghĩa và ban phát cho loài người nhiều phẩm hạnh khác nữa hơn là chỉ biết tới danh dự người lính và niềm vinh dự nhà binh. Bà giơ cây gậy thần lên và tuyên bố rằng chính bà mới là đáng toàn năng có quyền lực vô hạn, bà kêu gọi cải hóa dương gian vốn đầy tội lỗi, biến nó thành nơi ngự trị của tình yêu và của nền hòa bình vĩnh cửu.

Giả như khuôn mặt tôi lúc đó có thể cười thì tôi đã cười rồi sau khi nghe thấy lời kết thật ngây thơ của bà. Tuy nhiên, sự giải bày tình cảm của Thần Vệ Nữ lại được khách khứa tán dương nhiệt liệt, nhiều người trong số họ

xao xuyến và xúc động bởi những lời vàng ý ngọc họ đã thực sự nghe thấy, có thể nói là họ nín thở để lắng nghe. Nếu xét theo diện mạo đầy tự đắc của nhà sáng tác văn chương trên thì việc họ sinh ra trên cõi đời này đã là sự sáng tạo và tất cả thành công họ tạo ra là để cho chính họ, mặc dù bản thân họ cũng chẳng nhớ. Tôi tin họ sẽ coi vở kịch phúng dụ của mình vốn được minh họa bằng các thủ pháp nghệ thuật cũng như ngôn từ trang trọng là một tiết mục quan trọng nhất trong số những nghi lễ chào mừng việc kí kết hiệp định hòa bình giữa dòng họ quận công chúng tôi và dòng họ quận công Montan. Còn tôi không thể, tôi dám chắc rằng những gì diễn ra sau màn kịch phúng dụ mới là quan trọng nhất.

Tôi thường ngồi sau quý ngài tôn kính của mình, vì như thế tôi mới quan sát ông được tốt hơn và có thể đoán ra những gì ông sẽ nói và thậm chí những gì ông còn đang suy tư, vả lại còn thực hiện việc truyền những mệnh lệnh mà ông ban xuống cứ y như là tôi ban ra vậy. Ông ra hiệu cho tôi, chính tôi chứ không ai khác, hầu rượu ngài Lodovico, con trai ông ấy và cả những người tháp tùng nữa cái loại rượu tôi vẫn chịu trách nhiệm quản lí, cách pha chế chỉ có tôi mới biết. Tôi đưa tay với lấy cái bình rượu bằng vàng và trước hết là rót cho ngài quận công xứ Montan. Ngài quận công này cởi bỏ áo choàng lông thú ra từ lâu vì toàn thân ông nóng bừng, lúc này ông chỉ còn vận một chiếc áo chên cộc tay màu đỏ thẫm để lộ ra cả một cây thịt núng nính, mặt ông đỏ lừ vì máu dồn lên đầu quá nhiều. Chiếc vòng vàng bao lấy cổ ông còn xộc xệch khiến ông cứ như kẻ tù nhân đang bị xích. Không khí xung quanh chỗ ông, một người đã béo trực béo tròn lại còn bị ép ăn, lúc thì nồng nặc khói thuốc, lúc thì đầy hơi rượu phả ra. Đứng cạnh con người như thú vật này, tôi cảm thấy rùng mình, có thú gì hơn lũ người súc sinh này - tôi nghĩ bụng và bắt đầu tiến về phía những người xung quanh ông ta, rót rượu lần lượt mời họ, những người danh nổi như cồn, và cả những người ngồi cùng bàn ăn nữa. Sau đó tôi rót đầy cốc vàng và đưa cho Giovanni. Nhận thấy điều này Angelica chăm chăm nhìn tôi bằng đôi mắt bồ câu to tròn, để lộ ra sự ngạc nhiên hết sức ngây ngô nom như là một đứa trẻ. Và lúc ấy, cô mới hiểu ra rằng tôi không muốn đánh bạn với cô qua khuôn mặt già nua và trơ như đá của tôi. Khi tôi tiến đến gần tôi phát giác thấy cô buông tay Giovanni ra và bỗng chốc mặt cô tái xanh đi vì khiếp sợ, liệu tôi có thâu cái bí mật xấu hổ giữa cô và Giovanni. Và cô đã đúng. Tôi phát ốm vì đã chứng kiến thấy cảnh họ đầu gối má kề, quả còn hơn cả phạm tội, rằng cô và cậu thuộc về hai dòng họ thù địch nhau, rằng họ hãy



còn là trẻ con, ấy thế mà họ đã lún sâu vũng bùn nhơ nhuốc của tình yêu. Tôi thấy má họ ửng hồng, thứ màu sắc vẫn xuất hiện lên mỗi khi người ta xấu hổ, tất cả cứ rõ mồn một, một cảnh tượng thật gớm ghiếc. Tôi không thể chịu đựng được cái sự pha trộn giữa bản chất trong trắng và thói dâm dăng này, chính xác đây là kiểu tình yêu xác thịt của con người vào độ tuổi cô cậu này, cái thứ tình yêu hoàn toàn mang nặng dục tính. Tôi rót thêm vào cốc cho cậu, cái cốc cậu đã nốc cạn một nửa. Rượu với chè có quan trọng gì, với tôi như thế là đủ!

Sau đó tôi lại gần Don Riccardo và rót tràn đến miệng cốc. Đây không phải là nhiệm vụ của tôi, nhưng tôi có những nhiệm vụ riêng tự mình đặt ra. Chợt tôi thấy ngài quận công nhìn tôi bằng cái nhìn lạ lùng. Tôi mặc kệ! Rồi những người khác cũng nhìn tôi với bộ dạng như thế, chỉ riêng có đám người lùn thì không. Tuồng như có một cái gì đó thâm kín được giấu đâu đó trong sâu thẳm tâm hồn ngài quận công phút chốc nổi lên cùng với sự sợ hãi và thói hiếu sắc. Một ước vọng thâm kín nào đó chợt ngoi lên từ bóng tối sâu thẳm cứ như một con thủy quái đang uốn khúc. Anh lùn già nua như tôi chẳng bao giờ có kiểu nhìn như vậy. Tôi nhìn thẳng vào mắt ông và hi vọng rằng ông sẽ nhìn thấy rằng tay tôi không hề run rẩy. Tôi biết ông muốn gì. Tôi còn biết ông là một trang hiệp sĩ, còn tôi thì không, tôi đơn thuần chỉ là một anh lùn phụng sự cho ông, gia nhân của ông. Tôi đang đoán những trù tính của ngài trước khi ngài sắp nói ra hoặc đang suy ngẫm. Là tay chân của ông, tôi sẵn sàng phụng sự bất kì mệnh lệnh nào ông ban xuống. Có một anh lùn nhỏ nhắn như tôi bên mình, một tên sát thủ, thì tốt biết mấy. Anh lùn tôi có thể làm thay những công việc cho chính ông chủ. Mỗi khi tôi rót đầy cốc cho Don Riccardo, hấn lại nốc cạn, hấn cười mãn nguyện, ngửa người ra phía sau, vì thế râu cằm hấn dựng đứng lên, miệng hấn với hai hàm răng trắng nhớn ngoác ra hết cỡ tạo thành một cái hố to tương đến nỗi tôi có nhìn thấy cả cuống họng. Theo tôi chẳng thú gì khi phải nhìn thấy một ai đó đang cười. Nhìn tay hèn này cười hèn hèn, cái điệu cười lỗ mãng, xem ra “yêu đời” và coi cuộc sống này thi vị đến nhường nào quả là chịu hết nổi. Lợi và răng hấn ướt mềm, còn từ khóe mắt nổi lên những vân máu nhỏ li ti bao quanh cầu mắt kéo dài đến cặp đồng tử sáng quắc và rộng. Chỗ khóe mắt, nước mắt thường vẫn đổ dồn về đáy làm cho mắt hấn cứ ươn ướt. Xuống phía dưới cằm một chút là yết hầu. Trên bàn tay trái của hấn tôi nhận thấy có một chiếc nhẫn nam hồng ngọc do bà quận công tặng cho vào một dịp nào đó trước kia khi hấn đổ bệnh, khi đó tôi giấu nó vào túi áo

ngựa, bọc nó bằng một trong những bức thư tình đầy dâm đãng của bà. Hấn cười vì nhẽ gì tôi cũng không hiểu, và lại nó có hay ho gì. Tôi dám chắc rằng dẫu sao cũng chẳng có cái gì gọi là vui thú. Cứ để cho hấn cười, dù sao đi chăng nữa đây là lần cuối cùng.

Thế là tôi đã làm xong bốn phận của mình và bây giờ đợi kết quả. Tôi đứng cạnh gã hề yêu đời này, một gã dâm đãng và hít phải cái mùi nhang từ áo chèn cộc tay màu đỏ thẫm của hấn, thứ màu vẫn tượng trưng cho dục vọng.

Và kìa ngài quận công, đáng tôn kính của tôi, nâng cốc màu xanh nhạt của mình, nở nụ cười thân thiện với mọi quan khách, với Lodovico. Khuôn mặt nhợt nhạt, khuôn mặt dòng dõi của ngài quận công tạo nên một ấn tượng hào hiệp và thanh tao khác xa tất cả những người còn lại với khuôn mặt đỏ au phúng phính. Bằng giọng mềm mại dễ nghe lúc trầm lúc bổng, giọng của một người đàn ông đích thực, ngài quận công tuyên bố xây dựng một khu an dưỡng để kỉ niệm cho một nền hòa bình vĩnh cửu để từ nay, hai quốc gia, hai dòng họ và nhân dân hai nước sẽ được hưởng và cũng kể từ nay sẽ không còn nổ ra những cuộc chiến tranh liên miên phi nghĩa, và bắt đầu một thời kì mới, thời kì chúng tôi sống một cuộc sống hạnh phúc và sung sướng. Cuối cùng, bài ca ngợi ca về nền hòa bình trên thế gian được cất lên. Ngài quận công cạn chén bằng những lời lẽ như vậy. Ngay sau đó, những vị khách tôn quý cũng cạn chén cùng ông trong sự yên lặng đầy long trọng. Ngài quận công của tôi ngồi và ngồi rất lâu với chiếc chén trên tay, ông suy tư, chính xác là ông ngắm nhìn mọi vật qua ô cửa kính. Buổi lễ lại tiếp tục sôi nổi trở lại và tôi rất khó nói nó sẽ kéo dài bao lâu, có những lúc cảm giác về thời gian dường như bị mất đi, có những lúc sự căng thẳng trong tôi dâng cao tới độ hầu như tôi không thể chịu đựng được, rồi cả nỗi lo lắng về Giovanni, mặc dù cậu ấy không đụng lấy một giọt. Tôi bực tức nhìn Angelica nở nụ cười nhạt nhẽo và kéo cái cốc về phía mình, làm ra vẻ như cô ấy muốn uống cạn. Tôi hi vọng rằng cả cô cả cậu sẽ cùng ném rượu, của tôi và nếu như họ yêu nhau thì họ muốn cùng nhau uống chung một cốc. Nhưng chẳng ai động vào cốc cả. Hoặc là con bé chết tiệt kia ngờ vực điều gì hoặc là họ say bằng chính thứ men tình chứ say đâu vì rượu. Bọn chúng sống thì có ích gì? Quỷ tha ma bắt chúng đi!

Sau đó Don Riccardo uống một hơi hết cốc của mình, có lẽ đây là cốc cuối cùng trong đời mình, hấn nốc cạn, biết đâu lại vì sức khỏe quân công phu nhân, người mà gã ta vẫn thầm yêu trộm nhớ, vẫn luôn lịch thiệp. Chết đến nơi rồi mà gã vẫn cứ làm trò! Bằng một động tác khôi hài hấn chỉ vào cánh tay phải vô dụng, hấn dùng tay trái nâng món rượu quý do tôi khoản đãi, ngay lúc ấy hấn nở một nụ cười đầy đắc thắng nhưng trên thực tế đó chỉ là một nụ cười ngốc nghếch, lần nào hấn chả cười hết cỡ. Bà quân công cũng nhoẻn nụ cười với hấn, mới đầu là đôi chút âu yếm, sau đó bà cười với ánh mắt ướm át và đầy dâm tính, tôi không thể nhìn mà không phát tởm. Tôi không hiểu tại sao họ lại trơ trẽn đến thế là cùng!

Bỗng nhiên ngài quân công Lodovico thét lên một tiếng kêu man dại, mắt của ông cứ đờ ra. Một vài người lính tháp tùng ngồi cùng phía với ông thấy thế liền bật dậy, nhưng họ không thể đứng vững, họ tóm lấy mép bàn rồi ngã quỵ xuống ghế, miệng kêu oai oái, quần quai vì đau bụng và lảm bảm “rượu có độc!”. Họ thốt không thành lời nên nghe không rõ, nhưng ai đó trong số họ khi thuốc còn chưa kịp ngấm đã kêu toáng lên, nên cả phòng nghe thấy. “Rượu có độc!” Tất cả nhao ra khỏi chỗ, một cảnh kinh hoàng chưa từng thấy xảy ra. Quân lính của Lodovico ai nấy tay rút dao găm cùng những vũ khí khác và lao bỏ đi các phía các ngả của căn phòng để tới bàn tiệc, chính họ bắt đầu đâm chém người của chúng tôi để hòng lấy cho được mạng vị quân công. Còn những người lính của chúng tôi cũng bật dậy ra khỏi chỗ để bảo vệ lấy mình và ngài quân công.

Cảnh nước sôi lửa bỏng bắt đầu. Cả hai bên vô số người chết và bị thương, máu chảy thành vũng. Cảnh tượng giống hệt như ngoài chiến trường, những người lính say xỉn, mặt đỏ như gấc chín ban nãy vẫn còn ngồi ăn uống cùng nhau như các bậc chiến hữu thì bây giờ họ mặt giáp mặt tham gia vào trận giáp lá cà sống mái này trong bức bức tường và giữa các bàn tiệc ngổn ngang. Mọi phía chỉ toàn tiếng la hét kêu gào inh ỏi làm át đi những tiếng rên ư ử cùng những tiếng thở khò khè của những người đang hấp hối. Những tiếng chửi rủa kinh hãi nhằm kêu gọi tất cả đám quý sứ này đến ngay nơi xảy ra tội ác khủng khiếp nhất này. Tôi trèo lên ghế để quan sát được tốt hơn. Tôi phấn khích vô cùng vì chứng kiến thấy công việc tôi làm có hiệu quả, thấy cảnh quân địch đổ như ngã rạ. Cái lũ quân dê mạt này đáng phải đền tội! Lưỡi gươm của tôi lại có dịp tung hoành ngang dọc chém đầu giặc như chém chuối, không thương tiếc, *thỏa chí* mà báo thù mà trừng

phạt. Tôi bầm vằm chúng thành muôn mảnh và tống chúng vào hỏa ngục. Cứ để cho hỏa dưới đó thiêu trụi lũ chúng. Tất cả đám súc sinh này, chúng là một lũ đều cáng và dê mặt! Để chúng tồn tại trên cõi đời này để làm gì? Để chúng ngầu ngiên, ăn hết của của thiên hạ rồi lại cười hô hô, rồi làm tình và sinh sôi nảy nở trên thế gian này, phải giết hết chém hết lũ quân dê mặt này. Những tên chuyên khoác lác, những tên đạo đức giả mình ngậm ngựa đầy tội lỗi, thói hư tật xấu, một lũ trợ trên tục tĩu, chúng có ích gì trên đời này? Chém hết, giết bằng hết. Cứ để lửa hỏa ngục thiêu rụi chúng, thiêu chúng ra tro cả một lũ! Tôi cứ ngỡ chính mình là quỷ satăng, satăng đích thực để tống khứ tất cả đám vào ngục tối. Tôi cùng đám người khác tự mệnh danh mình là quỷ dữ tụ tập từng đoàn bao quanh lấy bọn chúng, những nét mặt dữ tợn góm ghiếc, kéo chúng xuống địa ngục, những khuôn mặt tươi tỉnh trước kia của chúng giờ chỉ còn là những cái xác vô hồn, mặt xanh nanh vàng. Tôi chưa bao giờ khoái trá như thế, cái cảm giác khoái trá tốt độ gần như mất trí của tôi khiến tôi có cảm giác tôi có quyền lực chế ngự thế gian. Cũng nhờ có tôi mà cái thế giới ban nãy còn là ngày hội, tiệc tùng say sưa giờ đã chuyển màu thành thế giới của tử thần cả sự sợ hãi và hủy diệt. Chính tôi đã bỏ thuốc độc vào rượu. Ngài quận công cùng những nhà quý tộc cao quý trước khi sắp lâm chung còn rên lên trong đau đớn, thân mình họ dúm dó lại trên sàn, ngậm ngựa trong máu. Tôi đã khoản đãi tất cả các vị khách tôn kính trên bàn tiệc sang trọng bằng thứ rượu có pha độc tố. Và bây giờ sẽ chẳng còn ai cười được nữa, tất cả họ mặt tái nhợt đi. Họ chẳng còn đủ sức để nâng cốc cũng như ba hoa chích chòe với phụ nữ về tình yêu, thứ tình yêu trai gái, rồi tình yêu cuộc sống. Rượu độc của tôi đã bắt họ ngậm miệng, quên tất cả cái cuộc sống đầy thú vị và đẹp tuyệt. Tất cả chỉ còn lại bóng tối trống rỗng bao phủ. Mắt họ khép lại và ánh sáng cũng chẳng còn. Tôi lộn ngược tất cả các cây đuốc rồi tắt chúng và thế là tối om. Và ở đây tôi là chủ, tôi gom tất cả xác bọn họ đem nộp cho vị thần Bóng đêm ma quái, nơi bọn họ sẽ vĩnh viễn mù lòa và câm lặng, họ đã ném được cái thứ máu sục sôi nơi tôi mà ngày ngày tôi nung nấu. Với họ, cái chết sẽ chấm hết tất cả. Ngài quận công Lodovico ngồi bất động, khuôn mặt y tái bệch đi, còn hàm dưới chỗ râu cằm thừa thốt trễ xuống, ngoác ra cứ như định cắn ai đó bằng những chiếc răng vừa hà vừa sâu, hai mắt y cứ như sắp lòi ra khỏi hốc mắt, vàng khè và đầm máu trông đến sợ. Bỗng nhiên ông ta giật mạnh cái vòng vàng ép xuống cổ làm ông nghệt thở, mạnh đến nỗi dường như làm cho cổ ông bị sai đi, cái đầu nặng nề của ông thông sang một bên. Cái thân hình ngắn ngủn to như bò thiên trông cái xác cứ như

không đầu của ông uốn cong rung bên bàn bật tựa như ông bị một nhát dao đâm. Ông ta tắt thở. Còn những người thân tín của ông ta ngay lúc đó đang rên rỉ thống thiết, nhưng chẳng bao lâu sau tất cả họ lịm đi và chẳng còn dấu hiệu của sự sống. Còn về phần Don Riccardo thì ông ta đã chết, ngửa người ra đằng sau, mắt nửa đóng nửa mở cứ như là còn đang thưởng thức rượu do tôi pha chế. (Đây là tư thế mà ông ta thích khi uống rượu ngon). Sau đó hai tay ông ta dang rộng ra cứ như muốn ôm trọn lấy cả thế giới này, và gieo đánh uych xuống sàn. Thế là hết.

Trong cuộc ẩu đả ác liệt và cảnh nhốn nháo, tất cả chẳng còn gì, chỉ còn cậu con trai lao tới Lodovico phụ thân của cậu, cúi xuống cái xác trông đến là gớm ghiếc cứ như thể nâng ông dậy. Đúng lúc ấy, cái lão già vô lại đã tắt thở. Một thằng bé con chạy vù tới chỗ Giovanni vung lên những nắm đấm nện thùm thụp cứ như thợ lò rèn quai búa, nó ôm lấy Giovanni kéo xềnh xệch tới chỗ cửa. Tên nhát như thỏ đế này đã tiếp tay cho Giovanni thoát khỏi vụ ẩu đả. Và như thế là hấn lủi mất. Quý tha ma bắt hấn đi!

Chiếc bàn bị lật và tất cả những gì trên đó đã biến thành một đám vỡ nát dưới chân của những kẻ đang gào thét đánh nhau, họ đã điên lên vì cuồng mộ và khao khát đôi phương đổ máu. Đám phụ nữ đã hoảng loạn gào rú chạy tản đi hết, song giữa lúc lộn xộn thì tôi nom thấy quận công phu nhân đứng sững như trời trồng trong đám quân lính đánh nhau dữ dội, bà ta đứng chết lặng với khuôn mặt đờ đẫn và cái nhìn vô hồn đọng trên nét mặt. Bộ mặt như mặt nạ nhợt nhạt nom thật trớ trêu vào lúc lộn xộn ấy. Cuối cùng, bọn gia nhân cũng lôi được bà ta ra khỏi gian phòng khủng khiếp đó, bà ta đi theo họ như cái máy mà chẳng hề biết mình đang ở đâu và bị dẫn đi đâu.

Quân Montan bị những lực lượng vượt trội của chúng tôi chèn ép đã bắt đầu lui về cửa ra, nhưng dẫu sao chúng kháng cự cũng thật điên cuồng mặc dầu rõ ràng là thiếu vũ khí. Trận đánh tiếp diễn trên cầu thang, chúng bị truy kích tới tận quảng trường. Song tại đó được sự yểm hộ của đội vệ binh nên chúng chạy thoát khỏi thành phố. Nếu không như thế thì chúng chắc hẳn bị giết hết không còn một mống.

Tôi đứng một mình giữa căn phòng trống rỗng trong cảnh nhập nhòa vì tất cả đèn treo đã bị rơi vỡ dưới sàn. Chỉ có những thằng bé lang thang rách rưới đói khát đã lọt vào đây và tìm kiếm đồ ăn vương vãi giữa đám xác

chết, chúng tọng vào miệng thật thềm khát, sung sướng. Đồng thời chúng không quên trộm luôn các đồ bát đĩa bằng bạc và giấu ngay dưới lớp giẻ rách gọi là quần áo kia. Sau đó, do sợ ở lâu mà bị bắt giữ nên chúng vút đuốc đi và chuồn hết, còn tôi ở lại trơ trọi trong gian phòng mênh mông. Giờ đây tôi bình lặng ngắm nhìn và suy nghĩ.

Ánh sáng chập chờn từ những ngọn đuốc cháy dở vút trên sàn soi tỏ những cái xác chẳng còn hình dạng người ngổ ngang, cả quân ta lẫn quân thù, giữa những vũng máu và khăn trải bàn nhàu nát cùng các đồ ăn thức uống đổ lỏng chỏng. Những sắc phục đại lễ của họ bị rách bươm và vấy bẩn, còn những khuôn mặt tái nhợt nơi họ bị méo xệch đi vì vẻ mặt giận dữ, ấy là do họ chết đi trong trận đánh khốc liệt giữa lúc hăng say điên cuồng mà. Tôi đứng và ngắm tất cả với cái nhìn xa xưa của mình. Ấy là tình yêu của con người. Là hòa bình vĩnh cửu.

Khi nói về bản thân mình và về cuộc đời mình, những con người đó không thể nào thành công nếu không nói những lời nói đao to búa lớn và hết sức đẹp đẽ.

Có một lần vào buổi sáng ngày hôm sau, như thường lệ tôi xuất hiện trong buồng ngủ của bà quận công, bà ta nằm trên giường bàng quan với mọi thứ xung quanh với một cái nhìn ráo hoảnh và đôi môi khô héo. Cái miệng bà dường như sẽ chẳng bao giờ nói thêm gì nữa, cứ lặng im như tờ nhìn sợi tóc bạc màu, rối bời của bà đang xõa ra thành mớ dày đặc. Đôi bàn tay yếu ớt đặt bên trên cái chăn. Tôi chắc chắn là thậm chí bà ta cũng không nhận thấy rằng tôi đã ở đó, mặc dù tôi đứng ở giữa phòng và nhìn thẳng vào bà ta, chờ đợi xem bà ta có sai bảo gì không. Tôi đã có thể tha hồ quan sát bà ta. Đôi má của bà, một minh chứng duy nhất cho những niềm vui trong quá khứ thì nay đang phai nhạt dần đi sắc hồng của nó, làn da mặt đã trở nên tàn tạ và khô héo, còn cái cổ thì mặc dù vẫn giữ được vẻ đầy đặn nhưng đã đầy nếp nhăn. Đôi con mắt mà trước kia biểu cảm là vậy thì nay đã dờ ra bất động. Toàn bộ sự tinh nhanh của đôi mắt đã biến đi mất rồi. Không ai có thể tin nổi là bà từng là một người đàn bà đẹp khiến cho ai đó phải thương yêu và ôm ấp trong lòng. Cái ý nghĩ về một cái gì đó tương tự dường như trở nên vô nghĩa. Giờ đây đang nằm trên giường là một người đàn bà già nua và quái gở.

Rốt cuộc thì mọi sự cũng là như thế. Trong triều đình của chúng tôi có một cái tang khi triều đình đã bị mất đi một lão hèn. Hôm nay là đám tang của lão. Toàn bộ triều đình, tất cả các kị sĩ và các giáo trưởng của thành phố đều đi tiễn lão, và tất nhiên cả toàn bộ gia quyến nhà lão, mà tôi có cảm tưởng đã khóc than thương xót lão rất thực sự - thú vị là ở chỗ lão hèn phục vụ cho một ông cha xa xỉ và cầu thả. Đám đông dân đen ủa cả ra đường để xem đám tang - người ta nói rằng những con người nghèo khổ này lại thích cái ông chủ nông nổi, nhẹ dạ của lão hèn. Thật kì lạ khi họ lại yêu quý con người như vậy. Bản thân họ đã phải sống một cuộc sống bữa rau bữa cháo, vậy mà họ lại thích thú khi nghe những câu chuyện hay về một cuộc sống hoang phí cầu thả của ai đó. Người ta nói rằng, họ biết và thuộc lòng tất cả những câu chuyện tiêu lâm, khôi hài về cái ông bự xa xỉ kia, về những “chiến công của ông ta” và về những “trò đùa nghịch ngợm”, và họ còn truyền tai nhau những câu chuyện về ông ta trong các túp lều tồi tàn nằm ngay cạnh cung điện của ông. Còn giờ đây ông lại một lần nữa làm cho họ thấy sung sướng, khi được chứng kiến buổi tang lễ sang trọng do ông tổ chức cho lão hèn của mình.

Ngài quận công đi đầu đoàn đưa tiễn, ông ta cúi rạp đầu xuống và dường như rất đau xót và buồn bã. Khi mà phải cần giả bộ, thì ông ta quả là một người khác thường. Mặc dù người ta có thể cảm thấy kinh ngạc, nhưng cũng không sao bởi bản chất của ngài quận công là một con người nhiều mặt.

Không ai dám cả gan thì thầm to nhỏ. Nhưng sau đó trong cái túp lều tồi tàn và ở cung điện họ sẽ nói gì đây - thực cũng chẳng ảnh hưởng gì. Sự việc xảy ra được người ta giải thích là một sự nhầm lẫn tai hại. Don Riccardo đã vô tình uống cạn hết cốc rượu có thuốc độc mà chỉ giành cho các vị khách quý. Dù sao thì cũng đã rõ là ông ta đã bị khát nước kinh khủng, và thật đáng tiếc khi chính ông là người có lỗi trong cái chết bi thảm của mình. Tuy nhiên bất kì người nào tùy tiện cũng có thể nghĩ rằng ông ta muốn thế. Người ta đã phái Lodovico cùng với đoàn hầu cận của ông đến đây và họ nói rằng họ cảm thấy vui thích với hành trình của mình.

Bà quận công đã không có mặt trong buổi đưa tang. Bà nằm bất động, thờ ơ với tất cả và chẳng muốn ăn uống gì hết. Đứng ra thì bà chẳng muốn gì hết, bởi vậy bà chẳng nói chẳng rằng, nên bọn người hầu cũng không thể

nhồi nhét được cái gì cho bà cả. Một con hầu phòng ngu ngốc thì cứ lảng xảng quanh bà, lúng ta lúng túng với đôi con mắt đỏ au lau những giọt nước mắt trên đôi má phỉ non của bà.

Chẳng có ai nghi ngờ để ý đến tôi cả. Bởi lẽ không ai biết được tôi là gì ở đây.

Rất có thể là ngài quận công thực sự đau buồn thương xót cho ông ta với bản chất con người như vậy thì điều này cũng không có gì đặc biệt. Tôi thì lại nghĩ rằng ông ta thích tỏ ra thương cảm, điều đó dường như làm cho ông ta trở nên đẹp đẽ và cao cả hơn. Một sự xót thương đầy tính hiệp sĩ và không hề vụ lợi - một thứ tình cảm đáng được biểu dương và đầy khoái trá. Thực tế thì ông cũng đúng như vậy và đã gắn bó với Don Riccardo mặc dù luôn mong cho ông ta chết. Giờ đây khi Riccardo không còn nữa thì ông ta trở nên đắt giá gấp hai lần so với ngài quận công. Trước kia luôn tồn tại một cái gì đó làm bó buộc tình cảm của ông với con người này. Và khi đã đạt được mục đích của mình, thì ngài quận công lại cảm thấy tất cả mọi người càng trở nên quyến luyến với ông ta hơn.

Có thể liệt kê ra hàng loạt các câu chuyện về Don Riccardo. Người ta nói rằng ông ta là một con người như vậy, đã sống như thế, đã chết như vậy, đã nói những điều gì đó, đã khoan dung độ lượng trong các tình huống của cuộc đời. Ông ta là một tráng sĩ tuyệt vời, là một người đàn ông vui vẻ và can đảm biết bao. Dường như giờ đây ông ta còn trở nên sống động hơn so với lúc ông còn sống. Nhưng sự đời luôn như vậy, chỉ khi con người ta đã chết. Điều đó sẽ trôi qua nhanh thôi. Một sự thật hiển nhiên là rồi người ta sẽ quên những người đã quá cố.

Dân chúng thì cứ nhất nhất là họ sẽ không bao giờ quên ông ta. Họ đã nghĩ ra tất cả các câu chuyện bịa đặt về địa vị độc tôn và tính cách dị thường của ông, họ mong muốn làm cho ông trở nên bất tử. Một điều thật lạ thường, họ căm ghét cái chết xảy đến với ông, đặc biệt là khi điều đó lại ảnh hưởng đến với người mà họ ưa chuộng. Thật vậy, từ thuở khai thiên lập địa đang trong cái lúc sôi nổi nhất thì ai mà biết được toàn bộ sự thật về cái kẻ suốt ngày chèn lấn lu bù này, nếu có biết thì họ chỉ có nước vung tay lên mà ngạc nhiên khi nghe những câu chuyện bịa đặt của dân chúng. Họ không một chút băn khoăn ngượng ngùng bởi tất cả những điều đó chẳng



thể hiện một thái độ nào dù chỉ nhỏ nhất về một chân lí, mà theo lời họ, thì lão hề chính là niềm vui, chính là tác phẩm thơ ca do Chúa trời ban tặng, và thế giới không có lão hề thì chắc chẳng bao giờ có họ, than ôi, nếu không được nghe thấy tiếng cười dễ lời cuốn người khác của lão, và những trò đùa nghịch vui vẻ của lão giờ cũng không còn, thì tất cả bọn họ sẽ trở nên cô đơn, khổ đau sẽ dần vật họ.

Ngài quận công thì lại tỏ ra đại lượng khi tham gia vào cuộc đua tiền. Ông ta buồn rầu nghe những lời tán tụng rồi chốc chốc lại xen vào vài lời nhận xét dường như là rất cao thượng bởi nó xuất phát từ chính ông.

Nhưng dù thế nào thì tôi cũng hy vọng ông ta hài lòng với tiếng hoan hô nhỏ bé của mình. Mặc dù lẽ đương nhiên là ông ta không thể hiện ra ngoài. Ngài quận công chẳng nói với tôi một lời nào về chuyện đã xảy ra, chẳng tỏ ý tán thành, cũng chẳng một lời trách móc. Ông ta chẳng chú ý gì đến đám hầu cận của mình nếu điều đó là thuận tiện đối với ông.

Ông ta lẩn tránh tôi. Điều này luôn xảy ra trong mọi trường hợp tương tự.

Sự xót thương của bà quận công chẳng thể hiện ở cái gì cả. Tôi không biết giải thích điều này như thế nào, cũng có thể là bà ta rất đau khổ. Bà ta chỉ nằm trên giường và nhìn chăm chăm vào một chỗ, đó là tất cả.

Không phải ai khác, mà tôi chính là nguyên nhân trong nỗi đau khổ của bà. Nếu bà ta có ỉ ê sâu não thì cũng chỉ vì tôi. Nếu bà ta thay đổi hẳn và không bao giờ trở lại như trước kia thì cũng chỉ vì tôi. Và nếu bà ta chỉ nằm mãi trên giường già nua và xấu xí, không quan tâm đến vẻ bề ngoài của mình, thì tất cả điều đó cũng chỉ vì tôi.

Và ngay cả tôi cũng chẳng nghi kị rằng tôi có một cái quyền nào đầy đối với bà ta.

Vụ giết người này đã làm cho ngài quận công nổi tiếng. Tất cả mọi người chỉ lặp đi lặp lại một giọng điệu rằng ông ta là một nhà cầm quyền lỗi lạc. Còn sự thắng lợi của ông trước kẻ thù chẳng bao giờ là đủ và cũng chưa bao giờ lại có được sự tôn kính nào đối với cá nhân ông như vậy. Dân

chúng chỉ tự hào khi cho rằng ngài quận công thể hiện là một con người rất nhanh trí và quyết đoán.

Một số người nghi ngờ rằng liệu tất cả những điều đó có mang lại một cái gì tốt đẹp không. Họ nói rằng, họ linh cảm thấy một điều chẳng tốt lành gì. Nhưng mọi cái luôn bị phát hiện ra. Đa phần mọi người cảm thấy khoái trá và khi ngài quận công buộc phải xuất hiện thì dân chúng chào đón ông ta với niềm sung sướng, hoan hỉ. Ai trong đám đông có thể cưỡng lại được sự lôi cuốn hấp dẫn của một nhà cầm quyền, con người không biết đến trở ngại nào để thực hiện mục đích của mình!

Dân chúng thì mong muốn rằng cuối cùng sẽ có được một cuộc sống hạnh phúc yên bình. Họ hài lòng bởi dân hàng xóm của họ đã bị mất thủ lĩnh. Giờ đây hẳn sẽ không thể quấy nhiễu họ thêm nữa, và hẳn cũng không thể phá rối hạnh phúc của họ.

Dân chúng thì chỉ có một mối quan tâm đó là hạnh phúc. Thật là thú vị nếu biết được, giờ đây ông ta đang lập ra những kế hoạch nào. Liệu ông ta có nghĩ đến việc lại tấn công dân chúng, xông thẳng vào thành phố của họ, chiếm giữ họ và toàn bộ đất nước hay không? Điều đó sẽ trở nên thật dễ dàng sau khi tất cả các vị thủ lĩnh của họ, tất cả con người xuất sắc bị phế bỏ.

Còn cậu Giovanni thì không cần đếm xỉa tới. Anh ta không hề làm cho chúng tôi bận tâm, thật là một đồ nhát gan xỉ mũi không sạch, hẳn có thể ngay lập tức tẩu thoát khi khó khăn. Đúng là cần phải dạy cho hắn một bài học, để hắn trở nên xứng đáng là một người đàn ông.

Tôi không hề nghi ngờ rằng quý ông kia đang dự định hưởng thụ thành quả của một vụ tàn sát. Điều đó là đương nhiên. Ông ta luôn không hài lòng với những gì mình có. Nếu như ông ta đã gieo gió thì đương nhiên phải gánh chịu bão tố.

Có nhiều tin đồn nhằm nhী cho rằng dường như dân chúng Montan đã giận dữ đứng lên cầm vũ khí, nguyện thề báo thù cho quận công của mình và gia quyến của ông ta. Tất nhiên đó là chuyện vớ vẩn. Nhưng hoàn toàn có thể tin rằng dân chúng thực sự tức giận. Vậy chẳng nhẽ họ lại cầm vũ khí

định bụng báo thù cho cái kẻ cầm quyền không đáng tin cậy. Còn thậm chí nếu đúng là như vậy, thì ta cũng không nên xem trọng ý nghĩa của hành động này, bởi dẫu sao dân chúng mà thiếu nhà lãnh đạo như bây giờ mất con đầu đàn.

Tôi còn nghe nói rằng hình như người bác của chàng trai Giovanni, anh trai của Lodovico đứng lên cầm đầu. Ông ta cũng thề rằng sẽ báo thù. Dưới con mắt của tất cả mọi người ông ta cũng sống khốn khổ như thế, ông ta chỉ vui mừng khi thoát khỏi dù chỉ là một người trong số những kẻ hành hạ mình.

Người ta nói rằng ông ta là một con người có bản chất cũng như ông Lodovico quá cố, nhưng cả lúc người ta chèn ép ông ta, thì ông ta cũng chẳng tỏ ra có một vai trò gì đáng kể. Ông ta tên là Ercol xứ Montan, và xét một cách toàn diện thì ông ta là một con người nguy hiểm mặc dù không phải là một chiến binh. Dân chúng bàn tán rằng, giờ đây ông ta nắm chính quyền trong tay mình cũng là để thể hiện mình cứu đất nước trong phút lâm nguy, và bên cạnh đó, ông ta cũng định hắt cẳng chàng thanh niên vốn được thừa kế ngai vàng. Theo ý kiến của ông ta, anh thanh niên này không có đủ sức lực để đảm nhiệm vai trò của một quận công, chính lúc này thì chỉ có ông ta mới là người xứng đáng kế tục dòng họ Montan. Theo quan điểm của ông thì ông hoàn toàn phù hợp với vai trò một nhà cầm quyền. Vâng, điều đó hoàn toàn giống như thật. Bởi những chuyện như vậy thường xảy ra trên thế giới này.

Dường như tất cả lời tiên đoán của tôi đang trở thành hiện thực, bởi vì chàng trai trẻ có đôi mắt nai và một cái mề đay giống ở trên ngực thì chẳng bao giờ ngồi lên ngai vàng đâu.

Người ta nói rằng khi mà trong triều đình các phe phái đang tập trung sức lực hòng chiếm được ngôi vị thì hình như kẻ địch đã tràn vào đất nước, chúng đã tiến quân vào thung lũng dọc theo bờ sông. Cầm đầu đạo quân này là Boccaroza, người lãnh đạo một lực lượng quân đội nhiều gấp hai lần so với chúng tôi, hấn tình nguyện sống chết cùng với những lính đánh thuê của mình vì một xứ Montan mới. Chúng gây ra những hành động táo bạo, đốt và phá hoại tất cả những sinh vật chúng gặp trên đường đi, hình như

chúng hoàn toàn không có ý định chết, mà chỉ muốn những người khác chết.

Các vị tướng soái của chúng tôi cũng vội vã tập trung quân để ngăn chặn hành động tiến công của chúng. Trong thành phố lại tràn ngập lính tráng được cử ra ngoài trận mạc để thực hiện xú mệnh của mình.

Sự thực thì ngài quận công cũng chẳng quyết định được gì.

Với người dân chúng tôi thì cũng cần phải nói rằng đây là điều khó khăn thật dễ hiểu thôi. Vì cũng đã có bao nhiêu người phải hy sinh trong cuộc chiến trước. Bởi vậy không dễ dàng gì để chiêu mộ một số lượng cần thiết những người đàn ông ở vùng núi, những người mà không giữ nổi vũ khí trong tay. Song người ta cũng cố gắng nhất nạm để số lượng không ít hơn so với ở Montan. Một phần cũng bởi vì họ đã chịu nhiều tổn thất và đã bị vắt kiệt sức. Giờ đây không còn nhận thấy sự khích lệ như trước kia, tất cả đã sẵn sàng chịu khuất phục, vì họ hiểu rằng đó là điều không thể tránh khỏi. Tất cả đều hiểu rằng cần phải an bài với số phận của mình và không nên sống chỉ vì hạnh phúc mà thôi.

Quân xâm lược đang thêm khát đánh chiếm thành phố, và không thể ngăn được chúng. Binh lính của chúng ta dồn vào tình trạng không giữ được vị trí và cứ mỗi lần như vậy thì lại lùi bước. Từ phía nhà hát mọi người đã chán ngấy mỗi khi nghe tình báo đưa tin về sự rút lui và những tổn thất.

Quân địch cứ đi đến đâu là chúng phá hủy sạch sành sanh mọi thứ. Tàn phá, đốt cháy làng mạc và sát hại dân lành. Chúng cướp gia súc, giết thịt và nướng ăn no say ở các trại lửa của chúng, số gia súc còn lại thì chúng buộc lên xe và chở đi để dự trữ. Chúng còn đốt cả lúa mỳ trên các cánh đồng. Những tên lính đánh thuê của Boccaroza sẵn sàng làm tất cả những gì chúng muốn ở trên đường chúng đi. Chúng không để lại một cái gì sống sót đằng sau lưng mình.

Trong thành phố tập nập đám đông những người chạy nạn, họ đi đi lại lại qua các cánh cổng của thành phố với những chiếc xe ba gác mà chỉ có quý sứ mới biết được là chở cái gì: nào là nồi niêu, chăn màn, quần áo cũ

bắn, rồi cả những đồ cũ đáng bỏ đi, cả những vật dụng khiến cho tất cả mọi người phải chế nhạo họ. Có ai đó còn mang theo cả cái sừng của con dê hoặc dắt theo một con bò gầy còm, bộ dạng của tất cả bọn họ trông đều rất hoảng sợ. Còn người dân thành phố thì găm gù giận dữ. Và họ cho rằng những kẻ chạy nạn thì cần cái gì ở đây, và chúng dẫn xác đến đây để làm gì. Chúng chỉ làm phiền người khác. Những người chạy nạn thì ngủ trên các khoảng đất cạnh với đàn gia súc của mình, và thành phố trở nên giống như một làng mạc bản thú, nơi những kẻ chạy nạn nằm thì bốc lên một cái mùi thật kinh tởm.

Binh sĩ của chúng tôi thì chỉ có làm mỗi một việc, đó là rút lui. Theo tin tức báo về thì kẻ thù đã ở cách thành phố không xa, nhưng tôi không biết là chính xác ở đây, nhưng nguồn tin đưa về thì mâu thuẫn, không đáng tin. Và cuối cùng thì đã có một số nguồn tin nào nê báo rằng binh lính đã phản kháng, nhưng đã buộc phải rút lui. Còn lúc này có kẻ nói rằng họ đang cố gắng giữ vững, sau đó thì lại có người thông báo rằng họ đã phải rời khỏi vị trí của mình. Dòng người tị nạn thì không ngớt, họ làm tràn ngập thành phố với những đàn gia súc, những đồng quần áo rách nát và cùng với những tiếng rên rỉ kêu than.

Một cuộc chiến khủng khiếp.

Phải công nhận rằng tôi hoàn toàn có thể hiểu được thái độ dửng dưng của ngài quận công và tại sao ông ta lại giao tất cả mọi việc cho các vị thống lĩnh của mình. Ông ta không quan tâm đến việc phòng ngự và điều đó cũng chẳng cuốn hút ông ta. Ông ta cũng như tôi, ông thích tấn công. Tinh thần của cuộc tấn công, đấy chính là tinh thần của chúng tôi. Nhưng phòng vệ để thỏa mãn sự hài lòng ư, tất cả đều đơn điệu, không có vẻ huy hoàng, không có sự khích lệ cho trận đánh, thế thì vì cái gì đây? Rõ ràng là một điều phi lí. Điều này thì làm cho ai thích đây? Một cuộc chiến buồn tẻ.

Binh sĩ của Montan và Boccaroza chỉ có cách bức tường thành là nhìn thấy nhau. Bây giờ đã là xế chiều, từ cửa sổ trong căn buồng nhỏ của mình trên tòa tháp cao, tôi nhận ra những ánh lửa chiếu sáng của các trại trên thảo nguyên. Trong bóng đêm thì quang cảnh này thật đẹp.

Tôi hình dung rất rõ ràng những khuôn mặt của các binh lính đánh thuê, giờ đây đang ngồi quanh ngọn lửa và nhớ lại những chiến công ngày hôm nay của mình. Họ ném vào đồng lửa những rễ cây ôliu, những ánh lửa như đang nhảy múa soi sáng tính khí cương quyết khô khan của họ. Đây là những người đàn ông thực sự, họ đã tự quyết định số phận của mình, họ không phải sống trong nỗi kinh hoàng hiện nay trước các sự việc đang diễn ra. Họ đốt đồng lửa của mình trên bất kì mảnh đất nào, họ không hề mảy may suy nghĩ trước cái điều là người dân sẽ sống ra sao. Họ không hỏi là mình đang phục vụ cho ông chủ nào, hay là chỉ luôn phục vụ cho chính họ. Một mỗi họ nằm xõng xoài ngay trên mặt đất và nghỉ ngơi để tiếp tục cho một cuộc tàn sát của ngày mai. Đó là những con người không có tổ quốc, nhưng toàn bộ đất đai đều thuộc về họ.

Buổi chiều thật là tuyệt diệu. Bầu không khí của mùa xuân trong sáng và mát lạnh mang hơi gió từ các đỉnh núi, còn bầu trời thì đầy sao. Tôi ngồi lâu bên cửa sổ và nhìn ra vô vàn những đốm lửa nhỏ. Đã đến lúc tôi cũng cần phải đi nghỉ.

Thật kì lạ, rõ ràng là tôi nhận ra được những đồng lửa nằm cách xa, vậy mà những ngôi sao trên trời thì tôi không nhìn thấy, không bao giờ có thể nhìn thấy. Mắt của tôi không như mắt của những người khác, nhưng điều đó không có nghĩa là thị giác của tôi kém, mà tôi có thể nhìn thấy rất rõ ràng tất cả những gì xảy ra trên trái đất.

Tôi thường nghĩ về Boccaroza. Hắn ta hiện ra trước mắt tôi, to lớn, nhưng không vĩ đại lắm, hắn có một khuôn mặt rõ, cái xương hàm của loài mãnh thú và sâu tận trong đáy mắt là một cái nhìn giấu kín. Hắn đeo một cái mõm sư tử ở trên ngực, cái mõm của loài ác thú nhe răng dữ tợn cho cả thế giới xem cái lưỡi của mình.

Lính tráng của chúng tôi cũng trở thành kẻ chạy nạn vào thành phố ngay sau trận đánh nổ ra dưới các bức tường thành. Một cuộc chiến đẫm máu và hàng trăm người chết, đây là chưa kể những người bị thương với số lượng đông bỏ ngổn ngang qua các cánh cổng của thành phố trong sự giúp đỡ của những người phụ nữ vốn sẵn sàng lao ra bãi chiến trường để tìm xác chồng và con mình. Đến lúc này thì binh lính của chúng tôi đã đành phải chấm dứt trận chiến đấu, họ chạy lui vào trú ẩn dưới các bức tường, họ đã lâm vào

tình trạng thảm hại. Thành phố giờ đây trở nên hỗn loạn vì họ, thành phố dường như sắp nổ tung vì đầy lính tráng, những người bị thương, những kẻ chạy nạn từ khắp các làng mạc. Một sự lộn xộn khủng khiếp chưa từng thấy. Dân chạy nạn ngủ ngay trên các đường phố, mặc cho vào thời điểm hiện giờ đã là những đêm đông lạnh giá, người ta nói rằng thậm chí cả ban ngày cũng vấp phải những con người khốn khổ đang nằm ngủ, hoặc cả những người bị thương nhưng chỉ được băng bó qua loa, còn những người qua lại thì cũng chẳng đoái hoài gì đến những con người này.

Liệu quân thù có làm được gì để chống chọi lại một người như Boccaroza đây? Riêng bản thân tôi thì không bao giờ tin vào thắng lợi của cuộc chiến này.

Xong người ta cứ khẳng định rằng thành phố sẽ được bảo vệ đến giọt máu cuối cùng. Rằng thành phố sẽ được củng cố tốt và có thể giữ vững rất lâu, nói chung là có vẻ rất ngạo mạn. Tất cả người dân thành phố đều ngạo mạn bởi hiện nay kẻ địch vẫn chưa tấn công. Bản thân tôi cũng có quan điểm về sự ngạo mạn này.

Ngài quận công đột nhiên lại tỉnh ra và hình như đang nắm giữ công việc phòng vệ trong tay mình. Giờ đây dân chúng nhìn ông với con mắt hân học. Và chẳng chào đón ông bằng tâm trạng vui sướng hoan hỉ như trước nữa. Hoàn toàn khác hẳn. Người ta cho rằng vụ ám sát thủ lĩnh xứ Montan cùng với đám hầu cận của ông ta trong căn buồng là một hành động thiếu suy nghĩ, vụ tàn sát này chẳng mang lại cái gì ngoài một cuộc chiến mới và những tai họa mới.

Bà quận công đã ngồi dậy và bắt đầu ăn được chút ít, nhưng không như trước kia. Bà ta rất gầy, da mặt bà đã trở nên khô héo và hiện ra màu xám xám. Cứ như là bà bị ai đánh đổi người mình rồi. Bà ta mặc trên mình chiếc áo choàng nhung tựa như là mượn của người khác. Bà ta luôn mặc trang phục đen. Nếu như bà ta có thốt ra lời nào đó, thì cũng rất khẽ và rất nhỏ. Cái miệng của bà so với trước kia thì giờ đã trở nên khô héo, sự gầy gò thể hiện rất rõ trên khuôn mặt bà, đôi mắt trũng xuống, thâm quầng, một cái nhìn rất căng thẳng.

Bà ta cứ tụng kinh hàng giờ trước bức tượng chúa bị đóng đinh, bà cứ quỳ cho đến lúc gối bị tê đi không thể nhấc dậy nổi. Bà ta đang cầu nguyện cái gì, tất nhiên là tôi không hề biết, nhưng những lời cầu nguyện của bà vang đến mỗi ngày. Và cứ mỗi ngày như thế bà ta lại bắt đầu lại tất cả.

Bà chẳng khi nào rời khỏi căn buồng ngủ của mình.

Tôi nghe nói rằng hình như đại sư Bernardo đang giúp ngài quận công củng cố lại thành lũy phòng vệ và nghĩ ra các thủ thuật tiểu xảo vô cùng quý báu nhằm bảo vệ thành phố đang bị phong tỏa. Họ bàn tán và công việc đang rất sôi sục không bị đình trệ dù chỉ một ngày hay một đêm.

Tôi không một chút nghi ngờ về tài năng của đại sư Bernardo. Nhưng tôi thiết nghĩ để đối chọi với Boccaroza thì ông này chưa đủ sức. Đại sư đã già nhưng cũng không thể phủ nhận sức mạnh tinh thần của ông ta, sự suy nghĩ dày dặn, chín chắn, nhưng đó không phải là tất cả. Ở ông hội tụ những bản năng dũng mãnh, chinh phục cả thiên nhiên đất trời, và ông cũng rất cam chịu với bản năng tự có này mặc dù nó đối lập với ý chí cá nhân trong con người ông. Còn Boccaroza thì bản thân hắn cũng là sự kết tinh của một bản năng nào đấy, và bản năng thì luôn sẵn sàng và sẵn sàng phục vụ cho hắn. Tôi cảm thấy hắn đúng là đứa con của thiên nhiên.

Bernardo là một con người luôn làm trái với người mẹ thiên nhiên, và tính cách kiêu ngạo, quý tộc của ông ta luôn khiến cho tôi nghi ngờ.

Theo tôi thì đây sẽ là một cuộc đấu tay đôi không cân sức.

Nếu ai đó cùng nhìn vào cả hai con người này, Bernardo người đàn ông có cái trán của một nhà tư tưởng, còn Boccaroza con người có cái quai hàm của loài ác thú hùng mạnh, thì cũng không khỏi nghi ngờ xem ai là người mạnh nhất trong số họ.

Thành phố đang trở nên khó khăn với vấn đề thực phẩm. Ở đây, trong cung điện, dĩ nhiên tôi không cảm thấy điều này, nhưng người ta nói rằng dân chúng đang bị chết đói. Trong tình trạng quá đông dân cư như vậy, và có quá nhiều người ở nơi khác đến, thì quả thật điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Tất cả cư dân thành phố thì nhìn bọn người chạy nạn với một



ác cảm rất lớn, bọn họ coi lũ người chạy nạn chính là nguyên nhân làm thiếu thức ăn trong thành phố. Quả thật là những người chạy nạn đã trở thành gánh nặng đối với dân thành phố. Họ tức giận với những đứa trẻ con bẩn thỉu, quấy nhiễu chạy lảng xảng khắp nơi để van xin của bố thí. Người ta nói rằng có những trường hợp bọn trẻ này còn đi ăn cắp. Bánh mì chỉ được phân phát từ hai đến ba lần trong một tuần, với số lượng rất ít, bởi vì chẳng có ai chuẩn bị và dự trữ bánh mì cho cuộc phong tỏa này. Rõ ràng là, họ sắp chết. Một vài người trong đám chạy nạn cũng mang theo mình con bò hoặc con dê và đầu tiên thì cố gắng nuôi để lấy sữa ăn, nhưng sau đó họ buộc phải giết thịt các con gia súc gây còm của mình đang ngắc ngoải chết đói bởi chẳng nơi đâu có thức ăn cho chúng cả. Những người chạy nạn thì cũng đã duy trì sự sống của mình được một thời gian ngắn bằng cách ăn những loại thịt gia súc này hoặc đôi chúng lấy bột mì, hay một cái gì đó có thể ăn được. Giờ đây thì bọn họ chẳng còn gì, nhưng người dân thành phố thì cho rằng bọn họ đã giấu bánh mì để có thể sống tốt hơn những người khác, tôi thì tôi không tin lắm bởi nhìn bộ dạng của họ thì không nên nói như vậy. Họ gầy kinh khủng và rõ ràng đã bị chết đói. Tôi hoàn toàn không nói như vậy, bởi tôi cũng trải qua cái cảm giác nào đó với những con người này. Tôi hoàn toàn tán đồng với sự ác cảm của cư dân thành phố. Những kẻ chạy nạn thì ngây ngô, đần độn, đúng là những người nhà quê, họ ngồi xuống cả ngày chống tay trở mắt nhìn mọi phía. Họ chẳng trò chuyện với ai và cũng chẳng có ai trò chuyện với họ, họ chia nhau những mẩu bánh mì, nhưng chỉ với những người đồng hương, và khi cảm thấy trời đã tối thì họ kéo nhau về những nơi trú ngụ bẩn thỉu của mình, ở một khoảng đất nào đó mà họ đã lựa chọn từ trước, nơi cất giữ những đồng quần áo rách của họ, và họ nằm lê la như ở nhà của mình.

Cứ chiều chiều họ ngồi quanh bếp lửa, nếu như may mắn kiếm được cái gì để đốt, họ trò chuyện với nhau bằng tiếng thổ dân, và ta cũng chẳng hiểu là họ đang nói cái gì.

Sự bẩn thỉu và mùi hôi thối bốc ra từ những đám người nằm trên các đường phố và quảng trường thật kinh tởm. Tôi là người sạch sẽ ngăn nắp và tôi có cảm giác không thể chịu được khi hình dung ra sự bẩn thỉu của những con người này. Những con người nguyên thủy này cũng giống như đàn gia súc trong nhà, họ có thể đặt lưng nằm bất kì ở đâu khi cần. Một tình trạng bẩn thỉu đến kinh tởm. Dường như bầu không khí đang trở nên ngột ngạt

hôi thổi, các đường phố, quảng trường tởm lợm đến nổi, tôi cố gắng càng hạn chế bước chân ra ngoài thành phố càng tốt. Tôi cũng không phải lo lắng với những công việc được sai bảo phải đi ra phố, bởi vì quận công đã thay đổi, còn Don Riccardo thì cũng đã chết.

Tất cả những con người vô gia cư này đều ngủ đêm ngay trên đường phố, còn giờ đây khi mùa đông đồ ập tới, một mùa đông khắc nghiệt, và họ cũng không đủ ấm với tình trạng thiếu quần áo như hiện nay. Người ta nói rằng buổi sáng thức dậy người ta tìm thấy một số người đã bị chết cứng. Một số khác chỉ có những bộ quần áo rách nát để che thân thì qua một đêm cũng không thể dậy nổi, và khi mọi người tìm đến thì đã chẳng còn dấu hiệu của sự sống. Nhưng những người này chết vì đói nhiều hơn là vì rét, và đó chỉ là những người già, họ đã kiệt sức vì đói, máu thì lạnh ngắt. Dầu sao thì cũng cứ để cho họ chết, bởi vì họ sống chỉ là gánh nặng cho những người khác, còn trong thành phố kể cả không có họ thì cũng quá đông dân rồi.

Những tên lính đánh thuê của Boccaroza chẳng phải chịu thiếu thốn thứ gì. Cả nước phải tuân lệnh chúng, chúng muốn cướp bóc bao nhiêu cũng được, và thực tế chúng đã làm như vậy, chúng càng tiến sâu vào bao nhiêu thì càng vơ vét nhiều bấy nhiêu. Sau khi đã cướp bóc những làng mạc thì chúng đốt trại, và cứ vào ban đêm người ta lại nhìn thấy bầu trời những ánh lửa xa tít mù tấp của các đám cháy. Tất cả các vùng lân cận thành phố đã bị cướp bóc và tàn phá.

Nhưng có một điều kì lạ, ấy là hiện nay bọn xâm lược vẫn chưa tiến công vào thành phố. Điều này làm tôi ngạc nhiên, bởi vì giờ đây chiếm giữ thành phố là một việc hết sức đơn giản. Có lẽ chúng cho rằng không phải bận tâm nhiều về việc bắt thành phố chúng tôi quy hàng, còn trong lúc đó chúng có thể cướp phá đất nước bao nhiêu tùy thích.

Cô nàng Angelica chỉ biết mỗi việc ăn không ngồi rồi. Trước kia cô ta còn làm các công việc may vá thêu thùa. Nhưng giờ đây cô ta chỉ sử dụng thời gian, dĩ nhiên là không phải tất cả để ngồi bên bờ sông cho thiên nga ăn hoặc đơn giản chỉ ngồi ngắm dòng nước chảy qua. Thỉnh thoảng vào buổi chiều cô ta ngồi bên cửa sổ đưa mắt nhìn những đồng lúa và lều trại của kẻ

thù ở phía xa xa bên dưới, chạy dài trên thảo nguyên. Tất cả đều nghi ngại, chắc có lẽ là cô ta đang nghĩ về vị thái tử của mình.

Kì lạ thay khi người ta yêu, thì họ thường trở nên ngu ngốc, đặc biệt nếu như đây là một tình yêu vô vọng. Sự thể hiện qua khuôn mặt hết sức ngố, và tôi thì không hiểu tại sao người ta có thể khẳng định dường như tình yêu làm cho con người trở nên đẹp hơn. Đôi mắt của cô ta như sâu hơn và vô cảm hơn so với trước kia, còn đôi má thì xanh xao vàng vọt. Cái miệng trở nên rộng hơn, đôi môi trở nên sưng phù.

Tôi có cảm giác rằng chỉ có tôi là người duy nhất biết được điều bí mật tội lỗi của cô ta.

Tôi thật ngạc nhiên khi hôm nay bà quận công hỏi tôi, liệu tôi có nghĩ là chúa trời căm ghét bà ta. Rất tự nhiên tôi trả lời rằng tôi không rõ về việc này lắm. Bà ta nhìn tôi với cái nhìn nảy lửa gây xúc động mạnh, dường như bà ta rất lo lắng. Tất nhiên là ông ta căm ghét bà ấy rồi, ông ta chưa một lần để cho bà ấy yên ổn. Ông ta buộc phải căm thù bà vì tất cả những tội lỗi của bà ấy. Tôi nói rằng, tôi có thể hoàn toàn hiểu được ông ta. Dường như ý kiến của tôi cũng an ủi bà ta phần nào, bà ta thở dài và ngồi thông mình xuống ghế. Tôi nán lại thêm chút nữa mặc dù bà ta chẳng sai bảo gì tôi, bình thường thì tôi không như vậy. Khi tôi hỏi, liệu tôi có thể đi được chưa, thì bà ta trả lời rằng bà ta không có quyền để sai bảo tôi, rồi nhìn tôi khẩn khoản dường như đang chờ đợi sự giúp đỡ nào đó ở tôi. Song tôi cảm thấy rất bất tiện, và tôi muốn đi ra khỏi phòng. Tôi ngoái cổ nhìn qua khe cửa, và nhìn thấy bà ta đang quỳ gối trước bức tượng chúa bị đóng đinh, bà ta đau khổ đọc kinh sám hối, lần tràng hạt bằng những ngón tay gầy guộc, co giật.

Tất cả những điều này đã gây cho tôi một ấn tượng rất lạ.

Điều gì đã xảy ra với người đàn bà ngu ngốc già nua này?

Không còn nghi ngờ gì nữa, bà ta hoàn toàn nghĩ rằng chúa Giê su căm ghét bà ta. Hôm nay bà ta lại nói đến vấn đề này. Bà ta bảo tất cả những lời cầu nguyện sám hối của bà chẳng đi đến đâu cả. Chúa cứu thế chẳng bao giờ tha thứ cho bà. Đơn giản là ông ta chẳng bao giờ nghe thấy những gì bà nói và thậm chí cũng chẳng tỏ ra quan tâm đến sự tồn tại của bà. Chẳng nhẽ

chỉ vì điều gì đấy mà ông ta lại để cho bà không một phút yên ổn ư? Thật là khủng khiếp, bà không thể chịu đựng nổi điều này. Tôi nói rằng, theo tôi thì bà nên đến cầu xin sự giúp đỡ của cha xứ, bởi con người này luôn có một sự thông cảm rất nhiệt huyết đối với người đau khổ trong tâm hồn như bà. Bà ta lắc đầu, bà ta đã thử rồi, nhưng vị cha xứ cũng chẳng thể giúp gì được cho bà, thậm chí ông ta còn chẳng hiểu gì nữa. Ông ta cho rằng bà là người vô tội. Tôi đã cười vẻ rất châm chọc đối với những lời nói của thằng thầy tu nịnh bợ kia. Thật thú vị, khi đúng lúc đó bà ta lại hỏi là tôi nghĩ gì về bà ấy. Tôi nói rằng, tôi coi bà ta là một người đàn bà tội lỗi, và tôi tin bà sẽ bị thiêu cháy trong một ngọn lửa dữ dội. Ngay lúc đó bà ta đã quỳ gối trước mặt tôi, và nắm lấy tay tôi, kêu gào thảm thiết, cầu xin tôi cứu giúp và tha thứ cho bà ấy, nom thật bất hạnh. Nhưng tôi thản nhiên nhìn bà ta quẩn quại dưới chân mình. Thứ nhất tôi cho là tôi chẳng thể giúp gì được bà ấy, còn điều thứ hai là tôi nghĩ bà ta cần phải bị trừng phạt một cách thích đáng. Bà cứ níu lấy tay tôi, lau nước mắt, thậm chí lại còn định hôn tay của tôi, nhưng tôi đã rút tay lại và không cho phép bà làm điều đó. Thế là bà ta lại bắt đầu gào thét, khóc than to hơn và trở nên điên loạn. “Hãy thú nhận tất cả tội lỗi của mình”, tôi nói và tự cảm thấy dường như khuôn mặt của tôi đang trở nên rất nghiêm nghị. Và bà ta bắt đầu thú nhận tất cả những tội ác của mình, về một cuộc sống trụy lạc, về những mối quan hệ bất chính với những người đàn ông mà bà ta đã ăn nằm, về tất cả những khoái cảm thấp hèn mà bà ta đã trải qua, để rồi phải rơi vào mớ tơ vò của đau khổ. Tôi bắt bà phải mô tả chi tiết tội ác mà bà ta đã mắc phải, những khoái cảm kinh tởm mà bà ta đã hưởng thụ, rồi cả tên của tất cả những con người cấu kết với bà trong mối quan hệ tội lỗi này. Bà ta ngoan ngoãn làm tất cả, tôi buộc bà ta phải nói ra, và giờ đây trước mắt tôi hiện ra một bức tranh thật khủng khiếp về cuộc sống nhục nhã của bà ấy. Song tôi nhận thấy là bà ta chẳng nói một lời nào về Don Riccardo. Bà ấy nhìn tôi đầy thắc mắc, mà hình như cũng chẳng thể hiểu được, tôi muốn gì ở bà. Về Don Riccardo ư? Chẳng nhẽ đấy cũng là tội ác! Tôi giải thích cho bà ấy biết, đó là tội ác kinh khủng nhất trong tất cả các tội lỗi của bà. Dường như bà ta cũng không thể làm sáng tỏ điều này và ... ngạc nhiên nhìn tôi, thậm chí lại còn nghi ngờ. Nhưng sau đó tôi đã nói ra tất cả những suy nghĩ của mình, đối với những gì đã xảy ra với bà ấy, rõ ràng là bà ta đã rất hoảng sợ. Tôi hỏi, chẳng lẽ không phải là bà yêu Don Riccardo nhiều hơn tất cả ư? “Đúng”, bà ta trả lời rất khẽ, và lại bắt đầu khóc, nhưng không gào thét như lúc trước, mà khóc như những người bình thường. Bà ta không thể ngừng khóc, tôi thì cũng

quá mệt mỏi và chán nản, rồi tôi bảo rằng tôi cần phải đi. Bà nhìn tôi khẩn khoản và vô vọng, bà hỏi tôi liệu tôi có thể an ủi bà ta bằng một cái gì đó được không? Rằng bà ta phải làm gì để chúa trời động lòng thương hại với bà đây? Tôi trả lời rằng do thái độ xác xược của bà khi bà cầu xin Thượng đế thứ tội, cũng như những tội lỗi của bà chồng chất nhiều đến nỗi không có gì ngạc nhiên nếu Thượng đế không nghe thấy những lời cầu xin của bà. Ông ấy sẽ không thể tha thứ cho những tội lỗi của một con người đầy tội ác như bà. Bà ta đã tỏ ra rất cam chịu lắng nghe tôi và bà cũng nói rằng chính bản thân bà cũng cảm nhận được điều đó. Bà ta không xứng đáng được thấu hiểu. Trong tận đáy tâm hồn mình bà ta luôn cảm thấy điều như vậy, khi quỳ gối tụng kinh trước tượng chúa. Bà lại thở dài, tất cả vẫn chẳng ăn thua gì, bà ta ngồi thông xuống ghế và lại bắt đầu kể lể về mình như là một con người đầy tội ác nhất trên thế giới, một con người ham muốn nhất trong số những con người ham muốn, và thật tiếc là bà ta sẽ chẳng bao giờ nhận được sự cảm thông của đất trời cả. “Tôi đã yêu nhiều”, bà ta nói. “Nhưng tôi đã không yêu chúa và con trai của người, bởi vậy một lẽ công bằng, là tôi phải bị trừng phạt.”

Sau đó bà ta đã cảm ơn tôi vì tôi đã đối xử tốt với bà. Bà ta cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi thú tội, mặc dù chính bản thân bà cũng hiểu rằng, bà không thể trốn tránh được những tội lỗi của mình. Hôm nay là lần đầu tiên bà ta có thể bật khóc.

Tôi đi khỏi, chỉ còn mình bà ta ngồi lại, một bà già còng lưng, hai mắt đỏ hoe, mái tóc rối bù như cái tổ của một loài chim ác.

Ngài quận công và Phiametta có nhiều thời gian ở cùng nhau. Họ thường ngồi lại cùng nhau chỉ có hai người sau bữa ăn tối, và tôi thì cũng phải ở lại để hầu hạ họ. Họ cũng thỉnh thoảng ngồi cùng với quận công phu nhân vào các buổi chiều, nhưng đó là điều rất hiếm. Phiametta, một người đàn bà khác kiêu, lạnh lùng, giữ kẽ, rất khó gần, nhưng bà ta thật sự là một người đàn bà đẹp. Khuôn mặt sạm đen của bà ta trông khắt khe hơn bất kì người phụ nữ nào mà tôi đã từng nhìn thấy, khuôn mặt đó không đẹp lắm, nhưng có một sự thu hút. Cái nhìn trong đôi con mắt đen nhánh của bà ta ẩn chứa một ngọn lửa sâu thẳm đầy sức mạnh chinh phục và đả đốn.

Tôi đoán bà ta cũng là con người lạnh lùng trong tình yêu, bà ta không dâng hiến mà chỉ biết giữ, yêu cầu người ta phải yêu bà và đòi hỏi sự phục tùng quá đáng. Dường như ngài quận công lại thích điều này, ông ta thích chinh phục. Theo tôi được biết, thì sự lạnh lùng trong tình yêu chẳng thua kém gì sự đắm đuối say mê.

Cá nhân tôi thì chẳng có gì phản đối bà ta. Thế nhưng tất cả những người khác thì khó chịu người hầu chẳng coi bà ta ra gì, bởi theo lời của họ, thì họ không có thói quen đó, hơn thế nữa, bà ta không phải là bà chủ của họ, dẫu sao thì cũng chỉ là người thiếp của ngài quận công. Ngay cả đối với những người trong triều đình bà ta cũng như vậy, bà ta vẫn coi mình cao hơn, tôi nghĩ trước đến giờ bà ta vẫn vậy, nói chung là bà ta chẳng bao giờ coi ai đó ngang hàng với mình cả. Đây không chỉ đơn giản là thói kênh kiệu, mà đúng hơn đó là sự kiêu ngạo bẩm sinh. Đương nhiên, mọi người đều phát khùng lên vì tính cách này của bà ta. Nhưng có một điều chắc chắn có thể đoán ra, ấy là bà ta sẽ chiếm vị trí của bà quận công phu nhân, nếu như mà quý bà của chúng tôi không ngay lập tức bắt đức ông chồng quay về với mình.

Toàn bộ triều đình đều nói rằng, bà Phiametta đang quyến rũ quận công chỉ vì một chút danh lợi, rằng bà ta có dòng máu của loài cá, và đây là một việc làm vô đạo đức. Tôi không hiểu là họ có biết rằng, khác với tất cả những người từng dính vào việc làm trơ trẽn như thế này, bà lại hoàn toàn chẳng quan tâm gì đến tư cách đạo đức cả.

Không còn nghi ngờ gì nữa, quận công rất say mê bà ta, luôn cố gắng tìm đủ mọi cách tỏ ra nhã nhặn và hấp dẫn trước mặt bà ta. Mặc dù ông ta là một người rất dễ bực tức và cáu bẳn, ông ta có thể đột nhiên phát khùng vì một cái gì đấy và nhảy bổ vào đám đầy tớ, từ trước đến nay ông ta luôn như vậy, không chỉ với đám người hầu, mà còn cả với những quyền cao, chức trọng hơn ông ta. Người ta nói rằng, ông ta là người rất dễ bực tức, người dân cũng không hài lòng về ông ấy. Hàng ngày những con người đói khổ đến quấy nhiễu ông ta, họ đi dưới cửa sổ, kêu gào đòi ông cung cấp bánh mì cho họ.

Tôi cho rằng, ngài quận công cũng chẳng chú ý gì đến việc này cả, cứ kệ thầy cho lũ dân đen xung quanh ông kêu gào và phẫn uất. Thực tế đám

dân đen luôn tìm ra có để kêu gào. Nếu như muốn buộc ông ta nghĩ về tất cả những điều dân chúng đang gào thét thì chỉ có cách làm vừa lòng ông ta thôi.

Người ta nói rằng ông ta đã bí mật dùng roi để trừng phạt nhà chiêm tinh của triều đình, ông Nicodemux và nhiều vị bô lão khác vì những điều tiên đoán đặc biệt thú vị của họ. Điều này rất có thể lắm chứ. Bởi vì ngay cả bố của ông ta cũng xử sự vậy, mặc dù nguyên nhân khi đó là khác: những nhà chiêm tinh đã tiên đoán những điều không đúng như ông ta đã mong muốn.

Không phải dễ dàng gì để mà suy đoán theo các ngôi sao trên bầu trời. Và nếu có đoán định được thì cũng phải làm sao để người khác hài lòng.

Tình hình trong thành phố ngày càng trở nên xấu đi. Có thể nói rằng giờ đây nạn đói đang thực sự hoành hành. Hàng ngày người dân phải chết vì đói, hoặc có thể cả vì đói và rét. Trên các đường phố và các quảng trường có nhiều người đã bị ngã quy, đã không còn sức để đứng, và dường như họ đang bàng hoàng với tất cả mọi thứ. Một số người khác như những bộ xương còn sống đang lang thang vất vưởng trên khắp thành phố để tìm kiếm một cái gì đó làm dịu bớt cơn đói. Thật là khủng khiếp khi giờ đây người ta còn săn lùng cả những con mèo, con chó, và chuột cống để ăn, chúng thực sự trở thành thức ăn ngon đối với họ lúc này. Chuột cống, một loài mà trước đây đã trở thành tai họa trong những túp lều của những người chạy nạn, lũ chuột hoành hành lung sục trong các đồng rác giờ được coi là một loại thịt ăn ngon. Nhưng người ta nói rằng, chuột đang dần biến mất và ngày càng trở nên khó khăn mới tìm được chúng. Rõ ràng là chúng đã mắc căn bệnh gì đó, ở đâu người ta cũng gặp phải xác của chúng, chúng đã ra đi đúng vào cái thời điểm khi người ta cần chúng.

Tôi không hề ngạc nhiên, khi mà loài chuột cống lại không muốn làm hàng xóm với những con người khôn khổ kia.

Một cái gì đó chưa từng nghe thấy đã xảy ra. Và tôi định kể về nó một cách thật bình tĩnh, dè dặt theo trật tự, và theo sự tiến triển của sự kiện. Điều này thật không dễ dàng gì, bởi chính tôi là người tham gia, đóng một vai trò khá quan trọng trong việc này, và cho đến tận bây giờ tôi vẫn còn

ron tóc gáy vì cái cảm giác đã nếm trải. Giờ đây, khi mọi việc đã kết thúc và lùi vào quá khứ, thì tôi có thể nói rằng, tôi hoàn toàn hài lòng với kết quả của nó, chính bản thân tôi cũng muốn giành một phần của đêm nay để mô tả thật ngắn gọn tất cả những gì đã xảy ra.



Ngày hôm qua, vào một buổi chạng vạng, khi tôi đang ngồi bên căn phòng nhỏ của mình, ngắm nhìn những ánh lửa của bọn Boccaroza, một điều giờ đã là thói quen của tôi, đột nhiên tôi nhìn thấy trong lùm cây, bên bờ sông có một bóng người đang đi về cánh phải của lâu đài. Tôi lấy làm lạ, bởi ai có thể đến lâu đài vào đêm hôm khuya khoắt như thế này, và tôi chợt nghĩ chắc là đứa nào đó trong đám kẻ hầu người hạ. Ánh trăng chiếu sáng, nhưng sương mù lại phủ kín đặc, bởi vậy tôi rất khó để nhận ra con người này. Hắn mặc một cái áo choàng rộng, và hình như không chạy về phía đầu hồi nhà, mà đã đi qua một trong những lối vào bên cạnh. Dường như hắn đã từng có lần biết lối đi này, điều đó có nghĩa hắn là một trong những người của lâu đài. Nhưng có cái gì đó trên khuôn mặt của con người đó làm tôi phải đề phòng cảnh giác, ngay cả cái hành vi của hắn cũng rất đáng ngờ. Bởi vậy tôi quyết định kiểm tra mọi việc, tôi nhanh chóng đi xuống dưới, và bám theo sau hắn cũng theo chính cái lối đi ấy. Trong cầu thang lúc này dày đặc bóng tối, nhưng chính cái cầu thang này lại quen thuộc với tôi, không như các cầu thang khác trong lâu đài, bởi vì trước kia người ta đã đuổi tôi đến tận cùng phía dưới của cầu thang. Chiếc cầu thang này chạy dài giữa các phòng khác và đến căn buồng của bà quận công và của Angelica. Giờ đây cầu thang này chỉ để phục vụ cho mỗi căn phòng của bà ta, còn vào các phòng khác thì ít sử dụng cầu thang này.

Tôi mò mẫm đi xuống dưới, tiến đến cánh cửa phòng của bà quận công, và bắt đầu nghe ngóng. Tôi ngạc nhiên không thể tả nổi, mặc dù ít nhiều tôi cũng đã có sự chuẩn bị. Tôi đã nghe thấy đằng sau cánh cửa có hai giọng vang lên. Và một trong hai giọng đó chính là giọng của Giovanni!

Họ nói chuyện với nhau rất thận trọng khẽ khàng, nhưng nhờ có đôi tai thính của tôi, mà tôi có thể phát hiện ra tất cả những gì họ đã nói. Xét một cách toàn diện, thì tôi chính là kẻ làm chứng giấu mặt cho hạnh phúc bất tận và cảm động của họ. “Ôi người yêu của anh”, một giọng khẽ thì thảo, và “Anh yêu của em”, một giọng khác thì thâm đáp lại. “Em yêu”, rồi lại “Anh yêu”, không có gì khác ngoài những lời nói đó, và cuộc chuyện trò mê mải ấy của họ không làm những người ngoài cuộc quan tâm mấy. Thật tất cả những gì diễn ra cũng không có gì là kinh khủng cả, đó chỉ là sự nhắc đi, nhắc lại không ngớt một từ, và tôi cảm thấy buồn cười về điều này. Nhưng tôi đã không cười. Bởi vì tôi đang cố gắng nghe xem họ đang thốt ra thật ngây thơ và thiếu suy nghĩ chính những cái lời mà họ không đắn đo suy

nghĩ dù chỉ một phút về ý nghĩa của nó, và những lời nói này lại xuất phát từ họ, nó cũng buộc họ phải run lên vì sợ hãi. Sau đó tôi nghe thấy hai con người tội lỗi bắt đầu hôn nhau, tiếp tục say nhau trong tình yêu đến độ lú cả lưỡi không nói được nên lời. Thật là một điều kinh tởm!

Tôi chạy ngược trở lại. Phải tìm ngài quận công ở đâu đây? Có thể trong phòng ăn, nơi mà một giờ trước đây tôi đã ở lại cùng ông ta và Phiametta. Tôi đã phục vụ họ, nhưng ngài quận công đã nói với tôi là không cần tôi nữa.

Không cần tôi thêm nữa ư! Tại sao tôi lại mò mẫm xuống cái cầu thang tối om đấy làm gì. Quý ngài vẫn phải luôn cần đến cái gã lùn này đây.

Tôi chạy qua sân bên trong của lâu đài đến lối đi chính. Tất nhiên giờ này bọn canh cầu thang và các lối đi cũng đã chìm trong giấc ngủ. Song tôi vẫn tìm được đường và đã đi đến trước căn phòng có cửa hai cánh cao. Tôi nghe ngóng. Nhưng tôi đã không nghe thấy một âm thanh nào. Có thể là họ đã không còn ở đấy. Tất nhiên sẽ là một điều rất tốt, nếu ngài quận công nhìn thấy rõ mọi việc. Nhưng tiếc là tôi đã không thể mở được cửa: cái cửa mà tôi không thể mở được cũng chính là vì tầm vóc của tôi. Tôi lại nghe ngóng một lần nữa. Một bầu không khí yên lặng. Tôi không thể chờ đợi được nữa, đành phải trở về phòng, mặc dù tôi vẫn chưa hoàn toàn yên tâm.

Tôi đi đến phòng ngủ của ngài quận công. Nó cách phòng ăn không xa, ngay ở tầng trên. Tôi bước lên thang, đi đến gần cửa phòng và bắt đầu lắng nghe. Nhưng tôi chẳng nghe thấy gì cả, và tôi cũng không thể nhận thấy một âm thanh nào xác nhận sự có mặt của ngài trong phòng. Tôi chợt nghĩ có lẽ ông ta đã ngủ. Điều đó hoàn toàn là có thể. Chẳng nhẽ đành phải bạo gan đánh thức ông ta dậy ư? Một hành động láo xược chưa từng thấy. Nhưng đây là một công việc không thể trì hoãn, đặc biệt quan trọng. Bởi vậy trường hợp của tôi là ngoại lệ.

Tôi lấy tinh thần và gõ cửa. Chẳng có ai trả lời. Tôi đã lấy hết sức mình đập vào cửa. Nhưng vẫn chẳng có tiếng trả lời.

Tôi quả quyết, điều này có nghĩa là quận công không có trong phòng ngủ. Bởi vì tôi biết rằng quận công là người rất tỉnh ngủ. Nhưng nếu ông ta

không có ở đây, thì ở đâu? Tôi bắt đầu cảm thấy bức mình. Mất bao nhiêu là thời gian. Ông ta có thể ở đâu chứ?

Có lẽ ở chỗ bà Phiametta ư? Rất có thể họ đến đây để có thể cảm thấy thoải mái hơn? Đây là sự hy vọng cuối cùng của tôi.

Tôi lại đi xuống cầu thang và nhảy bổ ra sân. Bà Phiametta sống ở một khu khác của tòa lâu đài, có thể họ đã dự định sắp xếp như vậy để nguy trang mối quan hệ của mình. Để đến được chỗ bà Phiametta, thì cần phải đi gần hết cái sân.

Tôi đã tìm thấy một lối đi cần thiết, nhưng cái phần này của lâu đài tôi không quen mấy, và tôi đã đi lang thang rất lâu một cách hú họa, tôi đi lên cầu thang, đi xuống, rồi lại đi lên, sau đó thì tôi rơi vào một lối đi vô tận, nơi chỉ có toàn bóng tối, và tôi cũng không muốn mất thời gian thêm nữa, tôi chạy về phía trước nhưng không thể tìm thấy đường. Tôi có cảm giác mình như con chuột trũi, đang lạc vào một mê cung dưới lòng đất, cẩn thận đánh hơi tất cả những gì trên đường mình đi. May mắn thay, tôi đã đánh hơi định hướng đúng trong cái bóng đêm tối mò đậy. Tôi đã biết được vị trí các ô cửa sổ quay mặt ra vườn, và cuối cùng tôi đã sung sướng tìm thấy cái cánh cửa cần thiết.

Tôi nghe ngóng. Liệu có ai không đây? Có! Đầu tiên tôi nghe thấy cái giọng cười nhạt nhẽo của bà Phiametta. Trước kia tôi chưa bao giờ nghe thấy bà ta cười như vậy, nhưng ngay lập tức tôi cũng nhận ra ngay chính là bà ta. Giọng cười nghe rất khắc nghiệt, nhưng trong tiếng cười đó có một cái gì rất khiêu khích. Sau đó tôi nghe thấy ngài quận công cũng bật cười, ngắn và không được vui vẻ lắm. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Sau đó tôi nghe thấy giọng của họ, nhưng đã không phát hiện ra một từ nào, rõ ràng là họ đang ở đâu đó rất sâu trong căn phòng. Song thực sự họ đang trò chuyện với nhau, liệu có phải họ nói về tình yêu hay không, tôi không biết chưa chắc đã phải là vậy. Sau đó đột nhiên một bầu không khí yên lặng bao trùm xuống. Tôi đã giáng hết sức, nhưng không thể nghe thấy một âm thanh nào. Qua một chút thời gian, tôi lại cố gắng và hiểu rằng họ đang làm cái gì đó rất đáng xấu hổ. Tôi cảm thấy hơi ghê tởm. Sự thật là trong lúc này tôi không thể tòi tệ như vậy, dù cho tôi đã rất nhiệt tình,

nhưng dẫu sao tôi cũng phải tiếp tục để tìm gặp được ngài quận công, và tôi bắt đầu chờ đợi. Tôi quyết định chịu đựng và chờ đợi, để không phải nghe những âm thanh khó chịu kia.

Cuối cùng tôi lại đi đến gần cửa, họ đang nói chuyện rất điềm tĩnh về cái gì đó, nhưng tôi không hề biết. Sự chuyển biến đột ngột ấy làm tôi ngạc nhiên, tôi cảm thấy vui và đã quyết định thực hiện điều mà tôi đã nghĩ. Song họ cũng chẳng vội vàng gì, vẫn cứ nằm và không ngớt thảo luận về một vấn đề gì đó, chắc là toàn những chuyện tầm phào vớ vẩn. Tôi lại kìm lòng, bao nhiêu thời gian quý báu đã trôi qua! Nhưng tôi không thể làm gì. Dĩ nhiên là tôi không thể xuất hiện và làm phiền họ trong lúc này.

Cuối cùng tôi đã nghe thấy hình như ngài quận công đứng dậy và bắt đầu mặc quần áo, nhưng vẫn tiếp tục thảo luận với bà Phiametta về lẽ gì đó, và rõ ràng là họ vẫn chưa nhất trí với nhau về vấn đề này. Tôi đã rời khỏi cánh cửa và đứng rình ở trong bóng tối.

Ông ta bước ra khỏi phòng và đi, nhưng không biết rằng đang đi thẳng về phía tôi. “Kính thưa ngài”, tôi thì thào. Phát hiện ra sự có mặt của tôi, ông ta đã tức giận và chửi rủa, rồi đe dọa “Nhà ngươi làm gì ở đây? Định dò xét cái gì? A, thì ra là ngươi, đồ quái thai đê tiện! Ngươi là đồ rắn độc! Ngươi ở chỗ nào hả? Ta sẽ giết ngươi ngay lập tức!” Và ông ta bắt đầu quơ quạng khắp phía, giơ tay ra và cố tóm tôi trong bóng tối. Tất nhiên là ông ta không thể bắt được tôi trong bóng tối đen kịt này. “Hãy cho phép tôi nói!” “Hãy cho phép tôi nói một chuyện” tôi cố gắng trấn tĩnh nhắc lại, mặc dù tôi đang rất run. Nhưng cuối cùng thì ông ấy cũng cho phép.

Và tôi đã nói thẳng vào mặt ông ấy rằng, vào cái lúc này đây thì thằng con trai của xứ Montan đang cưỡng hiếp con gái ông, hắn đã bí mật đột nhập vào lâu đài để trả thù cho cha của mình, hắn đã làm ô nhục con gái ngài. “Đồ dối trá!” Ông ta hét lên, ngươi đang ba hoa cái gì đấy, đồ điên rồ! Đó là một sự dối trá!, “Không, đó là sự thật!”, tôi cãi lại, và tiến đến gần sát ông ta. “Bây giờ hắn đang ở chỗ con gái ngài, chính mắt tôi nhìn thấy tên tội phạm đó đột nhập vào chỗ cô ấy. Bây giờ ngài tới thì đã quá muộn, mọi tội lỗi đã trót lọt, nhưng ngài có thể vẫn bắt được hắn ở đấy.” Tôi hiểu, là ông ta đang nghi ngờ tôi, ông hét lên như sấm “Không thể thế được!”, ông ta nói, “Dù có chạy nhanh đến mấy hắn cũng không thể thoát được.”

“Không thể thế được!, ông ta nhắc lại. Hắn làm thế nào mà lọt được vào thành phố? Còn tòa lâu đài thì đã có bảo vệ!” Tôi trả lời mặc dù đã cố gắng hết sức mình để theo dõi hắn nhưng tôi không hiểu điều này, nhưng tôi chỉ nhận ra bóng của hắn ở bên bờ sông, có thể là hắn đã vào bờ bằng một cái bè, ai mà biết được cái thằng trẻ ranh táo bạo ấy làm được những gì, và từ đấy hắn đã lên thẳng vào sân trong của lâu đài. “Không thể thế được!, ngài quận công lại khẳng định. Hắn không thể đột nhập vào thành phố theo đường sông được, và hắn cũng không thể lên vào mà lại không bị phát hiện ra khi mà các tòa tháp được canh giữ rất cẩn mật cả ban ngày lẫn ban đêm. Điều đó là không thể tưởng tượng nổi!” “Đúng, đó là điều không tưởng”, tôi đồng ý với ngài, “hoàn toàn không thể hiểu được điều này, cả quý sứ cũng không hiểu nổi, hắn đã lên qua bằng cách nào, nhưng rõ ràng là hắn có mặt ở trong phòng con gái ngài. Tôi hoàn toàn tin là tôi đã nghe thấy giọng của hắn ở đấy.”

Chúng tôi đã xuống cầu thang và đi ra sân của tòa lâu đài. Ngài quận công nhanh chóng đi về hướng cửa chính, ra lệnh canh gác cẩn mật hơn nữa toàn bộ lâu đài và ngăn không cho hắn tẩu thoát. Sự phòng xa của ngài quận công hoàn toàn có cơ sở và khôn ngoan, nhưng nếu tên tội phạm đã tẩu thoát rồi thì sao! Cả hai đứa cùng đi thì sao đây! Cái ý nghĩ kinh khủng này buộc tôi phải chạy qua sân, đi lên cầu thang và đi đến cửa phòng của Angelica.

Tôi ghé sát tai vào cánh cửa. Không một âm thanh nào! Liệu chúng đã bỏ đi rồi sao! Tim tôi đập thình thịch vì chạy và vì lo lắng với suy nghĩ là bọn chúng đã may mắn tẩu thoát được rồi. Tôi bèn đập vào, gọi cửa, rồi chột nghĩ, điều tôi đoán có lẽ là đúng bởi tôi chẳng nghe thấy gì cả. Tôi cố gắng định thần, thở đều và định nghe ngóng lại lần nữa. Nhưng không, chẳng có một âm thanh gì phát ra từ căn phòng cả. Tôi lấy lại bình tĩnh và nghĩ là tôi sẽ điên lên mất. Cuối cùng tôi không thể chịu được khi chưa biết rõ, nên tôi cẩn thận đẩy cánh cửa không được đóng. Tôi nhìn thấy ngọn nến vẫn đang cháy, nhưng không có một âm thanh nào, không có cái gì chứng tỏ cho sự xuất hiện của con người. Tôi lên vào căn phòng. Và ngay lập tức tôi trấn tĩnh lại. Trong ánh sáng của ngọn đèn leo lét mà chúng chưa kịp tắt, tôi đã nhìn thấy bọn chúng đang ngủ trên giường của Angelica. Sau khi đã thỏa mãn thói dâm dục của tình yêu, thì bọn chúng đã lăn ra ngủ như những đứa trẻ.

Tôi đỡ lấy ngọn đèn, đi đến gần giường và chiếu sáng vào người chúng. Chúng nằm ngủ quay mặt vào nhau, hơi mím môi, đôi môi của chúng trở nên hồng hơn vì tội ác mà chúng vừa thực hiện, mà nếu giờ đây cho chúng làm lại chắc chúng cũng không dám. Đôi lông mi thì vẫn còn ướt ướt, còn trên môi trên của cả hai bọn chúng vẫn còn dính mồ hôi. Tôi đã quan sát một giấc ngủ rất đổi ngây thơ, không một chút lo lắng. Liệu cái giấc ngủ này, người ta có gọi là hạnh phúc không?

Giovanni nằm bên rìa giường, mớ tóc quăn đen của hắn bám chặt vào trán, còn đôi môi thì vẫn gợi lên một nụ cười hài lòng, như là hắn vừa thực hiện được một chiến công nào đó. Trên cổ hắn vẫn đeo tấm hình chân dung của mẹ hắn, người đang ở trên thiên đường.

Đột nhiên tôi nghe thấy bước chân trên cầu thang, ngài quận công bước vào với sự hộ tống của hai tá lính đánh thuê, một nửa trong số chúng cầm đuốc. Căn phòng trở nên sáng rực, nhưng không có gì đánh thức nỗi giấc ngủ đang say như chết của bọn người tội lỗi kia. Bước rất nhẹ nhàng, không gây tiếng động, ngài quận công đi đến gần giường và nhìn thấy nỗi ô nhục ê chề chưa từng thấy của mình. Mặt ông ta trở nên tái mét vì tức giận; ông ta lập tức rút kiếm và chỉ một nhát chặt phăng cái đầu của Giovanni lìa khỏi thân xác hắn. Angelica đã nhồm dậy và sững sờ nhìn thấy cảnh người ta đã lôi người tình đầm máu của cô ra khỏi giường, vứt xác hắn qua cửa sổ xuống đồng rác. Ngay lập tức cô nàng ngã khụy xuống bất tỉnh và đến khi chúng tôi ra đi vẫn chưa tỉnh lại.

Ngài quận công đã hoàn tất công việc của mình rất xuất sắc, nhưng cả người ông đã run lên đầy phấn khích, và tôi đã nhìn thấy, khi bước chân ra khỏi phòng ông ta đã đóng cửa rầm một cái. Tôi cũng bước ra theo ông và đi về hướng của mình. Tôi đi chậm rãi bởi vội vã cũng chẳng để làm gì. Trong sân, ở cách không xa tôi nhìn thấy một đoàn người hộ tống, đốt đuốc soi đường cho ngài quận công, sau đó ông ta biến mất sau cánh cửa vòm, cứ như là hòa luôn vào bóng đêm vậy.

Angelica rơi vào tình trạng sốt cao khủng khiếp, ngự y của triều đình cũng đành bó tay, cô dường như không còn cảm giác gì với mọi thứ xung quanh. Không một ai tỏ chút lòng thương hại dù chỉ là nhỏ nhất đối với cô

ta cả, rõ ràng là cô ta chẳng tỏ ra chống đối khi bị cưỡng hiếp, và sự lẳng mạ cô ta được coi như là một sự xỉ nhục không thể so sánh với bất kì cái gì đối với gia đình quận công và dòng tộc. Chỉ có một người đàn bà già nua chăm sóc cô ta, không một ai trong triều đình ghé thăm cô cả.

Người ta đã ném thân xác người tình tội lỗi của cô ra sông, bởi họ không muốn để cho cái thân đó ám ảnh lâu trong lâu đài. Người ta nói rằng, cái xác đã bị cuốn ra biển.

Một căn bệnh kì lạ nào đó đã bắt đầu lan truyền trong thành phố. Theo tôi được biết thì triệu chứng ban đầu của nó là người bệnh rét run và đau đầu kinh khủng. Sau đó hai mắt sưng húp lên, lưỡi trương phình, bởi vậy người bệnh không thể nói được, còn cơ thể thì dày đặc những nốt đỏ, máu thối ở trong người rỉ ra ngoài da. Những người bị bệnh kêu gào họ đòi uống nước, bởi vì trong cơ thể của họ đang nóng như lửa đốt. Các thầy thuốc đều bó tay không giúp gì được cho họ. Người ta nói rằng tất cả những người nhiễm bệnh đều đang hấp hối, nhưng bao giờ họ chết thì tôi cũng không rõ.

Dĩ nhiên trong triều đình của chúng tôi thì không có ai mắc bệnh cả. Căn bệnh này chỉ hoành hành trong đám những con người nghèo nhất và đói nhất, đặc biệt là trong đám dân chúng chạy nạn, rõ ràng là căn bệnh này có liên quan đến sự bẩn thỉu không thể tưởng tượng nổi, mà bọn họ đã trải qua trong các túp lều của mình và trong toàn bộ thành phố. Tôi không lấy làm ngạc nhiên bởi bọn họ bị mắc bệnh do môi trường dơ bẩn xung quanh họ.

Tất nhiên cô Angelica cũng mắc bệnh, nhưng là một căn bệnh hoàn toàn khác. Căn bệnh đau khổ của cô ấy cũng đã từng xuất hiện khi cô ấy còn nhỏ, tôi không nhớ chính xác là trong những hoàn cảnh nào. Cô nàng luôn bị đau ốm hoặc là vì những nguyên nhân nào đó, hoặc là vì những cái vớ vẩn, giờ đây tôi mới nhớ ra là có một lần cô ấy đau buồn khi tôi chặt đầu con mèo con của cô ấy.

Căn bệnh quái gở vẫn đang tiếp tục lan rộng. Giờ đây không chỉ những người nghèo mới mắc phải, mà khó có ai tránh nổi được căn bệnh quái đản này. Tai họa đang đến với từng nhà, ở khắp các đường phố và quảng trường, bởi vì toàn bộ dân chúng đều chung sống dưới một vòm trời. Người ta nói

rằng ở khắp mọi nơi trong thành phố đều có thể gặp những con bệnh, mặc những bộ quần áo rách nát, lao thẳng ra mặt đường, la hét om sòm. Ruồi muỗi cũng không thể chịu đựng được những con người điên rồ này: Giờ đây đi lại trong thành phố không còn là chuyện đơn giản nữa, trong các câu chuyện của những người chứng kiến thảm họa này thì ẩn chứa đầy những tình tiết kinh tởm, rùng rợn. Hơi thở của những con bệnh thì phát buồn nôn, trên cơ thể họ đầy ung nhọt đang vỡ ra, gây nên một cái mùi kinh tởm. Khi tôi nghe về những điều này thì tôi cảm thấy rợn cả người.

Cũng có người nghi ngờ rằng, chính những kẻ chạy nạn là người có lỗi trong căn bệnh khủng khiếp này. Và họ càng trở nên căm ghét những người chạy nạn. Nhưng tôi cũng nghe thấy ai đó giải thích nguyên nhân của căn bệnh theo một cách hoàn toàn khác. Họ cho rằng căn bệnh dịch hạch này là đại họa do chúa gây nên, sự trừng phạt của chúa trời vì những tội ác tày đình của loài người. Thảm họa trên đã giáng xuống đầu những đứa con của chúa, để giúp họ thoát khỏi tội lỗi của mình.

Tôi rất hài lòng khi xem đây là một sự trừng phạt. Nhưng liệu có phải chúa đang trút tai họa xuống đầu họ không? Điều đó tôi không biết. Rất có thể là do một sức mạnh siêu bí ẩn nào đó.

Thỉnh thoảng tôi ngồi bên khung cửa sổ phòng mình và nhìn xuống thành phố.

Bà quận công phu nhân có một cuộc sống khác thường. Căn phòng ngủ mà bà ta chẳng bao giờ rời bước lúc nào cũng mờ mờ ảo ảo. Bà nói rằng bà không xứng đáng được hưởng ánh sáng mặt trời. Trên tường không treo gì cả, trần trụi chẳng có ghế cũng không có bàn. Chỉ có một cái ghế nhỏ để cầu nguyện. Một phòng tu thật sự. Chiếc giường vẫn ở nguyên vị trí trước kia. Nhưng bà ta không ngủ trên giường mà ngủ ngay dưới sàn nhà, trên ổ rơm. Bà ta không cho phép di chuyển cả ổ rơm đang ngày càng bốc mùi hôi thối. Căn phòng không lúc nào thoáng khí, ngột ngạt và oi bức kinh khủng. Tôi nghẹt thở vì bầu không khí ngột ngạt này. Nếu đi từ chỗ sáng vào phòng thì không nhìn thấy gì cả, dần dần tôi quen mắt với bóng tối và nhận ra hình dáng của bà ta rõ hơn. Lúc nào bạn cũng sẽ nhìn thấy bà ta như chưa mặc xong quần áo. Bà ta hoàn toàn không quan tâm đến việc mình đang mặc gì và dáng vẻ như thế nào. Ánh mắt bà ta xúc động, căng thẳng, hai má trũng



sâu vì bà ta đang hành hạ mình và hầu như tuyệt thực. Cô hầu gái nhà quê ngu ngốc thì nhồi nhét tất cả những gì không thể buộc bà chủ ăn. Cái con bé béo tròn ấy ních tất cả những gì người ta quẳng cho nó. Nó vừa than vãn, vừa ngấu nghiến tất cả thức ăn ngon mà bà chủ từ chối.

Con người tội lỗi này giành phần lớn thời gian để cầu nguyện. Bà ta quỳ xuống và đọc những bài cầu nguyện vô bổ của mình. Trước khi cầu nguyện bao giờ bà ta cũng hướng tới bức tượng chúa bị đóng đinh với bài cầu nguyện đặc biệt, hy vọng để chúa tha thứ cho mình. Lúc chán nản, tuyệt vọng bà ta để tròng hạt sang một bên ngược cái nhìn tức giận vào người mà bà ta tạ lỗi, rồi bắt đầu lẩm bẩm bài cầu nguyện của riêng mình. Nhưng đằng nào thì chúa cũng chẳng nghe thấy lời cầu khẩn của bà. Bà ta đứng lên và cũng chẳng nhận được sự tha thứ như lúc trước khi cầu nguyện. Bình thường bà ta không thể đứng dậy nếu không có người hầu giúp. Người ta kể rằng, bà thường khụy xuống vì kiệt sức và nằm tại đó cho tới khi một người hầu đến và dìu bà ta đặt vào ổ rơm.

Bây giờ bà ta tự coi mình là người có lỗi nhất trong tất cả những điều bất hạnh của chúng tôi: không phải lỗi của ai cả mà chỉ có tội lỗi của bà ấy là nguyên nhân của tất cả những nỗi đau và tất cả những điều kinh khủng xảy ra trong thành phố. Chưa chắc bà ta đã hiểu rõ về những điều này. Tuy nhiên có thể thấy rõ rằng tất cả những gì xảy ra xung quanh đã lờ mờ được đoán ra. Trong tất cả những điều đó, tôi có cảm giác rằng, bà ta thờ ơ với cái thế giới này và coi tất cả những cái đã xảy ra chỉ là hư vô. Bà ta sống trong thế giới riêng của mình và bà ta cũng có nhiều mối quan tâm riêng.

Bây giờ bà ta đã hiểu rằng tình yêu đối với Riccardo là tội lỗi lớn nhất trong những tội lỗi mà bà ta mắc phải. Vì cái tình yêu này mà bà ta phải bầu víu vào cuộc sống đến như vậy và tiếp nhận nó như một thứ quà tặng quý giá. Bà ta nói rằng bà yêu ông ta nhiều hơn tất cả, rằng tình cảm đối với ông ta choáng ngợp hết cả sự tồn tại của bà và nó làm cho bà hạnh phúc. Không nên yêu một người say mê vô bờ bến như thế. Tình yêu đó chỉ có thể giành cho chúa mà thôi.

Tôi không biết việc tôi mở mắt cho bà ấy về cuộc sống đầy tội lỗi của bà, về hình phạt mà đang đợi bà ta dưới địa ngục liệu có ảnh hưởng đến việc bà ta đang tự hành hạ mình hay không. Tôi đã mô tả cho bà thấy nỗi

đau khổ của những con người không trung thực, và bà ngoan ngoãn nghe lời giảng giải của tôi, thời gian gần đây bà bắt đầu lên án mình.

Bà luôn biết ơn tôi, khi tôi đến thăm bà song tôi cũng thường tránh mặt bà.

Angelica đã bình phục sau trận ốm và lại đi được. Nhưng cô ta không xuất hiện ở bàn ăn và nói chung là cả trong cung điện. Tôi chỉ nhìn thấy cô ta một lần ở khu rừng nhỏ cạnh bờ sông, nơi cô ấy ngồi nhìn chăm chăm xuống dòng nước. Mắt cô nàng mênh mông hơn và có một cái gì đó thật trống trải. Đường như cô ta không hề nhận thấy cái ấn tượng đó.

Tôi để ý trên cổ cô ta đeo một dây chuyền có gắn ảnh của Giovanni bị dính máu. Có lẽ cô ta đã tìm thấy nó ở trên giường và giữ làm kỉ niệm về anh ta.

Tôi chợt nghĩ về một điều. Người mẹ đi lên thiên đường trong lúc đưa con trai đang bị giày vò đau khổ đến tận lúc chết trong giấc mơ tội lỗi mà không được xưng tội, không được sám hối. Họ sẽ không bao giờ có thể gặp nhau. Có lẽ Angelica đang cầu nguyện để cô là người cứu rỗi cho linh hồn của anh ta. Một sự cố gắng vô ích.

Tuy nhiên, ai mà biết được cô đang nghĩ gì. Cô không hề thốt ra một lời nào từ lúc bừng tỉnh trong cái đêm kinh hoàng đó, chính xác hơn là từ khoảnh khắc cô ta nói lời cuối cùng với tình nhân của mình.

Đối với tôi, khi đã nghe được cuộc đối thoại của họ thì cũng chẳng khó khăn gì đoán ra được những lời nói sau đó.

Cô đã hình dung là tất cả mọi người sẽ xa lánh cô ta.

Có những người tin rằng dịch hạch và những điều khủng khiếp trên đây là sự trừng phạt của chúa trời và không nên khiếp sợ nó mà ngược lại phải cảm ơn vì quyền năng vĩ đại của người, những con người này hiện giờ đang lang thang trên các đường phố truyền bá niềm tin và cũng tự hành hạ thân xác mình để giúp thượng đế cứu rỗi tâm hồn họ. Đó là những bộ xương khô di động với những cặp mắt lơ đãng, kiệt sức đến nỗi họ sẽ không thể đứng

vững nếu như họ không hưng phấn cao độ, theo sau họ còn có rất nhiều người đã bị lây nhiễm niềm phấn khích đó. Những con người này bỏ công việc, bỏ nhà cửa, bỏ cả người thân, thậm chí là cả những đứa con đang hấp hối và tập trung hướng về chúa. Bỗng nhiên vang lên một tiếng kêu thất thanh, một tiếng la hét hân hoan, một người nhảy lên cầu, chen vào đám đông và hét lên một tiếng gì đó the the và không rõ ràng rồi bắt đầu tự quất vào mình. Tất cả những người này bắt đầu tán tụng chúa trời và những người xem ở dọc hai bên đường cũng quỳ xuống. Trần gian đối với họ đã mất giá trị. Bây giờ họ chỉ quan tâm đến việc cứu rỗi linh hồn.

Theo tin đồn thì các cha đạo khinh rẻ những con người cuồng tín này, vì họ làm cho dân chúng lãng quên nhà thờ, quên những đoàn diễu hành nghiêm trang với thánh giá và những cậu bé trong ban hát của nhà thờ. Họ vùng những bình hương thơm giữa mùi hôi của đường phố các cha xứ cho rằng những con người tự hành xác là những tín đồ xấu xa. Vì lòng cuồng tín của mình mà nguồn an ủi do lòng tin chân chính ban tặng đã mất đi. Chúa phán rằng, không thể nhìn những con người này một cách vui vẻ và đồng tình. Nhưng tôi cho rằng họ cũng có thể có niềm tin đích thực vì họ coi trọng niềm tin của mình một cách thực sự. Cha xứ không thích để những bài truyền giáo của họ được tiếp nhận nghiêm chỉnh.

Tuy nhiên có những người chịu ảnh hưởng của những điều kinh khủng xảy ra xung quanh họ, theo một cách khác. Những con người này yêu cuộc sống hiện tại hơn trước kia. Nỗi sợ hãi về cái chết buộc họ phải bầu víu vào cuộc sống bằng bất cứ giá nào. Có tin đồn rằng ở một số khu vực trong thành phố nhiều lễ hội không chấm dứt cả ban ngày lẫn ban đêm. Trong đám dân chạy nạn có những người bằng những khả năng có thể tìm mọi cách đắm mình vào tội ác. Họ bầu víu vào cuộc sống đáng thương của mình, họ không muốn xa rời nó, và có lúc bọn họ kéo đến trước cánh cổng lâu đài, người ta cũng bố thí cho họ bánh mì và những con người phá hoại này lại giận dữ chia nhau.

Nhưng người ta cũng nói đến những con người hy sinh bản thân mình vì những người thân, hoặc sẵn sàng chăm sóc quan tâm đến những con bệnh, bất chấp những điều này làm họ có thể mắc bệnh. Họ hoàn toàn thờ ơ với cái chết và với bất cứ mối nguy hiểm nào, dường như họ không hiểu là họ

đang mạo hiểm. Có thể coi họ như những tín đồ tôn giáo cuồng tín, nhưng chỉ khác ở cách thể hiện mà thôi.

Như vậy, những người trong thành phố nếu cả tin vào những câu chuyện xảy ra trước đây, thì họ sẽ tiếp tục sống như đã từng sống, mỗi người theo cách riêng của mình, theo khuynh hướng của mình, thế thì kết quả hình phạt của chúa hoàn toàn vô ích. Chính vì thế tôi rất nghi ngờ rằng liệu có phải chúa sắp xếp mọi sự hay không? Chúa có ban cho họ bệnh dịch hạch hay những thử thách ác nghiệt khác nữa không? Hôm nay bà Phiametta đi ngang qua chỗ tôi. Tất nhiên bà ta chẳng ban cho tôi dù chỉ một cái nhìn. Nhưng bà ta trông thật đẹp với cái vẻ điềm đạm của mình. Trong cái cảnh chen lấn tồi tệ, ngột ngạt như hiện nay thì bà ta thật như một luồng gió mát.

Trên khuôn mặt của bà, nơi vẻ kiêu kì có một nhẽ gì đó thật tươi mát, có một sự bình thản không thể diễn tả nổi. Bà ta không cho phép cái hèn hạ bản thủ của cuộc sống tủa lên mình, bà ta mạnh mẽ hơn sự dơ bẩn ấy. Bà ta biết lợi dụng sự đời. Khó nhận thấy rằng bà ta đã dần chiếm chỗ bà của bà quận công và bắt đầu giữ vai trò là chủ trong cung điện. Tất cả những kẻ hầu người hạ đã hiểu rõ hơn là không còn làm gì được nữa và đã chịu khuất phục. Không thể không khâm phục bà ta được.

Nếu như có người nào khác đi cạnh tôi mà không nhìn tôi thì điều đó làm tôi rất tức giận. Nhưng trong trường hợp này tôi thấy điều đó hoàn toàn bình thường.

Tôi hiểu rất rõ tại sao ngài quận công lại yêu Phiametta. Chính tôi cũng có thể hiểu, nhưng đó lại là chuyện khác. Và nói chung thì liệu tôi có thể yêu ai không? Tôi không biết. Nếu có thể thì có lẽ chỉ là bà quận công. Nhưng thay vì thế tôi lại căm ghét bà ta.

Tôi cảm thấy rằng bà ta là người duy nhất mà tôi có thể yêu. Làm sao điều đó xảy ra được, không thể hiểu nổi, đối với tôi điều đó hoàn toàn không thể hiểu nổi.

Angelica đã trầm mình xuống dòng sông. Thực tế là không có ai trông thấy bởi vì cô ta phải làm điều tồi tệ này vào tối hoặc đêm hôm qua. Nhưng cô có để lại một bức thư kể rõ rằng cô ta tự tử chính bằng cách đó. Cả ngày

người ta đi tìm thi thể của cô ta trên khắp con sông bao quanh thành phố nhưng không có kết quả. Có thể thân xác cô ta đã trôi ra biển như Giovanni rồi.

Cung điện của chúng tôi chìm ngập trong nỗi kinh hoàng, tất cả mọi người đều kinh ngạc và không thể tin rằng cô ta đã chết. Theo tôi, tất cả rất rõ ràng! Tình nhân của cô ta đã chết và cô ta cũng chết theo. Tất cả mọi người đều khóc than, tự xỉ vả mình. Và trội hơn cả là những lời xì xào về bức thư. Họ nói không ngớt với nhau về nội dung của nó và đọc to cho nhau nghe. Mọi người nói rằng bức thư đã gây cho ngài quận công cơn sốc, ông ta xúc động mạnh với những gì vừa xảy ra. Các quý bà nức nở và thở dài, đơn giản họ chảy nước mắt vì cách thể hiện sự xúc động của bức thư. Đối với tôi những giọt nước mắt và những tiếng thở dài thật khó hiểu. Tôi không thể hiểu được có điều gì không bình thường trong bức thư này. Bởi vì bức thư không hề làm thay đổi tội lỗi mà chính họ đã từng bàn tán. Tội lỗi vẫn là tội lỗi. Bức thư chẳng có nội dung gì cả.

Tôi đọc bức thư này hàng trăm lần đến phát chán và tôi còn thuộc lòng nữa. Bức thư viết như sau:

“Tôi không thể sống cùng các người được nữa. Các người đã rất tốt với tôi. Nhưng tôi không hiểu các người. Tôi không hiểu tại sao các người có thể cướp đi người yêu của tôi. Người mà đến từ đất nước xa xôi để nói với tôi rằng trên thế gian này có tồn tại tình yêu.

Tôi đã không biết rằng có tồn tại một tình cảm như tình yêu. Nhưng khi tôi nhìn thấy Giovanni tôi hiểu rằng tình yêu đó là điều duy nhất tồn tại trên thế gian này, còn tất cả những thứ khác chẳng là gì cả. Chính giây phút khi gặp anh ấy tôi mới hiểu rằng tại sao cho đến lúc đó tôi đã sống một cuộc sống buồn chán như thế.

Và bây giờ tôi không thể sống thiếu anh ấy. Tôi muốn đi theo anh ấy. Tôi đã cầu chúa và chúa hứa với tôi rằng tôi và Giovanni sẽ gặp nhau và sẽ mãi bên nhau. Nhưng chúa dẫn tôi đi đâu? Chúa không thể nói cho tôi biết được. Tôi chỉ cần ngủ yên dưới nước và chúa sẽ mang tôi đến nơi tôi cần đi.

Vì thế các người không cần nghĩ là tôi đã tự tử. Tôi chỉ làm như chúa nói với tôi. Và tôi không chết mà đơn giản chỉ đi xa để mãi sống với người tôi yêu.

Tôi đeo dây chuyền có ảnh mặc dù anh ấy không thuộc về tôi. Bởi vì tôi đã được chúa trời nói như thế. Tôi mở bức ảnh ra và nhìn vào tấm chân dung và tôi muốn đi khỏi thế giới này.

Tôi muốn nói với các người rằng hãy tha thứ cho tôi. Và từ đáy lòng mình tôi cũng tha thứ cho các người.

Angelica.”

Bà quận công phu nhân tự đập đầu mình và cho rằng bà ta là người có lỗi trong cái chết của Angelica. Tôi thấy đây là lần đầu tiên bà ta thể hiện sự quan tâm nào đó đến đứa con của mình. Bà ta còn tự hành hạ mình nhiều hơn trước kia, kinh khủng hơn trước kia để gột rửa tội lỗi của mình. Bà ta chẳng ăn uống gì cả, bà chỉ cầu nguyện trước chúa bị đóng đinh câu rút về sự tha thứ.

Nhưng chúa không trả lời.

Hôm nay trước bữa ăn tối ngài quận công đã cử tôi mang bức thư đến cho ngài đại sư Bernardo ở Santa Croche. Ông này đã từ lâu không thấy xuất hiện trong triều đình. Có thể nói là tôi đã quên mất sự tồn tại của ông. Tôi vào thành phố với sự miễn cưỡng, bởi chính lúc này đây trong thành phố đang xuất hiện căn bệnh dịch hạch. Tôi không sợ những con bệnh nhưng có những điều mà không thể chỉ đơn thuần thấy được hay đập vào mắt mình. Thậm chí có thể nói rằng, tôi rất sợ nhìn những cảnh rợn người của căn bệnh quái quỷ này. Tôi không muốn nhìn tí nào. Nhưng tôi đành phải nhìn, và thực sự trông rất khủng khiếp. Bên cạnh đó thì tất cả những điều này gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc: những điều đã nhìn thấy làm cho tôi bàng hoàng sững sốt về một thời trần trụi nguyên thủy của con người, gây cho tôi cái cảm giác về một cuộc sống phù du ngắn ngủi trên toàn trái đất. Những con bệnh, những người đang hấp hối nằm la liệt khắp trên con đường tôi đi, còn các lão thầy tu, các thợ đào huyết đầu đội mũ trùm đen bịt kín mặt chỉ hở mỗi hai con mắt thì đi thu lượm các xác chết với bộ dạng

khó chịu. Những thân xác đầy đẫm gờ của họ dường như vừa từ dưới đất chui lên. Tôi có cảm giác là mình đang đi trên thể giới của xác chết. Thậm chí nếu như có ai đó chưa mắc phải căn bệnh này thì cũng đã rất đau buồn lo sợ sự chết chóc. Những con người kiệt quệ sinh lực này, với đôi mắt sâu hóm đang lê bước trên khắp các đường phố, hồi tưởng về những người đã già từ thể giới khủng khiếp này. Với một niềm tin rờn rợn của những kẻ mộng du, những con người sống sót lữ lượt kéo nhau đi xung quanh những thi thể đang quần quai trong những bộ quần áo rách nát, những thân xác mà thậm chí không thể khẳng định là liệu còn sống hay không. Thật khó có thể hình dung ra một cái gì đó thảm thương và ghê tởm hơn những cái xác bệnh hoạn này, và tôi buộc phải quay mặt đi chỗ khác, để không bị nôn mửa ra đây. Có thể nhìn thấy rất rõ những cái ung nhọt gớm ghiếc lộ ra qua lỗ thủng của những bộ quần áo rách rưới, những chỗ lở loét ở trên da báo hiệu giai đoạn cuối của căn bệnh đang đến gần. Một số kẻ thì gào thét lên để chứng tỏ cho mọi người thấy là bọn họ vẫn còn có thể sống, một số khác thì đang trong tình trạng hôn mê bất tỉnh, mặc dù chưa chết nhưng vẫn co giật quần quai. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy cái sự khốn nạn đến như vậy của con người. Có những kẻ ẩn chứa trong mắt mình một cái nhìn chòng chọc, cháy lên những suy nghĩ điên rồ, chúng lườm những ai vừa đem nước đến cho những con bệnh, chúng giằng giật gàu múc nước từ tay họ, đổ hết đi những giọt nước quý giá. Thậm chí còn có cả những kẻ bò bằng cả hai tay lẫn hai chân, như những loài ác thú, đến gần những cái giếng, niềm mong muốn tha thiết của tất cả những con người bất hạnh, để thực hiện những hành động bất lương của mình. Những sinh vật đáng khinh bỉ này cũng phải đang bầu vịu lấy cuộc sống, bởi vậy chúng đã mất đi nhân tính con người, đánh mất đi những tàn dư cuối cùng trong phẩm chất con người. Tôi không muốn nói về mùi hôi thối bốc ra từ những con bệnh, bởi cứ hình dung đến nó là tôi lại buồn nôn.

Tôi đã bắt gặp đại sư Bernardo đang đắm mình chiêm ngưỡng “Buổi họp mặt kín” của ông, thực ra trước đây tôi chưa từng bắt gặp ông như vậy. Ông ta ngồi, hơi chúc mái đầu tóc bạc về phía trước, và tôi có cảm giác là ông ta đang ngày càng già đi. Khi ngồi vào bàn ăn, chúa Giê su lấy bánh mì cho các học trò. Trên đầu chúa là vầng hào quang thần thánh. Những li rượu vang bày đầy xung quanh chiếc bàn được trải bằng một chiếc khăn vải lanh trắng tinh. Ở đây thì không có những con người đói và khát. Chỉ có ông già

bên cạnh bảng màu và các cây cọ vẽ đang đắm mình trong những suy nghĩ sâu.

Ông ta chẳng trả lời khi tôi nói rằng tôi chuyển đến ông bức thư của ngài quận công, ông ta chỉ giơ tay ra rồi nói rằng tôi muốn đi đâu thì đi. Ông ta không muốn để cho người ta lỗi ông đi khỏi thế giới của ông. Nhưng thế giới nào đây?

Tôi rời khỏi Santa Croche mà lòng vẫn đầy thắc mắc.

Trên đường trở về tôi đi ngang qua ngôi tháp chuông, chính ngôi tháp chuông nhô cao hơn tất cả mọi tháp khác. Trong thời chiến tranh tất nhiên người ta thôi mọi công việc xây cất, và tất cả đã quên đi ngôi tháp này. Bởi vậy ngọn tháp vẫn chưa được hoàn tất, phần phía trên ngôi tháp xây rất gồ ghề và không vuông vắn, bởi vì người ta đã bỏ dở công việc hoàn thiện nó. Ngôi tháp giống như đồng phế thải, mặc dù những hình chạm khắc bằng đồng ở chân ngôi tháp vẫn thể hiện được cảnh trong cuộc đời của chúa cứu thế, phần chạm khắc này đã hoàn tất và rất thành công. Tôi biết trước sự việc sẽ như vậy.

Lâu đài của chúng tôi chìm trong tang tóc. Nhưng bức tường và các đồ đạc được bao phủ toàn màu đen, tất cả mọi người phải nói chuyện nhỏ và đi kiễng chân. Các quý bà trong triều đình mặc áo choàng đen bằng vải satin. Còn các quý ông thì mặc bộ lễ phục may bằng vải nhung đen và đi những đôi găng tay màu đen.

Tất cả mọi người đều có lỗi trong cái chết của Angelica. Khi còn sống cô chưa bao giờ làm ai bận lòng. Còn trong triều đình thì cũng rất đau buồn. Sự tiếc thương Don Riccardo giờ được thay bằng sự thương tiếc Angelica. Điều đó có nghĩa là Don Riccardo đã đến lúc chết thực sự. Nhưng người ta cũng chẳng buồn nhớ, xem cái người vừa mới chết kia là con người như thế nào lúc sống, bởi vì cũng chẳng có gì đặc biệt, chẳng có gì là thú vị trong con người cô cả, nhưng cũng cần phải nói rằng, không ai biết cô là người như thế nào. Chỉ đơn giản là người ta khóc thương cô. Tất cả đều thờ dãi trước số phận bất hạnh của cô con gái trẻ nhà quận công và thậm chí là họ cũng cảm thương với số phận của Giovanni mặc dù hẳn ta thuộc về phe kẻ thù, một con người đáng căm ghét nhất trong tất cả mọi người. Họ thờ dãi



trước tình yêu của đôi trai gái, không có ai nghi ngờ về điều là họ đã chết vì tình yêu. Tình yêu và sự chết chóc đó là những đề tài luôn thu hút sự quan tâm của mọi người bởi vì người ta luôn than khóc rất ngọt ngào để thương xót cho tình yêu và cái chết, đặc biệt là khi chúng hòa quyện vào nhau.

Rõ ràng là ngài quận công đau khổ thực sự. Rồi mọi người cũng cảm nhận được sự đau khổ đó: ông ta hoàn toàn tách biệt và chẳng chia sẻ cùng ai cả. Trong bất kỳ trường hợp nào, dù có chuyện gì xảy ra ông ta đều chia sẻ với tôi và làm tôi vui nhờ sự tin tưởng của ông. Nhưng lần này, thì hoàn toàn khác. Giờ đây thì ngược lại, tôi có cảm giác là ông lẩn tránh tôi. Ông ta không cần sự phục vụ của tôi như trước kia nữa. Ông sai tôi chuyển bức thư cho ngài Bernardo, nhưng không đưa trực tiếp cho tôi mà lại đưa qua một người trong triều.

Đôi khi tôi có cảm tưởng rằng ông ta bắt đầu sợ tôi.

Một con bé nhà quê có đôi má ửng đỏ, con hầu phòng của bà quận công đã bị ốm. Mặt con bé trở nên tái mét. Có chuyện gì xảy ra với nó?

Thật lạ là tôi không hề cảm thấy sợ cái dịch bệnh đang hoành hành xung quanh tôi. Tôi có cảm tưởng là tôi không có khả năng nhiễm bệnh, tôi không mắc phải bệnh đó. Tại sao như vậy? Đơn giản tôi chỉ cảm thấy vậy.

Đại dịch này nguy hiểm đối với tất cả mọi người, nó nguy hiểm cả trong tiềm thức của họ, nhưng không nguy hiểm đối với tôi.

Bà quận công buông xuôi tất cả.

Một điều duy nhất có thể nhắc đến, đó là nguồn gốc cao sang của bà và một phẩm chất đạo đức trước kia của bà, ấy là tính kiên trì, với phẩm chất này bà đã đi suốt trên con đường của mình, không cho phép bất kì ai cản trở.

Ngay sau khi con bé hầu phòng ốm, thì không ai được phép vào phòng của bà quận công, và căn phòng trở nên bẩn thỉu không thể tả nổi. Bà ta chẳng ăn cái gì, nôn mửa đến nỗi mà tôi không thể hiểu tại sao bà ấy vẫn chưa bị tàn lụi.

Tôi là người duy nhất được phép vào thăm bà ấy. Bà ta quý gói và tưng kình, chờ tôi đến giúp bà ấy trong nỗi bất hạnh của chính bà và cho phép bà ấy xưng tội.

Tôi không thể yên lòng được. Tôi cảm thấy rất sợ hãi về cái quyền mà đôi khi tôi có được trước những con người. Tôi sẽ mô tả chuyến viếng thăm của tôi.

Ngay lúc đầu tiên khi tôi bước vào, như thường lệ thì tôi chẳng nhìn thấy cái gì cả. Sau đó thì căn phòng cũng sáng dần lên, mặc dù những tấm rèm vẫn che kín các cửa sổ, sau đó tôi nhận ra bà quận công đang ngồi trước tượng chúa, lầm nhấm những lời cầu nguyện không ngớt. Bà ta đã chìm đắm trong bài cầu nguyện của mình mà không nghe thấy tiếng tôi mở cửa.

Tôi cảm thấy không thể thở được trong căn phòng đầy ngột ngạt. Tôi bắt đầu khó chịu với cái mùi bốc lên với các thứ ánh sáng mờ mờ ảo ảo, và cái thân hình giờ đây gầy khô đét của bà, đôi vai trần thô tục, gân guốc nổi đầy trên cổ, mái tóc xù như cái tổ của loài chim ác già, đó là toàn bộ cái cơ thể thảm thương của bà ta, thế mà đã có lúc cái cơ thể này lại mang đầy giá trị của tình yêu. Tôi cảm thấy cái gì đó giống như là một sự phát khùng, phát điên. Mặc dù tôi căm ghét những con người như vậy, nhưng tôi không thể nhìn họ hạ mình xuống.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy một tiếng kêu như điên dại phát ra từ cái bóng mờ ảo, trước khi bà ta kịp nhận ra tôi.

Bà ta đang lầm bầm cái gì đấy? Chẳng lẽ tôi chưa nói với bà là không cần phải cầu nguyện nữa! Tôi chán ngấy những lời cầu xin của bà rồi!

Bà ta quay mặt đi, không hề tỏ ra hoảng sợ, mà chỉ khóc lóc rên rỉ, và nhìn tôi bằng ánh mắt khuất phục. Những người đàn ông thường bốt tức giận khi gặp ánh mắt như vậy. Tôi vẫn tiếp tục một cách không hề thương xót.

Bà tưởng là ông ấy cần những lời cầu xin của bà hay sao? Bà nghĩ là ông ấy sẽ tha thứ cho bà, nếu như bà quỳ sụp xuống chân ông ấy nài nỉ và thú tội ư? Đừng dùng thủ đoạn để tỏ ra hối hận! Bà cho là bà lừa được ông ấy à? Bà tưởng ông ấy không nhìn thấy được con người bà hay sao?

Bà yêu Don Riccardo, chứ không yêu ông nhà! Bà tưởng, tôi không biết sao! Bà nghĩ, bà lừa được tôi à, bà định làm bộ làm tịch à, nào là ăn chay, nào là những trận roi đòn lên tấm thân trụy lạc ư? Bà chỉ xót thương người tình của bà, chứ bà chẳng hoàn toàn yêu gì chúa! Bà mà yêu chúa ư!

Bà ta nhìn tôi với nỗi khiếp sợ. Đôi môi tái mét đã run lên. Sau đó bà ta quỳ sụp xuống chân tôi và kêu.

- Đây là sự thật! Sự thật! Hãy cứu giúp tôi! Hãy cứu giúp tôi với!

Khi nghe lời thừa nhận của bà ta, tôi như hết chịu nổi nữa.

- Đồ dâm dục!, tôi hét lên. Bà đang thể hiện tình yêu của mình với đấng cứu thế, thế mà chính bà lại thông dâm lên lút với một con người trụy lạc từ địa ngục. Bà đã lừa chúa trời của mình, vậy thì ngài sẽ quăng bà xuống bảy tầng địa ngục! Bà là con quỷ cái đáng nguyên rủa, hãy ngoan ngoãn nhìn vào đức chúa, và hiến dâng cho người tình yêu nồng nhiệt của mình, thế mà bà thì tận hưởng vòng tay âu yếm của người khác! Bà không hiểu là ông nhà căm ghét bà à? Bà không hiểu sao!

- Tôi hiểu! Tôi hiểu! Bà ta rên rỉ, quằn quại như con giun bị dẫm dưới chân tôi. Tôi cảm thấy ghê tởm khi nhìn thấy bà ta đang cúi rạp mình xuống, nhưng tôi chẳng thấy làm lạ với hành động này, và tôi thực sự không hài lòng khi thấy bà ta như vậy. Bà ta nắm lấy tay tôi: Hãy trừng phạt tôi đi, hãy trừng phạt tôi đi, ông hãy thay chúa trừng phạt! Bà ta gào lên. Và bà lấy cái roi, bắt tôi cầm nó đánh vào người bà như một con chó. Tôi chộp lấy cái roi với một cảm giác hỗn tạp của cả sự gớm ghiếc, sự điên dại và bắt đầu quất lên cái cơ thể đáng ghét của bà ta, tôi còn nghe thấy cả tiếng hét của chính mình.

- Đó là Đức chúa trời! Chúa chính là người được treo ở trên tường đấy, người sẽ giáng tai họa xuống con người bà, bởi bà đã hôn bao nhiêu người

bằng đôi môi điều toa, giả dối, nồng cháy của mình, và bà nói là bà yêu họ! Liệu bà có biết tình yêu là gì không? Liệu bà có biết đàn ông muốn gì ở bà không? Tôi đau khổ vì bà đấy, còn bà thì không nghĩ về điều đó! Bà hãy hiểu đau khổ là gì nhé!

Tôi đã hoàn toàn mất bình tĩnh, liệu tôi có biết là tôi đang làm gì không. Không biết à? Không thể như thế được! Tôi biết rất rõ! Tôi đã hoàn tất sự báo thù của mình, tôi đã trừng phạt vì tất cả mọi điều! Tôi đã thực hiện quyền xét xử! Tôi đã hoàn tất cái quyền hành khủng khiếp của mình trước con người! Nhưng mặc dù thế, tôi cảm thấy thực sự vui vẻ.

Bà ta chẳng hề rên rỉ vì tất cả những gì xảy ra. Ngược lại bà ta còn cảm thấy yên lòng và nguôi ngoai. Và khi tất cả mọi việc đã xong xuôi, bà ta nằm lại, sau khi đã được tôi giải thoát khỏi những nỗi thống khổ. Hãy tự thiêu cháy mình trong ngọn lửa đi! Và hãy để cho ngọn lửa liếm hết con người ti tiện của bà, vì những tội lỗi của ái tình mà bà đã gây ra!

Sau khi tuyên bố bản án, tôi đi khỏi, để bà ta nằm lại trong phòng vật vờ nửa tỉnh nửa mê.

Tôi đi về phòng mình. Tim tôi đập thành thịch và tôi trở về căn phòng dành cho người lùn và khóa trái cửa lại, giờ đây tạm thời tôi không viết gì cả, cảm xúc của tôi đã lắng xuống và tôi chỉ cảm thấy một sự trống trải vô tận, chán ngấy. Tim của tôi không rộn ràng nữa, tôi chẳng cảm thấy gì cả. Tôi lại ngắm khoảng không, khuôn mặt cứng đờ của tôi đang khô héo và thiếu não. Có thể là bà quận công đã nói đúng khi tôi nói rằng tôi là sự trừng phạt của thượng đế.

Bây giờ vào buổi chiều hằng ngày tôi thường ngồi và nhìn ra thành phố nằm trải dài xa xa dưới chân tôi. Khi hoàng hôn buông xuống, cũng là lúc tiếng chuông tang lễ đã dứt, những ngôi đền thờ và những khu nhà dân đang chìm dần vào bóng tối. Tôi nhận thấy những luồng khói của đám cháy trong các đồng lửa tang lễ đang len lỏi giữa các ngôi nhà, mùi hôi thối ở đây xông lên mũi tôi. Như một chiếc khăn voan dày đặc đang che phủ mặt đất, bóng tối đã tràn ngập không gian.

Cuộc sống ư! Ta cần nó để làm gì, nó đem lại lợi ích gì, nó có ý nghĩa gì đây khi mà ta đang tiếp tục sống trong vô vọng và trống rỗng?

Tôi trở ngược bó đuốc, dập nó xuống đất và bóng đêm ập tới. Cô hầu gái đã chết. Đôi má tươi như hoa nở của cô đã không ngăn được thần chết. Lưỡi hái của thần chết dịch hạch đã đưa cô xuống địa ngục, mặc dù người ta đã đoán được việc đó từ lâu rồi nên cô ta không bị đau khổ như những người khác.

Bà Phiametta cũng đã chết. Bà ta đã ốm vào buổi sáng ngày hôm qua, và chỉ sau vài giờ bà ta đã qua đời. Tôi nhìn thấy bà ta, khi những thầy tu như những bóng ma đi vào liệm xác. Thật khủng khiếp khi nhìn bà ấy, khuôn mặt bà ta sưng phồng lên và biến dạng, hình như là cả thân xác cũng vậy. Trông bà ta chẳng còn gì vẻ kiêu sa nữa. Chỉ là một xác chết góm ghỉếc, không hơn. Họ đã che khuôn mặt rùng rợn của bà rồi mang đi.

Trong triều đình của chúng tôi người ta khiếp sợ dịch bệnh truyền nhiễm khủng khiếp này và chỉ cố gắng nhanh nhanh chóng chóng thoát khỏi những con người xấu số. Nhưng chiều ngày hôm nay, người ta sẽ mai táng bà với nghi thức đặc biệt, đó là ý chỉ của ngài quận công. Thật có khác gì đâu bởi đằng nào bà ta cũng đã chết rồi. Không một ai thương xót bà ta cả.

Ngài quận công có thể là cũng đau buồn. Nhưng rồi đâu cũng lại vào đấy. Hoặc là ngài cảm thấy nhẹ nhõm không ai hiểu vì sao ngài quận công chẳng trò chuyện với ai cả. Mặt ông tái nhợt vẻ kiệt sức, ông ta không giống trước đây một tí nào. Vàng trán của ông đầy nếp nhăn. Cái nhìn u ám ánh lên một ánh sáng kì lạ và và nặng trĩu lo âu.

Tôi thấy ông hôm nay rất tầm thường. Bởi từ lâu rồi tôi hiếm khi gặp ông. Tôi không còn phục vụ ông nhiều ở bàn ăn nữa. Từ cái lần xảy ra chuyện đó tôi cũng không đến chỗ bà quận công. Người ta nói rằng bà ta nằm nửa tỉnh nửa mê. Ngài quận công thường đến thăm bà, ngồi suốt đêm bên cạnh giường bà vì dấu sao thì Phiametta cũng đã chết rồi.

Những con người này là những sinh vật lạ. Tôi không bao giờ có thể hiểu được tình yêu mà họ dành cho nhau.

Kẻ thù xâm lược đã ngừng phong tỏa và rút khỏi thành phố ngay sau khi căn bệnh dịch hạch hoành hành trong binh lính. Những tên lính đánh thuê của Boccaroza cũng không muốn chiến đấu với kẻ thù như thế này. Thật vậy, căn bệnh dịch hạch đã làm cho chiến tranh chấm dứt. Đương nhiên không có cái gì có đủ sức mạnh để làm được điều này. Cả hai nước đều bị tàn phá, đặc biệt là nước chúng tôi, và cả hai dân tộc rất có thể sợ bị tiêu hao nếu cuộc chiến tiếp diễn. Người Montan cũng chẳng làm gì. Rất có thể, quân lính của họ sẽ mang dịch bệnh truyền nhiễm về nhà mình.

Trong triều đình của chúng tôi ngày càng có nhiều người chết. Những vật trang hoàng trong đám tang của Angelia vẫn còn nguyên đầy và chúng đã có ảnh hưởng mạnh đến tâm trạng tang tóc của mọi người. Tôi hoàn toàn không còn phục vụ trong triều nữa, không ai gọi đến tôi, không ai cần đến tôi. Ngài quận công cũng ít nhớ đến bọn người hầu. Nói chung tôi cũng không gặp ông ta nhiều.

Tôi nhận thấy với triều đình có cái gì đó không ổn. Nhưng tôi không hiểu đó là lẽ gì và nguyên nhân vì sao. Liệu người ta có nói gì về tôi không, tôi đã trở về căn phòng nhỏ của mình, sống ở đó một mình. Tôi không xuống ăn tối, tôi có giữ lại mấy mẩu bánh mỳ, và tôi đã ăn nốt. Đối với tôi như vậy là hoàn toàn đủ, nhu cầu đòi hỏi của tôi thực cũng không cao lắm. Cô đơn, tôi ngồi một mình dưới trần nhà thấp, đắm chìm trong suy nghĩ.

Và tôi ngày càng trở nên thích thú với sự cô đơn mà không bị ai xâm phạm và quấy rầy này. Đã từ lâu rồi tôi chẳng viết gì cả. Điều này còn liên quan đến các sự kiện mà đột nhiên xâm phạm vào cuộc sống của tôi và cản trở không cho tôi tiếp tục viết thậm chí tôi cũng không được phép thăm ngài quận công.

Tôi đã bị xích vào chân tường trong một căn phòng dưới tầng hầm của tòa lâu đài. Cách đó không lâu tay của tôi cũng bị xích lại, tôi không hiểu người ta làm như thế với mục đích gì, bởi dù thế nào thì tôi cũng không thể chạy thoát được. Chắc có lẽ là để gia tăng thêm hình phạt. Nhưng bây giờ thì cuối cùng họ cũng đã tháo cùm ra cho tôi, tôi không biết là tại sao, tôi không hỏi về điều này, nói chung là tôi chẳng hỏi gì cả. Không có cái cùm thì tôi cũng cảm thấy tiện hơn một chút, mặc dù là chẳng có cái gì thay đổi cả và khi đó tôi đã thuyết phục Anselmo, viên cai ngục của tôi, lấy hộ cho

tôi một vật dụng viết lách và tập ghi chép của tôi ở căn buồng dành cho những tên lùn, để tôi thỉnh thoảng giải khuây. Khi lấy hộ tôi những thứ yêu cầu, anh chàng cai ngục cũng cảm thấy lo ngại, bởi vì mặc dù họ đã tháo cùm tay cho tôi nhưng chắc gì họ đã đồng ý để cho anh ta làm việc này, chính bản thân anh chàng đã nói rằng mình không có quyền cho phép tôi làm bất cứ cái gì. Nhưng anh cai ngục là một chàng trai tốt và rất sẵn lòng giúp đỡ người khác, nên cuối cùng tôi đã thuyết phục được anh ta.

Tôi đã đọc lại bản ghi chép của mình từ đầu. Mỗi ngày tôi đọc một chút, và tôi cảm thấy hài lòng khi mình đang trải qua cuộc sống của chính mình và cuộc sống của nhiều người khác nữa, và đây cũng là lần đầu tiên tôi có thời gian rảnh rỗi để suy nghĩ về tất cả mọi việc. Bây giờ tôi đang cố thử viết tiếp tục từ cái chỗ mà tôi đã dừng lại, để đưa vào cái sự tồn tại đơn điệu của tôi một chút gì đó độc đáo. Thành thật mà nói thì tôi thậm chí cũng không biết tôi đã ngồi ở đây bao lâu rồi, bởi ngày nào cũng giống như ngày nào, tôi giờ đây không thể tính thời gian và hoàn toàn không theo dõi được tiến trình của nó. Nhưng cái thời điểm người ta dẫn tôi vào chỗ hẻo lánh này và cùm tôi vào bức tường này thì tôi hoàn toàn không nhớ rõ. Một lần vào buổi sáng, khi tôi đang ngồi trầm tư trong căn phòng của mình thì đột nhiên ở cánh cửa xuất hiện một người thuộc hạ của đao phủ, hắn bắt tôi phải đi theo hắn. Hắn không hề đưa ra cho tôi một lời giải thích nào, còn tôi thì chẳng hỏi gì hắn cả, bởi tôi coi hắn là một người không đáng để tôi nói chuyện. Hắn dẫn tôi vào phòng tra tấn, nơi mà đã có một tên đao phủ to lớn, mặt đỏ, mình trần đang ngồi đợi sẵn. Ở đây có quan tòa, và sau đó người ta chỉ cho tôi những dụng cụ tra tấn, vị quan tòa ra lệnh cho tôi phải kể lại trung thực tất cả những gì xảy ra trong những lần tôi đến thăm bà quận công và tại sao bây giờ bà ta lại lâm vào tình trạng thảm hại đến vậy. Dĩ nhiên là tôi từ chối trả lời câu hỏi này, quan tòa đã hai lần buộc tôi phải công nhận, nhưng vô ích, lúc đó tên đao phủ túm lấy tôi và trói tôi vào con ngựa gỗ để chuẩn bị nhục hình. Xong hình như cái con ngựa gỗ này không thích hợp đối với một cơ thể có kích cỡ như tôi, và tôi buộc phải đợi bọn chúng khớp lại cho vừa với tôi. Tôi đã nghe thấy những lời nói thô tục và đùa giỡn kịch cớm của bọn chúng, chúng nói rằng chúng sẽ biến tôi thành một chàng trai dài, và cao lớn. Sau đó bọn chúng lôi tôi lên con ngựa gỗ và bắt đầu tra tấn tôi bằng một cực hình khủng khiếp nhất. Mặc dù đau nhưng tôi không để lộ ra một tiếng kêu nào, mà chỉ nhìn bọn người này một cách đầy chế giễu, bởi chúng đã sử dụng một thủ đoạn thật hèn hạ. Còn người đại diện cho luật

pháp thì đứng đấy để nghe những lời thú tội của tôi, nhưng chẳng có một lời nào phát ra từ đôi môi của tôi cả. Tôi không hề mấp máy môi. Tôi không muốn để cho bọn chúng biết được sự nhục nhã của bà quận công phu nhân.

Tại sao tôi lại như vậy? Tôi không biết. Nhưng tôi có một suy nghĩ là không công nhận bất cứ cái gì làm hạ phẩm giá của bà quận công, tôi sẵn sàng chịu đựng hơn thế. Kể cả khi bị vạ rầy, tôi cũng chịu nhục hình vì người đàn bà mà tôi căm ghét. Tại sao lại thế? Có thể là tôi thích đau khổ vì bà ta.

Cuối cùng thì bọn họ cũng đành phải thả tôi ra, bọn chúng vừa chửi rửa, vừa cời dây trói. Chúng dẫn tôi xuống tầng hầm và xích tôi bằng những cái cùm đã được chuẩn bị sẵn. Nhưng một vài ngày sau chúng lại dẫn tôi đi, và tôi lại trải qua một sự đau đớn. Nhưng lần này tôi trở nên vô ích, không một sức mạnh nào trên trái đất này buộc tôi nói ra. Trước sau như một tôi sẽ giữ bí mật vì bà quận công trong trái tim mình.

Một thời gian sau tôi đã trình diện trước tòa, họ công nhận tôi là tên tội phạm kinh khủng nhất trên thế giới và là người có lỗi trong cái chết của bà quận công. Tôi không biết rằng, bà quận công đã chết, nhưng tôi tin mật tôi cũng chẳng biểu lộ gì khi nghe thấy tin này. Bà ta đã chết, nhưng vẫn chưa thoát khỏi tình trạng nửa mê nửa tỉnh.

Người ta hỏi tôi liệu có muốn nói gì để bảo vệ mình không? Tôi không phản kháng lại họ dù chỉ một lời. Lúc đó người ta đã tuyên bố bản án. Vì tất cả những hành vi tàn bạo của tôi, trở thành nguyên nhân của những sự bất hạnh, bởi vậy tôi phải bị giam cầm suốt đời trong căn phòng hầm tối nhất của tòa lâu đài, ở đó tôi sẽ bị cùm xích vào chân tường. Liệu các vị có thấy tôi là một con rắn độc, một ông thần ác của quý ngài quận công đáng kính hay không, và nếu tôi làm theo mệnh lệnh của ông thì tôi phải vô hại chứ.

Tôi hoàn toàn điềm tĩnh khi nghe bản án này, và khuôn mặt xa xua của một người lùn như tôi đã thể hiện sự chế giễu và sự khinh mạn đối với ngài vương công, và tôi nhận thấy bọn họ nhìn tôi đầy hoảng sợ. Chúng dẫn tôi đi, và từ đó tôi không nhìn thấy bất kì ai trong cái đám người hèn mạt đó, ngoại trừ Anselmo, một con người mà tôi rất khó có thể khinh bỉ.



Ôi, đồ răn độc!

Đúng, tôi độc ác, nhưng ai đã ra lệnh cho tôi làm điều đó? Đúng, tôi đã buộc Don Riccardo phải chết? Đúng, tôi đã trừng phạt bà quận công, nhưng ai đã yêu cầu và van xin tôi làm điều này?

Con người rất hèn yếu và rất xa rời thực tế, bởi vậy khó có thể trở nên khác số phận mình bằng chính sức mình.

Tưởng là người ta sẽ phải tuyên phạt tôi tội chết vì tất cả những tội ác kinh khủng mà người ta đã nêu ra. Nhưng chỉ có những kẻ đàn độn hoặc là những kẻ không biết được gốc gác cao quý của tôi, thì mới ngạc nhiên là bản án không phải như vậy. Tôi đã hiểu rất rõ ông ta chẳng có quyền hành gì đối với tôi cả.

Quyền hành đối với tôi ư! Có nghĩa gì đâu khi mà tôi đang ngồi trong cảnh tù tội này! Có ích gì đâu khi mà tôi đang bị cùm trong xiềng xích! Dù thế nào thì tôi cũng không thể thoát khỏi tòa lâu đài! Chính bản thân bọn họ cũng đã chứng minh điều này khi giam hãm tôi trong tòa tháp. Tôi đã bị trói buộc với ngài quận công, và ông ta cũng bị trói buộc vào tôi. Không, chúng tôi không thể thoát khỏi nhau, ấy là quý ngài đáng kính của tôi và tôi. Tôi bị giam cầm và ngài quận công cũng bị giam cầm. Chúng tôi ràng buộc nhau. Gắn kết thành một chuỗi.

Tôi đang sống một cuộc đời ngắn ngủi trong cái hang của mình, sống trong sự tăm tối, vậy mà lúc này quý ngài đáng kính của tôi lại đang thoải mái dạo chơi khắp cái gian phòng sang trọng của mình. Nhưng đây là cuộc sống của tôi, còn đó là cuộc sống “của ông ấy”. Cuộc sống cao sang, mỹ lệ “của ông ấy” xét về bản chất cũng chính là cuộc sống của tôi.

Tôi cần không phải là một ngày để viết tất cả những điều này. Tôi chỉ có thể viết trong vài phút ngắn ngủi. Khi mà tia sáng mặt trời từ ô cửa sổ hẹp dội xuống trang giấy, lúc đó tôi cần phải viết nhanh chóng. Chỉ sau một tiếng thì ánh sáng sẽ chuyển xuống sàn nhà, nơi mà cái xích của tôi không cho phép tôi đến được đó. Sự di chuyển của tôi rất bị hạn chế. Chính vì nguyên nhân này nên tôi không cần nhiều thời gian để đọc lại những điều

ghi chép của tôi trước đây, và như vậy thì thật tốt. Bởi tôi có thể kéo dài sự giải khuây của mình bằng cách này.

Cả ngày còn lại tôi ngồi và chỉ ngồi trong xiềng xích, tôi hoàn toàn không làm cái gì cả. Đêm của tôi bắt đầu từ lúc ba giờ, phần lớn thời gian một ngày chìm trong đêm tối hoàn toàn. Cùng với đêm tối là sự xuất hiện của lũ chuột, chúng bắt đầu lung sục xung quanh, giương những cặp mắt đầy tham lam chòng chọc nhìn tôi. Tôi lập tức nhận ra chúng, dẫu sao thì tôi nhìn trong bóng đêm cũng không tồi hơn chúng, mà thật vậy, cũng như chúng, tôi đã biến thành một loài sinh vật nào đó dưới lòng đất. Tôi rất ghét những con vật bẩn thỉu và quái đản này, tôi sẵn lòng chúng, tôi phải ngồi bất động và cố gắng tới gần chúng và dùng chân giẫm đạp lên chúng. Đó là một trong những biểu hiện của cuộc sống hợp với tôi nhất. Sáng ngày hôm sau tôi đã yêu cầu Anselmo dọn chúng đi ngay lập tức. Tôi không hiểu chúng chui ra từ đâu. Rõ ràng là dưới cánh cửa có một khe hở.

Nhưng bức tường ẩm ướt, một bầu không khí ẩm thấp, ngọt ngào làm tôi khó chịu, có thể bởi vì tôi không quen với cái mùi như thế này. Sân bằng đất mà biết bao tù nhân đã giẫm đạp lên, những con người đã bị đầy đọa ở đây trước tôi có lẽ họ đã không bị xích vào chân tường như tôi. Ban đêm tôi ngủ trong đồng rơm cũng giống như bà quận công. Nhưng ổ rơm của tôi không bẩn và bốc mùi giống như bà ta, tôi yêu cầu Anselmo thay nó cho tôi hàng tuần.

Tôi không phải là con người tội lỗi đang sám hối. Mà tôi là người tự do. Tôi không thể hạ mình.

Sự tồn tại của tôi trong căn hầm tù tội là như vậy. Với khuôn mặt hóa đá tôi đang ngồi đây và suy ngẫm về cuộc sống và con người như trước kia, cũng như bây giờ tôi không hề thay đổi.

Nếu như họ nghĩ rằng, họ đánh quỵ được tôi thì họ nhầm!

Dẫu sao thì tôi vẫn duy trì một mối liên hệ nào đó với thế giới bên ngoài thông qua người cai tù tốt bụng của tôi. Khi mang thức ăn vào cho tôi, anh ta rất thật thà kể hết cho tôi nghe những gì đang xảy ra ở bên ngoài, rồi anh giải thích các sự kiện theo cách mình. Anh ta rất quan tâm đến mọi cái xảy

ra trên thế giới này, và anh thích nói lên ý kiến của mình về vấn đề đó, việc này buộc anh phải mất không ít sức lực để suy nghĩ. Anh ta nhìn mọi điều rất đơn giản, mọi sự không hề làm cho anh lo lắng, anh cho rằng có thể mọi nhẽ do chúa trời sắp đặt như thế này hoặc như thế khác, song với sự lão luyện tinh thông về mọi vấn đề của toàn thế giới, tôi cũng buộc phải đặt ra cho mình một sự hình dung áng chừng về tất cả những sự kiện đang xảy ra bên ngoài. Bằng cách như vậy tôi cũng dần hiểu được những sự kiện xảy ra trong những ngày gần đây, về cái chết của bà quận công, và về nhiều việc khác đã xảy ra kể từ khi tôi bị giam cầm trong ngục tối. Ngài quận công đã giành trọn nhiều ngày để ngồi bên giường bà, quan sát khuôn mặt bà đang dần trở nên trong sáng, và như trong triều người ta vẫn đồn đại, là trở nên phần chấn lạ thường. Bà ta đẹp như Đức Mẹ Đồng Trinh. Anselmo đã khẳng định như thế chính anh ta đã nhìn thấy bà ấy, còn tôi đã tận mắt nhìn thấy bà ấy nên tôi biết thực sự bà ta như thế nào.

Nhưng tôi cũng rất tin là ngài quận công đã ngồi bên giường bà ấy suốt cả ngày lẫn đêm, giành hết tâm trí cho người vợ đã già từ ông ra đi. Có thể là ông ta đang muốn sống lại với tình yêu thời tuổi trẻ của họ, trong lúc cô đơn khi bà ấy đã rời cuộc đời. Tất nhiên ông ta đã xúc động rất nhiều khi nhìn thấy sự siêu thoát của bà ấy, nhìn thấy khuôn mặt của bà ấy trên thiên đường, tôi hiểu ông ta ở lẽ ấy. Bên cạnh đó, có thể ông ta cũng rất bối rối về sự thay đổi khó hiểu của bà mà ông không hề dấn dấp gì, và ông thành thật muốn bà trở lại với cuộc sống. Nhưng bà ta không nhận thấy điều này và biến mất khỏi ông ta không một lời giải thích, chắc có lẽ điều đó đã tăng thêm sức mạnh cho tình yêu của ông, bởi vì sự đời là luôn như vậy.

Do ở trong tâm trạng như thế, nên ông đã bắt tôi phải chịu nhục hình và tù tội. Ông ấy yêu bà quận công và bà ấy là một con người khó hiểu, cũng chính vì điều này mà ông bắt tôi phải đau khổ. Điều này không làm tôi ngạc nhiên, và tôi cũng sẽ chẳng ngạc nhiên vì cái gì cả.

Bernardo và nhiều người khác cũng đến thăm bà. Vị đại sự già đã nói rằng khuôn mặt của bà quận công rất khác thường, và chỉ có bây giờ ông ta mới hiểu được nó. Hình như ông ta mới bắt đầu nhận rõ chân dung của bà ấy. Còn một điều chưa rõ, liệu thực tế lúc đấy ông ta có rõ điều gì về bà ta không, giờ đây bà ta không còn giống ông ấy. Ông ta nên nghĩ khi nói mọi điều.

Sau đó các vị cha đạo lên sân khấu đọc lời rửa tội. Tôi hình dung là họ đang phải chạy ngược, chạy xuôi ở đây. Họ tuyên bố bà quận công đã đi vào thế giới vĩnh hằng, một cảnh tượng tuyệt đẹp làm xao xuyến tâm hồn. Dĩ nhiên là vị cha sứ phải kể bà ta đã là một con chiên ngoan đạo như thế nào. Khi bà ta đã ra đi, thì vị tổng giám mục tự tay mình làm lễ thánh và xức dầu thơm cho bà lúc đó trong phòng đầy các vị tu sĩ đủ cấp bậc khác nhau. Nhưng dù sao thì bà ta đã chết trong tình trạng hoàn toàn đơn độc, không có ai ở bên cạnh.

Sau khi bà ta đã chết người ta đã tìm thấy mấy dòng chữ viết trên một mẩu giấy nhàu nát, bẩn thỉu,... Trong đó bà ta nói rằng bà muốn để cái thân thể hèn hạ của bà bị thiêu cháy, như là người ta đốt tử thi của các con bệnh, sau đó thì cái xác tro tàn của bà sẽ bị rắc khắp các đường phố, để cho mọi người dẫm xéo nó. Rõ ràng là bà ta đã viết điều này không phải trong tâm trạng sáng suốt, chắc chắn là thế nhưng cũng chẳng có ai quan tâm đến suy nghĩ cuối cùng này của bà, mặc dù những lời bà nói ra là hoàn toàn nghiêm túc. Khác hẳn với mong muốn của bà thì người ta lại chọn một phương án thông dụng: họ ướp xác của bà, nhưng lại đặt nó vào một cái quan tài bằng đất đơn giản, không trang trí gì cả, sau đó họ mang xuống hầm mộ giành cho dòng tộc quận công ở một nhà thờ lớn. Những người dân đen như bộ xương bất hạnh biết đi còn sót lại trong thành phố đã nín thở để dõi theo buổi tang lễ hết sức khiêm tốn trong giới hạn dành cho người quá cố có chức tước quận công. Và khi miêu tả cuộc diễu hành u ám đi qua thành phố đầy những con người bệnh tật, anh chàng Anselmo đã nói rằng đó là một cảnh tượng lâm li, thống thiếu. Có lẽ, đúng là như vậy.

Dĩ nhiên thì giờ đây dân chúng đang hình dung về tất cả những gì họ đã biết: bà ta là con người như thế nào, rồi thời gian gần đây bà đã sống ra sao, và họ bắt đầu đối xử với bà ta như một vật sở hữu hợp pháp của mình, họ đã suy nghĩ khác đi về những điều họ nghe thấy theo cách của mình. Đương nhiên là trong tâm trí họ đang thôi thúc một sự tưởng tượng về một cỗ quan tài xấu xí, nghèo hèn đặt bên cạnh với cái cỗ quan tài vương giả lộng lẫy làm bằng bạc đặt trong hầm mộ làm bằng đá cẩm thạch rất sang trọng. Nhưng cỗ quan tài đơn giản này dường như làm cho bà quận công trở nên gần gũi với họ, gần gũi với những con người bình thường, làm cho bà trở thành một người trong số họ. Cái con bé hầu phòng thì cũng kịp nói lộ ra

cho tất cả mọi người biết về những bữa ăn chay và những trận roi đòn bà phải chịu, những câu chuyện từ mồm con bé này thì chỉ làm thêm nhiều người đau khổ, bởi vì mặc dù có hạ mình, thì dầu sao bà ta cũng là một bậc quý tộc. Điều này cũng giống như Chúa Giêsu đã đau khổ hơn tất cả chỉ bởi vì người là con trai của Chúa trời, rồi Giêsu đã trở thành một vị thánh, mà nhiều người thậm trí phải cúi đầu, và đau đớn hơn người nhiều. Liệu dần dần bà quận công có biến thành là một vị thánh, người đã phủ nhận, chối bỏ, khinh miệt cuộc sống này đến mức độ chính tay mình hủy hoại thân xác mình hay không? Nhưng bọn dân đen đâu có quan tâm đến chân lí, bọn họ sẽ không yên lòng cho đến tận khi họ sáng tác ra những chuyện tưởng tượng khiến cho người ta thỏa mãn cả! Anh chàng Anselmo trong trường hợp này lại hoàn toàn tin tưởng vào phép nhiệm màu. Anh ta khẳng định rằng, cứ vào buổi đêm thì xung quanh ngôi mộ của bà ấy lại phát ra ánh hào quang. Lại cái gì đây? Bởi vì vào ban đêm thì nhà thờ đóng cửa, không ai có thể vào đấy để hoàn toàn khẳng định điều này đúng hay sai. Và khi con người đã trở nên quá tin tưởng thì buộc phải lựa chọn giữa cái đúng và cái sai, anh chàng Anselmo luôn lựa chọn cái thứ hai. Sự dối trá thường gây ra tình cảm nhiều hơn gây ra một sự thật không bình thường, và cũng bởi vì anh chàng này luôn thích sự thật.

Khi nghe câu chuyện của anh chàng này, tôi không thể không tự nhủ rằng chính bản thân tôi đã vô tình tạo nên những điều thần bí. Khó hiểu đối với bà quận công, và trong tình huống này thì ít nhiều tôi cũng đã làm tăng sự rực sáng trong ánh hào quang của vị thánh và cũng chỉ vì điều này mà giờ đây tôi đang phải ngồi trong gông cùm. Dĩ nhiên là bọn họ chẳng biết gì về điều đó, mà nếu có biết thì chắc chắn sẽ chẳng có ai quan tâm đến cực hình của tôi. Thật vậy, tôi cũng không hề mong muốn có được vầng hào quang của một kẻ chịu cực hình. Nhưng tôi cũng hơi ngạc nhiên bởi một con người vô thần như tôi, lại được chọn là công cụ trong chuyện này.

Trước đây, tôi không nhớ đó là khi nào, anh chàng Anselmo bắt đầu kể cho tôi nghe rằng ông Bernardo đáng về Đức Ala đã truyền tải cho bức chân dung những nét giống với bà quận công. Ngài quận công và cả triều đình đều rất ngạc nhiên theo dõi công việc của ông ta, và tất cả đều cảm thấy hạnh phúc. Vị đại sư già tuyên bố rằng ông ta muốn truyền đạt bản chất bên trong của bà quận công, và tất cả những cái đó được ông ta mơ hồ đoán ra, vì khi đó ông không nhìn thấy bà ta trong lúc lâm chung. Tôi không biết

được là ông ta có làm được điều này không, nhưng anh chàng Anselmo tin rằng, tất cả mọi người đều khẳng định đó sẽ là một kiệt tác, và lại nếu ông ta không làm được như thế, thì tất cả bọn họ vẫn gọi là kiệt tác.

Ông ta vẽ nó khá lâu, nhưng cuối cùng thì cũng xong. Bức họa “Buổi họp mặt kín” với hình ảnh Chúa Kitô đang ăn bánh mỳ vẫn chưa được hoàn tất, chắc có lẽ là ông ta đang vẽ dở. Nhưng bức tranh này thì ông đã hoàn thành, có thể là nó dễ hơn. Người ta treo bức tranh trong nhà thờ lớn, trước bàn thờ ở bên trái, và anh chàng Anselmo, sau khi xem bức tranh, đã khoái trá, phấn chấn như một đứa trẻ con. Anh ta mô tả nó cho tôi nghe với một bộ dạng rất ngây thơ và nói rằng tất cả mọi người đều cho là không có ai và không bao giờ có thể tạo ra được một hình ảnh Đức Mẹ đẹp và nhân hậu đến vậy. Đặc biệt mọi người đều cảm thấy phấn chấn với nụ cười khó hiểu và đầy bí hiểm của bà. Nụ cười này đã làm cho tất cả mọi người phải xúc động, họ nói rằng nó gây nên sự hào hứng đến ngạc nhiên và rất khó giải thích. Tôi hiểu rõ là người họa sĩ đã sao chép lại nụ cười này từ bức chân dung trước đó của bà quận công.

Thật khó có thể tưởng tượng ra bức tranh qua sự mô tả của một con người tối tăm như Anselmo, nhưng dầu sao thì tôi cũng hiểu một sự thật là vị đại sư đã chạm được vào trái tim của những con chiên ngoan đạo. Mặc dù chính bản thân ông ta chưa chắc đã tin vào Đức Mẹ, nhưng rõ ràng là ông ta đã thành công khi truyền tải một tình cảm tôn giáo chân thực vào hình ảnh mà ông ta đã tạo ra, ông làm cho cái hình ảnh đó tràn đầy nội dung tôn giáo đích thực, buộc người xem phải ngất ngây sung sướng khi ngắm nhìn nó. Dân chúng đổ xô đi xem một vị chúa mới xuất hiện, họ mang theo cả nến và quỳ gối bái phục trước bà. Người ta quỳ gối lạy ở đây nhiều hơn bất kì ở bàn thờ nào, nhưng ngọn nến đang cháy đặt trước bức chân dung bà quận công quá cố đập ngay vào mặt họ khi họ bước chân vào nhà thờ. Đặc biệt ở đây tập trung rất nhiều người nghèo, họ cầu nguyện và mong tìm được nguồn an ủi cho nỗi đau khổ của mình. Tất cả những con người bất hạnh, bị áp bức thường đến đây để giải tỏa những thời khắc khó khăn của cuộc sống. Bà quận công đã trở thành Đức Mẹ yêu thích nhất của họ, người biết kiên trì lắng nghe những lời than thở của họ, mang đến cho họ sự an ủi khích lệ, mặc dù tôi biết rõ rằng khi còn sống bà ta chẳng bao giờ quan tâm đến những người nghèo khổ. Hóa ra chỉ có chúng tôi và Bernardo đánh thức được những tình cảm tôn giáo chân thành và sâu sắc trong dân chúng.

Cho đến tận bây giờ tôi vẫn còn suy ngẫm về câu chuyện này. Ai mà có thể nghĩ rằng, người đàn bà đó sẽ trở nên nổi bật trong nhà thờ, một Đức Mẹ nhân hậu biết an ủi người khác, bà trở thành biểu tượng cho tình yêu cuồng nhiệt của lũ dân đen. Rằng bà là một con người trong trắng, anh minh, sẽ dõi theo tất cả mọi người từ trên cao, trong vầng hào quang của vô vàn ngọn nến, đang dâng hiến cho bà vì sự thanh bạch và nhân hậu của bà. Còn trong lâu đài người ta treo bức chân dung khác của bà, ngài quận công đã cho nó vào khung và đóng lên tường, mặc dù đại sư Bernardo không hài lòng với nó lắm.

Cả hai bức diễn hình mặc dù có sự khác nhau theo cách riêng của mình, nhưng cả hai đều có một nụ cười như nhau rất khó nhận ra - những con chiên đến cúng lễ ở nhà thờ gọi nụ cười đó là một sự thiêng liêng bí hiểm.

Người ta rất thích nhìn vào gương mặt mờ ảo này.

Giờ đây khi tôi đã mô tả tất cả mọi điều, tất cả những sự việc xảy ra sau khi tôi bị giam cầm ở đây, tôi nhận thấy không nên viết nhiều thêm nữa. Sự thật là, Anselmo vẫn tiếp tục kể cho tôi nghe tất cả những chuyện khác nữa trong thành phố và trong triều đình, nhưng cũng chẳng có gì đặc biệt xảy ra. Căn bệnh dịch hạch cũng đã dịu đi, mặc dù nó đã cướp đi mạng sống của một phần không nhỏ dân cư, căn bệnh biến đi như nó đột ngột ập đến, sau khi làm cho con người ốm rồi chết. Cuộc sống đang trở lại bình thường, đi vào nếp sống quen thuộc, thành phố đã qua cơn thử thách, đang dần dần lấy lại vẻ trước kia của mình. Những người dân trở về với đồng ruộng, sân vườn đã bị đốt cháy, họ đã phải xây dựng lại. Đất nước đã được phục hồi mặc dù vẫn còn rất nghèo. Số nợ do cuộc chiến tranh vẫn còn khá lớn, ngân khố quốc gia thì trống rỗng, và theo như Anselmo nói với tôi thì nhân dân đang phải chịu một gánh nặng thuế khóa. Nhưng dù sao thì hòa bình cũng đã trở lại, mọi chuyện đã ổn. Anselmo nói rằng, dân chúng không còn buồn nữa, vẻ mặt của họ đã phần khởi đôi chút.

Anh chàng cai ngục thu hút tôi bằng câu chuyện ba hoa không ngót của anh, và tôi nghe anh ta nói bởi vì tôi chẳng có ai khác để nói chuyện, mặc dù câu chuyện rỗng tuếch của anh ta làm tôi chán phè. Nhưng cách đây không lâu anh ta lại đến nói với tôi rằng số nợ lớn đối với nước Venezia

cuối cùng đã được trả, giờ đây đất nước chúng tôi đã thoát khỏi gánh nặng khủng khiếp. Anh ta nói rằng đã nhận ra một sự phồn thịnh nào đó, sau những thử thách ghê gớm. Lúc này đã có nhiều chuyển biến tốt đẹp. Giờ đây không còn gì đặc biệt xảy ra cả.

Tôi ngồi trong tầng hầm và chờ đợi đến sốt cả ruột một tia nắng mặt trời, nhưng khi nó xuất hiện thì tôi lại chẳng muốn sờ đến tờ giấy đang được chiếu sáng. Ngồi bút của tôi bị hỏng, vậy mà tôi lười đến nỗi không muốn động chân tay.

Công việc viết lách của tôi làm tôi chán ngấy, bởi tuy ngồi tù nhưng tôi không bỏ qua một sự kiện nào.

Ngày mai người ta sẽ tổ chức làm lễ thánh cho quả chuông mới, và lần đầu tiên người ta nghe thấy tiếng chuông vang lên. Quả chuông được làm bằng bạc do nhân dân đóng góp. Theo dân chúng thì tiếng của quả chuông này nghe hay hơn.

Ngài quận công và cả triều đình sẽ có mặt trong buổi lễ.

Buổi lễ diễn ra, và Anselmo lại kể cho tôi đủ mọi chuyện mà anh ta nghe được từ những người chứng kiến buổi lễ. Anh ta khẳng định, đây là một sự kiện kì lạ và khó quên, dân chúng tập trung khá đông, nhưng không phải cả thành phố. Ngài quận công đi bộ trên khắp đường phố dẫn đầu triều đình, theo sau ông là các đám đông dân chúng, bởi vì tất cả mọi người đều muốn xem mặt ngài quận công, và họ cũng muốn có mặt trong sự kiện long trọng này. Ngài quận công trông rất nghiêm túc, gọn gàng và lạnh lẽo y như trước kia, và dường như ông ta rất vui với cái ngày trọng đại này. Ông và cả đoàn tùy tùng của mình đều mặc những bộ lễ phục long lẫy.

Khi ông ta đến gần nhà thờ, việc đầu tiên ông làm là bước vào bên trong và quỳ gối bên quan tài của bà quận công, sau đó thì đến quỳ bên bàn thờ, nơi treo bức chân dung của bà, tất cả những người khác cũng đều đến quỳ gối. Sau khi cầu nguyện, họ lại đi ra ngoài sân nhà thờ, và đánh chuông. Thật tuyệt vời, tất cả đi im như chết tại chỗ và lắng nghe tiếng chuông kì diệu, vút cao trên không trung. Tiếng chuông vang vọng khắp thành phố và tất cả mọi người cảm thấy rất hạnh phúc khi nghe nó. Toàn bộ dân chúng



tập trung trên quảng trường xung quanh ngài quận công, tất cả bọn họ đều nói rằng đây là giây phút hạnh phúc nhất trong đời họ. Anselmo kể cho tôi nghe như vậy.

Chính bản thân anh ta cũng rất tiếc vì không thể có mặt vì vào đúng lúc đó, anh ta phải cho các tù nhân ăn, nhưng anh cũng rất hài lòng vì đã nghe được tiếng chuông từ quảng trường. Khi tiếng chuông đầu tiên vang lên, anh chàng đã mừng quýnh lên và chạy đến chỗ tôi để thông báo, buổi lễ đã bắt đầu. Anh ta đã phấn chấn hồ hởi đến nỗi mở cả cửa ra để cho tôi nghe. Tôi cảm thấy xúc động đến rơi nước mắt khi ở bên con người tốt bụng này, anh ta giải thích là tiếng chuông vút lên trên bầu trời cao xanh. Nhưng tôi thì cho là tiếng chuông vẫn chỉ là tiếng chuông, không có gì đặc biệt cả. Tôi đã rất vui mừng khi cuối cùng anh ta đã để tôi yên lại trong căn hầm.

Tôi vẫn ngồi ở đây trong gông cùm, ngày qua ngày và chẳng bao giờ còn có cái gì xảy ra nữa. Cuộc sống của tôi trống rỗng và buồn tẻ, nhưng tôi không hề nuối tiếc. Tôi đợi một lúc nào đó tất nhiên bọn họ sẽ đến, và thực tế là họ đã không thể giam cầm tôi ở trong đây mãi được. Và tôi sẽ có thể tiếp tục với cuốn biên niên sử của mình về những điều xảy ra trên thế giới, tôi vẫn còn muốn như vậy. Nếu tôi hiểu đúng quý ngài đáng kính của tôi, thì ông ta sẽ không thể làm tốt mọi việc mà thiếu lão người lùn như tôi. Không, tôi không hề buồn chán. Tôi nghĩ đến một ngày khi mà người ta sẽ đến chỗ tôi, tháo xiềng xích cho tôi, bởi vì ngài quận công, rồi sẽ tặc lưỡi bỏ qua cho tôi.

# BARABBAS

Tất cả mọi người đều biết rõ khi đó họ đã bị đóng đinh câu rút trên các cây thập ác ra sao và những ai đã có mặt bên ông ta - đó là bà Maria - mẹ ông ta, cả Maria Macdalina, cả Veronica, cả Simon Kirieianin, cả Iôxip người Arimaphây - người sau đó đã dùng tấm áo lá cọ bọc ông ta lại. Nhưng ở phía dưới sườn đồi, hơi xa nơi đó một chút còn có một người vẫn đứng và không rời mắt theo dõi cảnh tượng con người bị đóng đinh câu rút trên cây thập ác và đang chết dần, theo dõi từ đầu đến cuối những nỗi khổ ải chết người mà con người đó phải chịu. Người đàn ông này tên là Barabbas. Và quyển sách này viết về anh ta.

Khi đó anh ta ở độ tuổi ba mươi, là một người khỏe khoắn nhưng có bộ mặt bủng beo, còn cặp mắt thì bị trĩung tựa hồ như để che giấu tốt hơn ánh mắt của mình. Ở phía dưới một bên mắt có một vết sẹo sâu kéo dài xuống phía dưới rồi mất hút trong đám râu ria. Nhưng về ngoài con người này không thật quan trọng cho lắm.

Anh ta đã đi theo đoàn người qua các đường phố bắt đầu từ dinh thống lĩnh nhưng ở tụt lại phía sau những người khác, và khi phạm nhân bị tra tấn kiệt sức đổ vật xuống cùng với cây thập ác, anh ta bèn đi chậm lại và chờ đợi để tránh đuổi kịp đoàn người và tới lúc chính ông Simon đó bị bắt phải vác cây thập ác. Trong đoàn người chỉ có rất ít đàn ông, tất nhiên, không kể số binh lính của triều đình Roma, đi tiễn người bị hành hình phần lớn là phụ nữ cùng đám trẻ con - lũ trẻ rách rưới này đâu mà chẳng có mặt nhất là khi một ai đó bị giải trên phố đến nơi hành hình. Miễn là chúng sẽ không quậy phá. Tuy nhiên, chúng nhanh chóng bị mồi chân và thế là trở về với những trò chơi thường ngày, liếc nhìn người đàn ông đang đi ở phía sau đoàn người - con người có vết sẹo trên má.

Và thế rồi anh ta đứng ở trên pháp trường và chăm chăm nhìn con người bị đóng đinh câu rút trên cây thập ác ở giữa, không rời mắt được khỏi phạm nhân. Anh ta thật không muốn lên nơi này, ở đây mọi cái đều ô uế, tất cả đều chất chứa bệnh tật, thiên hạ đã từng nói rằng bất kỳ ai bước chân tới cái

nơi đáng nguyên rửa này sẽ để lại nơi này một phần linh hồn của mình và khi nào trở lại chốn này sẽ ở lại nơi đây vĩnh viễn. Những chiếc xương sọ và xương người vương vãi khắp pháp trường cùng những cây thập ác mục nát - chúng chẳng còn có ích lợi gì nữa nhưng lại không được dọn sạch để không mất công mất sức. Anh ta đứng ở nơi đây để làm gì? Anh ta không hề quen biết con người đó, anh ta chẳng hề có quan hệ gì với con người đó. Tại sao Barabbas lại đến Gongopha bởi lẽ anh ta đã được thả rồi cơ mà?

Người bị hành hình đầu ngoẹo về một bên, hơi thở nặng nề. Có nghĩa là chẳng còn sống được bao lâu nữa. Không thể coi ông ta là một con người khỏe mạnh. Thân hình thì còm nhom, hầu như chỉ có da bọc xương, đôi tay khẳng khiu tựa hồ như chưa bao giờ phải làm việc. Một con người kỳ lạ. Bộ râu quai nón không dày, bộ ngực không một sợi lông như ngực một đứa trẻ. Barabbas không ưa con người này.

Từ lúc Barabbas nhìn thấy ông ta ở nơi đó - bên dinh thống lĩnh, ngay lập tức anh ta hiểu rằng con người đó không hề giống như tất cả mọi người. Vì sao ư? Anh ta không thể nói ra được, chỉ đơn giản - anh ta đã hiểu là như vậy. Anh ta còn chưa bao giờ gặp một con người như vậy. Nhưng có thể, anh ta cảm thấy thế vì lẽ anh ta mới được ra khỏi nhà tù và cặp mắt anh ta còn chưa quen với ánh sáng trời. Thế là anh ta đã nhìn thấy con người này lần đầu tiên tựa hồ như trong một ánh hào quang nào đó. Tất nhiên, ánh hào quang không tắt ngay tức thì, cặp mắt Barabbas lại trở nên tinh tường như mọi khi, lại nhìn thấy rõ ràng mọi cái ở xung quanh chứ không phải chỉ thấy rõ con người đứng đơn côi trên dinh thống lĩnh. Nhưng dù sao thì con người đó cũng kỳ lạ thế nào đó, chẳng hề giống một ai cả. Và Barabbas không thể hiểu nổi làm sao người ta lại tống con người đó vào nhà tù, rồi kết án tử hình, chẳng khác gì bản thân Barabbas. Điều đó quấy rầy đầu óc Barabbas. Tất nhiên, anh ta thì có quan hệ gì, nhưng làm sao người ta lại có thể kết án một con người như vậy? Rõ ràng là con người đó vô tội.

Đúng thế, và con người đó đã bị đưa đi hành hình - còn Barabbas thì được tháo gông xiềng và được trả lại tự do. Trong chuyện này anh ta chẳng có trách nhiệm gì. Chính người ta đã quyết định. Người ta muốn thả ai thì người ta thả người đó, và thế là người ta đã thả Barabbas. Người ta đã kết án tử hình hai người, và cần phải thả một người. Barabbas chỉ thấy ngạc nhiên thôi. Trong lúc người ta tháo gông xiềng cho Barabbas, anh ta đứng

nhìn bọn lính dẫn người này rồi người kia đi qua dưới cổng vòm, và trên lưng đã phải cõng một cây thập ác.

Barabbas cứ đứng và nhìn mãi về phía chiếc cổng vòm trống trải. Sau đó, viên lính vệ binh huých vào người anh ta và quát:

Thế nào, sao mày lại cứ đứng há hốc miệng ra, hử? Hãy cút xéo cho mau, mày được thả rồi!

Và Barabbas bừng tỉnh, và đã đi qua dưới cổng vòm và ở đó đã nhìn thấy con người nọ tha cái thập ác đi ra sao, và anh ta liền bước theo trên đường phố. Barabbas cũng không biết vì sao mình lại đi theo con người đó. Và vì sao anh ta đứng hàng giờ liền nhìn những cảnh tra tấn chết người dài đằng đẳng, bởi lẽ anh ta chẳng hề có liên quan gì đến điều này.

Còn những người chen lấn nhau sát tận cây thập ác thì liệu họ cần đến đó để làm gì? Rõ ràng là chỉ do ý thích cá nhân! Không ai ép buộc họ tới đó, chuốc vào thân những mầm mống độc hại. Cần phải nghĩ, đó là những bạn bè thân và người ruột thịt. Thật kỳ lạ, hình như họ không sợ bị lây bệnh tí nào.

Ở kia, chắc người đàn bà đó là mẹ nạn nhân. Mặc dù hoàn toàn không giống. Nhưng con người đó thì giống ai chứ? Bà ta có bộ mặt nông dân, thô kệch, khắc khổ, và bà ta cứ luôn lau môi và mũi bằng lòng bàn tay, bởi lẽ nước mũi bà ta cứ chảy hoài và bà ta đang cố kìm nước mắt. Nhưng bà ta không khóc. Bà ta đau khổ không như những người khác, cặp mắt bà ta nhìn người bị hành hình cũng không như những người khác. Tất nhiên rồi, đó là mẹ phạm nhân. Có thể, bà ta thương xót con trai nhiều hơn tất cả mọi người, nhưng hình như bà lại giận con trai mình vì việc ông ta đang bị treo kia, vì việc con bà đã bị hành hình. Chắc là con bà đã làm chuyện gì đó nên phải chịu hành hình - hành hình một cách trong sạch và vô tội, và vì thế mà bà lên án con trai mình. Bà ta cũng biết rõ, con trai bà không có tội gì hết, vì bà là người mẹ mà. Dù cho con trai bà có gây ra chuyện gì, bà dù sao cũng biết rõ mà.

Còn bản thân Barabbas thì lại không có mẹ. Cả bố cũng thế, anh ta chưa từng được nghe về người cha. Họ hàng thân thích cũng không có một ai,

Barabbas không hề biết có người họ hàng nào. Vì vậy, nếu như Barabbas có bị treo trên cây thập ác thì cũng chẳng có nhiều người khóc thương. Nhất là lại vì chuyện thế này. Họ đâm thùm thụp vào ngực mình chẳng khác gì trên đời không còn nỗi khổ đau nào khủng khiếp hơn, họ rên rỉ, gào thét mới thương tâm làm sao, thật khủng khiếp.

Barabbas biết người bị hành hình trên cây thập ác bên phải bị lột da đầu. Nếu như đột nhiên con người đó nhìn thấy Barabbas, vị tất đã cho rằng Barabbas đến đây là vì mình: để tận mắt thấy con người đó đã nhận được theo công trạng. Mà Barabbas đến đây hoàn toàn không vì con người đó. Dù cho cũng chẳng có việc gì phải khước từ việc chứng kiến những khổ đau của con người đó. Nếu như có kẻ nào xứng đáng bị chết thì trước hết đó là tên khôn kiếp này. Nhưng không phải vì cái mà người ta đã kết tội y, mà hoàn toàn vì một điều khác.

Chỉ có điều Barabbas nhìn y để làm gì, nhìn y chứ không phải người bị treo ở giữa, bởi vì anh ta đến đây là vì con người đó, và con người đó đã bị dính câu rút ở đây thay cho anh - Barabbas. Đây là do con người đó buộc Barabbas đến đây, con người đó có quyền hành như vậy đối với anh, cả sức mạnh như vậy nữa. Sức mạnh ư? Vì nếu kẻ nào bất lực thì đó là ông ta. Bị dính câu rút trên cây thập ác - thảm hại hơn thế thì làm gì có, hai người khác trông khá hơn nhiều, họ cũng đau đớn hình như ít hơn. Rõ ràng họ là những người mạnh mẽ hơn. Còn ông ta thì thậm chí không thể giữ nổi cho đầu mình ngay ngắn, đầu hoàn toàn ngoẹo về một bên.

Thế rồi ông ta nâng cái đầu lên, đảo lưỡi liếm đôi môi khô khốc, một tiếng thở nặng nhọc phả vào bộ ngực còm nhom không một sợi lông. Ông ta lẩm bẩm điều gì đó, có lẽ “Nước”. Bọn lính nằm rải rác trên cỏ phía dưới triền dốc, ngán ngẩm chờ đợi khi nào thì ba con người kia sẽ chết, chúng chơi trò xúc xắc và chẳng hề nghe thấy gì. Khi đó có một người bà con tiến đến chỗ chúng, một tên lính bắt đắc dĩ đứng lên, nhúng môi vào bình nước rồi tựa vào chiếc gậy chống, đưa bình nước cho kẻ bị hành hình nhưng là phần nước cạn đục, kẻ bị hành hình không uống, còn tên lính khôn kiếp thì cười hô hô, tiến lại chỗ đồng bọn và tất cả cùng đùa nhau cười ngất. Cả một lũ khôn kiếp!

Những người ruột thịt - hay bất kể ai đi nữa đã đến đây - đều buồn thương nhìn người tử tội, con người đó đang thở rất yếu ớt, thoi thóp thở, rõ ràng sắp tắt thở đến nơi rồi. Và mong cho nó chóng kết thúc, Barabbas nghĩ thế, mong cho con người đó chóng được giải thoát khỏi mọi đau khổ. Mong sao nó chóng kết thúc. Khi cảnh tượng này kết thúc anh sẽ có thể bỏ chạy đi và sẽ không bao giờ còn phải nghĩ đến nó!

Nhưng đột nhiên, toàn bộ đồi núi bị một màn đen bao phủ chẳng khác gì mặt trời đã tắt, cả một màn đen dày đặc, và trong màn đen này giọng sang sảng người tử tội gào to từ trên đỉnh núi:

- Trời đất ơi! Trời đất ơi! Người vì có gì để con lại thế này?

Một tiếng kêu gào khủng khiếp. Người tử tội muốn nói điều gì? Và vì sao bỗng nhiên lại bị tối đen lại? Giữa ban ngày ban mặt? Hoàn toàn không hiểu nổi. Ba cây thập ác chỉ hơi lơ mờ hiện lên giữa màn đen. Thật khủng khiếp. Chắc bây giờ sẽ xảy ra một điều gì đó ghê gớm đây. Bọn binh lính bật đứng cả dậy, cầm lấy vũ khí, bọn chúng gần như vồ lấy vũ khí. Tay cầm giáo, bọn chúng bao vây các cây thập ác, đứng đó và thì thầm với nhau, Barabbas có nghe thấy. Giờ thì chúng đã hoảng sợ. Giờ thì chúng không còn cười hô hô nữa! Rõ ràng, bị mê muội rồi.

Bản thân Barabbas cũng hoảng sợ. Và rồi vui mừng khi trời lại bừng sáng và mọi cái lại trở lại như là chính nó. Trời bừng sáng một cách từ từ như lúc bình minh. Ánh sáng lại bao phủ khắp núi đồi, khắp các cây có dầu ở xung quanh, và những con chim nhỏ nhói đang im hơi lặng tiếng giờ lại cất tiếng kêu chiêm chiếp. Hết như một buổi ban mai.

Những người thân thuộc đứng bất động bên cây thập ác. Lúc này họ không còn thở dài, không còn gào thét nữa. Tất cả cứ đứng nhìn người bị hành hình. Cả bọn binh lính cũng vậy. Không gian hoàn toàn tĩnh lặng.

Đã có thể yên tâm chuẩn bị bỏ về được rồi. Bởi mọi việc đã kết thúc. Và mặt trời đã lại rực sáng, và tất cả mọi thứ lại trở lại như mọi khi. Đơn giản là chẳng mấy lúc nữa trời sẽ tối bởi vì con người đó đã chết.

Phải, đã đến lúc rút lui rồi. Đúng lúc. Ở đây Barabbas chẳng còn việc gì để làm nữa. Một khi con người đó đã chết thì anh còn ở lại đây làm gì. Con người đó được tháo khỏi cây thập ác, đó là điều Barabbas đã nhìn thấy trong lúc bỏ đi. Có hai người bọc thi thể ông ta bằng tấm áo lá sạch, điều này Barabbas cũng nhìn thấy. Tấm thân đó rất trắng trẻo, và họ rất thận trọng như sợ làm nó bị thương, gây đau đớn cho nó, thật kỳ lạ: bởi lẽ ông ta đã bị hành hình rồi cơ mà! Nói chung, những con người kỳ quặc thế nào ấy. Tuy nhiên, bà mẹ vẫn đưa cặp mắt khô khốc theo dõi những gì còn lại từ người con trai bà, và bộ mặt đen sạm khắc khổ không biết cách bọc lộ toàn bộ nỗi khổ đau của bà và chỉ cho thấy rằng bà đã không hiểu nổi điều đã xảy ra và sẽ không bao giờ chịu tha thứ. Điều này thì Barabbas hiểu bà.

Khi tất cả mọi người đã đi qua vẻ đầy đau thương, đàn ông vác thi hài, còn phụ nữ bước theo sau, có một phụ nữ bước lại bên bà mẹ nói thì thầm điều gì đó và gật đầu về phía Barabbas. Bà mẹ dừng lại và nhìn anh ta, và cặp mắt bà sao mà thảm thương làm vậy, sao mà đầy vẻ trách móc làm vậy khiến Barabbas có ý nghĩ anh sẽ không bao giờ có thể quên được. Dòng người lặng lẽ từ Gongopha đi tiếp xuống dưới theo đường đi, sau đó rẽ ngoặt về bên trái.

Barabbas cũng đi theo họ cách một đoạn xa đủ để họ không nhìn thấy anh. Nghĩa địa ở ngay gần đó và tại đó có quan tài được khoét trong núi đá. Và thi hài người chết được đặt vào đó. Và sau khi cầu khẩn ở phía dưới quan tài, người ta đập một tảng đá to vào lỗ cửa mộ rồi ra về.

Chỉ lúc này Barabbas mới tiến lại bên ngôi mộ rồi đứng đó một lúc. Nhưng anh không cầu khẩn, anh vốn là một con người độc ác, mà cầu khẩn không phải là việc của những người độc ác, tội lỗi của Barabbas thì không thể nào chuộc lại được. Hơn nữa anh không hề biết con người đó. Anh chỉ đơn giản đứng ở đó một lúc thôi.

Sau đó anh cũng tiến về phía thành Giêruxalem.

\*\*\*

Sau khi vào thành phố qua cổng David anh nhanh chóng nhìn thấy cô gái Môi Thở trên đường phố. Cô đang lẩn đi dọc theo các tường nhà và làm

ra vẻ không nhìn thấy Barabbas, nhưng anh đã nhận ra là cô gái có nhìn thấy anh và hình như không chờ đón cuộc hội ngộ này. Có lẽ, cô ta nghĩ là Barabbas đã bị hành hình.

Barabbas bước theo dấu vết cô gái, rồi nhanh chóng đuổi kịp, thế là hai người đã ở bên nhau. Tất nhiên, chẳng cần phải đuổi kịp cô gái. Mà Barabbas cũng chẳng nên nói chuyện với cô, tự anh thấy sững sốt về việc mình đã mở miệng nói với cô. Và, hình như, cô gái cũng vậy. Cô rụt rè nhìn Barabbas khi đã không còn điều gì khác nữa.

Hai người không vội đề cập đến điều cả hai phải bận tâm, Barabbas chỉ hỏi cô định đi đâu và có tin tức gì về Gangan không. Cô gái trả lời ngắn gọn và cũng như mọi khi, bằng giọng mũi, phải vất vả anh mới hiểu. Thì ra, cô gái không có ý định đi đâu hết, còn khi anh hỏi cô hiện sống ở đâu, cô không trả lời. Gấu váy cô bị rách thành những miếng tả tơi, đôi chân to bản thủ không giày dép. Cuộc hội thoại nhanh chóng kết thúc rồi hai người lặng lẽ đi tiếp.

Từ ô cửa một ngôi nhà để mở như từ một hố đen ngòm có những giọng nói oang oang vang ra, và từ đó có một phụ nữ cao lớn béo bự bổ nhào ra thẳng vào Barabbas cùng tiếng kêu lớn. Mụ đã say rượu, trước mặt Barabbas vì vui mừng mụ vung vẩy đôi tay mập mòi anh vào nhà. Barabbas lết theo mà trong lòng thấy ngại ngẩn về người bạn đường kỳ lạ của mình, song người phụ nữ không chịu dừng lại, mụ đẩy cả hai con người này vào nhà. Trong nhà có hai người đàn ông và ba phụ nữ lên tiếng chào anh rất to - anh chỉ nhận ra họ khi mắt đã quen với cảnh tranh tối tranh sáng. Ngay lập tức Barabbas được mời ngồi vào bên bàn ăn, họ rót rượu cho anh, rồi tất cả tranh nhau nói. Nào là chuyện anh được thả ra khỏi nhà tù đó và anh mới may mắn làm sao: có kẻ khác bị hành hình thay cho anh! Họ đang hưng phấn bởi men rượu, bởi nguyện vọng được chia vui với Barabbas, thậm chí họ còn kích động được Barabbas khiến niềm vui này cũng chuyển sang họ, và một phụ nữ đã thọc cả tay vào trong lần áo và mân mê bộ ngực đầy lông của Barabbas trong tiếng cười ròn rã của mụ béo.

Barabbas uống rượu cùng với cả bọn, nhưng rất ít nói. Anh chỉ ngồi, dõi cặp mắt màu nâu sẫm của mình chăm chăm nhìn thẳng phía trước, cặp mắt



trùng sâu tới mức tựa hồ muốn lẫn trốn. Tất cả đều cho rằng anh là con người kỳ quặc thế nào đó. Đúng, trước kia đã có lúc anh cũng nghĩ thế.

Phụ nữ lại tiếp rượu vang cho anh. Anh lại uống, rồi lắng nghe mọi người nói, còn mình thì hoàn toàn không góp lời.

Cuối cùng thì mọi người cũng tập trung tấn công Barabbas bằng đủ các câu hỏi: đại loại, chuyện gì đã xảy ra với anh và vì sao anh lại như thế. Riêng mục béc thì ôm cổ anh và nói rằng thật chẳng có gì đáng kỳ lạ nếu Barabbas là con người kỳ quặc: anh đã bị khổ sở rất lâu trong ngục tù, hầu như là đã chết rồi, và nếu sau đó người ta thả anh ra và tha chết cho anh, thì dù sao anh cũng là kẻ đã chết rồi, bởi vì anh là người đã chết. Và chỉ vừa được phục sinh, và điều này, có thể nói, hoàn toàn không hề giống như những người khác đang sống. Và khi lời của mục béc được đáp lại bằng chuỗi cười hô hô, mục nổi khùng và đe dọa sẽ tổng cổ tất cả đi ngoại trừ Barabbas và cô gái có cái môi thỏ, mặc dù mục nói, nhưng sau đó bình tâm lại và thậm chí kể cho Barabbas nghe là họ phải lên núi thì trời sấm tối, họ ngay lập tức xuống núi để mang một con dê làm vật cúng. Vật cúng không được tiếp nhận, vì vậy họ đã bán con dê rồi thế vào đó hai con chim ngói không có khuyết tật. Số tiền dư ra họ đã nhậu nhẹt đã đời nơi mục béc. Họ hỏi liệu Barabbas có định trở về với họ hay không, và giảng giải giờ đây phải tìm kiếm họ ở đâu. Barabbas chỉ gật đầu không nói năng gì.

Một chị phụ nữ đã nói đến con người bị hành hình thay cho Barabbas. Một lần chị ta tình cờ nhìn thấy con người đó đi qua bên cạnh, nghe nói, ông ấy có biết viết, có tài tiên tri và sáng tạo ra được điều kỳ diệu. Việc này không có hại, mà nhiều người cũng đang làm như vậy, do đó, có lẽ, ông ấy bị hành hình không phải vì việc này. Một con người còm nhom như vậy - đó là tất cả những gì chị ta nhớ được. Một chị khác nói rằng nhìn thấy ông ấy thì chị chưa nhìn thấy, nhưng chị có được nghe nói đâu như ông ấy bảo rằng đền thờ sẽ sụp đổ, Giêrusalem sẽ bị hủy diệt vì động đất và lửa sẽ thiêu hủy cả bầu trời lẫn mặt đất. Thật là trò ngu xuẩn một khi ông ấy bị hành hình vì những lời nói như thế. Chị thứ ba thì lại nói ông ấy kết giao phần lớn với những người nghèo khổ và bao giờ cũng cam kết rằng họ sẽ được lên thiên đường... Thế rồi cả ba cùng cất tiếng cười giòn giã, nhưng cho rằng, nếu được như thế thì cũng không tồi.

Lúc này, Barabbas nghe họ nói đã không còn với bộ mặt đăm chiêu. Đúng là anh không hề hé miệng mỉm cười. Anh rùng mình khi mẹ béo lại ôm lấy anh và nói rằng mẹ nhỏ toẹt vào cái kẻ đó, bởi lẽ dù sao y cũng chết rồi. Dù sao chính y đã bị hành hình chứ không phải là Barabbas, đó mới là điều chủ yếu.

Cô gái Môi Thỏ lúc đầu ngồi co quắp người lại, thờ ơ với chuyện của mọi người. Nhưng khi chuyện đề cập đến phần cuối này thì bừng tỉnh. Lúc này có điều gì đó không ổn đã đến với cô. Cô bật người dậy với vẻ mặt hoảng hốt, xanh xao, mệt mỏi, mắt chăm chăm nhìn người bạn đường và gào lên giọng trầm, kỳ quặc:

- Barabbas.

Có thể, chẳng có gì đặc biệt, bởi lẽ cô gọi tên một con người, nhưng ai cũng sững sốt nhìn cô và không thể nào hiểu nổi vì sao cô lại gào lên như vậy. Chính Barabbas cũng trở nên kỳ lạ, mắt long lên sòng sọc như thường xảy ra mỗi khi anh không muốn nhìn ai. Không ai hiểu nổi điều gì, mà nói chung, có gì khác biệt đâu, tốt nhất nên bỏ qua chuyện này. Dù thế nào đi nữa, Barabbas là người của mình và bất kể chuyện gì như vậy, song bởi lẽ anh phần nào mất tự chủ, thiếu gì chuyện Barabbas có thể gây ra?

Cô gái lại co người lại ngồi trên sàn đất, bên chân cây nến, nhưng cặp mắt rực lửa không rời khỏi Barabbas.

Mẹ béo mang thức ăn ra cho Barabbas, mẹ cho rằng anh chắc đã đói meo, bởi lẽ lũ súc vật đó đâu có chịu cho con người được ăn uống trong nhà tù. Mẹ đặt lên bàn trước mặt Barabbas cả bánh mì, muối và miếng thịt cừ rán. Anh ăn một ít, phần còn lại đưa cho cô gái Môi Thỏ ra về như đã no. Cô gái bỏ nhào vào khẩu phần này, nuốt ngấu nghiến tất thảy như một con thú, sau đó bỏ đi và mất hút luôn.

Lúc này, mọi người mới quyết định hỏi Barabbas xem cô gái là ai, tất nhiên là không mong được trả lời. Nó rất giống Barabbas: chuyện riêng tư của mình anh giữ bí mật cho tới lúc xuống mồ.

- Thế nhà tiên tri đó đã sáng tạo ra những kỳ tích gì? - Barabbas hỏi đám phụ nữ - Và ông ta đã tiên tri thế nào?

Họ đáp rằng ông ta chữa bệnh cho những người đau ốm, xua đuổi các hung thần, nghe nói, thậm chí còn phục sinh cho những người đã chết, song ai mà biết được có đúng thế hay không, có thể không đúng như vậy. Còn ông ta tiên đoán điều gì ư - điều này họ không hay biết. Chỉ có một chị nói là mình đã nghe thấy mọi người bàn tán về một chuyện gì đó của ông ta, về chuyện, một lần có người mời khách đến dự đại tiệc, tiệc cưới hay đại loại gì gì đó, nhưng khách khứa không đến, và thế là đám gia nhân đi ra đường và kêu gọi tất cả mọi người vào nhà, song chỉ thấy toàn những người ăn xin và què quặt gần như đang chết đói, thậm chí chẳng có lấy mảnh vải che thân, và thế là ông chủ giàu có nọ liền nổi khùng... nhưng không nói được gì, cuối cùng bảo thôi được, không sao... Không phải, chị đã quên mất, không nhớ mọi chuyện kết thúc ra sao. Barabbas luôn để tai nghe một cách chăm chú, có vẻ như người ta thông báo cho anh một điều gì đó vô cùng quan trọng. Rồi khi một chị phụ nữ nói rằng người bị hành hình, có lẽ, cũng như mọi người khác, đã tưởng tượng mình mang sứ mệnh cứu thế, Barabbas nắm chặt bộ râu dày màu hung của mình lại và thả mình trong suy tư sâu lắng.

- Sứ mệnh cứu thế ư? Ồ không đâu... anh lâu bầu.

- Sứ mệnh cứu thế gì cái con người đó chứ, - một người đàn ông nói, - giả thử có như thế thì chẳng lẽ y bị hành hình à? Và khi đó, thì chính lũ đê thiếu thán này đã cùng vào nằm một chỗ rồi. Rõ ràng, mụ chẳng biết gì là sứ mệnh cứu thế cả!

- Rõ như ban ngày! Nếu không ông ta đã thoát khỏi cây thập ác và tiêu diệt hết bọn chúng!

- Sứ mệnh cứu thế - và bị hành hình! Chuyện thế có nghe được không?

Barabbas vẫn cứ ngồi yên, nắm tay bóp chặt bộ râu và mắt chăm chăm nhìn xuống nền đất.

- Không phải, ông ta không có sứ mệnh cứu thế.

- Cậu lâu bầu cái gì thế Barabbas, tốt nhất cậu hãy uống rượu đi! - một tay đàn ông nói thế và huých vào sườn Barabbas, lạ thật, làm sao gã cả gan làm thế chứ, vậy mà gã đã huých Barabbas đấy.

Và Barabbas lại ngoan ngoãn tợp một hơi rượu từ chiếc cốc sành rồi thần thờ đặt nó về chỗ cũ. Đám phụ nữ lại tiếp rượu cho anh và ép anh uống luôn. Có thể, men rượu đã có tác động, song mọi ý nghĩ của Barabbas vẫn đang phiêu diêu nơi nào đó như cũ. Và gã nọ lại thúc khuỷu tay vào sườn anh.

- Nào Barabbas, cạn cốc, giải sầu đi! Chẳng lẽ cậu không vui sướng được ngồi trong một hội ẩm cúng thế này mà đáng lẽ ra bị rũ xương trên cây thập ác à? Vậy thì thế này có tốt hơn không, hả? Cùng hội với cánh mình cậu thấy không đến nỗi nào chứ? Cậu hãy ngẫm mà xem, Barabbas! Cậu đã bảo vệ được cái thân xác mình, cậu vẫn còn sống mà! Còn sống! Nghe thấy không, Barabbas?!

- Phải, phải, - anh nói, - Phải, tất nhiên rồi... Thế là dần dà họ đã làm cho Barabbas không còn chăm chăm nhìn nền đất nữa và bắt đầu giống như một con người bình thường. Họ cứ ngồi đó, nốc rượu, tán gẫu đủ mọi chuyện và Barabbas không còn vẻ mặt xa lạ kỳ quặc như trước.

Nhưng rồi đột nhiên vô duyên vô cớ Barabbas đặt ra cho mọi người câu hỏi rất kỳ quặc. Anh hỏi họ, hôm nay lúc màn đêm bao phủ mọi vật - lúc mặt trời đột nhiên biến mất - họ nghĩ gì.

- Màn đêm ư? Có màn đen nào chứ? - Mọi người bàng hoàng nhìn anh - Chẳng lẽ đã bị che tối ư? Vào lúc nào?

- Lúc sáu giờ...

- Xì cậu đi! Mắt bị lóa rồi! Nếu thế những người khác cũng đã để ý thấy.

Anh lúng túng và đảo mắt nhìn hết người nọ đến người kia vẻ không tin. Tất cả đều cam đoan với anh là họ không hề thấy có màn đen nào hết, cũng không một ai nhìn thấy, kể cả khắp thành Giêruxalem. Và anh đã thật sự

hình dung ra rằng bỗng nhiên bị tối đen lại thì sao? Giữa thanh thiên bạch nhật? Chuyện gì mà kỳ lạ thế này? Nhưng nếu đúng là anh còn nhớ rõ chuyện đó thì có nghĩa là mắt anh đã bị trục trặc sau thời gian ở trong ngục tù: anh đã bị giam ở trong đó rất lâu mà. Phải, mọi vấn đề có lẽ là thế. Mụ béo nói rằng rõ ràng mọi chuyện đều do nguyên nhân mắt Barabbas đã bị mất thói quen nhìn ánh sáng, - thế là ánh sáng đã làm anh lóa mắt. Và ở đây chẳng có gì đáng ngạc nhiên.

Barabbas ngơ vạc nhìn khắp mọi người, và hình như anh thấy thanh thản hơn. Anh vươn vai thư giãn, nhồi người cầm lấy cốc rượu rồi uống cạn. Nhưng bây giờ không còn đặt cốc vào chỗ cũ mà đưa cốc ra để mọi người rót tiếp cho. Không phải chờ đợi, rồi tất cả lại uống, và rõ ràng cuối cùng Barabbas đã cảm nhận được mùi vị của rượu vang. Anh cứ một hơi nốc cạn cốc rượu theo thói quen và nhanh chóng bị say. Không phải anh là người lảm lời, nhưng dù sao anh cũng kể cho mọi người nghe đôi điều về nhà tù. Phải, anh đã chịu đựng đủ mọi thứ ở đó, sẽ trở thành con người kỳ quặc! Cần được thả ra ư? Bởi lẽ chỉ cần rơi vào nanh vuốt của bọn chúng! Thế rồi bỗng nhiên gặp may! Trước hết, khi bọn chúng thả một người thì anh đến lượt được đi hội Cày Xuân! Thứ hai, bọn chúng lại thả đúng anh! Thật may mắn biết chừng nào! Barabbas đồng ý với mọi người, và, khi họ đám lưng anh, đề lên người anh, thở ầm ầm vào mặt anh, anh liền cười hô hô và lần lượt uống rượu với tất cả mọi người. Men rượu làm đầu anh choáng váng, và anh thấy người nóng bừng, lại càng thấy vui hơn, rồi phanh ngực áo cho đỡ nóng, rồi nằm xuống và thu xếp cho mình một chỗ dễ chịu cùng với mọi người. Rõ ràng anh thấy thoải mái. Thậm chí, anh còn ôm chặt lấy một chị phụ nữ nằm kề bên, kéo chị ta vào sát mình. Chị ta cất tiếng cười khanh khách và ôm lấy cổ Barabbas. Đúng lúc này, mụ béo kéo anh ra và nói rằng - cuối cùng thì - mụ nói - mụ đã nhận rõ chân tướng người đàn ông yêu quý của mình, cuối cùng thì anh đã khỏe mạnh trở lại, đã hoàn hồn sau thời gian tù tội đáng nguyên rủa đó. Và giờ đây mọi điều dớ dẩn lẫn cái màn đen nào và sẽ không trả thù anh được, - yên yên nào, - mụ kéo anh ép vào mình, hôn tới tấp vào khắp mặt anh, những ngón tay mập của mụ bám lấy cổ anh rồi mân mê bộ râu hung. Ai cũng cảm thấy vui vì anh đã thanh thản hẳn lên, anh đã khác hẳn, như trước đây mỗi khi giải trí thư giãn. Và lúc này tâm trạng mọi người thật tuyệt vời. Họ uống rượu, gào thét, thỏa thuận với nhau về tất cả mọi vấn đề, không thể vui vẻ hơn được nữa, họ thật dễ chịu, thật hưng phấn hết chỗ nói cùng nhau, và mỗi lúc lại

nói năng nhiều hơn vì bị hơi men kích thích. Hàng tháng trời đám đàn ông không được uống rượu, không được thấy đàn bà và thế là lúc này phải lĩnh bù cho đã đời. Cần phải chơi bời, dù sao thì cuối cùng họ cũng đang ở thành Giêruxalem mà, cần phải chơi cho đã đời vì Barabbas đã được tự do! Mà thời gian không có nhiều, lại sắp phải lên núi rồi! Họ uống loại rượu vang chua nồng độ cao và được cả đám phụ nữ vỗ về trừ mụ béo, họ lần lượt kéo đàn bà vào phía sau rèm vải rồi khi từ đó đi ra thì mặt mày đỏ ửng, thờ hồng hộc để rồi lại nốc rượu, lại la hét. Họ làm tất cả những gì họ muốn, làm tới số - họ có quyền như vậy mà!

Họ chơi bời như thế cho tới khi trời bắt đầu tối. Thế rồi hai người đàn ông đứng lên và tuyên bố đã đến lúc họ phải ra về, chia tay mọi người, khoác lên người những bộ da dê, giấu vũ khí vào trong đó, rồi đi nhanh ra đường lúc này đã tối đen như mực. Ba người đàn bà ngay lập tức nằm xuống phía sau rèm, họ đã say mềm, kiệt sức và ngủ thiếp đi luôn. Khi chỉ còn lại Barabbas và mụ béo, mụ hỏi liệu đã đến lúc hai người cũng nên an ủi nhau đôi chút không, liệu Barabbas có hứng thú với chuyện đó sau bao năm bị đầy đọa hay không, còn chính bản thân mụ - mụ nói - đang bị giày vò hết chỗ nói về người tình bất hạnh bị đầy đọa trong nhà tù và chỉ chút nữa thì đã bị hành hình. Và mụ đã dẫn Barabbas vào trong buồng - ở đây được phủ bằng lá cọ chống nóng những khi bị nóng trong năm. Hai người nằm xuống ở đó, rồi mụ vuốt ve triu mến anh, và chỉ một lúc sau Barabbas nổi hứng, bám chặt lấy tấm thân to béo của mụ tưởng không bao giờ muốn buông ra. Đã quá nửa đêm thế mà hai con người này không hay biết.

Cuối cùng, thì cả hai cùng mệt rũ rời. Mụ xoay người nằm nghiêng và rồi ngủ thiếp ngay đi. Còn anh thì cứ nằm không ngủ được bên cạnh tấm thân đầm đìa mồ hôi của mụ béo, mắt nhìn những tàu lá cọ che trên đầu. Anh nghĩ đến con người bị treo trên cây thập ác ở giữa và nghĩ đến những gì xảy ra hôm nay trên núi Trọc. Sau đó, anh bắt đầu nghĩ đến cái màn đen nọ - nó hiện hữu hay không? Chẳng lẽ - mọi cái đó đều do anh mơ tưởng ra? Mà có thể, chỉ đơn giản là ở Gongopha thì bị tối đen lại, còn ở đây - trong thành phố - không ai nhận thấy? Ở nơi đó rõ ràng là trời bị tối đen lại, cả bọn lính cũng hốt hoảng và nói chung... hay điều đó cũng là do Barabbas tưởng tượng ra? Có thể, mọi cái đều do anh tưởng tượng ra? Không đâu, không hề có chuyện đó, không thể nào hiểu nổi...

Anh lại nghĩ tới người bị hành hình trên cây thập ác. Anh cứ nằm thế mắt mở trừng trừng, không thể nào ngủ được, và bên cạnh là cái thân xác béo bự của mẹ xuyên qua lớp lá cọ khô hiện ra bầu trời - có thể, đó là bầu trời, mặc dù nơi đó không có lấy một vì sao. Không đâu có gì cả - chỉ một màn đêm đen.

Đúng, giờ đây cả trên Gongopha, cả khắp mọi nơi chỉ một màn đêm đen.

\*\*\*

Ngày hôm sau, Barabbas đi lang thang trên phố, và anh gặp khá nhiều người quen - cả bạn bè lẫn kẻ thù, và ai cũng sững sốt khi nhìn thấy nên an ủi nhau đôi chút không, liệu Barabbas có hứng thú với chuyện đó sau bao năm bị đầy đoạ hay không, còn chính bản thân mẹ - mẹ nói - đang bị đầy giày vò hết chỗ nói về người tình bất hạnh bị đầy đoạ trong nhà tù và chỉ chút nữa thì đã bị hành hình. Và mẹ đã dẫn Barabbas vào trong buồng - ở đây được phủ bằng lá cọ chống nóng những khi bị nóng trong năm. Hai người nằm xuống ở đó, rồi mẹ vuốt ve triu mến anh, và chỉ một lúc sau Barabbas nổi hứng, bám chặt lấy tấm thân to béo của mẹ tưởng không bao giờ muốn buông ra. Đã quá nửa đêm thế mà hai con người này không hay biết.

Cuối cùng thì cả hai cùng mệt rũ rời. Mẹ xoay người nằm nghiêng và rồi ngủ thiếp ngay đi. Còn anh thì cứ nằm không ngủ được bên cạnh tấm thân đầm đìa mồ hôi của mẹ béo, mắt nhìn những tàu lá cọ che trên đầu. Anh nghĩ đến con người bị treo trên núi Trọc. Sau đó anh bắt đầu nghĩ đến cái màn đen nọ - nó hiện hữu hay không? Chẳng lẽ mọi cái đó đều do anh mơ tưởng ra? Mà có thể, chỉ đơn giản là ở Gongopha thì bị tối đen lại, còn ở đây - trong thành phố - không ai nhận thấy? Ở nơi đó rõ ràng là trời bị tối đen lại, cả bọn lính cũng hốt hoảng và nói chung... hay điều đó cũng là do Barabbas tưởng tượng ra? Có thể, mọi cái đều do anh tưởng tượng ra? Không đâu, không hề có chuyện đó, không thể nào hiểu nổi Barabbas, có người thậm chí còn rùng mình như gặp bóng ma. Anh vô cùng khó chịu. Thì ra họ không biết là anh đã được thả ư? Vậy khi nào họ sẽ nhận thức ra vấn đề? Khi nào họ sẽ hiểu ra rằng người bị hành hình không phải là anh!

Trời nắng chói chang, và thật kỳ lạ ở chỗ mắt nhìn ánh nắng trời sao mà khó chịu làm vậy! Có thể, đúng là thời gian ở trong ngục tù đã làm hỏng mắt ư? Và thế là Barabbas quyết định ẩn mình trong bóng râm. Sau khi vượt qua vòm đường hành lang tiến về đền thờ, Barabbas đi luôn vào trong đền thờ rồi ngồi xuống một chỗ tối mập mờ để cho mắt được nghỉ. Và ngay lập tức anh cảm thấy dễ chịu hẳn.

Trong đền đã có một số người đang ngồi co ro bên tường. Họ khẽ khàng nói chuyện với nhau và hình như việc xuất hiện của anh làm họ không hài lòng, họ liếc mắt theo dõi anh và nói với nhau càng hạ giọng hơn. Barabbas chỉ nghe thấy đôi ba từ, song không thể hiểu nổi ý nghĩa, mà cũng chẳng phải gắng sức: anh không quan tâm đến các bí mật của họ.

Có một người đàn ông cũng chạc tuổi Barabbas, cũng để bộ râu màu hung, bộ tóc cũng màu hung để dài xòa xuống lẫn cả vào bộ râu quai nón. Cặp mắt màu xanh nước biển, vì vậy, anh ta có cái nhìn thật kỳ lạ thế nào đó, như trẻ thơ, còn bộ mặt thì to bự. Con người này cái gì cũng to. Đúng là một tay cao to, khoẻ khoắn. Phải cho rằng đó là một thợ thủ công nếu xét theo đôi tay và quần áo anh ta. Nói chung, đối với Barabbas dù thế nào cũng mặc: anh ta là ai và có vẻ ngoài ra sao, song không thể không để ý đến con người này, dù cho con người anh ta chẳng có gì đặc biệt. Tất nhiên, trừ cặp mắt xanh nước biển!

Cả con người to đùng này, và rõ ràng, tất cả những kẻ khác đều buồn buồn thế nào đó. Hình như, họ bàn tán về người đã chết, phải - có lẽ là như vậy. Chốc chốc họ lại thở dài náo nức - mặc dù là đàn ông. Nếu như Barabbas hiểu đúng, nếu như họ buồn thương ai đó, họ có thể đã nhường lại những tiếng thở dài này cho cánh đàn bà - cho những người mau nước mắt?

Bỗng nhiên, Barabbas nghe thấy tiếng nói rằng người của họ đã qua đời chính là người đã bị hành hình. Và bị hành hình mới ngày hôm qua. Hôm qua ư?

Barabbas lắng tai nghe, song những người ngồi bên tường càng hạ giọng nói nhỏ hơn, thế là Barabbas không còn nghe thấy gì nữa.

Họ đã nói về ai?



Đúng lúc này có nhiều người qua lại trên phố - nên không thể nghe thấy gì. Nhưng tới lúc yên tĩnh trở lại, Barabbas lại nghe thấy đôi điều, và anh hiểu ra rằng: đúng là họ đã nói về *con người đó*. về người đã bị...

Thật kỳ lạ... Chính Barabbas cũng vừa nghĩ đến con người đó. Lúc đi qua dưới cổng vòm đôi điện với cung điện và chợt nhớ ra. Còn khi đi qua nơi người đó để rơi cây thập ác, tất nhiên lại nhớ đến.

Và thế là những con người này cũng đang ngồi đây và nhắc tới con người đó. Thật lạ lùng! Con người đó có quan hệ gì với đám người này? Và vì sao họ luôn luôn thì thầm bàn tán? Chỉ có tay râu tóc hung to con đôi khi nói hơi to hơn nên có thể nghe thấy, rõ ràng đó là con người to quá cỡ không thể nói thì thầm được.

Liệu họ có đang nói về... về màn đen đó không? Về việc, khi con người đó chết trời đất bị tối sầm lại!...

Barabbas chăm chú lắng nghe, chăm chú tới mức, có thể đám người này đã nhận thấy. Đột nhiên, họ im lặng, không nói thêm một lời nào nữa, chỉ ngồi và liếc mắt nhìn anh. Sau đó, họ lại thì thầm về điều gì đó - anh không nghe thấy gì. Cuối cùng họ từ biệt người to cao và bỏ đi. Họ có bốn người, và không một ai thêm liếc nhìn Barabbas.

Trong đền chỉ còn lại Barabbas và người to cao. Anh định bắt chuyện với người đó, nhưng không biết bắt đầu ra sao. Con người đó ngồi yên, thỉnh thoảng lắc lắc cái đầu to bự và miệng méo xệch đi. Đó là biểu hiện của những con người bình thường: thậm chí chẳng cần phải che giấu nỗi đau khổ của mình. Cuối cùng thì Barabbas hỏi thẳng người đó đang buồn về chuyện gì. Người đó sững sốt, giương cặp mắt tròn xanh lơ nhìn Barabbas và không trả lời. Một phút sau người đó cả tin ngấm nghĩa vị khách lạ rồi hỏi Barabbas có phải dân Giêruxalem không. Không phải, anh không phải dân vùng này. Thế rồi cuộc trò chuyện của họ ra sao? Barabbas đáp rằng quê anh ở không xa, trên các ngọn núi phía đông. Hình như người to cao yên tâm. Người to cao không tin những tay Giêruxalem đó, anh ta nói thẳng với Barabbas như vậy, anh ta không mấy may tin bọn họ, hầu như hết thảy đều là lũ cướp và bọn độc ác. Barabbas nhếch mép cười và thực lòng đồng

ý với người to cao. Thế thì bản thân anh ta là từ đâu đến? Chính anh ta? Phải, quê anh ta ở rất xa - rất xa. Cặp mắt trẻ thơ của anh ta định biểu lộ nơi đó xa tới mức nào. Và anh ta mong muốn biết bao được trở về đó, đã thân thiện nói với Barabbas rằng, chỉ có về nơi đó - chứ không phải ở Giêruxalem này - và anh ta không muốn đến bất kỳ nơi nào khác trên thế giới này. Chỉ có điều vị tất anh ta sẽ có dịp được thấy lại miền quê thân yêu, được sống và rồi chết ở đó như có thời anh ta đã nghĩ. Barabbas rất ngạc nhiên. Vì sao ư? Cái gì cản trở anh ta? Mỗi người tự mình làm chủ mà!

- Mà không được, - người to cao đáp, trầm ngâm suy nghĩ rồi nói thêm:  
- Không phải là như thế, không phải.

Vậy anh ta ở đây làm gì? - Barabbas không kiềm chế được câu hỏi đó. Người to cao không vội đáp, mãi sau mới bắt đầu thở lên: đó là vì Thầy Giáo.

- Thầy Giáo ư?

Đúng, chẳng lẽ Barabbas chưa từng nghe thấy về Thầy Giáo?

- Chưa bao giờ.

- Chưa bao giờ ư? Về người bị hành hình hôm qua trên Gongopha ấy?

- Hành hình ư? Không, chưa từng nghe thấy. Vì sao bị hành hình?

- Vì Ngài đã được định mệnh như vậy.

- Được định mệnh bị hành hình à?

- Phải. Trong sách Kinh nói thế. Chính Thầy Giáo đã tiên đoán ra điều đó.

- Chính Ngài à? Và trong sách Kinh đã nói à?... Barabbas mù tịt về sách Kinh và không hề hay biết gì về điều đó.

- Tôi cũng không được biết. Nhưng trong đó nói thế.

Barabbas tin ngay. Nhưng dù sao thì - vì sao Thầy Giáo bị hành hình, vì sao? Tất cả những chuyện này thật kỳ lạ.

- Vâng... theo tôi, cũng thế. Tôi cũng không hiểu vì sao Ngài phải chết. Và chết một cách khủng khiếp như vậy. Nhưng, như Ngài đã tiên đoán định mệnh Ngài phải chịu như thế. Tất cả đã diễn ra như trời định. Đã bao lần Ngài nói, - và cái đầu to đùng của người to cao ngẩng lên, - Ngài sẽ phải chịu đau khổ và chết thay chúng ta.

Barabbas nhìn anh ta.

- Chết thay chúng ta!

- Phải, thay chúng ta! Vô duyên vô cớ phải đau khổ và chết thay chúng ta. Rõ ràng, vì chính chúng ta có tội - chứ không phải là Ngài.

Barabbas ngồi yên nhìn ra đường và không hỏi gì nữa.

- Giờ đây những điều Ngài nói thật quá dễ hiểu, - Người cao to tự nói với mình.

- Và anh biết rõ về Ngài chứ? - Barabbas hỏi.

- Tất nhiên. Tất nhiên, biết rất rõ. Tôi đã ở bên Ngài ngay từ hồi đầu, lúc Ngài còn khởi đầu ở nơi đó, chỗ chúng tôi.

- Vậy, có nghĩa là, Ngài cùng quê với anh?

- Rồi sau đó tôi đã đi theo Ngài đến khắp mọi nơi, bất kể nơi nào Ngài tới.

- Để làm gì?

- Để làm gì ư? Sao anh còn hỏi nhỉ! Thật rõ ràng anh không hề hay biết về Thầy Giáo.

- Vì sao lại thật rõ ràng?

- Anh hãy hiểu cho, Ngài vốn có sức mạnh. Một sức mạnh không thể hiểu nổi. Ngài chỉ cần nói: hãy đi theo ta! Và anh sẽ đi theo Ngài. Vì sẽ không còn gì khác nữa. Sức mạnh của Ngài là như thế đó. Giả như anh được biết về Ngài, chắc là anh đã không hỏi. Và anh cũng đã đi theo Ngài rồi!

Barabbas im lặng. Một lát sau nói:

- Phải, có thể, Ngài là một người kiệt xuất nếu như mọi điều anh nói là sự thật. Nhưng một khi Ngài đã bị hành hình, vậy thì, sức mạnh của Ngài cũng đâu có ghê gớm lắm?

-Ồ không, không phải thế. Chính tôi lúc đầu cũng có ý nghĩ đó - vì đó mới chính là điều khủng khiếp nhất. Làm sao tôi lại dám nghĩ - dù chỉ trong giây phút - đến điều đó. Nhưng giờ đây, hình như, tôi đã hiểu ra cần có cái chết nhục nhã này để làm gì, giờ đây tôi đã cân nhắc kỹ và đã trao đổi với những người hiểu biết hơn tôi về sách Kinh. Anh hiểu không, té ra, Ngài - một người vô tội - cần phải chịu đựng hết thảy những cái đó mà thậm chí xuống cả địa ngục chính là vì người anh em của chúng ta. Song Ngài sẽ còn trở về và sẽ chứng tỏ toàn bộ sức mạnh của mình. Ngài sẽ phục sinh từ cõi chết! Chúng ta không hề nghi ngờ điều đó!

- Sẽ từ cõi chết sống lại! Nói nhảm nhí gì thế chứ?

- Không phải nói nhảm nhí! Chắc chắn sẽ phục sinh. Có ai đó nghĩ - thậm chí ngay sáng ngày mai thôi, bởi sự phục sinh sẽ xảy ra ở ngày thứ ba. Hình như Ngài có nói là sẽ ở dưới địa ngục ba ngày, bản thân tôi thì không được nghe nói. Nhưng hình như Ngài có nói như thế. Và ngày mai khi tảng sáng...

Barabbas nhún vai.

- Anh không tin à?

- Không.

- Anh không tin... thật tiếc cho anh... Bởi lẽ anh không được biết về Ngài. Nhưng chỗ chúng tôi có nhiều người tin Ngài. Thật đấy, vì có gì Ngài sẽ không được phục sinh chứ một khi Ngài đã làm những người khác đã chết sống lại?

- Ngài đã làm phục sinh ư? Làm sao có chuyện đó!

- Lại còn không thể nữa! Chính mắt tôi đã nhìn thấy mà.

- Chẳng lẽ đúng thế à?

- Hoàn toàn đúng vậy. Ngài đã làm sống lại. Bởi Ngài có sức mạnh mà. Ngài có đủ sức mạnh cứu tất cả mọi người, chỉ cần có mong muốn thôi. Chỉ cần Ngài có lòng mong muốn cố gắng cho bản thân thôi. Hiện thời Ngài chưa làm gì như vậy. Vậy tại sao với sức mạnh của mình như vậy mà Ngài lại cho phép hành hình mình? Phải, tôi biết, tôi biết chứ... song không dễ dàng hiểu được điều đó đâu. Anh thấy không, tôi chỉ là một con người bình thường, và không dễ gì hiểu rõ được tất cả những chuyện đó, người anh em ạ.

- Vậy là, anh không tin rằng Ngài sẽ hồi sinh chứ?

- Không, không phải, tôi tin. Tất nhiên, người ta nói đúng đấy. Rằng Thầy Giáo sẽ trở về và biểu lộ sức mạnh cùng niềm vinh quang của Ngài. Tôi không hề nghi ngờ điều đó. Và khi đó sẽ bắt đầu thời đại vĩ đại. Người ta còn nói: sẽ bắt đầu thế kỷ mới, thế kỷ hạnh phúc khi NGƯỜI CON TRAI NHÂN ÁI sẽ trị vì vương quốc của mình.

- NGƯỜI CON TRAI NHÂN ÁI nào?

- À. Ngài tự gọi mình là như thế.

- NGƯỜI CON TRAI NHÂN ÁI à?

- Phải Ngài đã nói như thế. Nhưng một số người lại nghĩ... không được, tôi không thể nào thốt...

Barabbas xích lại sát anh ta.

- Họ nghĩ gì?

- Họ nghĩ... họ nghĩ Ngài là con trai của chính Thượng Đế!

- Con trai của Thượng Đế!

- Phải... Chỉ có điều, khoan đã, không phải thế đâu. Thậm chí ngớ ngẩn nữa. Tốt nhất Ngài cứ trở về đúng như con người thật của Ngài.

Barabbas thật sự hoang mang.

- Nhảm nhí hết chỗ nói!... anh nói to. - Con Trai Thượng Đế! Con Trai Thượng Đế mà bị hành hình! Anh có hiểu không, làm sao có thể như thế được!

- Tôi đã chẳng nói với anh rồi sao, rằng - từ từ nào - đó không đúng là đúng sự thật. Và tôi xin nhắc lại, nếu anh muốn.

- Có kẻ mất trí nào lại có thể tin chuyện đó chứ? - Barabbas tiếp tục nói, và vết sẹo phía dưới mắt anh đỏ bừng lên như mỗi khi có điều gì đó làm anh mất tự chủ. Con Trời! Con Trời cái gì ông ta chứ! Cứ nghĩ xem, làm sao ông ta xuống được hạ giới chứ! Mà lại còn đi lang thang trên các vùng quê anh và thuyết giáo nữa!

- Vậy... thì tại sao chứ? Có thể có chuyện đó đấy. Tại sao lại không đi trên quê hương chúng tôi chứ? Tất nhiên, quê tôi là một vùng hẻo lánh, dù sao thì cũng phải có xuất xứ chứ! - Và người cao to nhìn Barabbas thân thiện tới mức tí nữa Barabbas cười phá lên. Nhưng anh quá hồi hộp không cười được. Toàn thân run rẩy và liên tục kéo tấm da dê lên che vai, mặc dù nó hoàn toàn không bị tuột xuống khỏi vai. Vậy thì cái sự kiện kỳ diệu xảy ra lúc Ngài qua đời thì sao? - Người to cao hỏi. - Anh có nghĩ đến điều đó chứ?...

- Điều kỳ diệu gì?

- Anh lạ thật, thế anh không biết khi Ngài chết trời trở nên tối mù ư?

Barabbas quay mặt đi và lau mắt.

- Và mặt đất đã bị rung chuyển và Gongopha đã bị nứt toác ra từ phía dưới lên trên cao ở chính nơi đặt cây thập ác ư?

- Không hề có chuyện đó! Tất cả chỉ do anh bịa đặt ra thôi! Làm sao mà anh biết được nó bị nứt toác ra? Lẽ nào anh cũng có mặt ở đó?

Và đột nhiên người cao to thay đổi hẳn nét mặt. Anh ta ngơ vực nhìn Barabbas rồi ngay lập tức nhìn xuống đất.

- Không, không có. Tôi không biết gì hết. Tôi không thể chứng minh được gì hết. - Anh ta lắp bắp. Sau đó cứ im lặng suốt và thở dài náo nề.

Cuối cùng, anh ta đặt tay lên vai Barabbas và nói:

- Anh biết không... Tôi không có mặt bên Thầy Giáo lúc Ngài bị hành hạ rồi chết. Tôi đã bỏ chạy. Tôi đã bỏ Ngài và chạy trốn. Thậm chí, trước khi bỏ chạy tôi còn phủ định Ngài. Và đây là điều khủng khiếp nhất. Tôi đã phủ định Ngài. Làm sao Ngài tha thứ cho tôi được lúc Ngài trở lại! - Rồi gục cái mặt to để râu xồm xoàm vào lòng bàn tay, anh ta bắt đầu lắc lư người từ bên nọ sang bên kia. - Sao tôi lại cư xử như vậy chứ! Làm sao con người lại có thể làm một việc như vậy được! - Cặp mắt xanh của anh ta đầm đìa nước mắt khi anh ta lại nhìn Barabbas - Đây, anh đã hỏi vì sao tôi buồn phiền. Giờ thì anh biết rồi. Giờ thì anh đã rõ tôi là loại người nào! Mà Chúa trời của tôi cùng Thầy Giáo lại biết rõ điều đó hơn anh. Thật đau khổ cho tôi biết chừng nào. Theo anh Thầy Giáo sẽ tha thứ cho tôi chứ?

Barabbas nói rằng, có lẽ, Ngài sẽ tha thứ. Anh đâu có quan tâm lắm đến những gì người to cao nói với anh, dù sao thì anh cũng đã nói như thế, chỉ là đáp chuyện thôi, mà chẳng rõ vì sao Barabbas thấy thích cái con người biết nhận ra lỗi lầm này, tựa như một tên tội phạm, mặc dù anh ta nói chung không hề làm việc gì xấu xa. Trên đời thiếu gì kẻ đi lừa bịp người khác, thử ngắm xem!

Người to cao nắm lấy bàn tay Barabbas và bắt tay thật nhiệt tình:

- Có thật anh cho là như thế chứ? Thật không? Anh ta hỏi lại giọng khàn đặc.

Đúng lúc này có một số người đi qua trên quảng trường.

Khi họ nhận ra người cao to râu tóc hung và nhìn thấy anh ta đang ngồi nói chuyện với ai, họ lạng người đi như không còn tin vào mắt mình nữa. Họ bỏ nhào đến chỗ người to cao, và mặc dù trong hành vi của họ lộ rõ vẻ kính trọng một cách kỳ quặc không đếm xỉa gì tới bộ quần áo thiếu nã trên người anh ta, họ hô tướng lên:

- Cậu có biết con người này là ai không?

- Không, - người cao to chân thật đáp, tôi không hề quen biết anh ta. Nhưng anh ta có tấm lòng thật nhân hậu, và chúng tôi vừa nói chuyện rất lý thú với nhau.

- Và cậu cũng không biết rằng đây là kẻ mà Thầy Giáo đã bị hành hình thay cho?

Người cao to bỏ tay Barabbas ra và đưa mắt nhìn hết người nọ đến người kia, không đủ sức che giấu vẻ lúng túng của mình. Những người kia qua vẻ mặt cho thấy rõ họ đang nghĩ gì về Barabbas, và còn nghe thấy rõ tiếng thở đầy vẻ nặng nề và căm phẫn của họ.

Barabbas đứng lên và quay ngoắt người khiến bọn họ không còn nhìn thấy mặt anh nữa.

- Cút đi, đồ bất lương! - họ quát Barabbas.

Và Barabbas chui người vào bộ da dê rồi bước đi đơn côi trên đường phố, không hề ngoái nhìn lại.

\*\*\*



Cô gái Môi Thỏ không ngủ được. Cô cứ nằm, mắt nhìn sao trời và suy nghĩ đến điều gì đó sẽ xảy ra. Không được, cô không được ngủ, cô phải tỉnh táo suốt đêm.

Cô gái nằm trên rơm rạ mà cô đã lượm được dưới hồ cạnh cổng Hồ Rác, còn quanh cô những người ốm rên rỉ, cọ quậy trong cơn mơ và có cả tiếng lục lạc kêu leng keng của một người hủi cố đi bộ để chế ngự cơn đau đớn. Những đồng rác rưởi ngổn ngang khắp khu thung lũng bốc mùi hôi thối đến ngạt thở, nhưng cô gái thì đã quen rồi, không nhận thấy mùi nồng nặc. Ở đây, không ai nhận thấy mùi đó.

Sáng tinh mơ ngày mai... Sáng tinh mơ ngày mai...

Thậm chí có ý nghĩ là sắp tới mọi người ốm đau què quặt sẽ đều được chữa khỏi bệnh, tất cả những người đói khát sẽ được ăn uống no đủ cũng thấy rất kỳ lạ. Thật không tin được. Chuyện này rồi sẽ ra sao? Bầu trời sẽ được mở toang ra, các thiên thần sẽ từ đó xuống trần gian và cho tất cả mọi người ăn uống no đủ - dù chỉ là những người nghèo đói thôi. Còn đám giàu có thì hãy mặc cho họ ăn uống ở nhà họ như cũ, và các thiên thần ngay lập tức sẽ ban phát đủ lương thực thực phẩm để tất cả những ai đúng là đang đói rách được ăn uống ngay tại đây, bên cổng Hồ Rác, khăn ăn sẽ được rải ra ngay trên mặt đất - những chiếc khăn trắng bằng vải bông sạch sẽ, và trên đó sẽ được bày biện đủ các loại đồ ăn thức uống và ai cũng sẽ có thể nằm xuống cạnh đó và ăn uống thỏa thích. Nói chung, tưởng tượng ra cảnh đó cũng chẳng có gì khó khăn cho lắm, chỉ cần nhớ rằng mọi cái sẽ hoàn toàn không giống như thực tại. Mọi cái sẽ thay đổi và trở nên khác hẳn...

Có thể, chính cô cũng sẽ có chiếc váy áo mặc, ai mà biết được? Có thể, váy áo màu trắng. Mà cũng có thể, cô sẽ mặc chiếc váy màu xanh? Bởi lẽ, mọi cái rồi sẽ thay đổi vì Con Trai Chúa Trời sẽ từ cõi chết phục sinh và một thời đại mới sẽ bắt đầu.

Cô gái cứ nằm và suy ngẫm về tất cả những chuyện đó, về việc những chuyện đó sẽ xảy ra như thế nào.

Ngày mai... Ngày mai lúc sáng tinh mơ... Thật lý thú là người ta đã dặn trước cô gái.

Tiếng lục lạc của người hủi vang lên ở ngay bên cạnh. Cô gái đã nhận biết được chúng, người hủi này đêm đêm vẫn đi qua nơi đây mặc dù đã có lệnh cấm: người hủi phải ở trong nhà mình, chỗ đất trũng nhất, nhưng cứ đêm đến con người này lại rời khỏi nhà đi. Chắc là, muốn gần gũi mọi người hơn. Có một lần người hủi này nói như vậy. Cô gái nhìn thấy người hủi đang thận trọng đi lại giữa những người đang ngủ dưới ánh sáng sao trời.

Cõi chết... Nó thế nào nhỉ?... người ta bảo, lúc này Ngài đang ở trong cõi chết... Nó có giống cái gì nhỉ?... Không, cô bé không thể hình dung nổi chuyện đó.

Lão mù đang rên rỉ trong cơn mơ. Cách đó một chút là chàng trai đã kiệt sức đang thở hôn hển, đêm nào cũng nghe thấy tiếng thở hôn hển của anh ta. Nằm ngay cạnh anh ta là chị phụ nữ người Galilây, một tay người đàn bà này run rẩy vì có một con quỷ lạ nào đó đã nhập vào thị. Và xung quanh còn có vô vàn những người ốm đau đang nằm lung tung - những con người đã tin tưởng rằng họ sẽ được chữa lành lặn trong dòng nước và đám người nghèo khổ được nuôi sống bằng thức ăn thừa bỏ đi tại nơi đây, trên bãi rác này. Nhưng ngày mai nơi đây sẽ không còn một ai. Họ đang nằm, cọ quây trong khi ngủ, và cô gái không còn thương xót một ai.

Có lẽ, vị thiên sứ sẽ bị chết đuối và nước sẽ ngay lập tức trở nên trong sạch? Và tất cả mọi người sẽ được khỏi bệnh sau khi đắm mình trong nước này? Và thậm chí cả đám người hủi cũng sẽ lành bệnh? Nhưng lẽ nào người hủi cũng được xuống dòng nước? Sẽ không bị xua đuổi đi? Ai mà biết được... Không một ai biết gì cả...

Mà có thể, sẽ chẳng có gì xảy ra với dòng nước, và nói chung mọi chuyện không phải ở chỗ dòng nước. Có thể, các đám thiên thần sẽ bay qua toàn bộ thung lũng Ghêhinôm, trên khắp mặt đất và những chiếc cánh thiên thần sẽ cuốn đi mọi bệnh tật, mọi nỗi buồn và đau khổ!

Thế đấy, có thể, tất cả sẽ như thế!

Sau đó, cô gái bắt đầu nhớ lại lần được gặp Con Trai Chúa Trời ra sao. Ngài đã trù mến với cô ra sao. Cho tới giờ chưa hề có ai trù mến với cô gái như thế. Cô có thể đã xin Ngài chữa khỏi khuyết tật cho cô, chỉ có điều cô không muốn ngỏ lời. Ngài đã giúp đỡ tất cả những ai thật sự cần có sự giúp đỡ, Ngài đã làm được những việc thật vĩ đại. Cô gái không muốn làm Ngài phiền muộn vì một chuyện nhỏ nhoi như thế.

Nhưng Ngài đã nói với cô gái một điều thật kỳ lạ, một điều rất chi là kỳ lạ, khi cô quỳ gối xuống mặt đường đầy bụi bặm, còn Ngài thì quay người và tiến đến bên cô.

- Nàng cũng đang chờ đợi ta ban những điều kỳ diệu ư? - Ngài nói.

- Không, thưa Đức Chúa, con không chờ đợi những điều đó. Con chỉ nhìn xem Ngài đi trên đường ra sao thôi.

Sau đó Ngài đã nhìn cô gái, cặp mắt Ngài nhìn mới hiền dịu làm sao, mới buồn làm sao, rồi Ngài đã vuốt má cô, và chạm cả vào miệng cô và môi cô vẫn nguyên như cũ không có gì thay đổi. Sau đó Ngài nói:

- Nàng sẽ xác nhận về ta.

Những lời nói kỳ lạ. Nó có nghĩa là gì? “Xác nhận về ta”. Và đó là việc của nàng ư? Thật khó hiểu. Cô gái sẽ xác nhận về Ngài như thế nào chứ?

Ngài dễ dàng hiểu rõ những gì cô gái nói, không như những người khác nói, ngay lập tức Ngài hiểu rõ. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là ở chỗ Ngài là Con Trai Thượng Đế.

Và còn đủ thứ - đủ các loại ý nghĩ mung lung trong đầu óc cô gái: nào là cặp mắt Ngài đã nhìn cô gái ra sao, khi Ngài nói với cô, nào là bàn tay Ngài thom ra sao khi tay Ngài chạm vào miệng cô... Mắt cô gái mở trừng trừng phản chiếu các vì sao sáng, và cô thấy ngạc nhiên về việc sao sáng tỏa ra mỗi lúc một nhiều hơn trong lúc cô nhìn chúng. Kể từ khi cô không còn sống ở nhà mình, cô đã nhìn thấy sao sáng không biết bao nhiêu mà kể... Chẳng hiểu sao trời là gì nhỉ? Ai mà biết được chúng. Tất nhiên, Thượng

Đế đã sáng tạo ra chúng, nhưng chúng là gì... ai biết... Nơi đây, ở hoang mạc này có nhiều sao lắm... Cả ở trên núi cao cũng rất nhiều sao... ở trên núi Gangala ấy... Song chỉ có điều không phải cái đêm nọ, không, không phải đêm đó...

Cô gái lại chuyển dòng suy nghĩ sang ngôi nhà ở giữa hai cây tuyết tùng... Mẹ cô đã đứng ở cửa nhà và nhìn theo gót cô đi xuống khuất dần dưới chân núi mang theo mình sự nguyên rửa... Phải rồi, họ cần phải tống cổ cô ra khỏi nhà để từ nay cô sống như loài thú trong các hang ổ... Cô cứ tiếp tục nghĩ đến cảnh mùa xuân đồng ruộng sao mà xanh làm vậy, còn mẹ cô khi đó đứng nghiêng người trong bóng tối ở cửa để cho kẻ đã chửi rửa không nhìn thấy...

Nhưng lúc này chuyện đó không quan trọng. Lúc này mọi chuyện đều không quan trọng.

Lão mù ngồi dậy và giồng tai nghe, lão đã thức giấc và nghe thấy tiếng lục lạc của người hủi kêu ra sao.

- Ê này, cút xéo đi! - Lão quát to và giơ nắm đấm đe nẹt màn đêm. - Cút khỏi đây ngay! Hừ, quen thói bậy bạ!

Tiếng kêu của lục lạc tắt ngấm trong màn đen, và lão mù lại nằm xuống và đưa bàn tay lên che cặp mắt nhỏ trống rỗng.

Thế còn lũ trẻ con đã chết - chúng cũng rơi vào cõi chết ư? Nhưng không phải như những đứa còn chưa ra khỏi bụng mẹ đã chết chứ? Khó có thể như thế... Và chẳng lẽ cả chúng cũng đau khổ? Chúng có tội tình gì nào? Mặc dù không thể nói chính xác được... Không nên nói chính xác điều gì.

“Quỷ tha ma bắt cái bào thai trong bụng người...”

Nhưng khi thế kỷ mới được bắt đầu, lẽ nào tất cả những lời nguyên rửa sẽ không tự thân bị triệt tiêu ư. Có thể là như thế. Song ai mà biết được?

“Quỷ tha ma bắt cái bào thai trong... bụng người...”

Cô gái rung mình như bị lạnh. Mong sao trời chóng sáng. Khi mọi chuyện sẽ bắt đầu! Cô gái cứ nằm ở đây lâu như vậy mà đêm vẫn chưa tàn! Đúng là trên trời cao các vì tinh tú đã sáng theo kiểu khác rồi, và vàng trắng non hình lưỡi liềm từ lâu cũng đã biến mất sau các ngọn núi. Bọn lính gác thay ca lần cuối, cô gái đã ba lần nhìn thấy các ngọn đuốc trên tường thành. Đúng rồi, đêm đã tàn. Đêm cuối cùng...

Sao mai đã hiện rõ trên đỉnh núi Ôliu kia rồi! Ngay lập tức có thể nhận ra nó vì nó vừa to vừa sáng làm sao, sáng hơn các vì sao khác nhiều! Chưa bao giờ sao mai lại rực sáng như hôm nay. Khoanh hai tay lên bộ ngực lép kẹp, cô gái cứ nằm và nhìn sao trời bằng cặp mắt rực lửa.

Sau đó, cô gái dậy và bỏ chạy vào trong màn đêm.

\*\*\*

Barabbas nằm co quắp sau bụi thánh liễu đối diện với cổ quan tài đá, ở phía bên này đường. Khi trời sáng anh sẽ nhìn thấy tất cả. Từ chỗ này nhìn thấy rất rõ. Mong cho vàng dương sớm mọc!

Tất nhiên, người chết không thể sống lại được, anh biết rõ điều đó, nhưng vẫn muốn tận mắt nhìn thấy tất cả, để khẳng định. Vì mục đích đó mà anh đã dậy rất sớm, trước lúc bình minh rất lâu và nằm ở đây sau bụi cây này. Dù sao, nói chung, anh cũng thấy mình thật lạ lẫm. Rước xác đến đây để làm gì chứ? Xét đến cùng, đối với anh thì không phải đảng nào cũng thể hay sao? Quan hệ gì đến anh nào?

Barabbas đã nghĩ, sẽ có rất nhiều người đến xem điều vô cùng kỳ thú này. Vì thế anh đã ẩn mình - để họ không nhìn thấy anh. Nhưng, hình như - trừ Barabbas - không có ai đến đây. Lạ thật.

Mà không - có ai đó đang quỳ gối, rất gần, ngay trên đường. Ai đấy nhỉ? Và làm sao lại thế, anh không hề nghe thấy tiếng chân bước? Có lẽ, đó là một người đàn bà. Thân hình xám xịt nọ gần như chìm lẫn trong bụi đường màu xám xịt.

Trời đã hừng sáng, tia nắng đầu tiên đã sắp đổ xuống vách núi trên đó có khoét lỗ quan tài. Mọi cái diễn ra nhanh tới mức Barabbas không nhìn thấy gì hết - thế mà Barabbas lại có mặt ở đây để quan sát! Quan tài trống không! Tấm nắp đã bị hất ra khỏi lỗ cửa quan tài và quan tài trong vách đá cũng trống rỗng!

Thoạt tiên anh sững sốt, cứ nằm đó và nhìn lỗ cửa quan tài, về phía - mà chính anh đã nhìn thấy - người bị hành hình đã được khiêng đặt vào, và nhìn phiến đá mà hôm trước chính mắt anh nhìn thấy người ta đã khiêng lấp cửa mồ đá. Nhưng sau đó thì Barabbas đã hiểu ra. Không hề có chuyện gì đặc biệt. Phiến đá đã bị hất ra từ trước khi Barabbas đến đây khá lâu! Và quan tài đã từ lâu đã trống rỗng. Kẻ nào đã hất được cửa đá ra và mang người chết đi - đoán ra điều này đâu có khó. Tất cả đã được đám đệ tử thực hiện giữa đêm khuya. Lợi dụng bóng đêm che phủ bọn họ đã đánh cắp thi hài Người Thầy kính yêu của mình, rồi sau đó sẽ công bố là Ngài đã phục sinh, chính xác như Ngài đã hứa. Đâu cần phải thật thông minh mới nhận ra điều này.

Thế rồi họ đã lĩnh đi đâu đó từ sớm, trước lúc rạng đông - khi mà người ta chờ đợi sự kỳ diệu xảy ra. Họ đã lần trốn rồi!

Barabbas từ chỗ đang ẩn nấp bước ra và tiến đến chỗ mồ đá để xem xét cho rõ hơn. Khi đi ngang qua cạnh người đàn bà đang quỳ gối cầu khẩn, anh đưa mắt nhìn và thật vô cùng sững sốt nhận ra cô gái Môi Thở. Barabbas lặng người đi - đứng nhìn cô gái. Cái bộ mặt xanh xao, mệt mỏi hướng nhìn về phía mồ đá, cặp mắt u mê không còn nhận biết được gì ở xung quanh. Đôi môi để mở, nhưng cô gái hầu như không thở. Vết sẹo thô kệch phía trên môi trắng bệch. Cô gái không nhìn thấy Barabbas.

Vừa kỳ lạ lại vừa xấu hổ thế nào đó khi Barabbas nhìn nét mặt cô gái. Và bỗng nhớ ra một điều - một điều vốn dĩ không mong nhớ đến - khi đó - cô gái cũng có bộ mặt như thế này. Và khi đó Barabbas cũng thấy xấu hổ... Anh nhún hai vai, xua đuổi cái hồi ức này đi.

Cuối cùng thì cô gái cũng nhận ra anh. Và cô cũng ngạc nhiên nhìn thấy anh, ở tại đây. Điều này đã rõ rồi - chính anh thấy sững sốt về bản thân. Anh thì có quan hệ gì với toàn bộ chuyện này?

Tốt nhất Barabbas nên giả vờ làm như tình cờ đi qua đây, tình cờ đi qua chẳng rõ đây là chốn nào, không hề hay biết gì về quan tài đá nào. Vì sao phải làm ra vẻ chứ? Tất nhiên, sẽ khó mà tin được, hơn nữa, cô gái sẽ không tin - dù sao anh cũng nói:

- Vì sao cô lại nằm ở đây?

Cô gái không ngẩng mặt nhìn anh, cũng không nhúc nhích người mà cứ tiếp tục quỳ gối như cũ, mắt chăm chăm nhìn về phía cửa quan tài trên vách đá. Barabbas chỉ nghe thấy rất khẽ lời cô gái thì thầm với chính mình:

- Con Trai Chúa Trời đã phục sinh...

Thật lạ lùng - lời thì thầm này đã làm anh cảm động. Trái ngược với lý trí anh cảm thấy một điều gì đó - anh còn chưa hiểu là điều gì. Anh cứ đứng ngây người và không biết nên nói gì, phải cư xử thế nào. Cuối cùng, Barabbas tiến lại bên quan tài đá như đã dự định, và đã khẳng định được là quan tài trống rỗng - mà điều này anh đã biết từ trước - và liệu có phải mọi chuyện đối với anh đều như nhau thôi không, vì điều đó chẳng hề có nghĩa lý gì mà. Rồi Barabbas trở lại chỗ cô gái vẫn đang quỳ gối. Cô ta có bộ mặt mới khoan khoái làm sao, mới bình tâm hân hoan làm sao khiến cho Barabbas thấy thương hại cô gái. Bởi lẽ, mọi chuyện không phải như vậy. Anh có thể kể cho cô gái biết, tất nhiên rồi, cái sự kiện phục sinh từ cõi chết này thực chất là gì, - song làm thế sẽ khiến cô gái giận... Liệu cô gái có hài lòng không? Barabbas không thể ép mình kể cho cô biết toàn bộ sự thật. Chỉ cần thận trọng hỏi xem, theo ý cô ta, chuyện đó - chuyện người bị hành hình phục sinh ấy - đã xảy ra thế nào?

Thoạt tiên, cô gái nhìn Barabbas vẻ khó hiểu. Lẽ nào anh lại không biết? Nhưng ngay sau đó - cô gái kể lại cho Barabbas nghe tỉ mỉ và đầy phần khích bằng giọng mũi - kể rằng vị thiên sứ đã từ trên trời bay xuống, vươn tay ra như một ngọn thương, và người rực lửa như khoác áo long bào. Và ngọn thương kia đã xiên vào khe giữa phiến đá và vách núi rồi tách chúng ra khỏi nhau. Hình như mọi việc thật đơn giản, mà đúng là mọi việc xảy ra thật đơn giản, mặc dù đó là điều kỳ diệu. Chuyện đã xảy ra như vậy đấy. Chẳng lẽ anh không nhìn thấy ư?

Barabbas cúi mặt xuống và nói rằng không, anh không nhìn thấy gì hết, còn trong thâm tâm anh thấy vui mừng vì đã không nhìn thấy gì hết. Nghĩa là, mắt anh đã lành lặn trở lại, mắt anh lại bình thường như của mọi người, và giờ đây anh không còn bị tưởng tượng gì nữa, anh nhìn mọi vật thấy đúng như chúng hiện hữu. Con người đó không có quyền hành đối với anh hơn nữa. Không hề có sự phục sinh nào, Barabbas không hề nhìn thấy gì như vậy. Còn cô gái thì vẫn cứ quỳ gối hoài, và cặp mắt cô gái rực sáng lên vì nhớ lại cái mà cô đã nhìn thấy.

Cuối cùng, khi cô gái đứng lên để bỏ đi, hai người cùng đi về phía thành phố. Họ ít nói với nhau, nhưng Barabbas hiểu rằng từ lúc họ chia tay nhau, cô gái đã tin tưởng người mà cô gọi là Con Trai Thượng Đế - cái con người mà Barabbas gọi là người chết. Nhưng khi Barabbas hỏi người đã dạy điều gì, cô gái không trả lời. Cô quay mặt đi và im lặng. Họ cứ thế đi cho tới ngã ba đường, cô gái phải tới thung lũng Ghêhinôm, còn anh tới cổng David, - và anh lại hỏi thẳng, người đó đã thuyết giáo về học thuyết gì - cái học thuyết mà cô gái tin tưởng ấy, mặc dù đây không phải là điều anh - Barabbas quan tâm. Cô gái đứng cúi gằm xuống giây lát, sau đó e lệ nhìn anh và nói - vẫn như mọi khi - một cách khó hiểu:

- Cần phải yêu thương nhau.

Sau đó, thì hai người chia tay nhau.

Barabbas còn đứng rất lâu nhìn theo bóng cô gái.

\*\*\*

Barabbas thậm chí thấy kỳ lạ là tại sao anh lại có mặt ở Giêruxalem, ở nơi anh chẳng có việc gì để làm cả. Anh lang thang trên đường phố chẳng ích lợi gì. Mà ở trên núi, có lẽ, người ta đang chờ anh, người ta không hiểu anh biến đi đâu mất. Anh ở lại thành phố để làm gì? Bản thân Barabbas cũng không biết.

Thoạt tiên, mù béo tưởng đó là vì mù, nhưng mù nhanh chóng hiểu ra là mình đã sai. Mù phần nào thấy bức mình, nhưng - trời ơi - đàn ông mà, tất



cả bọn đàn ông đều vong ân bội nghĩa, không được cung chiều chúng, vậy mà đêm đêm mục vẫn ngủ với anh và mục thích được như vậy. Thật dễ chịu biết bao khi nằm bên cạnh thị là một người đàn ông thực thụ tha hồ vỗ về yên ủi khoan khoái. Mà con người Barabbas còn có một ưu điểm: dù cho anh có nhổ toẹt vào mặt thị, nhưng mà anh cũng nhổ toẹt vào mặt tất cả mọi người - điều đó là cái chắc. Anh không cần một ai hết. Vốn dĩ đã thế rồi. Mà nói chung, mục thấy thích thú việc anh coi khinh mục. Có thể đấy khi hai người yêu nhau. Sau đó thì mục lại thấy đau khổ, có lần mục khóc hết hơi. Ấy vậy mà chuyện đó cũng không tệ hại. Thậm chí, còn lý thú nữa nếu chịu suy ngẫm. Mục béo rất có kinh nghiệm trong chuyện yêu đương nam nữ và không hề coi khinh chuyện yêu đương dù dưới bất cứ hình thức nào.

Nhưng vì sao Barabbas nằm lý ở Giêruxalem - điều này mục không thể hiểu nổi. Và anh biến đâu suốt ngày, anh làm gì chứ? Vì anh đâu thuộc loại lười biếng suốt ngày chỉ biết lang thang trên đường phố, anh là con người quen với cuộc sống lao động nặng nhọc, nguy hiểm. Không làm lụng, chỉ bẻm mép - không phải là mẫu người của anh.

Không đâu, anh đã không còn là mình nữa kể từ khi chuyện đó xảy ra, - kể từ khi thiếu chút nữa người ta đã hành hình anh. Bị bắt và rồi được thả, mục béo đã tự nhủ như thế lúc mục nằm phơi nắng hai tay bắt chéo trên cái bụng to bự. Và mục đã cất tiếng cười khanh khách.

Thi thoảng Barabbas lại bắt gặp những môn đồ của người bị hành hình nọ. Không ai có thể nói được gì về Barabbas tựa như anh rất cố gắng về điều này, đơn giản là vì anh tình cờ gặp họ ở chợ, trên đường phố và khi bắt gặp họ, anh thích thú dừng lại tán gẫu với họ, và Barabbas đã hỏi thăm họ về con người bị hành hình đó và về cái học thuyết lạ lẫm mà anh không có cách nào có thể hiểu được. Thương yêu nhau ư?... Anh không lui tới sân cung điện, ngay cả các phố của những người giàu có kẻ bên cũng thế, còn lang thang trên các ngõ - hẻm của phía dưới thành phố nơi có những người thợ thủ công ngồi và làm việc trên các quầy - quán nhỏ của mình cũng những người bán hàng rong rao hàng. Giữa những con người giản dị này cũng có rất nhiều sùng đạo và Barabbas thấy mến họ nhiều hơn nhiều so với những kẻ bắt gặp dưới những hàng cột lâu đài. Anh đã được biết đôi điều về những khái niệm kỳ quặc của họ, nhưng không thể hiểu nổi. Có thể, vì bọn họ đã giảng giải hết sức ngu ngốc.

Chẳng hạn, bọn họ thành kính tin tưởng rằng Thầy Giáo của họ đã phục sinh từ cõi chết và không lâu nữa sẽ tuyên ngôn chỉ huy quân Nhà Trời và sẽ khẳng định quyền cai trị của mình trên trái đất. Và người nào cũng lặp đi lặp lại một điều như vậy, rõ ràng, bọn họ đã được dạy thuộc lòng như vậy. Nhưng còn vấn đề Ngài là Con Trai Thượng Đế thì không phải tất cả bọn họ đều tin. Một số cho rằng điều này kỳ quặc thế nào ấy: bởi lẽ chính bọn họ đã nhìn thấy Ngài, nghe thấy tiếng Ngài, thậm chí đã nói chuyện với Ngài. Một người còn khâu cho Ngài đôi dép, đo kích cỡ nói chung nữa. Không, điều đó khó tin lắm. Một số khác nói là dù sao Ngài cũng là Con Trời và Ngài sẽ ngồi trên mây bên cạnh Cha. Song, trước tiên cái thế giới tội lỗi không phù hợp này phải bị sụp đổ đã.

Đây, những con người mới kỳ quặc làm sao!

Họ nhận thấy rằng Barabbas không hề tin vào những điều đó, và thế là tỏ thái độ e ngại đối với anh. Một số khác còn công khai tỏ ra cảnh giác đối với Barabbas và hầu như tất cả bọn họ đều muốn anh hiểu rằng họ không thật thích anh. Barabbas đã quen với cách ứng xử như vậy, nhưng lạ một điều là lúc này thái độ đó làm anh chú ý - một điều trước nay chưa hề xảy ra. Mọi người cứ muôn thuở muốn anh hiểu rằng họ không cần đến anh, và cố gắng lánh xa anh. Có thể, đó là do vẻ ngoài của anh, có thể do vết sẹo bị dao đâm trên má, không một ai biết vì sao anh bị vết sẹo đó, cũng có thể đó là do cặp mắt quá trũng sâu khiến không ai có thể nhìn thấy. Barabbas biết quá rõ những điều đó, nhưng việc mọi người nghĩ gì về anh thì có quan hệ gì với anh, chỉ đơn giản Barabbas không nhận biết gì về thái độ của họ.

Cho đến nay anh không hề biết điều này đáng làm anh quan tâm. Mà niềm tin chung của họ đã luôn luôn và trong mọi mặt kết hợp những con người này lại, còn bất kể ai không liên quan tới niềm tin này đều bị họ e ngại không muốn gần. Bọn họ có riêng hội ái hữu của mình và có những dạ hội yêu thương trong đó họ chia bánh mì cho nhau chẳng khác gì một gia đình lớn. Rõ ràng, tất cả những tình tiết này có liên quan tới học thuyết của họ: học thuyết dạy họ “hãy thương yêu nhau”. Nhưng vẫn không rõ họ đã yêu thương ai đó không phải người như họ, hay là không.

Barabbas không hề để tâm đến các buổi dạ hội yêu thương của họ, quá đủ rồi, thậm chí nghĩ tới là muốn lộn mưa. Để ràng buộc với một ai đó như vậy bằng một sợi dây thừng! Barabbas vốn dĩ là kẻ tự thân tự tại, và anh không muốn thay đổi cách sống.

Nhưng vì sao đó anh lại tìm cách gặp gỡ họ.

Anh thậm chí đã làm ra vẻ như muốn gia nhập hội ái hữu của họ, nói rằng, anh chỉ muốn hiểu rõ niềm tin của họ. Họ đáp rằng sẽ rất vui mừng về anh, rằng họ sẽ cố gắng giải thích rõ với Barabbas về những lời dạy của Thầy Giáo, song trên thực tế anh không hề nhận thấy niềm vui mừng đó. Rất kỳ lạ. Họ có lương tâm, nhưng họ không hề vui mừng trước đề nghị của Barabbas là họ có thể có một người cùng niềm tin mới, - mà họ thì vốn dĩ bao giờ cũng vui mừng về điều này. Vậy ở đây nguyên nhân là gì? Song, Barabbas biết rõ nguyên nhân. Đột nhiên, anh đứng dậy và chân bước dài đi thẳng, vết sẹo dưới mắt anh lại ửng đỏ.

Tin ư! Làm sao Barabbas có thể tin vào kẻ mà chính mắt anh đã nhìn thấy bị hành hình trên cây thập ác! Vào cái thân xác từ lâu đã bị chết và - anh đã nhận thấy thật chính xác, - không thể nào sống lại được! Họ chỉ tưởng tượng không đâu vào đâu! Không ai sống lại được từ cõi chết: kể cả “Thầy Giáo” siêu đẳng của họ, không một ai! Và nói chung! Barabbas không chịu trách nhiệm về việc khi đó bọn chúng đã chọn ai! Đó là việc của bọn chúng, không phải của anh! Bọn chúng muốn ai thì đã chọn ra người đó - đơn giản có thể thôi! Con Trai Thượng Đế! Nhưng ông ta mà Con Trai Thượng Đế cái nổi gì chứ! Giả thử như thế thật thì lẽ nào Ngài lại bị đóng đinh câu rút trên cây thập ác, hay tự Ngài mong muốn được như thế? Có nghĩa là, chính Ngài mong muốn thế! Thật kỳ quặc và ghê tởm - tự mình mong muốn bị đau khổ. Bởi nếu như Ngài đúng là Con Trai Chúa Trời, thì né tránh được điều này đối với Ngài dễ như trở bàn tay. Song Ngài lại *không muốn*. Ngài đã quyết định chịu đau khổ và chết cái chết khủng khiếp này và không muốn né tránh, và sự thể là như vậy, Ngài đã sắp xếp theo ý mình, và bọn chúng đã thả anh ra. Ngài đã hành động như vậy để Barabbas được tự do. Ngài đã thâu tóm rồi ra lệnh: hãy thả Barabbas, còn ta hãy đem ra hành hình.

Mặc dù, Ngài không hề là Con Trai Thượng Đế nào hết, điều đó rõ như ban ngày...

Ngài đã lợi dụng sức mạnh của mình một cách kỳ quặc, thậm chí rất kỳ quặc, cứ tựa như không hề có can ngăn gì, và tự Ngài đã sắp xếp theo ý muốn: để Ngài bị hành hình và thả Barabbas ra.

Đấy, bọn chúng đã tung tin tựa như Ngài đã chết vì bọn chúng, *thay cho chúng*. Chứ sao! Có thể lắm. Nhưng Ngài đã chết thay cho Barabbas thì là cái chắc, không một ai sẽ lại bác bỏ điều này. Và như vậy là, Barabbas thân thiết với Ngài hơn là bọn chúng, và hơn mọi người nói chung, Ngài có quan hệ với anh hoàn toàn khác, và đám người này còn chưa để Barabbas gần gũi mình! Anh đã được lựa chọn, có thể nói, - đã được lựa chọn để không bị đau khổ, để tránh bị mọi cực hình. Anh là người được lựa chọn thật sự, anh đã được thả tự do thay cho chính Con Trai Chúa Trời - chính Ngài đã mong muốn như vậy, và đã ra lệnh như vậy. Chỉ có điều đám người này không hề hay biết thôi!

Còn “hội ái hữu” và “những dạ hội yêu thương” của họ và cả “hãy thương yêu nhau” - những thứ này anh không cần. Anh là chính anh. Và trong quan hệ của mình với người mà bọn này gọi là Con Trai Thượng Đế - với người bị hành hình - anh cũng vẫn sẽ là chính anh. Anh đâu phải nô lệ của Ngài giống như bọn người này. Cứ việc cầu nguyện và thờ dài.

Mong muốn đau khổ - sao có thể như vậy chứ? Một khi không cần thiết, một khi không kẻ nào ép buộc Ngài? Thậm chí không thể tưởng tượng nổi điều đó và chỉ nghĩ đến điều đó đã thấy buồn nôn rồi. Chỉ cần nghĩ tới điều này, anh lại thấy hiện ra cái thân xác gầy gò, xanh xao, đôi tay khó có thể nắm bắt được gì, và đôi môi khô khốc tới mức chỉ có thể khẽ thốt lên được tiếng “nước”. Không được, anh không ưa cái con người tự lao vào những đam mê như vậy, đã tự ý treo người trên cây thập ác. Nói chung, Barabbas không ưa con người đó. Vậy mà đám người này lại sùng bái kẻ bị hành hình, đồng cảm với những đau khổ của Ngài, với cái chết đáng thương của Ngài - hoặc giả bọn chúng không cảm thấy cái chết đó là đáng thương? Bọn chúng sùng bái chính cái chết đó mà! Barabbas thấy kinh tởm, thậm chí nghĩ tới cũng buồn nôn. Và, anh đâu có cần học thuyết của bọn chúng, cũng

chẳng cần ngay chính bọn chúng, và cả kẻ mà bọn chúng tin tưởng nếu như nghe theo bọn chúng.

Không đâu, anh - Barabbas không thích cái chết. Anh căm ghét nó, anh nói chung không muốn chết. Có thể, vì thế mà có chuyện? Có thể lắm, bởi vì chính anh đã được lựa chọn - đã thoát khỏi tay tử thần? Nếu như người bị hành hình đúng là Con Trai Thượng Đế, nghĩa là Ngài - một Đấng Toàn Năng, và khi đó Ngài thừa rõ Barabbas không muốn chết - chẳng muốn đau khổ lẫn từ giã cõi trần ai. Thế là Ngài đã chết thay cho Barabbas! Còn Barabbas chỉ phải tiễn Ngài tới Gongopha và nhìn xem Ngài bị hành hình ra sao. Không đòi hỏi ở anh điều gì khác, nhưng như thế đối với anh cũng là quá lắm rồi, bởi lẽ anh căm thù cái chết và tất thấy những gì liên quan tới cái chết.

Phải, thì anh là người mà Con Trai Thượng Đế đã chết thay! Câu nói: hãy thả anh ta ra, còn ta hãy đem hành hình! Chính là nói về Barabbas chứ không phải về ai khác.

Barabbas đã nghĩ thế lúc anh từ bỏ đám người đó ra đi và sau khi đã thử liên kết với chúng. Trong lúc này anh bước những bước dài từ quầy hàng trong ngõ Thợ Gốm, nơi người ta đã cho anh hiểu rõ là người ta không vui được gặp anh.

Và anh đã quyết định sẽ không lui tới chốn này nữa.

Ấy vậy mà sang ngày hôm sau khi anh rớt cuộc lại đến chỗ họ, họ đã hỏi đối với anh có điều gì không hiểu về niềm tin của họ, và họ bộc lộ rõ ràng rất tiếc cho chuyện hôm qua, họ rất ân hận về sự đón tiếp anh rất lạnh nhạt và sẵn sàng giảng giải và khai hóa cho anh rõ, nếu như Barabbas nhiệt tình muốn biết. Vậy thì Barabbas đã muốn hỏi điều gì? Có điều gì anh không hiểu?

Barabbas quyết định là chỉ nhún vai và đáp là hoàn toàn không có điều gì anh không hiểu, và nói chung, anh không buồn cho lắm về điều đó. Nhưng sau đó, anh nói rằng, chẳng hạn, cái chuyện phục sinh ấy không thể lọt được vào đầu óc anh. Anh không tin rằng có ai đó từ cõi chết sống lại.

Họ ngược mắt khỏi bàn chuốt, liếc nhìn Barabbas rồi nhìn nhau. Sau đó, họ thì thầm với nhau, và người thợ cả hỏi, liệu Barabbas có muốn nhìn thấy người đã được Thầy Giáo phục sinh từ cõi chết hay không? Nếu muốn, họ sẽ dẫn Barabbas tới chỗ người đó, nhưng phải đến tối, sau giờ làm việc, bởi người đó đang sống không phải ở chính Giêruxalem.

Barabbas hoảng sợ. Anh không hề chờ đợi điều đó. Anh cứ ngỡ họ sẽ bắt đầu phân tích, giảng giải về những hiểu biết của họ, sẽ không ràng buộc anh bằng những chứng cứ thô lỗ như vậy. Tất nhiên, Barabbas hiểu rằng tất cả những cái đó chỉ là sự tưởng tượng của họ, là một sự lừa bịp tén người rằng con người đó rất đơn giản là không chết. Vậy mà dù sao Barabbas cũng hoảng sợ. Anh không hề muốn nhìn thấy con người đó chút nào. Nhưng anh lại không thể tiếp nhận và bày tỏ về những điều đó. Anh đành phải giả bộ như là rất biết ơn về lời mời đó và sẽ vui mừng có dịp được tận mắt chứng kiến sự vĩ đại của Chúa Trời và Thầy Giáo của họ.

Trong lúc chờ trời tối, Barabbas đi lang thang trên các phố và mỗi lúc lại lo lắng hồi hộp hơn. Đến cuối ngày anh lại tới lò gốm, và một cậu thanh niên dẫn anh đi ra cổng thành phố, lên núi Oliu.

Người mà họ cần gặp sống ở rìa một làng nhỏ, trên sườn núi. Khi người thợ gốm trẻ đẩy tấm liếp bằng rơm treo trên cửa ra vào sang một bên, họ nhìn thấy gia chủ đang ngồi quay sườn về phía họ bên chiếc bàn trên đó đặt hai bàn tay và mắt chăm chăm nhìn thẳng về phía trước. Hình như, gia chủ không nhận thấy các vị khách, cho tới lúc chàng thanh niên giọng trong trẻo chào gia chủ. Tới lúc đó, gia chủ mới quay mặt ra phía cửa và chào đáp lại bằng một giọng âm vang kỳ lạ. Chàng thanh niên chuyển tới người đó lời chào của các anh em trong ngõ Thợ Gốm và giải thích lý do họ đến đây, và gia chủ ra hiệu mời khách ngồi xuống bên bàn.

Barabbas ngồi phía đối diện rồi bắt đầu quan sát khuôn mặt gia chủ. Da mặt vàng vọt và thoát nhìn có nét cứng cõi như bằng xương. Da đã hoàn toàn khô khốc. Chưa bao giờ Barabbas dám nghĩ rằng lại có thể có một bộ mặt như vậy, và cũng chưa bao giờ và cũng chưa ở đâu anh nhìn thấy nét mặt bị bỏ rơi như vậy. Bộ mặt trông như cái hoang mạc.

Đáp lại câu hỏi của chàng thanh niên, gia chủ nói rằng đúng là mình đã chết, rồi sau đó được Thầy Giáo của họ - thầy tu người Galilây trả về với cuộc sống. Ông ta đã nằm trong quan tài bốn ngày bốn đêm, và thế rồi ông ta lại vẫn có cái cơ thể đó, vẫn tinh thần đó - như trước kia - ông ta không có gì thay đổi cả. Và Thầy Giáo đã phô diễn sức mạnh và uy danh của Ngài và chứng minh rằng Ngài đích thị là Con Trai Chúa Trời.

Gia chủ nói từ từ, không biểu cảm và luôn luôn nhìn Barabbas bằng cặp mắt xanh xao, không còn sức sống.

Sau đó họ còn chuyện trò đôi chút về Thầy Giáo và những công việc vĩ đại của Ngài. Barabbas không góp chuyện. Sau đó chàng thanh niên đi thăm cha mẹ - họ cũng sống ngay trong làng, để Barabbas ở lại với gia chủ.

Barabbas hoàn toàn không muốn ở lại đó một mình đối mặt với con người nọ. Nhưng anh cũng không thể đứng dậy bỏ đi, anh không có lý do nào cả. Còn con người đó vẫn cứ nhìn Barabbas bằng cặp mắt mờ đục lả lẫm hoàn toàn không biểu cảm gì hết, cũng chẳng tỏ ra chú ý đến Barabbas, tuy đang không hiểu sao lại có sức thu hút anh. Barabbas đã muốn bỏ đi, bật dậy và bỏ chạy, nhưng anh lại không thể bỏ chạy được.

Lúc đầu gia chủ ngồi im lặng, sau đó mới hỏi Barabbas là anh có tin vào giáo chủ của họ không, có tin rằng Ngài là Con Trai Chúa Trời không. Barabbas lấp bắp, nhưng rồi trả lời “không”, bởi vì lừa dối cặp mắt trống rỗng bàng quan trước mọi thứ này thì quả là kỳ quặc, mi có nói dối hay không. Gia chủ không hề giận dữ, chỉ gật đầu và nói:

-Phải, nhiều người cũng không tin. Bà mẹ anh ta hôm qua có đến đây và bà cũng không tin. Tuy nhiên tôi đã được Ngài phục sinh từ cõi chết để tôi trở thành nhân chứng cho Ngài.

Barabbas nói rằng thật đã rõ, ở đây cũng khó mà không tin, và vấn đề đã rõ, giờ đây anh phải mãi mãi biết ơn về việc người ta đã tạo được điều kỳ diệu lớn lao như vậy trên đầu anh.

Về điều này gia chủ nói với Barabbas rằng mỗi ngày ông ta vẫn cảm ơn vì đã được trả về với cuộc sống, vì từ nay ông ta sẽ không còn phải đến cõi

chết nữa.

- Cõi chết ư? - Barabbas thốt lên và tự anh nhận ra giọng anh hơi run run. - Cõi chết?... Nó thế nào? Ông đã ở đó rồi mà! Xin hãy kể xem sao!

- Nó thế nào ư? - Ông ta đáp và nhìn Barabbas vẻ bối rối. Rõ ràng là ông không hiểu thực chất câu hỏi của anh.

- Vâng! Ở nơi đó có gì? Ông đã trải qua những gì?

- Tôi không trải qua gì hết, - người đó bắt đầu dĩ đáp, có vẻ như không hài lòng trước đòi hỏi của Barabbas - Tôi đã chết rồi. Mà chết - đó là cái hư không.

- Cái hư không à?

- Phải. Vậy chứ nó còn phải là gì nữa?

Barabbas nhìn ông ta không rời mắt.

- Nghĩa là anh muốn tôi kể cho anh nghe về cõi chết? Tôi không thể kể về nó được. Cõi chết - đó là cái hư vô. Có nó đấy, nhưng nó là cái hư vô.

Barabbas chỉ có nhìn người đó không rời mắt, và bộ mặt vô hồn của ông ta làm anh hoảng sợ, ấy vậy mà Barabbas không thể rời mắt khỏi đó.

- Phải, - người đó nói cặp mắt vô hồn nhìn phía bên Barabbas, - cõi chết - đó là cái hư không. Nhưng đối với người nào đã hiện diện nơi đó thì mọi thứ còn lại đều là cái hư không. Thật lạ lùng là anh đi hỏi về nó, - ông tiếp lời - Những người khác không hề hỏi.

Và ông ta kể rằng các bằng hữu ở Giêruxalem thường cử người đến đây để ông ta truyền giáo cho họ, và nhiều người đã theo đạo. Ông ta đã phục vụ Thầy Giáo như vậy và đã bù đắp lại món nợ chưa trả về việc Ngài đã trả ông ta về với cuộc sống. Hầu như ngày nào anh thanh niên đó hoặc một người khác cũng dẫn ai đấy đến gặp ông ta, và ông ta đã chứng thực về sự



phục sinh của mình. Nhưng không hề nói gì về cõi chết. Không có ai hỏi ông ta về cõi chết.

Trong nhà bắt đầu tối. Gia chủ đứng dậy và châm đèn nơi cây đèn dầu treo ở trần nhà thấp lè tè. Sau đó ông ta mang bánh mì và muối ra, đặt lên bàn, bẻ bánh mì rồi đưa cho Barabbas, miếng của mình ông ta rắc muối lên đồng thời mời Barabbas cũng làm theo. Anh đành phải làm theo, mặc dù tay anh run lẩy bẩy. Và hai người đã lặng lẽ ngồi bên nhau và cùng ăn như vậy dưới ánh sáng lờ mờ của cây đèn dầu.

Con người này cũng đã không coi thường việc tổ chức dạ hội yêu thương với Barabbas! Không phải vì các người anh em ở ngõ Thợ Gốm! Ông ta không có sự phân biệt lớn đến như thế giữa mọi người. Nhưng khi những ngón tay khô khốc, vàng vọt đưa cho Barabbas miếng bánh mì vừa bẻ ra và anh buộc phải ăn, anh cảm thấy như mình đang nhai thịt người chết.

Và tại sao, tại sao ông ta lại cùng ăn với Barabbas? Dạ hội này ẩn chứa ý nghĩa thâm kín gì đây?

Khi hai người ăn xong, gia chủ tiễn Barabbas tới cửa và chia tay hữu hảo. Barabbas lấp bắp điều gì đó đáp lại rồi nhanh chóng đi vào đêm tối. Anh đi về hướng thành phố, xuống theo dốc núi, bước dài chân, trong đầu đầy ắp những ý nghĩ luôn ám ảnh.

Mụ béo rất sững sốt và sung sướng về việc tối hôm nao Barabbas đã thèm khát chiếm đoạt mụ. Cái tối đó anh ta chỉ đơn giản hăng hái thôi. Mụ không thể hiểu nổi vì sao, nhưng hôm nay đúng là phải an ủi anh. Vậy ngoài mụ ra thì còn ai có thể an ủi được Barabbas? Và mụ vẫn cứ mơ mộng là mình đã trẻ lại và có người đang yêu mụ.

Ngày hôm sau Barabbas cố gắng ở cách xa phía cuối thành phố - xa ngõ Thợ Gốm, nhưng có một người trong số họ đã nhìn thấy Barabbas ở dưới hàng cột Xôlômôn và ngay lập tức hỏi hôm trước có chuyện gì xảy ra. Vậy thì sao, lẽ nào người ta đã nói với anh không đúng sự thật? Anh đáp rằng đúng thế, con người đó đã bị chết và sống lại, không có gì đáng ngờ vực trong chuyện này. Nhưng bản thân Barabbas thì không hiểu, Thầy Giáo của

bọn họ cần phục sinh ông ta để làm gì. Tay thợ gổm choáng váng, mặt bị xám xịt lại bởi sự nhục mạ này đối với Chúa của họ, nhưng Barabbas đã quay ngoắt người và gã này chỉ còn chúc bỏ đi.

Có thể, chuyện đó đã được loan truyền không chỉ ở ngõ Thợ Gổm mà còn ở các ngõ thợ ép dầu, làm da, thợ dệt và tất cả các ngõ thợ khác, bởi vì sau đó, khi Barabbas lại tới đó thì anh nhận thấy những tín đồ trước đây vẫn nói chuyện với anh lúc này đột nhiên thay đổi. Họ chỉ im lặng, nghi ngờ liếc mắt nhìn anh. Trước đây họ chưa bao giờ có quan hệ thân thiết với anh, nhưng lúc này họ đã công khai bộc lộ sự không tin cậy của mình. Một ông già người gầy khô như con cá mắm hoàn toàn xa lạ với Barabbas đã ra đến bên anh và hỏi anh, Barabbas cứ lui tới chỗ họ để làm gì, anh cần gì ở họ, có phải được bọn cảnh vệ triều đình cử tới không, hay của vệ binh tổng giám mục, hay của Xađucây? Barabbas không thể nói được gì và anh nhìn ông lão đầu hói, phần hói trên đầu ông lão ửng hồng lên vì giận dữ. Từ lúc lọt lòng mẹ Barabbas chưa hề gặp con người này và cũng không hề biết ông ta là ai, chỉ thông qua sợi chỉ xanh và đỏ xuyên qua lỗ tai ông ta, anh đoán ông ta là thợ nhuộm.

Barabbas hiểu rằng họ đã nổi giận và thái độ đối với anh đã hoàn toàn khác. Trên khuôn mặt giờ đây anh chỉ nhận thấy sự lạnh lùng, thù địch, thậm chí một vài người còn soi mói nhìn anh công khai tỏ rõ là họ muốn lột trần bộ mặt thật của anh. Song Barabbas lại làm ra vẻ không hay biết gì.

Và thế là cuối cùng đã xảy ra sự cố. Như lửa cháy rừng, tin tức đã loan truyền tới khắp các ngõ xóm của các tín đồ và bỗng nhiên ai ai cũng biết không trừ một người nào! Đó chính là hắn ta! Hắn ta! Kẻ đã được trả tự do thay cho Thầy Giáo. Thay cho Đấng Cứu Thế, Con Trai Chúa Trời! Đó là Barabbas! Barabbas là kẻ được thả, tên cò mồi!

Những cặp mắt dữ dằn luôn dõi theo Barabbas, những cặp mắt rực lửa hận thù. Ngay cả khi anh hoàn toàn không lui tới chỗ họ nữa bảo tố hận thù cũng không lắng xuống.

- Barabbas là kẻ được thả! Barabbas là tên cò mồi!

\*\*\*

Thế là Barabbas đành co người lại, không gặp gỡ ai hết. Mà cũng không hề ra tới ngoài đường, chỉ nằm lì ở nhà mù béo sau tấm màn che hay dưới mái hiên lợp lá cọ nếu trong nhà quá ẩm ỉ. Ngày nọ qua ngày kia anh cứ sống như vậy, chẳng đụng tay tham gia vào việc gì. Thậm chí quên cả chuyện ăn uống; nếu như không đặt cơm trước mặt anh, không mời ăn thì Barabbas hoàn toàn không đụng đến cơm cháo. Anh không nhìn thấy gì ở xung quanh.

Mù béo nát đầu suy nghĩ không rõ có chuyện gì xảy ra với Barabbas, mù không hiểu gì hết. Nhưng lại không dám hỏi. Mù đành phải để cho anh được yên một khi anh muốn thế. Có nói gì với anh - anh sẽ không trả lời. Và nếu có ghé nhìn vào sau tấm màn che - anh muôn thuở nằm đó và mắt nhìn trần nhà. Đầu óc mù muôn vỡ tung ra. Anh bị điên rồi hay sao? Lý trí suy nhược ư? Không đâu, mù không hiểu gì cả.

Và đột nhiên lọt đến tai mù. Đó là khi qua mọi người mù được biết là Barabbas đã giao thiệp với bọn mất trí - bọn người tin vào kẻ nhỏ thó đã bị hành hình khi mà người ta muốn hành hình đích thân Barabbas! Thế là mù vỡ lẽ ra! Rõ rồi, vì thế mà anh trở thành con người như vậy! Giờ thì đã rõ mọi chuyện. Đó là do bọn chúng đã làm anh lú lẫn. Bọn chúng đã nhồi nhét vào đầu anh bất kể điều dó dẫn nào! Giao du với bọn vô học đó thì ai cũng sẽ mất trí thôi! Bọn chúng đã tin rằng kẻ bị hành hình đó là Đấng Cứu Thế, là gì, còn là thế nọ - thế kia nữa, và còn tin rằng con người đó sẽ giúp đỡ chúng và sẽ cho chúng tất cả những gì chúng cầu xin và con người đó sẽ trở thành hoàng đế ở Giêruxalem, sẽ tổng khư đồ cận bã không râu đi và còn đủ mọi cái ở đó nữa, mù chẳng biết đâu mà lần, bọn chúng học đòi cái gì, mà mù cũng không muốn biết, nhưng có điều ai cũng biết: chúng là lũ ngông cuồng. Ôi, trời đất ơi, anh có quan hệ với chúng để làm gì cơ chứ? Cần gì cơ chứ? Phải rồi! Giờ đây mù đã rõ cả rồi! Chính anh ấy bị người ta muốn hành hình, sau đó lại không hành hình, người ta lại hành hình Đấng Cứu Thế đó của chúng, mà đó là sự đam mê tuyệt đỉnh, bọn chúng buộc phải giảng giải hết mọi điều, thế này thế nọ, nói rằng không phải Ngài có tội, còn người ta rõ ràng làm theo ý mình, cái con người bé nhỏ kỳ diệu biết bao của họ là niềm tin của họ, con người đó vô tội và trong trắng, mà hơn nữa, Ngài là con chim quan trọng, và với một vị hoàng đế vĩ đại như vậy, vị Chúa cụ họ ấy, thì không được phép đối xử như thế, tóm lại họ đã nhồi nhét vào đầu

Barabbas quan điểm vô lý của họ, còn Barabbas thì cứ bối rối về việc mình không chết, về việc khi đó người bị chết không phải là anh. Rõ rồi, rõ rồi, vậy nó xảy ra như thế nào chứ!

Nghĩa là, đây là anh bị sốc bởi lẽ người ta đã không hành hình anh. Chuyện ngu ngốc thế đấy! Hỡi Barabbas, một trò cười, và chỉ có thể thôi! Bụng sẽ bung ra mất! Tất cả chỉ là do có thể, vấn đề thật rõ ràng.

Nhưng có lẽ, thế là quá đủ cho anh rồi. Đã đến lúc phải tỉnh táo lại. Mụ sẽ nói chuyện có đầu có đoạn với Barabbas. Có chuyện gì thế với anh! Chuyện gì mà lạ thế!

Nhưng mụ đã không nói chuyện được với Barabbas. Mụ cũng muốn đấy, song không ăn thua gì cả. Chẳng lẽ Barabbas lại sẽ đi nói về bản thân? Không được, nói chuyện đó không hợp với anh.

Thế là mọi cái vẫn nguyên như cũ, mụ cứ đi đi lại lại quanh Barabbas và đoán già đoán non chuyện gì xảy ra với anh. Có phải anh ốm không? Có thể, đúng là đang ốm? Anh gầy tọp đi, và vết sẹo dao Eliac đâm chỉ hơi hồng trên bộ mặt gầy guộc trắng bệch. Nhìn vẻ ngoài anh thật thảm hại thế nào đó, không còn giống chính anh nữa. Và nói chung anh đã trở nên không giống chính mình nữa. Cứ rông dài, nằm thèo thọt và nhìn trần nhà! Và đây là Barabbas! Barabbas là một con người như thế đấy!

Thế nhờ đột nhiên anh đã bị ngâm tráo đổi thì sao? Có thể đó không còn là anh nữa, đã có một kẻ nào khác, một linh hồn của ai đó được cấy vào người anh rồi thì sao? Có lẽ là thế! Linh hồn của kẻ đó - một người khác? Kẻ đã bị hành hình ư? Và cũng đã rõ, con người đó không muốn điều tốt lành cho Barabbas. Có thể, “Đấng Cứu Thế” đó khi linh hồn rời khỏi xác đã tóm lấy và thổi nó vào Barabbas để chính Ngài không chết mà lại trả được thù vì mối hận Ngài phải chịu, trả thù kẻ được trả tự do? Mà cũng có thể như vậy ư? Và nếu như để tâm suy nghĩ - Barabbas đã trở nên kỳ quặc từ thời điểm nào, mụ liền nhớ anh đã đến gặp mụ ra sao ngay sau khi anh được thả. Phải, rõ ràng, mọi chuyện đúng là như vậy. Chỉ có hơi khó hiểu một điều, làm thế nào tay giáo chủ khôn khéo cấy được linh hồn của mình vào con người Barabbas, bởi vì ông ta đã cho linh hồn mình thoát ra trên núi Gongopha, mà Barabbas thì không hiện diện ở nơi đó. Song nếu ông ta

mạnh mẽ đến như vậy - như thiên hạ đồn đại về Ngài, thì việc xuất quỷ nhập thần vô hình đi đâu tùy thích đối với Ngài có gì là khó! Với sức mạnh này Ngài có khả năng làm gì chẳng được.

Không rõ bản thân Barabbas có biết đã gặp chuyện gì không? Rằng con người anh bị cấy một linh hồn khác? Rằng bản thân anh đã chết, mà chính người bị hành hình đang sống trong con người anh? Anh biết hay không biết?

Có thể cũng không đoán ra, nhưng vì thế mà anh không thấy dễ chịu, ngay lập tức thấy rõ mào. Thật dễ hiểu: linh hồn kẻ khác là linh hồn kẻ khác, và nó không mong muốn điều tốt lành cho Barabbas.

Mụ thấy thương Barabbas, thậm chí không thể nhìn vào mặt anh, cực kỳ thương hại. Anh cũng không hề nhìn mụ, nhưng chỉ đơn giản vì anh không muốn. Mụ đã trở nên không còn cần cho anh, hoàn toàn không cần nữa, thế là anh không nhìn mụ. Và đêm đêm anh đã không còn muốn mụ nữa - đây mới là điều tồi tệ nhất. Còn mụ, ngốc ời là ngốc, lại rất thêm muốn anh - con người bất hạnh. Đêm đêm mụ cứ nằm và khóc, và giờ đây tình trạng này nói chung không còn cho mụ sự êm dịu nữa. Kỳ quặc thật... Mụ đã không nghĩ đến và không đoán ra sẽ có chuyện như vậy xảy ra với mụ.

Làm thế nào hấp dẫn được anh một lần nữa? Làm thế nào đuổi được kẻ bị hành hình ra khỏi anh và làm cho anh trở thành Barabbas như trước? Mụ không hiểu biết gì về cách trừ tà đuổi ma. Mụ không biết gì về việc này, vậy mà linh hồn đó lại rất mạnh mẽ và nguy hiểm, ngay lập tức thấy rõ là mụ thậm chí còn nể sợ nó, mặc dù không thuộc loại nhút nhát. Qua Barabbas cũng thấy ngay rằng linh hồn này mạnh mẽ ra sao, một khi nó đã dắt mũi được một chàng trai cao lớn, khỏe mạnh chỉ mới đây thôi còn là người yêu đời. Và làm sao anh lại như vậy? Loại như thế sẽ phải nể sợ đấy. Rõ ràng, nếu đó là linh hồn người bị hành hình, thì nó có một sức mạnh đặc biệt đấy. Vậy mà mụ lại không sợ anh cho lắm. Tuy nhiên mụ không cần những kẻ bị hành hình. Xin chân thành cảm ơn. Mụ có một tấm thân to lớn và đầy đà - ca cảm là có tội! - Và Barabbas thích hợp với mụ. Một Barabbas đích thực. Một Barabbas ở giai đoạn chưa bị lú lẫn đầu óc bởi ý nghĩ là chính anh phải bị hành hình. Còn mụ thì, chẳng hạn, sung sướng quá đi thôi vì anh không bị hành hình, vì anh được tự do!

Trong nỗi buồn cô đơn của mình mẹ bé đã nghĩ như thế. Nhưng sau đó bỗng nhiên mẹ có ý nghĩ là mẹ hoàn toàn không hay biết gì về Barabbas. Không hề biết anh đã gặp chuyện gì, linh hồn người bị hành hình có bị cấy vào con người anh hay không. Hoàn toàn không. Mẹ chỉ biết là mẹ không cần cho anh, và mẹ lại vô cùng say mê anh. Và khi nghĩ như thế, mẹ khóc nức lên và hiểu ra rằng mẹ là người đàn bà bất hạnh.

Trong thời gian ở nhà mẹ bé, Barabbas có mấy lần vào thành phố. Và một lần đã có chuyện này xảy ra với anh. Barabbas rẽ vào một ngôi nhà nhỏ - một túp lều thấp lè tè có các lỗ thủng ngay trên mái để lấy ánh sáng và sặc mùi hăng hắc của da và axit, có lẽ, đây từng là nơi thuộc da, mặc dù nó không ở phố Hàng Da, mà ở ngay sườn đồi kéo dài từ nhà thờ đến thung lũng Kedron. Nơi đây, có lẽ, trước kia người ta đã thuộc da của những con vật công được giết trong nhà thờ. Hiện giờ rõ ràng “xưởng thuộc da” đã bị bỏ hoang, máng và các thùng nước để dọc tường nhà đều bỏ không, mặc dù mùi da và axit vẫn còn nguyên. Trên nền nhà bừa bãi vỏ cây, đủ các thứ rác rưởi và bẩn thỉu.

Barabbas lẩn nhanh vào trong nhà rồi ngồi xuống ngay bên góc cửa. Và, sau khi ngồi xổm xuống đó anh bắt đầu quan sát căn nhà: nơi đây chật ních những người cầu nguyện. Anh chỉ nhìn thấy mặt một số người: nói chung chỉ những ai được tia sáng trời xuyên qua các lỗ hổng trên mái nhà chiếu vào thì mới hiện rõ, nhưng, có lẽ, mọi người cầu nguyện ở khắp mọi chỗ, cả ở chỗ mập mờ tối - từ đó vang lên tiếng râm ran chung. Thế rồi bỗng nhiên tất cả mọi người cùng cao giọng, kích động điên cuồng, và có ai đó đứng dậy và bắt đầu hăng hái chứng thực về Đấng Cứu Thế hồi sinh. Mọi người đồng loạt im lặng và quay về mặt phía diễn giả như chờ đợi sức mạnh của Ngài truyền đến họ. Khi diễn giả dứt lời, tất cả lại tiếp tục cầu nguyện hăng hái hơn trước. Barabbas không thể nhìn thấy mặt những người làm chứng này, và chỉ một lần lúc nhân chứng - diễn giả đứng lên ngay kề bên, anh mới nhìn thấy mặt người đó đầm mồ hôi. Có cảm tưởng con người này đã quên hết mọi thứ trên đời, và mồ hôi lăn trên đôi má hóp ông ta. Ông ta đã tuổi đã cao. Ông ta nói, cứ nói hoài, sau đó đột nhiên cúi gục người trên nền đất, chạm trán vào đất như tất cả mọi người khi cầu nguyện. Cuối cùng như nhớ ra rằng còn có Chúa Trời nữa, chứ không phải chỉ là người bị hành hình mà ông ta liên tục khẳng định. Sau đó từ góc xa vang lên một giọng nói

Barabbas thấy quen quen. Và, sau khi nhìn về phía đó anh thấy con người khổng lồ râu tóc hung gốc Galixây dưới ánh ánh. Anh ta nói bình thản hơn tất cả những người trước đó, và bằng giọng Galilây của mình - cái thứ giọng có thể làm tức cười bất kỳ ai ở Giêruxalem. Mặc dù vậy tất cả đều nghe anh ta chăm chú hơn nhiều so với tất cả những người khác, tóm bắt từng lời anh ta - mặc dù anh ta không nói lời nào đặc biệt như vậy. Đầu tiên anh ta đề cập một chút về Thầy Giáo “quý giá” của mình, không gọi Ngài theo cách khác được. Sau đó anh ta nhắc lại Thầy Giáo đã nói rằng bất kỳ ai tin vào Ngài cũng sẽ bị xua đuổi và bị chửi rủa vì tên tuổi Ngài. Và để cho tất cả thấy mọi người đều phải chịu khổ đau và luôn nhớ rằng bản thân Thầy Giáo cũng đã trải qua. Tất nhiên, bọn họ xét đến cùng là những con người đáng thương, yếu đuối, chứ không như Ngài, nhưng họ phải cố gắng chịu đựng mọi thử thách, không được từ bỏ Ngài, không được phản bội niềm tin của mình. Và anh ta không nói gì nữa. Và có nói thì chỉ cho chính mình chứ không phải với mọi người. Khi anh ta ngừng lời, tất cả những người có mặt thậm chí thấy thất vọng. Chắc hẳn anh ta đã nhận thấy điều đó và nói rằng bây giờ anh ta sẽ trân trọng việc cầu nguyện của họ - điều mà chính Thầy Giáo đã dạy anh ta và anh ta đã làm như vậy, và trong lúc anh ta đọc lời cầu nguyện, hình như mọi người rất hài lòng, nhiều người rất cảm động. Tất cả thấy đã có một sự hứng khởi nào đó. Thế rồi anh ta dứt lời, và những người đứng cạnh anh ta đã quay lại nhìn anh ta, tựa như họ sẽ hôn anh ta ngay bây giờ, vậy mà anh ta đã nhận ra họ - đó là họ đã quát tướng lên lúc trước: “Cút khỏi đây, tên bất lương!”

Sau đó còn có hai người đứng lên làm chứng, và họ tràn trề khí thế tới mức quên đi tất cả, thậm chí còn chao đảo người từ bên nọ sang bên kia. Từ góc nhà Barabbas đã theo dõi họ bằng ánh mắt tinh tường.

Và anh rùng mình: Ở một chỗ có tia sáng chiếu xuống là cô gái có cái môi thỏ, cô đứng đó áp hai tay vào bộ ngực phẳng lì và quay mặt xanh xao về phía ánh sáng. Anh không nhìn thấy cô gái kể từ khi hai người chia tay nhau bên quan tài đá, và cô gái càng gầy tọp đi hơn, trông vô cùng thiếu ngủ, hai má hóp lại vì đói, trên mình gần như được che đậy bằng mấy miếng vải rách. Tất cả đều sững sờ quan sát cô gái, rõ ràng ở đây không một ai biết cô gái. Rõ ràng đối với họ cô gái thật là lạ lẫm, mặc dù họ không hiểu thực chất đây là gì - chẳng lẽ là ở chỗ mớ vải rách rưới ư? - và họ phân vân chờ xem cô gái sẽ nói gì với họ.

Cô ta lên đến đây làm nhân chứng với mục đích gì? Cô đã tưởng tượng ra cái gì. Trong lòng Barabbas thầm “á” lên. Chẳng lẽ cô không hiểu rằng đây không phải việc của cô ư? Barabbas rất giận cô gái, mặc dù, nói chung, mọi chuyện đều không can hệ đến anh. Và cô chứng thực để làm gì?

Hình như, bản thân cô cũng không vui mừng: cô nhắm mắt lại như không muốn nhìn thấy ai ở xung quanh và chỉ mơ ước sao cho mọi việc nhanh chóng kết thúc. Vậy thì để làm gì? Có ai ép buộc cô đâu!

Và thế rồi cô gái lên tiếng. Cô nói giọng mũi về niềm tin của cô đối với cô đối với Chúa Trời và Đấng Cứu Thế, nhưng hình như cô không làm động lòng được ai. Ngược lại. Cô còn nói một cách phi lý và khó hiểu hơn mọi khi, bởi lẽ cô chưa quen với cảnh có bao nhiêu người thế này lập tức lắng nghe cô nói, và tất nhiên, cô mắc cỡ. Còn đám đông thì lại tỏ rõ là họ đã chịu khó lắm rồi, rằng họ không biết để mắt giấu vào đâu vì xấu hổ, một số khác thậm chí quay người đi. Cuối cùng cô gái lấp bắp điều gì đó, đại loại như: Lạy Chúa tôi, thế là con đã làm chứng về Người đúng như Người đã sai khiến!. Và rồi lại co quắp người lại trên nền đất. Cố gắng sao cho càng ít người để ý đến mình càng tốt.

Tất cả đều bối rối nhìn nhau. Tựa hồ như cô ta đã giuột họ. Thế rồi đột nhiên đúng! Có thể, nó đúng là như vậy! Có lẽ, tất cả đều muốn nhanh chóng bỏ về các ngả. Một trong số những người chủ chốt - một trong số những người đã nói: “Cút khỏi đây, tên bất lương!” đứng lên và tuyên bố đã đến lúc giải tán. Rồi nói thêm, chắc là tất cả đều đã hiểu rõ họ đã đến đây làm gì, tại đây, chứ không phải trong thành phố, và lần sau họ sẽ họp mặt ở một địa điểm khác, còn chưa ai rõ là sẽ ở đâu. Nhưng Thượng Đế, có lẽ, sẽ tìm được cho họ một nơi mà cái ác của thế gian không xúc phạm được họ, Người sẽ không bỏ rơi đàn con ngoan đạo của mình, Người là một nhà tu hành tốt bụng, và...

Barabbas không muốn nghe tiếp. Anh lẩn ra ngoài trước tiên, anh muốn lánh xa toàn bộ chuyện này càng nhanh càng tốt.

Anh thật ghê tởm.



Khi bắt đầu có các cuộc đàn áp, ông già mù vịn vào tay chàng thanh niên lúc nào cũng thở hổn hển, tiến đến chỗ những người truy lùng ở Hội đồng trưởng lão và nói:

- Một người đàn bà ở cổng Hồ Rác đã loan truyền tà đạo về Đấng Cứu Thế nào đó sẽ xuất hiện và làm biến đổi toàn thế giới. Ắ nói, tất cả những gì hiện có sẽ bị hủy diệt, và sẽ bắt đầu một cuộc sống mới tốt đẹp hơn, ở đó sẽ chỉ có ý chí của con người đó được thực thi thôi. Có nên tra tấn mù đàn bà này bằng đá hay không?

Là một người nhìn xa thấy rộng, người truy lùng đề nghị ông già mù kể lại một cách tỉ mỉ. Thực chất, lời buộc tội của ông lão dựa vào đâu? Và trước hết - Đấng Cứu Thế đó là ai? Lão mù đáp rằng đây chính là kẻ mà vì tin vào y là bị ném đá vào người, vì thế để có công lý cần phải xử tội cả mù ta. Chính tai lão đã nghe thấy mù ta nói tựa như Chúa Trời của mù sẽ cứu vớt tất cả mọi người, thậm chí cả lũ người hủi. Mù nói là y sẽ chữa trị khỏi cho chúng, và chúng sẽ trở nên sạch sẽ, không thua kém những người khác. Nhưng điều đó rồi sẽ ra sao? Đám hủi sẽ lang thang đến nơi nào chúng thích, và, có lẽ, không phải đeo lục lạc, và khi đó làm sao phân biệt được chúng, đặc biệt nếu như khi ta là một người mù? Liệu có thể cho loan truyền điều nhảm nhí đó được không?

Lão mù nghe thấy ở bên cạnh, trong màn đêm vị trưởng lão gãi râu rồi sau đó hỏi, liệu có ai tin những lời hứa hẹn của mù đó không?

- Cũng có người đấy, lão đáp, - Bọn lưu manh ở cổng Hồ Rác ấy có gì mà không muốn tin. Còn bọn hủi, thì quá rõ, bọn này đã vui mừng hơn hết. Mù lại còn giao du với bọn hủi, nghe nói đã nhiều lần mù đến tường rào gặp gỡ chúng, lo lắng cho bọn chúng, không biết nhục là gì. Có thể, thậm chí còn nhăng cuội với bọn chúng, ai mà biết được. Chính tôi thì không biết, nhưng tôi có nghe nói, đâu như mù không phải là đàn bà nữa. Nghe nói, mù đã giết chết cả đứa con nhỏ của mình. Chính tôi cũng không biết. Tôi chỉ được nghe mọi người nói thôi. Tai tôi còn nguyên vẹn, nhưng mắt thì không - tôi đã mù lòa rồi. Và đây mới là tai họa, thưa Đức Ông khả kính. Một tai họa lớn - đấy là làm kẻ mù lòa như tôi!

Ngài trưởng lão hỏi, thế mụ đã tập hợp được nhiều đệ tử cho “Đấng Cứu Thế” đó - như mụ phô danh hấn - mà đúng hơn - là kẻ bị hành hình đó.

- Nhiều đấy ạ. Tất thầy đều muốn chữa khỏi bệnh, mà y thì sẽ chữa khỏi cho tất cả, mụ hứa hẹn, cả những kẻ què quặt, điên dại, mù lòa. Vì vậy sẽ không còn sự khổ đau nào trên trái đất - dù ở cổng Hồ Rác hay bất kể nơi nào. Nhưng bây giờ thì bọn chúng đã bắt đầu nổi giận với mụ vì việc Đấng Cứu Thế vẫn chưa đến. Mụ đã hứa hẹn từ lâu, vậy mà y vẫn chưa đến, thì chúng đã ngán ngẩm rồi mà chúng giễu cợt, chửi rủa, điều này dễ hiểu thôi, cũng chẳng hoài hoi đêm đêm khóc tỉ ti và phá vỡ giấc ngủ mọi người. Chỉ còn bọn hủi là vẫn hy vọng, và có kỳ lạ không - mụ đã nhồi nhét vào đầu chúng không còn thiếu cái gì! Hứa hẹn với chúng tựa như chúng sẽ được phép vào đền thờ, sẽ được phép vào ngôi nhà của Thượng Đế.

- Đó là cho bọn hủi!

- Vâng.

- Làm sao mà mụ có thể điều toa đến thế?

- Nghe nói, không phải tự mụ hứa hẹn điều đó với bọn chúng, mà là Chúa Trời của mụ, mà Ngài thì mạnh mẽ toàn năng đến mức có thể hứa hẹn gì cũng được, muốn thay đổi gì tùy ý. Ngài quyết định cho tất cả vì Ngài là Con Trai Thượng Đế.

- Con Trai Thượng Đế à?

- Vâng.

- Con Trai Thượng Đế ư? Chính mụ nói thế ư?

- Vâng, nhưng vì đó là một sự báng bổ, ai ai cũng đều biết: Ngài đã bị hành hình, chứ sao nữa, và ai đã kết án Ngài, có lẽ đã hình dung thấy là họ đã làm gì?

- Chính ta là một thành viên luận tội!

- Vậy thì, ngài - thưa Đức Ông - Ngài thấy rõ hơn tôi: Y là ai.

Im lặng một lúc, và lão mù lại chỉ nghe thấy người đó gãi gãi râu trong màn đêm. Sau đó giọng nói vang lên là - nhất thiết phải triệu người đàn bà đến tòa án, để cho họ chịu trách nhiệm về niềm tin của mình và tự bào chữa cho mình - nếu họ có thể. Lão mù cảm ơn, giậm giậm chân, khoan thai cúi người chào rồi bắt đầu dò dẫm tìm cửa ra trên tường - ô cửa mà lão đã qua để vào đây. Để giúp lão, một thành viên của hội đồng đã cho gọi người hầu, và trong lúc chờ đợi ông ta hỏi lão này để đảm bảo đúng luật lệ: Lão có ác tâm với họ ta hay không.

- Ác tâm với họ ta ư? Mà vì có gì chứ? Tôi nói chung không có tâm địa ác độc với mọi người. Để làm gì chứ? Tôi có nhìn thấy người nào đâu. Không hề nhìn thấy một người nào hết.

Gã hầu dẫn lão ra ngoài đường, đã có chàng thanh niên luôn thở hển hển chờ lão bên cửa, lão mù vịn vào tay chàng trai rồi họ cùng bỏ đi...

Môi Thở bị kết án và bị dẫn đến bên phố vực - nơi những người bị kết án chịu hình phạt ném đá, và hồ này ở hơi chếch về phía nam thành phố. Đi theo sau là cả một đoàn người la hét và một trong số các chỉ huy đội bảo vệ đền thờ cùng người của y; đó là những người để trần tới thắt lưng, râu và tóc đều được bện thành từng tua, hai tay cầm roi da bò thiến đầu bịt sắt - họ làm nhiệm vụ giữ trật tự. Khi họ đến nơi, đoàn người hung hăng vây xung quanh hồ, viên bảo vệ dẫn cô gái xuống hồ. Nơi đó ngổn ngang toàn đá, và ở đó, đá bị thâm lại vì máu đen bám vào.

Viên chỉ huy bảo vệ ra lệnh cho tất cả im lặng, rồi người mõ của linh mục tuyên đọc bản án và nguyên nhân của nó rồi bổ sung rằng người đã kết án phải ném viên đá đầu tiên. Sau đó lão mù được dẫn tới bên miệng hồ và được giải thích việc lão phải làm. Nhưng lão mù lại không muốn nghe.

- Lão ném đá vào họ để làm gì? Lão có liên quan gì đến việc này? Mà lão cũng chưa bao giờ nhìn thấy họ!

Nhưng khi cuối cùng lão được thuyết phục rằng đó là luật lệ và không thể bỏ qua luật lệ được, lão liền cau có làu bàu:

- Vậy à!

Người ta đặt vào tay lão một hòn đá và lão ném đá xuống vực tối. Lại tiếp tục - và lại chẳng ăn thua gì, bởi lão mù đâu có hiểu mục tiêu của lão ở đâu, lão chỉ đơn giản ném đá vào đêm tối - mà màn đêm đen - thì chỗ nào cũng như chỗ nào.

Barabbas đứng ngay cạnh lão mù và cho tới lúc này không hề rời mắt khỏi cô gái ở dưới hố, vừa kịp nhận ra có kẻ nào đó đã kịp giúp lão mù. Con người đó có khuôn mặt khắc nghiệt, già nua, khô đét và trên trán đeo các giáo luật khâu vào các túi da nhỏ. Chắc là cuốn sổ tay. Y cầm tay lão mù hướng vào đích để cho cuộc hành hình tiếp diễn. Nhưng rồi cũng không trúng. Đá rơi xuống bên cạnh nạn nhân. Cô gái bị kết án đứng dưới hố, mắt sáng quắc mở to và chờ đợi kết cục sẽ ra sao.

Cuối cùng lão sùng đạo mất hết nhẫn nại, lão cúi xuống lấy một viên đá to, sắc cạnh và dùng hết sức già nua của mình ném vào cô gái. Ngay lập tức đá trúng đích, cô gái chao đảo người và bất lực thế nào đó giờ đôi tay khẳng khiu lên trời. Cả đám đông gào thét lên hân hoan, còn lão mộ đạo thì cúi người vươn về phía trước chiêm ngưỡng kết quả hành động của mình, rõ ràng rất hài lòng. Barabbas khẽ bước một bước sát lại lão, khẽ nâng cao chiếc áo to lên trên người lão rồi thành thạo, gọn gàng găm mũi dao vào người lão. Tất cả diễn ra nhanh đến mức không ai nhận thấy. Thiên hạ đâu để tâm đến việc này: họ đang tập trung vào kẻ bị hành hình, ra sức ném đá.

Barabbas tiến đến bên bờ vực và nhìn thấy Môi Thở lão đảo bước lên phía trước, hai tay giang ra và kêu to:

- Ngài đã đến! Đã đến rồi!... Ta nhìn thấy! Ta đã nhìn thấy Ngài! - Sau đó cô quỳ gục xuống, tựa như tùm vào vạt áo của ai đó, nói giọng mũi: - Lạy Đức Chúa tôi, làm sao con có thể làm nhân chứng cho Ngài? Xin hãy tha tội cho con, lạy Đức Chúa tôi, và hãy tha thứ...

Cô gục xuống đồng đá vấy máu và tắt thở.

Khi mọi chuyện kết thúc, những người đứng gần hơn đã nhìn thấy một người đang nằm chết. Và một người khác đang chạy theo vườn nho rồi mất hút trong rừng Ôliu nằm tiếp giáp với thung lũng Kêdrôna. Bọn bảo vệ lao đuổi theo, tìm kiếm nhưng không thấy. Tựa hồ mặt đất đã nuốt chửng con người đó.

Lúc đêm buông xuống Barabbas quay lại xuống hố vục. Anh không nhìn thấy gì trong màn đêm và phải mò mẫm đi. Anh đã tìm thấy tám thân đầy thương tích của cô gái ngay dưới hố, nó gần như bị đá vùi lấp: lúc đã chết rồi, nạn nhân còn bị ném đá mãi không thôi.

Cô gái sao mà bé nhỏ và nhẹ cân làm vậy, hầu như tay anh không có cảm giác nặng nề trong lúc mang cô lên dốc và đi tiếp vào trong đêm tối.

Barabbas mang cô gái đi nhiều giờ liền. Thi thoảng có dừng lại nghỉ, đặt tử thi bên cạnh mình trong màn đêm. Sau đó mây tan, các vì sao sáng lấp lánh, rồi trăng lên và thế là lại nhìn rõ vạn vật. Barabbas ngồi và nhìn cô gái đã chết, khuôn mặt cô gái hầu như không bị vết thương nào mới lạ chứ. Và so với lúc còn sống nó không bị xanh xao đi chút nào, có khi lúc còn sống xanh xao hơn đây! Hoàn toàn trong suốt và vết sẹo phía trên môi đã không còn nhận ra, hình như cô gái có vết sẹo đó hay không - điều này hoàn toàn không quan trọng. Và lúc này thì - nó đã không còn quan trọng rồi.

Barabbas còn nhớ khi đó anh đã tưởng tượng ra việc nói với cô gái là anh yêu cô ta. Và đã chiếm đoạt cô ta ra sao - không được, tốt nhất không nghĩ đến chuyện đó... Nhưng khi anh nói với cô gái rằng anh yêu, - anh nói để cho cô không tố giác và nghe lời anh, khi đó khuôn mặt cô mới rạng rỡ làm sao!

Chưa quen nghe thấy những lời như vậy... Anh chỉ đơn giản khi đó làm cho cô gái phấn khởi, vì có lẽ cô đã đoán ra là anh nói dối. Hoặc giả nàng đã không nói ra? Nhưng dù thế nào đi nữa, Barabbas đã đạt được mục đích: ngày nào cô gái cũng chạy đến gặp anh, mang thức ăn đủ để không bị chết đói, tự cô gái còn nằm ngủ với anh, thậm chí nhiều hơn mức cần thiết, và Barabbas đã tiếp nhận cô gái, bởi bên anh không có phụ nữ, phải tiếp nhận mặc dù cái giọng mũi của cô gái làm anh rất khó chịu, và anh đã đề nghị cô

nói ít thôi. Rồi đến khi chân anh lạnh lặn, tất nhiên, anh đã bỏ đi. Chứ còn sao nữa?

Barabbas đảo mắt nhìn khắp vùng đất trống trải trước mắt mình, cả vùng đất mênh mông và chìm đắm trong ánh sáng trắng tang tóc. Nó trải dài về tất cả các phía, điều này anh biết rõ. Anh biết rất rõ vùng đất hoang vắng này, nhắm mắt lại anh cũng hình dung thấy nó ra sao...

“Hãy thương yêu nhau”...

Anh lại nhìn thẳng vào khuôn mặt cô gái. Sau đó nâng cô lên và mang cô lên núi. Anh đi theo con đường mòn của lạc đà và cừu qua vùng đất trống Iudây, tới vùng đất Môavít. Con đường nhỏ này không lộ rõ, song phân gia súc, thêm vào đó là các bộ xương của chúng - phần còn lại sau bữa tiệc của lũ chó sói, vạch dấu các chỗ rẽ ngoặt. Anh đi suốt nửa đêm như vậy, thế rồi con đường mòn dẫn xuống phía dưới, và anh biết đã tới gần rồi. Barabbas len lỏi qua các khe vực hẹp rồi tiến ra gần như một miền đất trống khác còn trải dài hơn và u tịch hơn. Nơi đây vẫn tiếp dẫn con đường mòn, nhưng anh ngồi xuống nghỉ lấy sức, anh đã mệt lử bởi đoạn đường dốc... hơn nữa anh hầu như đã đến đích.

Liệu anh sẽ tìm thấy hay sẽ phải cầu xin ông lão? Anh thật không muốn đến chỗ ông lão, tốt nhất là xong việc mà không phải nhờ ông lão. Chắc là ông lão sẽ không hiểu, anh mang cô gái đến đây làm gì. Mà chính Barabbas cũng không hiểu rồi ư? Việc này có lợi ích gì? Song ngôi nhà của cô đây rồi, anh nghĩ thế... Nếu như ở đâu đó nói chung có ngôi nhà của cô gái... thì chẳng có cơ gì Gangan đã vồ về được cô gái yêu như vậy, và ở Giêruxalem cô đã không bị ném cho lũ chó càn cấn xé như vậy. Mà điều đó thật là tồi tệ. Mặc dù - có chắc là rồi đâu cũng vào đó không? Có gì khác nhau? Vậy nên, anh đã mang cô đến đây, nơi cô đã từng sống và bị xua đuổi và nơi cô sẽ được đặt vào chính chiếc quan tài - nơi có một đứa trẻ thơ đang nằm. Vậy có lợi gì cho cô gái? Chỉ đơn giản Barabbas muốn làm như vậy là vì cô gái. Làm “vui lòng” người đã chết - việc đó đâu có dễ.

Mà cô đâu có cần Giêruxalem chứ? Vì cơ gì cô liên hệ với đám tu sĩ dở hơi đó - lũ người đầu óc chỉ có biết sứ mệnh vĩ đại đã đến, tất cả phải nhanh chóng đến kinh thành của Chúa Trời? Giá nghe lời ông già thì tốt biết bao -

không bao giờ cô gặp phải những rủi ro như vậy. Ông lão là người không hề muốn rời khỏi quê hương, ông nói: đủ rồi, đã bao lần ông hy vọng, vậy mà tất cả đều - vô vọng, đã có không ít người tự tố giác mình về sứ mệnh. Tại sao con người này sẽ là chân lý? Còn cô ta - thì không, đi nghe lũ điên.

Và cô đang nằm đó - tắt thở, người đầy thương tích. Chỉ vì con người đó. Mà ông ta - là chân lý ư?

Là chân lý, hả? Vị cứu tinh của cả thế gian? Vị cứu tinh của cả loài người? Vậy thì tại sao ông ta không cứu giúp cô gái? Đã để lỡ cho cô gái bị ném đá chết vì ông ta ư? Nếu như ông ta là cứu tinh thì tại sao không cứu sống cô gái?

Nếu muốn, ông ta sẽ làm việc đó dễ như trở bàn tay. Nhưng không phải, hãy để cho ông ta chịu đau khổ, bản thân chịu đau khổ và để những người khác cùng chịu đau khổ. Và ông ta còn cần mọi người thừa nhận ông ta. “Thế là con đã làm chứng về Người đúng như Người đã sai khiến”... “Đã từ cõi chết sống lại để chứng nhận về Người”...

Không đâu, trong thâm tâm Barabbas không thích con người bị hành hình này. Barabbas căm thù ông ta. Đây là ông ta đã giết chết cô gái. Tự ông ta đã đòi hỏi cô gái hy sinh và đã theo dõi cô gái để cô không chạy trốn. Vì ông ta thậm chí đã có mặt ở đó, ở dưới hố vục, cô gái đã nhìn thấy ông ta, cô đã đi đến chỗ ông ta, đưa tay cho ông ta, cầu xin sự giúp đỡ, đã túm vạt áo ông ta - vậy mà ông ta không động đậy một ngón tay để cứu giúp cô gái. Và đó là Con Trai Chúa Trời! Người Con Trai Chúa Trời ban phát tình yêu! Vị cứu tinh của thế gian!

Tự mình Barabbas ít ra cũng đã giết chết kẻ đã ném viên đá đầu tiên trúng cô gái. Mặc dù anh đã làm như thế. Nhưng nói chung, ít ý nghĩa lắm! Dù sao đá cũng đã bay đi, đã trúng đích. Hoàn toàn vô tích sự. Nhưng đành vậy thôi. Dù sao Barabbas cũng đã kết liễu đời hắn.

Anh dùng lòng bàn tay chà xát cái miệng méo xệch của mình rồi nhếch mép cười thâm. Sau đó nhún vai và đứng dậy. Nâng cô gái chết lên, bọc bọc như một mồi vì cô gái và bước tiếp.

Anh đã đi qua xóm của ông lão, ngay lập tức anh nhận ra ông lão, còn nhớ rất rõ kể từ lần tình cờ gặp ông ta. Và anh nhớ lại, hai người đã đi như thế nào khi ông lão dẫn anh đến bên chiếc quan tài chứa trẻ sơ sinh. Hang ổ của những người hủi khi đó ở phía bên trái họ, còn của đám tu sĩ dở hơi - thì ở phía trước, nhưng hai người còn chưa đi tới. Phải, anh còn nhớ rõ mọi điều, mặc dù lúc này dưới ánh trăng trông mọi thứ có hơi khác. Đây, tại chỗ này họ đã đi xuống núi, còn ông lão thì vẫn kể chuyện về đứa trẻ sơ sinh đã chết rồi bởi vì nó nguyên đã bị nguyên rửa từ lúc nằm trong bụng mẹ, và ông đã an táng ngay lập tức cho đứa trẻ, bởi vì tất cả những gì được sinh ra đã chết rồi thì đều không trong sạch. “Sự nguyên rửa cái thai trong bụng người...” Người mẹ - khi đó không thể đến được, nhưng mà sau đó thường đến ngồi bên cỗ quan tài... Ông lão cứ nói, nói mãi...

Đây rồi sao? Hình như đây rồi... à, nó đây rồi, phiến đá này...

Barabbas đẩy phiến đá ra và đặt cô gái nằm bên cạnh đứa trẻ đã khô khốc. Anh đặt tấm thân bị rách nát - cố gắng sao cho cô gái được thoải mái hơn, và ngấm khuôn mặt cùng vết sẹo ở trên môi trên cô gái một lần nữa, giờ đây mọi cái đều không còn quan trọng. Cuối cùng anh đẩy phiến đá dậy kín lại, ngồi xuống và ngấm nhìn vùng đất trống trải. Vùng đất trống - anh nghĩ - giống như cõi chết, mà nàng thì đã ở nơi đó, anh đã mang nàng tới chốn đó. Và con người sau khi chết nằm ở đâu - điều này hoàn toàn không quan trọng, nhưng nàng đang nằm bên đứa trẻ khô khốc của mình, chứ không phải nơi nào nữa. Anh đã làm tất cả vì nàng, những gì anh có thể, Barabbas nghĩ thế và nhếch mép mỉm cười, tay gãi gãi bộ râu hung.

“Hãy thương yêu nhau...”

Khi Barabbas trở về thành phố, không ai nhận ra anh - con người Barabbas hôm trước nữa, anh đã thay đổi quá nhiều. Hai người khi đó có mặt ở Giêruxalem đã kể rằng, thật vậy, anh trở thành con người kì quặc thế nào đó, mà cũng thật dễ hiểu thôi: bao nhiêu năm trời anh ấy bị đày đọa trong tù ngục và tỵ nỡ thì đã bị hành hình. Có lẽ, sẽ chóng phục hồi thôi. Nhưng không phải, tình trạng ấy không thay đổi, mà đáng lẽ phải qua rồi mới đúng. Chẳng rõ, ở đây có căn nguyên gì, nhưng anh không còn giống con người mình nữa.



Nói chung, anh luôn luôn là người kì quặc, không bao giờ ta có thể hiểu nổi anh đang nghĩ gì, đang mưu mô gì, còn lúc này thì lại là việc khác, lúc này anh trở nên hoàn toàn xa lạ đối với họ và anh nhìn họ cũng thế, hình như, đang nhìn không quen biết, lần đầu tiên nhìn thấy. Họ giảng giải cho anh nghe các kế hoạch của họ - anh không để tai nghe và không bao giờ chêm một lời của mình vào. Cứ tựa như anh chẳng liên quan gì. Tất nhiên, anh đã tham gia các cuộc tấn công những tuyến đường buôn ở thung lũng Gioocđani, nhưng lại không thích thú thể nào đó và chẳng có mấy ý nghĩa. Nếu có gặp nguy hiểm, anh không chỉ không bỏ chạy mà còn tiến lại gần. Có thể, cũng là do sự bàng quan, ai mà biết được. Hầu như anh không muốn gì cả. Chỉ có một lần khi cướp đoàn xe tải cùng cả mẩu đất gồm toàn dân Giêrihôn của đại linh mục, đột nhiên anh trở nên hung bạo vì giận dữ đã chém chết hai tên trong đội bảo vệ đền thờ làm nhiệm vụ bảo vệ đoàn xe này. Vì sao không rõ, hai tên này không hề nghĩ đến việc chống cự, ngay lập tức đầu hàng khi chúng nhìn thấy sự hơn hạng của đối phương. Rồi sau đó anh còn chửi rủa mãi các xác chết và tất cả đều cho rằng như thế là quá quắt. Tất cả họ cũng đều căm ghét bọn bảo vệ này cùng cả bầy lũ của đại linh mục, song kẻ chết là thành quả của đền thờ, mà đền thờ là thành quả của Thượng Đế. Cả bọn không hề mảy may thấy kiếp đảm về thái độ của anh đối với các xác chết.

Mà nói chung không bao giờ anh tỏ ra hứng thú thực hiện một việc nào đó giống như từng tên trong đội cứ y như là công việc của chúng hoàn toàn không liên quan đến anh. Thậm chí khi chúng tấn công binh lính ở Roma, ở Gioocđani, ở trên đèo, anh cũng không cố gắng cho lắm - mà bọn này thiếu chút nữa đã hành hình anh, khi đó đồng đội đã nổi giận không phải chuyện đùa, họ cắt cổ tất cả bọn lính không sót một tên rồi ném xác xuống sông. Tất nhiên, không một ai dám nghi ngờ lòng căm thù của anh đối với bọn ức hiếp thần dân của Chúa Trời - lòng căm thù đó không thua kém gì những người khác, song, nếu ai ai cũng có thái độ lạnh lùng như vậy thì rõ ràng, đến đó sẽ gặp chuyện chẳng lành.

Một sự thay đổi khó hiểu. Bởi vì giá như có kẻ nào trong số họ là một người thật sự dũng mãnh như Barabbas! Có trường hợp anh tổ chức các cuộc tấn công táo bạo nhất và lúc xung trận anh luôn luôn là người đi đầu. Đối với anh không có gì là không thể được, việc gì anh cũng làm được. Vì lòng dũng cảm và sự thông minh tinh tường của anh, tất cả mọi người đều

tin tưởng anh trong mọi việc và đã quen với việc là các kế hoạch của Barabbas đều mang lại thành công. Anh hầu như đã trở thành thủ lĩnh của họ, mặc dù họ không thừa nhận các thủ lĩnh và không có ai yêu quý Barabbas. Có thể vì thế mà xảy ra mọi chuyện. Bởi vì anh là con người kì quặc và dễ cáu bẳn không giống như chính bọn họ. Cũng vì họ không hiểu rõ con người Barabbas như vậy nên anh luôn là con người xa lạ đối với họ. Về bản thân mình họ biết rõ tất cả, ấy vậy mà về Barabbas hầu như họ không biết gì và thật lạ là vì thế họ đặt hy vọng vào Barabbas. Họ thậm chí còn sợ anh và vì thế càng ngấm ngấm hy vọng ở anh. Mặc dù, tất nhiên, không phải, tất cả đều là thành quả của lòng dũng cảm và sự thông minh của anh, của thành công trong mọi việc do anh tổ chức.

Còn lúc này - ai cần đến vị thủ lĩnh - người hoàn toàn không muốn chỉ huy và nói chung không muốn gì hết? Người mà chỉ muốn ngồi bên cửa hang động, mắt chăm chăm nhìn đồng hồ bằng Gioocđani và xa nữa, nhìn biển cả được mệnh danh là Biển Chết? Người mà cứ nhìn bạn bằng cặp mắt khó hiểu tưởng như bị mắc cỡ? Muôn thuở im lặng, còn nếu đã mở miệng nói với bạn, bạn sẽ càng tin hơn: anh là con người mới kỳ quặc làm sao. Tự hào như mọi suy nghĩ của anh đang phiêu diêu ở nơi xa xôi nào đó. Thậm chí thấy tò mò. Có thể, tất cả chỉ vì anh đã bị giam hãm quá lâu ở Giêruaxalem và thiếu chút nữa đã bị hành hình? Mà hầu như người ta thật sự đã hành hình anh, và chỉ sau đó - sau khi bị hành hình - anh mới trở về với đồng đội.

Tiếp xúc với anh rất khó chịu. Chính họ không vui thích gì về việc anh có mặt ở đây - việc anh trở về đây. Đây không phải chỗ của anh. Anh hoàn toàn không thích hợp với vai thủ lĩnh - mà Barabbas còn có ích gì chứ? Té ra, anh hoàn toàn không có ích gì ư? Đúng, thật kì lạ, té ra là thế?

Vì nếu như còn nhớ rõ, không phải lúc nào Barabbas cũng là người chỉ huy và quyết định, là Barabbas dũng cảm, quyết đoán, là con người coi thường tất cả - cả nguy hiểm lẫn chết chóc. Lúc Eliahu chưa gây cho anh vết sẹo dưới mắt, anh không phải là người như vậy. Anh hoàn toàn không dũng cảm tới mức đó, mà thậm chí - ngược lại. Tóm lại, người ta còn nhớ rõ điều đó. Và thế rồi đột nhiên anh là một người đàn ông thực sự. Sau khi Eliahu xảo quyệt tấn công Barabbas và rõ ràng, muốn giết anh, và đôi khi định lao vào cuộc chiến tàn khốc, và Barabbas đã ném Eliahu đồ sộ, khủng

khiếu nhưng đã luống tuổi, nặng nề xuống vực sâu bên cửa hang động. Chàng trai nhanh nhẹn hơn, linh hoạt hơn, còn người chiến binh già với toàn bộ sức lực của mình không thể thắng được Barabbas, thật hoài công mưu mô làm thế. Và vì sao chứ? Vì sao Eliahu luôn luôn căm thù Barabbas? Không ai hiểu được điều đó. Nhưng ai cũng biết ông ta luôn luôn căm thù Barabbas.

Khi đó Barabbas trở thành thủ lĩnh của họ. Mà cho đến giờ con người này vẫn chẳng có gì nổi bật. Anh trở thành người đàn ông thực sự chỉ sau khi kiếm được vết sẹo trên mặt.

Họ đã thì thầm, thì thầm với nhau như vậy.

Nhưng có một điều họ không biết, và không một ai biết là Eliahu - người được họ nhớ rất rõ đó - chính là cha đẻ của Barabbas. Điều đó không có ai biết, không một ai có thể biết. Mẹ của anh người Môavit, bị bắt khi đoàn thương gia bị cướp trên đường đến Giêrihôn, và tất cả đám cướp tha hồ làm nhục bà, sau đó bán bà ở Giêruxalem cho nhà chứa. Khi ở đó nhận ra bà sắp sinh con, chủ chứa không muốn giữ bà ở lại và bà bị đẩy ra ngoài đường: tại đó người ta phát hiện ra bà đã chết. không ai biết đứa trẻ là con ai, và chính bà cũng không nói, có thể chỉ thốt lên là bà nguyên rủa đứa trẻ ở trong bụng và cho nó ra ngoài đời rồi bà căm thù cả bầu trời lẫn mặt đất, cả Đấng Sáng Tạo ra bầu trời và mặt đất.

Không, không một ai biết gì về điều đó. Kể cả những kẻ thì thầm với nhau trong hang động. Cả bản thân Barabbas đang ngồi bên cửa hang và dõi mắt nhìn xuống vực thẳm, nhìn rừng núi Môava cháy trụi và nhìn biển cả mênh mông được đặt tên là Biển Chết.

Barabbas cũng không hề nghĩ đến Eliahu, mặc dù anh đang ngồi ở chính nơi anh đã ném ông ta xuống vực hồi nào. Không biết do nguyên nhân nào, mà nói đúng hơn hoàn toàn không có lý do nào - anh đã nhớ tới bà mẹ của Đấng Cứu Thế bị hành hình, tới việc bà đã đứng nhìn đứa con trai của mình bị đóng đinh câu rút ra sao, nhìn con người do bà sinh ra! Barabbas đã nhớ tới đôi mắt không rơi lệ của bà, tới khuôn mặt nông dân, thô kệch của bà không hề biết bày tỏ nỗi đau thương của mình, hoặc có thể, bà không muốn bộc lộ nỗi đau của mình trước những người xa lạ? Và anh còn nhớ rõ cái

nhìn trách cứ của bà khi đi ngang qua - cái nhìn chiếu thẳng vào anh - Barabbas, tại sao lại chính vào anh? Cứ như là không còn trách cứ ai nữa!

Anh vẫn thường nhớ đến đồi Gongopha, tới những gì đã xảy ra ở đó. Và nhớ đến bà ta - người mẹ của...

Barabbas nhìn và cứ nhìn hoài các ngọn núi ở phía Biển Chết, xem bóng tối đổ xuống các ngọn núi, xuống miền đất Môavit ra sao.

Bọn họ nghĩ nát óc tìm cách loại bỏ con người này. Họ mơ ước tránh khỏi tiếng cười chê, nhục mạ không cần thiết, mơ ước không phải thấy bộ mặt cau có mang lại nỗi buồn và làm chết bất kì niềm vui nào. Nhưng phải xử lý việc này ra sao? Đột nhiên bắt giữ rồi nói rằng anh ta không còn cần thiết cho họ nữa, đã trở thành kẻ thừa, rằng tốt nhất anh ta hãy bỏ đi ư? Ai sẽ nói điều đó với anh ta? Không có ai đặc biệt muốn nhận. Trung thực mà nói, không ai có dũng khí nói. Sự sợ hãi một cách phi lý, ngu dại đã ẩn sâu trong mỗi con người họ, hoặc bạn có gọi tên điều đó là gì gì đi nữa. Và họ vẫn tiếp tục thì thầm to nhỏ rằng họ đã chán ngấy anh ta, rằng họ không yêu quý anh ta, trước đây chưa bao giờ yêu quý, có thể, đó là vì anh ta mà họ không thành công, như vừa rồi họ đã mất hai đồng đội, mà làm sao thành công được khi cạnh anh là kẻ tử tội. Một sự ác cảm ngấm ngấm, dữ dội bao trùm hang động, và hầu như mọi con mắt căm thù đều dõi qua làn ánh sáng mập mờ tới chỗ một con người đang ngồi đơn côi trên miệng vực thăm, tựa như chiếc đỉnh chột số phận đen tối. Làm thế nào thoát khỏi anh ta?

Và thế rồi - một lần lúc rạng đông anh ta biến mất tăm, không thấy anh ta đâu. Lúc đầu, mọi người cho rằng anh ta bị chấn thương não - và đã lao xuống vực chết hoặc có một ác quỷ nhập vào anh ta và đã đẩy anh ta xuống đó. Có thể, đó là linh hồn Eliahu đã lang thang cùng anh ta? Họ sục sạo dưới vực sâu, tại nơi trước đây đã tìm thấy thi thể giập nát của Eliahu, nhưng không tìm thấy Barabbas ở đó. Và không đâu có dấu vết của Barabbas. Anh đã biến mất.

Ngay lập tức họ thấy nhẹ nhõm hẳn, và họ trở về căn cứ của mình trên núi cao vút lúc này nóng bỏng bởi nắng trời.

Không một ai được biết gì một cách chắc chắn về số phận Barabbas sau đó, về việc anh đã bỏ đi đâu và sinh sống ra sao trong lúc còn là một người đàn ông cường tráng. Có vài người nghĩ sau khi biến mất khỏi đồng đội anh bỏ đến vùng đất trống - đến hoang mạc Iudây hoặc khu Xinai, và ở đó chìm đắm trong những suy tư, đơn độc về thế giới của Chúa Trời và của loài người. Ngược lại, có những người lại nói hình như anh đến chỗ dân Xamari - tộc người thù ghét đền thờ Giêruxalem và giới mục sư lẫn đám người lăm chũ và đầu như vào dịp lễ hội Cây Xuân của họ trên ngọn núi thiêng khi giết lợn con tế thần họ đã nhìn thấy anh ta quỳ một gối chờ mặt trời mọc trên dãy núi Garidim.

Có một người còn khẳng định chính xác rằng phần lớn thời gian anh chỉ làm thủ lĩnh băng cướp ở các sườn núi Libăng giáp với Xiri và khủng bố rất tàn bạo người Iudây, cả những người Thiên Chúa giáo nếu họ rơi vào tay anh ta.

Và, như đã nói, không một ai biết chính xác ở đây cái gì là thật, cái gì không đúng. Tuy nhiên cũng biết đôi điều là ngay từ thập kỉ sáu mươi, sau thời gian mấy năm làm ở các mỏ đồng thuộc một ông lớn người Roma ở Paphôt, anh ta là nô lệ ngay tại nhà của ông lớn đó. Vì sao anh ta bị bắt và bị kết tội phải làm việc trong mỏ - có hình phạt nào khủng khiếp hơn nữa đâu - điều này không ai biết. Nhưng điều kì lạ không phải ở chỗ anh ta đã rơi vào chôn đó, mà là ở chỗ sau lúc hiện diện tại địa ngục này, anh ta đã trở về với cuộc sống, dù chỉ là một tên nô lệ. Tuy nhiên, ở đây có thêm những hoàn cảnh đặc biệt.

Lúc này anh ta đã đầy nếp nhăn và bạc tóc, nhưng sau tất cả những gì đổ lên số phận của anh ta, anh ta vẫn là con người hấp dẫn đến kì lạ. Anh ta phục hồi nhanh chóng đến kì lạ và lại cường tráng gần như trước kia. Lúc thoát khỏi gông xiềng trông anh ta thật giống một thầy ma: thân hình khô khốc, cặp mắt không nhìn ai, vô hồn, chẳng khác gì hai cái giếng cạn. Khi cặp mắt lại bắt đầu nhìn ánh sáng trắng, cái nhìn vẫn đầy lo âu, hơn cả trước kia, cảnh giác như mắt chó, như bị truy lùng, song dần dần con người anh ta còn bộc lộ sự căm thù giống như bà mẹ đã nguyên rủa cái tác phẩm của mình khi bà sinh ra Barabbas. Và cái vết sẹo đã hoàn toàn không còn nhận ra dưới mắt lúc này lại đỏ hồng thành một vệt xuống hàng râu bạc.

Giá như anh ta không được nhào nặn bằng loại bột chắc chắn như vậy, vị tất anh ta đã có thể sống sót. Ở đây anh phải cảm ơn Eliahu và người phụ nữ Môavít, bởi chính họ đã cho anh cuộc sống. Mà cũng vì cả hai không yêu quý - cả hai cùng căm ghét anh. Hơn nữa hai người họ cũng không yêu nhau. Đây, tình yêu là cái thứ bé nhỏ như vậy đây. Song bản thân Barabbas đâu có biết anh nợ gì cả hai con người vừa căm ghét vừa ôm ấp nhau đó.

Anh đã sa vào một ngôi nhà lớn có nhiều nô lệ. Trong số đó có một người tên là Xaac, dân Acmêni cao kều, vụng về và gầy nhom. Do vóc dáng của mình Xaac suốt đời còng lưng. Anh ta có đôi mắt to, hơi trố và môi đen làm sao, luôn mở to, rực lửa khiến con người này như luôn bốc lửa. Vì có bộ tóc trắng cắt ngắn và bộ mặt như bị lửa thiêu nên có cảm giác anh ta là một ông lão, xong trên thực tế Xaac vừa bước qua tuổi bốn mươi.

Anh ta cũng từng bị xích trong suốt bao năm anh ta đã cùng chịu đựng bên Barabbas và đã có thể thoát ra khỏi đó cùng với Barabbas. Ấy vậy mà anh ta lại không thể ra đi được. Bị kiệt sức, râu tóc trắng xóa như mặt trăng, Xaac như bị mang trong mình dấu tích đi đày suốt đời, và bộ mặt anh đen như cột nhà cháy. Có cảm giác là anh đã trải qua một thử thách gì đó Barabbas không hề hay biết. Mà đúng là có như vậy.

Đám nô lệ rất quan tâm đến hai con người này - những kẻ đã thoát ra được khỏi nơi mà thường thường không ai sống sót ra được khỏi đó, họ rất muốn nghe hai người kể chuyện. Song cả hai cùng lặng thinh về dĩ vãng của mình. Nói chung hai con người có thái độ tách biệt nhau và hầu như không nói chuyện với nhau, mà không hiểu cái gì liên kết họ lại với nhau. Và họ lại luôn luôn ở bên nhau. Điều này thật kì lạ. Hai con người ngồi xuống ăn hay nghỉ ngơi đều ở cạnh nhau, kể cả ban đêm nằm trên rơm rạ ngủ cũng cạnh nhau, bởi vì họ bị xích chung một sợi xích.

Họ đã bị xích lại ngay sau khi được đưa từ đại lục tới. Ngay từ đầu nô lệ đã bị xích chung hai người một, và từ đó hai con người này phải làm việc bên nhau trong mỏ. Và họ đã không thể nào xa nhau được nữa, và những nô lệ - cặp sinh đôi này biết rõ về nhau như lòng bàn tay và thường đạt tới mức căm ghét nhau hết mức. Có trường hợp, họ vô duyên vô cớ lao vào đánh nhau như điên dại, cũng chỉ vì họ bị xích chung với nhau trong địa ngục.

Song hai con người này, hình như, lại chấp nhận nhau và thậm chí còn giúp nhau vượt qua gian khổ. Họ thường trò chuyện với nhau và bằng cách đó quên đi cái khốn khổ của kiếp đi đày. Như đã biết, Barabbas là người ít nói, song anh chịu lắng tai nghe những gì người khác nói với anh. Lúc đầu cả hai không bộc lộ về bản thân, họ im lặng về mình, mỗi người đều có những bí mật riêng, không muốn thổ lộ ra, và phải qua nhiều thời gian họ mới biết đôi điều về nhau. Một lần, cũng do tình cờ thôi được biết Barabbas là người Do Thái và gốc thị dân: người Giêruxalem. Xaac sôi nổi hẳn lên và ngay lập tức tuôn ra hàng loạt câu hỏi. Hình như, anh ta khá quen thuộc với thành phố này, mặc dù trong đời còn chưa bao giờ đến gần. Cuối cùng Xaac hỏi liệu Barabbas có biết về vị mục sư đã từng sống và sáng tạo ở đó - về nhà tiên tri vĩ đại được nhiều người tin tưởng. Barabbas hiểu rõ đó là ai, và anh trả lời là có nghe nói về con người đó. Xaac lại hỏi tiếp, song Barabbas trả lời quanh co rằng hầu như không biết gì. Thế Barabbas đã gặp con người đó chưa? Hừm... Nói chung thì có gặp. Xaac hình như ngỡ ngàng trước việc Barabbas nhìn thấy con người đó. Bởi vì một lúc sau anh ta lại hỏi có thật như vậy không. Và Barabbas lại đáp - mặc dù miễn cưỡng, rằng đúng, anh đã thấy con người đó.

Xaac để rơi chiếc choòng. Anh ta đứng trầm ngâm suy nghĩ, đứng như trời trồng bởi điều đã rơi đúng số mệnh anh ta. Mọi cái đối với anh ta giờ đây đột nhiên bị thay đổi, anh ta khó khăn lắm mới nhận thức được tin tức này. Hàm mỏ đã bị thay đổi. Bỗng nhiên mọi cái đều đã thay đổi. Anh ta đã bị xích cùng một xích với con người đã nhìn thấy Chúa.

Đúng lúc đó cái roi của tên cai nện vào anh ta - tên cai vừa đi ngang qua - Xaac cúi gập người xuống vì cú đòn, như muốn bằng cách đó tránh được đòn, bắt đầu nện choòng lia lịa. Tới lúc tên cai bỏ đi xa, Xaac người đầm đìa máu và cái thân hình dài ngoẵng run lẩy bẩy. Mãi anh ta không nói nên lời. Song chỉ ngay sau khi có thể thốt lên lời, anh ta lại hỏi Barabbas là đã thấy vị mục sư ở đâu và khi nào. Có lẽ, ở trong đền thờ, trong thánh đường? Có phải vào lúc Ngài nói về thế giới tương lai của mình không? Hay vào một lần nào khác? Lúc đầu Barabbas im lặng. Nhưng sau đó anh bắt đầu nói rằng anh đã thấy con người đó ở Gongopha.

- Gongopha à? Gongopha là cái xứ sở nào?

Barabbas đáp: Đó là nơi hành hình các tội phạm.

Xaac im lặng. Mắt nhìn xuống đất. Sau đó nói rất khẽ:

- Ra thế, nó là thế...

Đây là lần đầu tiên hai người nói với nhau về vị mục sư bị hành hình: đề tài này về sau họ thường nhắc đến.

Xaac muốn được nghe nhiều hơn về Ngài, về những lời thiêng liêng Ngài đã nói, về những điều kỳ diệu vĩ đại của Ngài. Chính Xaac cũng được biết là Ngài đã bị hành hình, chứ sao lại không biết. Giá như Barabbas kể cho anh ta nghe điều gì đó khác thì hay biết mấy.

Gongopha... Gongopha... Một cái tên kỳ quặc, xa lạ, bởi vì từ lâu anh ta đã được biết về nó, đã bao lần anh ta được nghe nói Đấng Cứu Thế đã chết trên cây thập ác ra sao và khi đó những điều kỳ diệu vĩ đại gì đã xảy ra. Xaac hỏi là Barabbas có nhìn thấy tấm rèm trong đền thờ sau khi bị rách làm đôi không. Và ngọn núi cũng bị nứt toác ra, có lẽ, anh nhìn thấy thế nếu chính anh đã có mặt nơi đó?

Barabbas trả lời là, có thể, mọi chuyện xảy ra như vậy, nhưng anh không nhìn thấy gì như vậy cả.

- Mà những người chết đã ra khỏi quan tài! Họ đã vùng lên từ cõi chết để chứng thực về Ngài, về sức mạnh và chiến thắng của Ngài!

- Phải... - Barabbas nói.

- Và cả mặt đất đã bị màn đen bao phủ khi Ngài trút hơi thở cuối cùng?

À, điều này thì Barabbas chứng kiến. Anh có nhìn thấy màn đen này.

Hình như, câu trả lời của Barabbas đã làm Xaac vui sướng mặc dù anh ta đang bị đè nén bởi các ý nghĩ về nơi hành hình khủng khiếp; anh ta đã nhìn thấy ngọn núi bị toác ra, trên ngọn núi là cây thập ác, còn trên cây thập ác - là Con Trai Chúa Trời được mang đến đó làm vật hy sinh. Đúng, tất



nhiên, Đấng Cứu Thế sẽ phải chịu đau khổ và chịu chết, Ngài phải bị như thế để cứu sống chúng ta. Đúng, tất nhiên rồi, dù cho không thể hiểu được điều đó. Nhưng Xaac hình dung thấy Ngài hân hoan hơn trong chiến thắng, trong thế giới riêng của Ngài, nơi mọi cái đều khác hẳn, không giống như ở nơi đây. Và giá như Barabbas người bị xích chung với anh ta còn nhìn thấy Đấng Cứu Thế ở một nơi nào nữa, không phải ở Gongopha thì tốt hơn nhiều. Mà tại sao anh lại nhìn thấy Ngài ở chính nơi đó?

- Thật kỳ lạ, - anh ta nói với Barabbas, - là cậu đã nhìn thấy Ngài chính tại đó. Và tại sao cậu lại có mặt ở đó?

Về điều này thì Barabbas không trả lời.

Một lần khác Xaac hỏi, có đúng là Barabbas trước kia - trước sự kiện đó - chưa bao giờ thấy Ngài phải không. Barabbas không trả lời. Nhưng sau đó anh nói là mình đã có mặt tại sân Tổng hành dinh khi mục sư bị kết án và kể lại mọi việc đã diễn ra khi đó như thế nào. Anh kể về ánh hào quang kỳ lạ bùng sáng lên cho anh nhìn thấy mục sư. Được nghe về ánh hào quang này, Xaac vui mừng khôn xiết. Và Barabbas lại không giải thích rằng mọi điều đã xảy ra như vậy vì khi đó anh được thoát khỏi ngục tù và mắt anh bị lóa vì nắng trời. Để làm gì chứ? Điều đó có lợi gì cho Xaac? Nói chung điều đó có lợi gì cho ai? Thế là anh không giải thích gì cả và mặc cho Xaac vui mừng, và Xaac đề nghị cứ kể tiếp - kể tiếp về điều kỳ diệu đó. Nét mặt Xaac rạng rỡ, niềm hạnh phúc như truyền sang cho Barabbas, hai con người này như chia sẻ hạnh phúc cho nhau. Và bất cứ lần nào Xaac đề nghị Barabbas, anh cũng đều kể lại lần mình chứng kiến điều kỳ diệu, và lần nào anh cũng như lại nhìn thấy ánh sáng xa xưa và kỳ lạ đó.

Một thời gian sau anh lại kể cho Xaac nghe về việc anh chứng kiến sự phục sinh của Thầy Giáo. Không đâu, anh không nhìn thấy Ngài đã phục sinh như thế nào. Không một ai nhìn thấy hiện tượng đó. Nhưng anh đã nhìn thấy thiên thần từ trên trời bay xuống, giơ bàn tay ra như một ngọn giáo và toàn thân rực lửa như khoác áo hoàng bào. Và ngọn giáo đã hất phiến đá ra khỏi quan tài, nó thọc vào giữa phiến đá và vách núi đá, tách chúng ra. Và Barabbas đã nhìn thấy quan tài đá trống rỗng...

Xaac nín thở nghe, cặp mắt to cả tin không rời khỏi Barabbas. Chẳng lẽ thế? Chẳng lẽ tên nô lệ bản thiêu, thảm hại này đã nhìn thấy tất cả những điều đó? Chẳng lẽ với sự chứng kiến của hắn đã xảy ra điều kỳ diệu vĩ đại - điều kỳ diệu trong số những điều kỳ diệu? Vậy thì hắn là ai? Và vì sao anh ta - Xaac - lại có được diễm phúc này: - Được xích cùng một sợi với một con người đã trải qua các sự cố như vậy, để được gần Chúa như vậy?

Xaac không còn làm chủ được mình nữa vì niềm hạnh phúc khi được thông tin chuyện này và anh ta hiểu ra rằng đã đến lúc anh ta phải bộc lộ bí mật của mình, không thể nào che giấu được nữa. Anh ta thận trọng đảo mắt nhìn quanh, tin chắc rằng bên cạnh không có ai khác mới thì thầm hứa với Barabbas cho anh xem cái gì đó. Sau đó dẫn anh đến chỗ cây đèn dầu đặt trên gờ mấu của tường đá và dưới ánh lửa rung rinh đã cho Barabbas xem biển số nô lệ của mình - anh vẫn đeo nó trên cổ. Tất cả các nô lệ đều có các biển số tương tự, và trên biển số có khắc dấu của chủ nô. Ở đây, trong gông cùm, trong các biển số của tất cả các nô lệ đều có dấu của Roma, họ là những nô lệ của quốc gia. Song trên biển số của Xaac, ở mặt sau hai người nhận ra các dấu thần bí, kỳ lạ không thể nào hiểu được. Xaac giải thích đó là tên của Đấng Cứu Thế đã bị hành hình - tức Con Trai Chúa Trời. Barabbas thì phân vân ngấm nghĩa những vết khắc kỳ lạ như trò ảo thuật, mà Xaac lại thì thầm rằng chúng chỉ có một ý nghĩa: anh ta, Xaac thuộc về Con Trai Chúa Trời, anh ta là nô lệ của Ngài, và anh ta cho phép Barabbas sờ vào tấm biển số. Barabbas đứng rất lâu tay nắm tấm biển số.

Bỗng nhiên họ có cảm giác tên cai đang đến. Không phải, họ đã làm, và cả hai lại cúi xuống xem vết chữ kỳ lạ. Và Xaac cũng cho Barabbas biết là một người Hy Lạp đã để cho anh ta biển số này. Tay Hy Lạp đó theo đạo Gia tô và cũng là nô lệ, và người đó đã kể cho Xaac nghe về Đấng Cứu Thế, về thế giới của Ngài - cái thế giới sắp được khởi đầu và dạy bảo phải tin vào thế giới đó. Xaac đã kết giao với anh ta lúc ở lò đúc. Ở đó không ai đậu nổi quá một năm. Tay Hy Lạp này chịu đựng không nổi một năm và, khi hắn hấp hối, Xaac nghe thấy tiếng thì thào trong cái nóng của lò rực lửa: “Lạy Chúa Trời, xin đừng bỏ con”. Và sau đó người ta đã chặt chân anh ta đứt ra - Làm thế dễ dàng tháo được cùm - và thân xác được ném vào lò lửa, ở đó ai chết cũng được giải quyết như vậy. Xaac nghĩ là cả anh cũng sẽ chịu số phận như vậy, không còn mong gì khác. Song ít lâu sau một phần đám nô lệ - có cả Xaac được đưa đến đây, ở đây cần rất nhiều nô lệ.

Vậy là, giờ đây Barabbas đã rõ anh ta là người Công giáo, anh ta là nô lệ của Chúa, - Xaac đã kết luận như vậy và cả tin nhìn Barabbas.

Sau đó mấy ngày liền Barabbas lặng thinh và dăm chiêu suy nghĩ. Cuối cùng anh hỏi Xaac bằng một giọng run run kỳ lạ, liệu anh ta sẽ khắc được vết chữ đó trên tấm của anh chứ.

Xaac sẵn sàng hứa là sẽ cố gắng. Đúng vậy, anh ta không biết các dấu thần bí, song có thể nhìn vào tấm thẻ của mình...

Hai người chờ cho tới lúc viên cai vừa đi qua, bằng cạnh sắc nhọn của một viên đá dưới ánh sáng mờ mờ của cây đèn dầu Xaac bắt tay vào khắc các dấu chữ một cách miệt mài. Bàn tay không thành thạo của Xaac không dễ dàng gì tạo ra được các đường nét khó hiểu, nhưng anh ta rất cần mẫn để chúng hiện ra giống hệt. Nhiều lần anh ta phải ngừng công việc: lúc thì có ai đó lại gần, khi thì họ cảm thấy thế, - tuy vậy cuối cùng các dấu chữ cũng đã khắc xong, và cả hai cùng cho rằng rất đạt. Mỗi người đều nhìn dấu chữ khắc của mình, nhìn dấu chữ thần bí mà cả hai đều không hiểu, song họ biết - đó là tên của người bị hành hình và cả hai là nô lệ của Ngài. Rồi sau đó hai người cùng vội quỳ gối nhiệt thành cầu nguyện Chúa của mình - Đấng Cứu Thế của tất cả những con người bất hạnh - cầu nguyện Thượng đế.

Tên cai đã nhìn thấy họ từ xa, họ nằm gục ở ngay bên cạnh cây đèn dầu và không còn nhận biết được điều gì - chìm đắm trong cầu nguyện. Tên cai lao vào đánh đập họ, tra tấn tới mức thừa sống thiếu chết. Thế rồi cuối cùng hắn cũng bỏ mặc hai người lại, và Xaac ngã gục xuống đất. Nhưng không, tên cai ngục lại đến, lại tra tấn Xaac và buộc anh ta phải đứng dậy. Hai con người chao đảo tựa vào nhau lại tiếp tục làm việc.

Đây là lần đầu tiên Barabbas bị hạn vì vị mục sư người xanh xao, ngực không một sợi lông đã bị hành hình thay cho anh.

Ngày lại ngày, năm tháng trôi qua. Họ đâu có phân biệt được ngày tháng, nhưng cứ tối tối họ lại bị đẩy vào ngủ cùng nhau - cùng với hàng trăm nô lệ khác, những con người cũng đã kiệt sức hệt như họ vì làm việc quá sức, và họ hiểu ra rằng: đã là đêm tối rồi. Họ không bao giờ được thả tự

do. Xanh xao vàng vọt như những bóng đèn, hết năm này sang năm khác họ sống trong cảnh nửa tối nửa sáng, ở dưới hầm sâu, nơi cỗi chết - nơi con đường đi chỉ được chiếu sáng bởi những cây đèn dầu và mấy cái lò đúc thừa thớt. Cũng có một luồng ánh sáng yếu ớt xuyên qua cửa hầm lò, và ở nơi đó - ở trên cao - họ có nhìn thấy một cái gì đó, có thể - là bầu trời. Nhưng mặt đất của cái thế giới đó - cái thế giới trước kia của họ - thì không bao giờ họ nhìn thấy. Cũng ở nơi đó, bên cửa hầm lò - người ta thả thức ăn xuống cho họ - đựng trong những chiếc sọt và trong những chiếc máng ăn bản thủ để họ bốc ăn thú vật.

Xaac đang gặp nạn, Barabbas không cầu nguyện cùng anh ta nữa. Có mấy lần cầu nguyện, sau khi đề nghị anh ta khắc tên Đấng Cứu Thế trên tấm biển số của mình, và rồi bỏ luôn. Và anh trở nên càng lặng lẽ hơn, hoàn toàn kỳ quặc thế nào đó, rất khó hiểu. Xaac không hiểu đầu cua tai nheo ra sao. Thế là nát óc suy nghĩ. Chính anh ta vẫn cầu nguyện như trước, song Barabbas chỉ quay mặt đi, tựa hồ như thậm chí không muốn nhìn cảnh tượng này. Thật ra, anh đã đứng, song là để bảo vệ Xaac trong lúc bạn mình cầu nguyện, để không bị quấy phá. Tức là anh muốn giúp đỡ? Nhưng bản thân anh thì không bao giờ cầu nguyện.

Tại sao? Vì có gì? Xaac phân vân. Đúng là một câu đố. Anh ta đã nghĩ là như thế tìm hiểu Barabbas sẽ tốt hơn, bởi họ đã có duyên ở bên nhau như thế này ngay tại đây, - dưới lòng đất - trong cái địa ngục này, đặc biệt từ sau khi hai người đã cùng nhau cầu nguyện. Và bỗng nhiên anh ta hiểu ra là hoàn toàn không hay biết gì về Barabbas, không biết tí gì về anh cả dù cho luôn ở bên anh. Và đôi khi con người kỳ lạ đó ở ngay bên Xaac mà Xaac lại cảm thấy đó là một con người hoàn toàn xa lạ.

Vậy thì thực ra anh là ai?

Hai người vẫn nói chuyện với nhau như trước, nhưng đã hoàn toàn không giống như trước, và giờ đây Barabbas quay mặt đi khi họ nói với nhau. Xaac không còn dịp nhìn thấy mắt bạn tù nữa. Thật ra đã bao giờ Xaac nhìn thấy mắt anh ta. Nếu cứ nghĩ mà xem - đã nhìn thấy hay là chưa?

Xaac bị cùm cùng một sợi xích với ai đây?

Barabbas không còn kể lại những gì anh đã chứng kiến. Mà đó là gì đối với Xaac, là sự mất mát gì, thậm chí không thể diễn tả được. Xaac đã thử hình dung mọi chuyện, cố nhớ lại xem thế nào. Có dễ dàng không? Không hề, chẳng ăn thua gì - hay là thế nào khác... Bản thân Xaac còn chưa bao giờ được đứng cạnh con người yêu quý đó, và ánh sáng bao quanh người đó không làm lóa mắt Xaac. Bản thân anh ta không nhìn thấy Chúa.

Và anh ta đành phải thỏa mãn với ký ức về sự kỳ diệu nào đó mà anh ta được nhìn thấy hồi nào qua cặp mắt Barabbas.

Anh ta mê nhất là cảnh tượng buổi sáng lễ hội Cây Xuân, là thiên thần rực lửa lao từ trên trời xuống để giải cứu Ngài khỏi cõi chết. Khi hình dung thấy rõ điều đó, bạn sẽ biết chính xác rằng tất nhiên Ngài đã phục sinh, rằng Ngài vẫn đang còn sống. Và chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ trở về và thiết lập thế giới của mình trên mặt đất như đã từng hứa hẹn. Điều đó Xaac không mấy may nghi ngờ, anh ta hoàn toàn tin như vậy. Và khi đó tất cả - tất cả những ai đang bị đày ải trong hầm lò sẽ được trả lại tự do. Và chính Chúa Trời sẽ có mặt ở cửa hầm lò, Ngài sẽ tiếp đón các nô lệ, tháo xiềng xích cho họ, và tất cả sẽ ngay lập tức gia nhập thế giới của Ngài.

Xaac đã từng mơ ước về một thế giới như vậy! Và bao giờ cũng thế, khi được gọi đến để ăn, Xaac cũng từ giếng lò nhìn lên trên - có điều kỳ diệu xảy ra không! Nhưng lẽ nào từ nơi đây bạn nhìn thấy được thế giới? Không thể biết được nơi đó diễn biến ra sao. Ở đó mọi cái có thể xảy ra, mà bạn không biết được. Nếu như đúng là có xảy ra điều đó, nếu như Ngài cũng xuất hiện, tất nhiên, Ngài sẽ gọi họ lại. Ngài sẽ không quên họ, Ngài sẽ không quên người mình, sẽ cứu họ ra khỏi cõi chết.

Một lần, khi Xaac quỳ gối và cầu nguyện trên một mòm đá đã xảy ra một hiện tượng rất lạ lùng.

Viên cai - một gã hoàn toàn mới trong mỏ đến thay chỗ của tên đao phủ trước tiến lại bên Xaac từ phía sau khiến anh ta không nhìn thấy và nghe thấy hẳn. Nhưng đứng bên người bạn đang cầu nguyện, mà bản thân lại không cầu nguyện, Barabbas đã nhận ra hẳn từ trong màn tranh tối tranh sáng và nói nhỏ với Xaac rằng có người đang đi tới. Ngay lập tức Xaac ngừng cầu nguyện, bật dậy và cầm lấy chiếc choàng. Tuy vậy, anh ta vẫn

chờ đón cái tội tệ hơn và toàn thân cúi gập xuống, chuẩn bị sẵn lưng đón roi vọt. Song cả hai cùng rất đỗi ngạc nhiên: không hề có sự trừng phạt. Gã cai dừng lại, tất nhiên, nhưng chỉ thân thiện hỏi Xaac tại sao anh ta lại còng lưng như vậy, điều đó có nghĩa gì? Mãi Xaac mới thốt nên lời rằng anh ta cầu nguyện Chúa của mình.

- Chúa nào? Tên cai hỏi.

Xaac nói với gã là Chúa nào, và tên cai lặng lẽ gật đầu như ra hiệu hiểu rằng gã cũng nghĩ như vậy. Và rồi gã hỏi Xaac về “Đấng Cứu Thế” bị hành hình. Gã đã được nghe nhiều chuyện kỳ lạ về con người đó. Có đúng là Ngài đã tình nguyện chịu hành hình? Và đã chết cái chết nhục nhã của một tên nô lệ? Và sau sự kiện đó - Ngài được tôn kính gọi là Chúa? Đúng là kỳ diệu, nói thật - rất kỳ diệu... Và vì sao gọi Ngài là Đấng Cứu Thế. Một cái tên kỳ lạ đối với Chúa... Nó có nghĩa là gì?... Ngài cứu vớt chúng ta ư? Cứu vớt linh hồn chúng ta ư? Sao lại kỳ lạ thế?... Thế còn vì sao?

Xaac đã cố gắng giải thích cho hắn rõ. Và gã cai đã chăm chú nghe, mặc dù qua những lời nói lảm lẩn, khó hiểu của một nô lệ ngu đần thì chỉ có thể lượm được không nhiều. Đôi lúc gã cai chỉ lắc đầu. Nhưng gã luôn luôn nghe một cách chăm chú tựa như những lời nói chất phác này đối với gã là cực kỳ quan trọng. Cuối cùng gã nói rằng - thật là tai họa vì có nhiều loại Chúa lắm - không trốn đâu cho thoát được. Và vì sự bình yên của mình tất thấy mọi người được đều phải chịu hy sinh.

Xaac đáp rằng - Người bị hành hình không đòi hỏi có hy sinh. Ngài chỉ đòi hỏi bạn hãy hy sinh chính bản thân mình.

- Chính mình ư? Vậy nó thế nào? Điều đó nghĩa là gì?

- Để anh hy sinh bản thân mình trong lò lửa vĩ đại của Ngài.

- Trong lò lửa của ông ta?...

Gã cai lắc đầu.

- Mà y là một tên nô lệ ngu dốt, - sau đó gã nói, - và mà y nói theo suy nghĩ của mình. Sao lại có những trò viển vông đó? Mà y kiếm đâu ra những trò nhảm nhí đó?

- Tôi đã được nghe những lời đó của gã nô lệ người Hy Lạp, - Xaac nói.  
- Gã lúc nào cũng nói như thế. Còn chính tôi thì không biết chính xác nó nghĩa là gì...

- Ra thế. Vậy không một ai biết. Hy sinh thân mình... trong lò lửa của ông ta... trong lò lửa của ông ta...

Và, lâu lâu gì đó mà cả hai người đều không nghe rõ, gã mất hút trong làn ánh sáng mờ ảo giữa những cây đèn dầu thừa thớt như chìm ngấm trong lòng đất.

Xaac cùng Barabbas cứ suy nghĩ mãi về sự kiện khó hiểu này. Tất cả đều kỳ lạ tới mức không thể hiểu nổi. Làm thế nào mà con người đó lại hiện diện nơi đây? Chẳng lẽ gã là một tên cai bình thường? Mà còn gặng hỏi về người bị hành hình - về Đấng Cứu Thế nữa? Không, không thể tin được. Song, tất nhiên, cả hai cùng vui mừng vì đã gặp chuyện đó.

Từ đó gã thường hay dừng lại nói chuyện với Xaac. Gã không bao giờ nói với Barabbas. Còn Xaac thì gã cứ liên tục đề nghị kể chuyện về Chúa của mình, về cuộc sống của Ngài, về những điều kỳ diệu và về học thuyết kỳ lạ đó: phải thương yêu nhau. Và một lần gã nói:

- Từ lâu tao có ý nghĩ là tao có nên cùng một lúc tin vào cả Chúa này lẫn Chúa kia hay không. Song làm sao tao có thể tin được ông ta? Làm sao có thể tin được tất cả những điều kỳ lạ đó? Và làm sao một ông cai như tao lại có thể cúi lạy một tên nô lệ bị hành hình?

Xaac đáp rằng, đúng thế, Chúa của anh ta đã chết cái chết của một nô lệ, nhưng trên thực tế Ngài là Chúa đích thực. Là Chúa duy nhất. Và nếu tin vào Người, ta sẽ không còn tin vào ai khác nữa.

- Chúa duy nhất! Và đã bị hành hình như một tên nô lệ! Làm sao có thể được! Một Chúa duy nhất - và lại bị hành hình!

- Phải, - Xaac nói. - Đúng là có như thế.

Gã cai nhìn anh ta lòng vô cùng phân vân và không nói được gì. Và theo thói quen gã lắc đầu bỏ đi và lại mất hút trong màn đen của hầm lò.

Hai người cứ đứng yên và nhìn theo bóng gã. Kia, gã thấp thoáng bên cây đuốc gần nhất rồi hoàn toàn biến mất trong đêm tối.

Còn tên cai thì cứ đi và nghĩ hoài về vị Chúa không hay biết gì - càng nghĩ đến người càng thấy xa vời hơn. Thế nhờ đột nhiên Ngài là vị Chúa duy nhất? Và chỉ phải cầu nguyện có Ngài thôi - duy nhất có Ngài? Thế nhờ đột nhiên cả thế gian chỉ có một Chúa duy nhất toàn năng - vị Chúa Tể của bầu trời và mặt đất truyền bá luật lệ của mình ở khắp mọi nơi, thậm chí ngay tại trong lòng đất này? Luật lệ kỳ diệu tới mức không thể nào hiểu nổi... “Hãy thương yêu nhau”... “Hãy thương yêu nhau”... Không, không có khả năng hiểu được...

Gã dừng lại trong khoảng tối giữa hai cây đèn dầu để ngẫm nghĩ đến nơi đến chốn. Vừa đúng lúc gã nảy ra ý nghĩ gã cần phải làm gì. Cần phải giải thoát tên nô lệ có lòng tin vào Đấng Chúa Trời xa lạ, đưa nó ra khỏi hầm lò - nơi tất cả sẽ bị chết dần chết mòn và đưa sang làm một công việc khác, trên mặt đất, dưới bóng mặt trời. Gã không hiểu được cả vị Chúa này, cả học thuyết của Ngài, không thể nào hiểu nổi những điều đó, song gã sẽ giải thoát tên nô lệ. Chẳng khác gì Chúa đã sai khiến gã làm như vậy.

Và ngay trong lần đầu tiên lên mặt đất, gã đến thẳng chỗ tên cai quản lý toàn bộ nô lệ làm việc trên các vùng đất thuộc khu mỏ. Tên này, một người có bộ mặt nông dân sáng sủa nhưng đôi môi dày ướm nhem, - sau khi nghe xong, ra hiệu cho thấy gã không mong chờ điều đó, gã không cần một tên nô lệ từ hầm lò lên. Thực ra gã đang rất thiếu nô lệ, đặc biệt vào giai đoạn phải cày bừa, bởi vì không đủ bò kéo. Tuy thế, không được, gã sẽ không nhận kẻ nào từ dưới lòng đất lên. Bọn đó chẳng có ích lợi gì, không chờ đợi được gì ở chúng, hơn nữa các nô lệ khác không muốn giao thiệp với chúng, vậy trên mặt đất này chúng có thể làm được gì. Và dù sao cuối cùng gã cũng nhượng bộ tên đàn anh - thật lạ là tên này có thể sắp xếp mọi việc theo ý mình. Và tên cai lớn tuổi trở lại hầm lò.



Ngày hôm sau gã nói chuyện với Xaac về Chúa của anh ta lâu hơn bình thường. Rồi sau đó nói với Xaac về quyết định của gã đối với anh ta. Xaac chỉ cần đến gặp viên gác đứng ở cửa hầm lò, và anh ta sẽ được tháo gông và giải thoát khỏi người nô lệ thứ hai. Sau đó Xaac sẽ được đưa lên mặt đất và dẫn tới gặp viên cai tù nay sẽ chỉ huy công việc của Xaac.

Xaac chăm chăm nhìn tên cai không tin vào tai mình. Chẳng lẽ đây là sự thật chính Chúa của Xaac đã ra lệnh như vậy để thực thi ý nguyện của Ngài.

Xaac áp hai tay vào ngực và đứng ngây ra không thốt nên lời. Nhưng sau đó anh ta nói rằng không thể xa rời người bạn tù - bởi vì họ có chung một Chúa, một niềm tin.

Tên cai rất sững sốt và nhìn Barabbas.

- Một niềm tin à? Với tên này? Nhưng mà nó không bao giờ quỳ gối, không cầu nguyện!

- Vâng, - Xaac đáp. - Có thể là như thế. Nhưng anh ấy còn thân thiết hơn với Chúa đây. Anh ấy đã được đứng bên Ngài, bên cây thập ác khi Ngài chịu đau khổ rồi qua đời. Và đã nhìn thấy vầng hào quang bao bọc Ngài, đã nhìn thấy thiên thần lửa hát phiến đá khỏi quan tài để cứu Chúa ra khỏi cõi chết. Đó là anh ta đã mở mắt cho tôi thấy chiến thắng của Ngài.

Tên cai chỉ lắc đầu và liếc nhìn Barabbas - con người có vết sẹo trên má, kẻ không bao giờ nhìn thẳng vào mặt người khác, và bây giờ cũng quay mặt đi. Chẳng lẽ tên này cũng thuộc về Chúa của Xaac? Có thể thế không? Không được, gã không thích tay Barabbas này.

Và gã hoàn toàn không muốn giải thoát tên nô lệ này khỏi mỏ. Nhưng Xaac đã nhắc lại:

- Tôi không thể rời xa anh ấy.

Tên cai lâu lâu điều gì đó và liếc mắt nhìn Barabbas rất lâu. Cuối cùng gã bắt đầu đồng ý để mọi việc diễn ra như mong muốn của Xaac: để hai

người được ở bên nhau. Còn gã thì bỏ đi, về với sự cô đơn của gã.

Và thế rồi vào thời khắc quy ước Xaac cùng Barabbas đến chỗ tên gác cửa, họ được tháo khỏi gông xiềng và đưa ra khỏi hầm lò. Và khi lên tới mặt đất, họ nhìn thấy mặt trời đang tỏa sáng trên các dãy núi - từ đó thoang thoảng mùi hoa lavan<sup>[4]</sup> và mia<sup>[5]</sup>, nhìn thấy màu xanh của mùa xuân trên các thung lũng và cả biển cả xa, Xaac quỳ xuống và kêu to lên hết cỡ vì sung sướng:

- Ngài đã ở nơi đây! Ngài ở nơi đây! Hầu nhìn xem - kia kìa, đó là thế giới của Ngài!

Gã hầu được phái đến đón họ thốc mắt nhìn Xaac rồi khẽ đập chân thúc anh đứng dậy rồi nói:

- Nào, đi thôi.

\*\*\*

Hai người được ghép vào một chiếc cày vì trước đó đã bị cùm với nhau và, giống như hai con bò thiến đã quen với nhau rồi. Hai con người gày còm, thảm thương tóc bị cạo một nửa, họ thật sự là mẫu chế nhạo đối với các nô lệ khác. Ngay lập tức thấy rõ họ từ đâu tới. Song một trong số họ đã nhanh chóng lại sức, bẩm sinh anh là người khỏe mạnh, và hai con người này đã bắt đầu làm tốt công việc. Gã cai không phàn nàn về họ: còn đòi hỏi gì hơn ở lũ từ dưới lòng đất lên.

Bản thân họ cũng đầy lòng biết ơn vì đã được như vậy. Mặc dù họ buộc phải lao động như gia súc canh tác, từ sáng đến tối, song tất cả đã không còn như trước đây. Nhìn thấy ánh sáng trời, được thở bầu không khí tự do, chỉ điều đó thôi cũng là niềm vui rồi. Và họ không thể không vui sướng khôn xiết dưới nắng trời, mặc dù những tấm thân còm nhom của họ đầm đìa mồ hôi vì nắng mà còn bị đối xử như súc vật và, nói chung, cũng không khá hơn trước kia. Chiếc roi da vẫn vun vút trên đầu họ hết như dưới hầm lò, và đặc biệt vút vào Xaac - sức anh ta kém hơn Barabbas. Dù sao họ cũng đã trở về với cuộc sống, họ được sống như mọi sinh linh đang sống trên mặt

đất chứ không phải trong lòng đất - nơi màn đêm là vĩnh cửu. Hết sáng lại tới chiều, ngày qua rồi đêm tới, và họ đã được nhìn thấy tất cả và vui mừng với tất cả.

Tuy nhiên cái thế giới của Chúa còn chưa xuất hiện - điều này thì họ hiểu.

Dần dần các nô lệ khác cũng quen với họ, không còn con mắt coi họ như những con thú hoang dại nào đó. Tóc họ đã mọc dài, họ đã trở nên cũng như mọi người khác, không còn bị những người khác chú ý. Mà nói chung - điều tuyệt vời ở họ không phải là vì họ đã từng ở dưới địa ngục mà là đã có thể thoát khỏi đó. Vì điều đó ngay từ đầu đã làm những người khác tò mò và thậm chí khâm phục một cách bất đắc dĩ - không ai muốn thừa nhận điều này. Nhưng mọi người đã uổng công cố tìm hiểu xem họ đã thoát khỏi địa ngục như thế nào. Và luôn luôn im lặng, cả hai dứt khoát khước từ giải bày về sự kiện kỳ diệu xảy ra với họ. Họ là những con người kỳ lạ, xa lánh tất cả và bao giờ cũng chỉ có hai người với nhau.

Mà giờ đây không cần thiết phải như vậy. Chiếc xích chung không còn giam giữ họ lại. Giờ đây họ có thể kết giao với ai tùy ý, họ hoàn toàn không cần phải nằm ngủ cạnh nhau và cùng ăn bên nhau. Vậy mà, vẫn như trước kia, họ luôn đi bên nhau như không thể tách rời nhau được.

Và điều đó còn kỳ lạ hơn ở chỗ họ đã thấy khôn khổ vì nhau, thấy rất khó nói chuyện với nhau. Họ cư xử như không tách rời nhau mặc cho có nhiều cái đã chia rẽ họ.

Thật vậy, lúc lao động họ buộc phải ở cạnh nhau, cùng vai kéo cày. Song khi công việc kết thúc họ có thể giao tiếp với những người khác. Mặc dù, nếu nhớ lại, họ đã từng cảm thấy mình là những con người xa lạ giữa đám nô lệ này, có thể, cũng không thật lạ lòng đến như vậy khi họ tỏ ra tách biệt... Mà họ thì đã quá quen với nhau, quen với xiềng xích dù nó không còn ràng buộc họ. Khi tỉnh giấc giữa đêm khuya, phát hiện ra không còn bị xích nữa mỗi người gần như thấy hoảng sợ khi chưa thấy bạn mình ở bên cạnh. Và khi thấy bạn rồi thì mới yên tâm.

Thử ngẫm xem Barabbas đã trải qua những gì! Khiến anh gặp phải chuyện này! Hết sức khó hiểu! Với ai thì tùy, riêng với Barabbas thì hoàn toàn không cần phải kết giao chặt chẽ với ai nữa. Mà anh thì đã được ràng buộc - không cần hỏi - bằng một loại trụ sắt. Và dù cho trụ sắt này không còn nữa - nó như vẫn còn bám trong con người anh. Mà anh đã giật nó ra, tất nhiên, anh muốn thoát khỏi nó...

Xaac thì lại không muốn thoát ra. Ngược lại, anh ta đau khổ vì hai người không còn thân thiết như trước. Và tại sao? Chuyện gì đã xảy ra chứ?

Họ không bao giờ đã động đến chuyện họ thoát khỏi hầm lò một cách kỳ diệu - thoát khỏi cõi chết. Những ngày đầu có nói qua quýt, sau đó im bật. Khi đó Xaac nói rằng Chúa Cứu Thế - Con Trai Chúa Trời đã giải thoát họ. Đó là điều hiển nhiên... Vấn đề thật rõ ràng... mặc dù, nói chung, té ra đúng là Chúa Cứu Thế - Con Trai Chúa Trời đã giải thoát Xaac, và Xaac đã cứu Barabbas. Đúng thế? Đúng sự việc là như thế ư?

Phải, tốt nhất không nghĩ đến chuyện đó nữa.

Tất nhiên, Barabbas đã cảm ơn Xaac về việc anh ta đã cứu thoát anh. Thế còn Chúa anh đã cảm ơn rồi? Có lẽ, đã cảm ơn rồi ư? Nhưng không thể nói gì chính xác được. Ai biết được anh ta, Barabbas...

Xaac thấy buồn là hoàn toàn không biết về Barabbas, con người anh ta đã yêu quý. Anh ta thấy đau khổ vì không còn được cầu nguyện chung với anh nữa như hồi ở nơi đó trong hầm lò, ở cõi âm ty. Mà Xaac lại muốn có điều đó biết bao! Song anh ta không trách cứ Barabbas. Chỉ đơn giản anh ta không thể hiểu gì hết.

Mà trong con người Barabbas đầy rẫy những cái khó hiểu. Tuy nhiên Barabbas đã chứng kiến Chúa Cứu Thế đã chết ra sao và Ngài đã phục sinh từ cõi chết ra sao. Và đã nhìn thấy vầng ánh sáng từ ngoài trái đất bao quanh Ngài. Dù cho hai người không bao giờ còn đề cập đến chuyện này...

Xaac đau khổ - nhưng không vì bản thân mình. Cái bộ mặt khô khốc đen nhem đen nhem vì nắng dưới mái tóc trắng như tuyết của anh ta đầy những vết loang lổ vì bị các tia lửa lò đúc bắn vào, cái thân hình còm nhom

đầy vết hằn roi vọt của tên cai. Tuy thế anh ta không đau khổ vì bản thân. Ngược lại, anh ta là con người hạnh phúc. Đặc biệt sau khi Chúa sáng tạo ra điều kỳ diệu đó cho anh, cứu thoát lên mặt đất, được thấy mặt trời và đến với những cây hoa kèn đồng nội mà chính Ngài hồi nào đó đã nói đến một cách đẹp đẽ.

Và anh ta đã sáng tạo điều kỳ diệu như thế cho Barabbas. Nhưng Barabbas lại nhìn cái thế giới hiện tại bằng con mắt lo âu và không ai biết được anh đang nghĩ gì.

Thời gian đầu ở trên mặt đất hai người đã sống như vậy.

Khi kết thúc vụ cấy xuân, họ được đưa tới làm việc nơi bánh xe nước - nó phải được đưa vào hoạt động khi mùa nóng bắt đầu để không đâu bị khô cạn. Cũng là một công việc nặng nhọc. Về sau, khi mùa gặt kết thúc họ được đưa tới máy xay bột cách không xa ngôi nhà của ông chủ Roma trong cùng một dãy với các công trình khác - tất cả cùng với xóm thổ dân thưa thớt tạo nên gần như một thị trấn sát cảng biển. Thế là họ đã ở ngay bờ biển.

Ở nơi đó, chỗ máy xay bột, họ đã kết giao với một người lùn một mắt.

Đó là một nô lệ người lùn, chắc nịch, đầu cạo trọc, bộ mặt đen xạm đầy nếp nhăn và cặp môi khô khốc. Một con mắt lành của anh ta nhìn về lấm lét, mắt kia bị khoét vì anh ta đã lấy trộm mấy túi bột. Cũng vì tội lỗi đó anh ta phải đeo trên cổ một chiếc ách to bằng gỗ. Anh ta có nhiệm vụ làm đầy các túi bột rồi vác tới kho chứa, và cả trong cái công việc giản đơn này, cả cái mặt chuột đen xạm lẫn cái thân hình ngắn ngủi đều không có nét gì đáng chú ý. Ấy vậy mà mọi người lại để ý đến anh ta nhiều hơn so với các nô lệ khác, không rõ vì sao, có thể vì cứ thấy anh ta là tất thấy đều trở nên lúng túng và ghê tởm. Bất cứ lúc nào cũng có thể nói ngay rằng có mặt anh ta hay không có tại đó, và bằng tấm lưng bạn có thể cảm nhận được cái nhìn một mắt của anh ta. Ít ai bắt gặp được cái nhìn của anh ta.

Anh ta không hề để ý đến hai “lính mới”, có lẽ là không nhìn thấy họ. Cũng không ai nhận ra nụ cười khinh miệt lúc anh ta quan sát hai con người này bị đặt vào kéo chiếc cối xay nặng nhất. Cũng có thể, đơn giản là không

ai hiểu làn môi khô khốc xám xịt đó méo xệch đi biểu thị một nụ cười. Cối xay đá có bốn chiếc, và mỗi cái có hai nô lệ làm việc. Ở đây con người làm thay cho lừa, bởi vì không có nhiều lừa mà người thì lại dư thừa, nuôi sống cũng rẻ hơn nhiều. Nhưng Xaac và Barabbas cho rằng ăn uống ở đây hầu như phong phú hơn so với mức hai người được nuôi trước kia, và nói chung ở đây họ sống “sướng” hơn nhiều mặc dù làm việc vẫn nặng nhọc. Tên cai - một gã béo mập và uề oải cư xử với hai người không tồi tệ, cơ bản gã chỉ đi đi lại roi vắt qua vai, ít khi dùng nó đánh người. Chỉ có ông già mù chân đứng không vững là đôi khi bị gã vụt.

Bên trong nhà xay bột tất cả đều trắng một màu bột, qua thời gian bột đã bám đọng khắp các chỗ: trên nền, trên tường, cả trên mạng nhện bám dưới trần. Ngay không khí cũng sặc bột xay cùng tiếng ầm ầm nặng nề của cối đá khi cả bốn chiếc cùng hoạt động. Tất cả đều làm việc không quần áo che thân, chỉ có gã một mắt được cuộn mảnh bao tải che kín đùi là sục sạo trong nhà xay như con chuột cống. Vì chiếc ách gỗ mà có cảm giác gã đã bị tóm cổ, vậy mà lại thoát ra được. Mọi người nói, gã ăn bột luôn từ bao tải khi chỉ còn một mình gã trong kho, mặc dù cái ách rõ ràng cản trở gã. Và hầu như gã ăn bột xay không phải vì đói, mà vì tính ngang ngạnh, bởi vì - nếu bị bắt gã sẽ bị khoét lỗ mắt còn lại và sẽ bị đưa vào làm ở cối xay giống như ông già mù nọ, mà công việc này thì sức gã không cho phép và còn khủng khiếp hơn cả màn đêm vĩnh cửu đang chờ đợi gã, nếu như gã lại bị sa lưới vì tội ăn cắp. Có điều - đúng là thế hay không - ai là người biết gã...

Không đâu, hai “lính mới” không làm gã bận tâm cho lắm. Gã chỉ liếc mắt theo dõi hai con người này - giống như lúc nào cũng theo dõi những người khác, và gã chờ đợi điều gì sẽ xảy ra tiếp đó, nhưng gã không có gì đặc biệt chống lại hai người. Đặc biệt không có gì. Gã nghe nói, hai con người này từ dưới lòng đất lên, mà gã thì cho tới nay chưa gặp một ai từ nơi đó tới. Tuy nhiên gã không có gì đặc biệt chống đối những người ở trong lòng đất. Không có gì đặc biệt chống đối ai hết.

Hai con người đó đã bị xích - có nghĩa là bị những tội rất nặng, mặc dù một người hoàn toàn không hề giống loại tội phạm như vậy. Còn người kia thì rất giống và, rõ ràng, đang lo sợ rằng điều đó ngay lập tức nhận thấy. Con người đó trông thật thảm hại, còn người kia, rõ ràng, là loại đại ngục,

và làm sao họ có thể thoát khỏi hầm lò chứ? Khỏi cái địa ngục đó? Ai đã cứu họ? Đó mới là vấn đề.

Song đâu có đơn giản giải đáp được câu hỏi này. Không sao, chỉ cần biết chờ đợi, rồi mọi điều sẽ được sáng tỏ. Dù thế này hay thế khác, nhưng bao giờ cũng sẽ tìm được lời giải thích. Như người ta vẫn nói, mọi điều tự nó sẽ được sáng tỏ. Ở đây chỉ cần để mắt nhìn, thật dễ hiểu. Mà mắt thì gã vẫn có.

Và vì vậy gã đã nhận thấy cái tay gầy còm dài ngoằng có cặp mắt bò cứ tới đến lại quỳ gối cầu nguyện trong bóng tối. Vì sao lại thế? Tất nhiên, cầu nguyện Chúa, nhưng là Chúa nào? Đó là Chúa nào mà con người này phải cầu nguyện?

Gã lùn một mắt biết có nhiều loại Chúa, mặc dù gã chẳng bao giờ nghĩ tới việc cầu nguyện các vị. Còn nếu như bỗng nhiên đầu óc gã nảy ra ý nghĩ đó, tất nhiên, gã sẽ cầu nguyện như mọi người, trước các thần tượng, trong đền thờ, ở đúng chỗ của các vị. Còn tay ngốc này, hình như, nghĩ rằng Chúa của mình đang ở trong màn đêm - ngay trước mắt. Và nói với Ngài hết như nói với ai đó đang sống - Ngài biết rõ và nhìn thấy anh ta. Thật kỳ diệu. Miệng lẩm bẩm - lẩm bẩm trong bóng tối, chân thành cầu nguyện, mà ai cũng rõ ở đây không hề có Chúa nào cả. Chỉ là sự tưởng tượng, trống rỗng.

Bạn sẽ không lưu tâm tới gì không tồn tại, tuy nhiên, từ khi gã nhìn thấy Xaac cầu nguyện, gã liền hỏi Xaac về vị Chúa đặc biệt của anh. Và Xaac đã giải thích rõ ngọn ngành cho gã. Anh ta nói rằng Chúa của anh ta ở khắp mọi nơi, có trong bóng tối cũng thế. Có thể đề nghị Ngài tới nếu muốn, và bạn sẽ cảm thấy rằng đây - Ngài ở bên bạn. Đúng thế, tới khi thậm chí bạn còn cảm thấy Ngài ở trong tâm khảm bạn - và điều đó còn hạnh phúc hơn tất cả. Gã một mắt đáp rằng Chúa của Xaac đúng là một vị đặc biệt thế nào ấy.

- Đúng vậy, - Xaac nói:

Gã một mắt như đã cân nhắc kỹ điều Xaac nói với gã về vị Chúa vô hình nhưng có lẽ, rất mạnh mẽ, sau đó lại hỏi, liệu có phải vị Chúa đó đã đưa hai người thoát khỏi hầm lò không.

- Đúng, - Xaac nói. - Chính là Ngài.

Và còn nói thêm rằng Ngài là Chúa của tất cả những người bị áp bức và Ngài sẽ giải thoát tất cả nô lệ khỏi xiềng xích. Xaac cũng muốn thuyết giáo về niềm tin của mình, và vì giờ đây mọi người đã há hốc miệng nghe anh ta nói.

- Vậy sao? - gã một mắt hỏi.

Xaac càng thấy tin tưởng hơn về việc gã nô lệ lùn tịt này - một kẻ không cần cho ai hết, kẻ đã bị khoét một mắt - cần phải được nghe về chuyện anh ta được giải thoát ra sao - kể cả mọi người nữa, rằng anh ta - Xaac - có nhiệm vụ khai trí cho gã - đó là ý muốn của Chúa. Và anh ta nói hoài nói mãi với gã lùn về Chúa, mặc dù Barabbas đã liếc mắt nhìn họ và, hình như, có ý phê phán. Và thế rồi một hôm, khi đã làm xong công việc, họ ngồi với nhau nơi cối xay, Xaac đã thổ lộ cho gã một mắt về bí mật của mình, cho gã xem dấu chữ trên tấm thẻ. Nói chung, gã một mắt đã đề nghị gọi tên vị Chúa vô hình cho gã - tất nhiên, nếu như anh ta được phép nói, - và thế là Xaac đã nói tên, và để chứng minh sức mạnh và sự vĩ đại của Chúa anh ta đã cho gã xem những dấu chữ bí mật chỉ tên Chúa thiêng liêng. Gã một mắt rất thích thú ngắm nghía dấu chữ và nghe Xaac kể chuyện về gã nô lệ người Hy Lạp đã khắc các dấu chữ đó và hiểu rõ nổi nét chữ có nghĩa gì. Cần phải hiểu các dấu hiệu của Chúa!

Xaac còn một lần nữa nhìn dấu chữ và lật lại mặt tấm thẻ. Rồi, áp tấm thẻ vào ngực, hoàn toàn sung sướng, anh ta nói rằng anh ta là nô lệ của Chúa, rằng anh ta thuộc về Chúa!

- Ra thế, - gã một mắt nói.

Sau đó gã hỏi Xaac về người bạn thoát khỏi hầm lò. Mặc dù trên thực tế gã thấy kỳ lạ về việc họ có chung một Chúa và một niềm tin, vậy mà gã tội phạm có vết sẹo ở má lại không bao giờ cầu nguyện. Xaac và gã chợt còn nói chuyện mãi về vị Chúa kỳ diệu, và Xaac cảm thấy mình và gã một mắt đã hiểu nhau. Rất hay là anh ta đã bộc lộ cho gã một mắt biết bí mật lớn lao của mình, rõ ràng, đó là chính Đức Chúa Trời đã khuyên bảo anh ta.



Ở nhà xay bột tất thấy mọi người đều sùng sốt về việc một buổi sáng họ tay cai công bố rằng ngày hôm đó, vào giờ quy định đích thân Ngài thống sứ gọi Xaac và Barabbas lên gặp. Hiện tượng này chưa hề xảy ra, ít nhất theo trí nhớ của tay cai, và y cũng sùng sốt không kém gì những kẻ khác và không thể hiểu ra làm sao cả. Hai tên nô lệ thảm thương được gọi tên gặp chính Ngài thống sứ Roma! Tên cai được lệnh dẫn họ đi, và thậm chí y thấy run run: trước đó chưa bao giờ y được nhìn thấy Ngài thống sứ ở gần như vậy. Mặc dù trong việc này y - viên cai - chẳng là cái thứ gì hết, y chỉ có nhiệm vụ dẫn họ đến nơi cần thiết.

Tới giờ quy định họ lên đường, cả nhà xay bột nhìn theo gót ba người, kẻ cả gã lùn giống con chuột cống không hề biết mỉm cười - môi gã đã khô khốc - gã cũng nhìn theo gót ba người kia bằng con mắt duy nhất của mình.

Giá như không có người dẫn đường Xaac và Barabbas tất nhiên đã lạc lõng trong các ngõ ngách chật hẹp, bởi họ không hề biết nơi này. Và họ đã đi theo viên cai, cố giữ cự ly gần, cạnh nhau như trước kia. Tựa như hai con người này lại được cùm chung một dây xích.

Tên nô lệ da đen cao to một chân bị xích bên ô cửa gỗ tuyết tùng chạm trổ để cho họ đi vào ngôi nhà lớn. Ngay sau cánh cửa tại hành lang cột có mái che y chuyển giao họ cho viên bảo vệ - viên này dẫn họ qua khoảng sân đầy nắng đến một phòng kích thước trung bình cửa nhìn ra khoảng sân này. Và tại đó bỗng nhiên họ dừng lại ngay trước Ngài thống sứ Roma.

Cả ba cùng quỳ rạp xuống, trán chạm sàn nhà - gã cai đã căn dặn kỹ Xaac và Barabbas như vậy, mặc dù hai người cho rằng quy lụy như vậy trước một kẻ cũng chỉ vền vện là một con người thì không tốt. Và chỉ khi được ra lệnh họ mới dám đứng lên. Ngài thống sứ Roma ngã người thoải mái trên chiếc ghế đệm ở đầu kia căn phòng ra hiệu gọi họ tiến sát lại, và họ sợ sệt tiến lại gần ông ta vừa đi vừa quan sát Ngài thống sứ. Ông ta người chắc khỏe, tuổi độ sáu mươi, bộ mặt to bự nhưng cương quyết, cầm bạnh và ngay lập tức thấy rõ, có cái miệng quen ra lệnh. Cặp mắt nhìn sắc sảo, đeo bắm không bộc lộ sự hận thù trực diện. Lạ thật, nhưng con người Roma này không có nét gì đe dọa cả.

Trước hết ông ta hỏi tỉ mỉ viên cai những tên nô lệ này sống thế nào, có hài lòng về bọn chúng không. Viên cai ngắc ngư đáp rằng có, gã hài lòng về hai tên nô lệ này, và còn bổ sung phòng mọi trường hợp rằng nói chung gã không dung thứ cho bọn nô lệ. Không hiểu Ngài chỉ huy cao cấp có đánh giá đúng sự miễn cưỡng đó hay không, Ngài chỉ khẽ liếc nhanh tấm thân phì nộn và khẽ hất tay ra hiệu cho viên cai lui. Viên cai không phải chờ lần thứ hai và nhanh chóng lui ra. Gã vui mừng đến mức do vội vã thậm chí quay lưng về phía Ngài thống sứ.

Còn ông ta thì bận với Xaac và Barabbas - bắt đầu xét hỏi họ, xuất xứ từ đâu, vì tội lỗi gì bị kết án và đã thoát khỏi hầm lò như thế nào, ai ra lệnh đó. Và ông ta luôn luôn thân thiện nói với họ. Sau đó ông ta đứng dậy và đi đi lại lại trong phòng, và thật kỳ lạ - ông ta là người to cao. Ông ta tiến lại bên Xaac, cầm lấy tấm thẻ của anh ta, ngắm nghía rồi hỏi Xaac: có biết tấm thẻ này khắc gì không. Xaac đáp: đó là dấu của nhà nước Roma.

Ngài chỉ huy gật đầu, nói rằng đúng thế, và như vậy, Xaac là người của quốc gia. Sau đó ông ta lật mặt kia tấm thẻ lên xem đây về thích thú, mặc dù không hề đặc biệt sững sốt, quan sát kỹ các dấu chữ bí mật trên mặt tấm thẻ.

- Giêsu Kitô... - ông ta đọc, và Xaac cùng Barabbas hết sức ngạc nhiên về việc ông ta đã hiểu được các dấu chữ thần bí và cái tên thiêng liêng của Chúa.

- Người đó là ai? - ông ta hỏi.

- Chúa của tôi ạ, - Xaac đáp, giọng anh ta hơi run.

- Ra thế. Hình như, ta chưa hề được nghe thấy tên ông ta. Nhưng có nhiều Chúa, nhớ sao hết được. Ông ta là Chúa của quê mày à?

- Không phải, - Xaac đáp, - Ngài là Chúa của tất cả mọi người ạ!

- Của tất cả à? Sao lại thế? Cũng hay đấy. Ấy vậy mà ta chẳng hạn, ta không hề nghe nói về ông ta. Có thể nói, ông ta biết che giấu danh tiếng của mình một cách khôn khéo đấy.

- Dạ, - Xaac nói.

- Chúa của tất cả mọi người. Nghĩa là, ông ta có sức mạnh không nhỏ. Sức mạnh của ông ta thể hiện ở đâu?

- Trong tình yêu ạ.

- Trong tình yêu ư?... Hừm, mà tại sao lại không! Thôi được, ta không can thiệp vào, cứ việc tin như mày muốn. Có điều mày phải trả lời, tại sao mày mang tên ông ta trên tấm thẻ của mày?

- Bởi vì tôi thuộc về Chúa ạ, - Xaac đáp và giọng lại hơi run.

- Sao lại thế? Thuộc về ông ta? Bằng cách nào? Chẳng lẽ mày không phải là người của quốc gia như đã ghi bằng dấu này? Chẳng lẽ mày không phải là nô lệ quốc gia à?

Xaac không nói gì, chỉ đứng nhìn sàn nhà.

Cuối cùng Ngài thống sứ nói - mà hoàn toàn không giận dữ:

- Nhưng mày phải trả lời. Ta cần phải làm sáng tỏ, mày hiểu chứ! Vậy là, mày có phải thuộc quốc gia không? Nói!

- Tôi thuộc về Đức Chúa của tôi ạ, - Xaac đáp mặt không ngẩng lên.

Ngài thống sứ đứng nhìn anh ta. Sau đó Ngài nâng cằm anh ta lên và ngắm nghía bộ mặt xạm đen vì lửa lò đúc. Ông ta không nói gì và sau khi nhìn thấy cái mình muốn, bỏ tay nơi cằm Xaac ra.

Rồi ông ta tiến đến bên Barabbas và, lúc này sau khi lật tấm thẻ của anh, hỏi:

- Còn mày? Mày cũng tin vào ông Chúa yêu thương đó chứ?

Barabbas không nói gì.

- Thế nào? Mày có tin hay không?

Barabbas lắc đầu.

- Không à? Vậy tại sao mày để tên ông ta trên tấm thẻ của mày?

Và Barabbas lại im lặng.

- Ông ta có phải là Chúa của mày hay không? Có phải dấu chữ nghĩa là thế không?

- Tôi không có Chúa, - cuối cùng Barabbas nói khẽ tới mức hầu như không nghe rõ. Nhưng Ngài thống sứ Roma và cả Xaac đều nghe thấy.

Và sau những lời không thể tưởng tượng nổi đó Xaac nhìn Barabbas đầy vẻ chán chường, đau đớn và băn khoăn, và cặp mắt Xaac đã đâm thẳng vào nội tâm Barabbas, xuyên suốt qua con người anh, mặc dù lúc đó anh lại không hề nhìn Xaac.

Ngài thống sứ Roma cũng ngạc nhiên.

- Ta không hiểu, - ông ta nói, - Vậy thì “Giêsu Kitô” trên tấm thẻ của mày dùng để làm gì?

- Bởi vì tôi cũng muốn có niềm tin, - Barabbas đáp mắt vẫn không ngẩng lên.

Ông ta nhìn anh, nhìn khuôn mặt trống trơn có vết sẹo dưới mắt, khoe miệng thô kệch cứng cỏi vẫn còn giữ nguyên được sức mạnh trước đây của Barabbas. Khuôn mặt không còn biểu cảm, mà vị tất đã phát hiện ra sự biểu cảm đó trên khuôn mặt Barabbas nếu cũng nâng cằm anh lên mà nhìn. Tuy nhiên, ông ta còn chưa có ý nghĩ đó đối với tên nô lệ này. Tại sao? Chính ông ta cũng không biết.

Ông ta lại quay sang phía Xaac:

- Mà y có hiểu thấu những gì mà y vừa nói dối hay không? Vì mà y dám chống lại Kêxa, hả? Mà y có hiểu không, là Kêxa cũng là Chúa, mà mà y thuộc về Ngài, dấu của Ngài có trong tấm thẻ của mà y không? Vậy mà mà y dám mở miệng nói là mà y lại thuộc về một Chúa vô hình khác, mà lại còn khắc tên ông ta trên tấm thẻ của mình để chứng tỏ mà y là của ông ta, chứ không thuộc về Kêxa. Thế nào, đúng vậy không?

- Vâng ạ, - giọng không tự tin Xaac đáp, nhưng đã bớt run.

- Và mà y vẫn giữ nguyên quan điểm đó?

- Vâng ạ.

- Thế mà y có hiểu vì tội đó mà y sẽ đón cái gì không?

- Vâng. Tôi hiểu ạ.

Ngài thông sứ im lặng. Ngài suy ngẫm về vị Chúa đó của lũ nô lệ, phải nói thật - Ngài đã được nghe về ông ta, thiên hạ bàn tán rất nhiều về vị Chúa này trong thời gian qua - một kẻ điên cuồng người Giêruxalem đã chấp nhận cái chết nhục nhã của một tên nô lệ. "... Phá tan mọi xiềng xích...", "... Nô lệ của Chúa, và Người sẽ giải phóng con"... Tất cả những điều đó không tội lỗi cho lắm nếu cân nhắc kỹ... Và những bộ mặt - như của tên này vị tất có hợp gu với một chủ nô nào đó...

- Nếu mà y từ bỏ niềm tin của mình, mà y sẽ sống, hiểu không? - ông ta nói.

- Không, tôi không thể, - Xaac đáp.

- Vì sao nào?

- Tôi không thể từ bỏ Chúa của tôi.

- Tội nghiệp... Ta hy vọng, mà y hiểu, ta sẽ buộc phải kết tội mà y ra sao chứ? Chẳng lẽ mà y thật sự dũng cảm tới mức sẵn sàng chấp nhận cái chết vì

lòng tin của mày?

- Điều đó không do tôi quyết định, - Xaac khẽ khàng đáp.

- Nghe không được dừng cảm cho lắm. Chẳng lẽ mày cũng không tiếc thương sinh mạng ư?

- Tiếc chứ ạ, - Xaac đáp.

- Nhưng nếu mày không từ bỏ vị Chúa đó của mày thì sẽ không có gì cứu được mày. Và mày sẽ phải già từ cuộc sống.

- Tôi không thể từ bỏ Đức Chúa của tôi.

Ngài thống sứ nhún vai.

- Mà ta lại không thể làm được gì giúp mày, - ông ta nói rồi tiến lại bên chiếc bàn Ngài đã ngồi bên khi dẫn họ đến đây. Và Ngài khẽ nện chiếc búa nhỏ bằng ngà voi vào cái bàn thảm bằng đá hoa cương. - Mày cũng là tên điên khùng như Chúa của mình... - ông ta nói thêm, không thèm quay mặt về phía Xaac.

Trong lúc chờ tên bảo vệ tới, Ngài thống sứ đến bên Barabbas, lật tấm thẻ của anh, rút dao găm ra và dùng mũi dao cạo sạch chữ Giêsu Kitô trên tấm thẻ.

- Vì nó không cần cho mày một khi mày không tin ông ta, - Ngài nói.

Còn Xaac lúc đó lại nhìn Barabbas bằng con mắt như muốn thiêu hủy anh bằng lửa và Barabbas không bao giờ có thể quên được cái nhìn đó.

Và thế là Xaac bị đưa đi, còn Barabbas được ở lại. Ngài thống sứ có lời khen anh về hành động có lý trí và nói rằng sẽ phải khen thưởng cho anh. Hãy đến gặp viên tổ trưởng và anh sẽ được bố trí làm công việc khác, nhẹ nhàng hơn.

Barabbas liếc nhìn nhanh Ngài thống sứ, và ông ta nhận thấy - thì ra - bộ mặt anh cũng biểu cảm, cũng có cặp mắt nhìn và cái nhìn không nguy hiểm. Lòng căm thù vẫn chất chứa trong anh và đang rung lên như đuôi mũi tên còn chưa bao giờ được bắn đi khỏi dây cung.

Và Barabbas đi thực hiện những gì được ra lệnh.

\*\*\*

Khi Xaac bị tra tấn, Barabbas đứng sau bụi cây cách đó không xa để bạn anh ở trên cây thập ác không nhìn thấy. Nhưng Xaac đã bị sơ bộ tra tấn khủng khiếp tới mức chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến Barabbas. Anh ta bị tra tấn theo thói quen và bởi vì đám đao phủ cho rằng Ngài thống sứ như đã quên phát lệnh về việc này. Thực tế thì ông ta cũng không có lệnh tra tấn nào, mặc dù cũng không hề có ý nghĩ bãi lệnh tra tấn. Và dù sao thì mọi chuyện cũng đã diễn ra như thông lệ. Vì có gì tên nô lệ này bị lệnh hành hình - họ không biết, mà cũng không muốn biết cho lắm. Họ đã quen với công việc của mình.

Xaac lại bị cạo trọc nửa đầu, và tóc trắng đã nhuốm đầy máu. Bộ mặt nói chung không hề biểu cảm, nhưng Barabbas biết quá rõ con người này và anh hiểu bộ mặt đó biểu lộ cái gì nếu như còn đủ sức. Barabbas cứ nhìn và nhìn hoài bộ mặt đó bằng cặp mắt rực lửa, nếu như có thể coi cặp mắt Barabbas là rực lửa - nhưng lúc này có thể coi cặp mắt của anh là rực lửa. Và anh nhìn cái thân hình bị tra tấn rách nát - nhìn không chớp mắt, giá như anh thật muốn, không thể rời mắt nhìn, song Barabbas lại không muốn. Một thân xác còm nhom, kiệt sức, cái thân xác đó thật không hiểu làm sao có thể chất chứa sự tàn ác. Trên bộ ngực có thể đếm đủ các xương sườn bị đóng dấu lửa - dấu ấn quốc gia để biểu thị anh ta bị hành hình về tội phản bội nhà nước. Tấm thẻ đã bị tước bỏ - dù nó bằng kim loại - nhưng đã không còn cần đến nữa.

Anh ta bị hành hình ở ngoài thành phố, trên một sườn đồi nhỏ thừa thớt các khóm cây dại. Và Barabbas đứng nấp sau một khóm cây dại. Ngoại trừ Barabbas và những kẻ làm nhiệm vụ hành hình, quanh đồi không có một bóng người, không ai liên quan đến cái chết của Xaac. Thông thường nơi đây người tụ tập rất đông, đặc biệt nếu xử tội một kẻ có tội lớn. Nhưng

Xaac lại không giết người, không trộm cướp, và không có ai biết anh ta là ai và đã gây ra chuyện gì.

Rồi mùa xuân lại đến, hoàn toàn giống như khi anh cùng Xaac được thoát khỏi hầm lò và Xaac đã quỳ xuống, kêu tướng lên: “Ngài đã ở đây! Ngài ở đây rồi!”

Xung quanh là những cánh đồng xanh mướt, và thậm chí trên ngọn đồi - nơi đã hành hình Xaac cũng rực rỡ hoa. Mặt trời rực chiếu trên các ngọn núi và trên biển xanh gần gần kia. Song đang là giữa trưa, nóng như thiêu đốt, và lũ ruồi lượn lờ bay thành tiếng vo ve nếu có ai xuất hiện trên ngọn đồi như nhóp. Ruồi bầu lấy toàn bộ thân xác Xaac, mà anh ta thì không thể động đậy được để xua đuổi ruồi. Không, không thể coi cái chết này là cao thượng hay đáng học tập.

Ấy vậy mà không hiểu tại sao nó lại thu hút được Barabbas đến như vậy. Nó đã không chế được anh. Cặp mắt Barabbas đã thu lấy tất thảy để ghi nhớ mãi mãi: những giọt mồ hôi lăn từ trên trán xuống và từ nách còm nhom xấu hoắm tứa ra, bộ ngực có dấu ấn cháy của Roma khế đung đưa như quả lắc đồng hồ, và lũ ruồi nặng không có ai xua đuổi. Đầu ngoẹo đi, kẻ hấp hối rên rỉ rất nặng nề, đứng sau bụi cây Barabbas nghe thấy rõ từng âm thanh. Chính anh cũng đang thở rất nặng nề, ngắt quãng, và miệng cũng há hốc như người bạn từ trên cây thập ác. Thậm chí anh thấy khát nước, tất nhiên, giống như Xaac lúc này thêm uống nước. Đúng, tất thảy đều khó hiểu. Song vì hai người đã từng bị xích chung với nhau quá lâu mà. Và bỗng nhiên Barabbas có cảm giác là tất thảy đều đã bị lật tung lên, là anh lại bị xích chung với người bị hành hình.

Thế là Xaac định nói điều gì đó kia, có lẽ, để được uống nước, nhưng không ai hiểu gì hết. Ngay cả Barabbas cũng không nghe thấy dù đã căng tai ra nghe. Sự thật là anh đứng hơi xa. Nói chung, cũng có thể chạy lên đồi, - lại gần cây thập ác, gọi bạn hỏi xem anh ta muốn gì và anh - Barabbas - có thể giúp gì được không, - thêm nữa kết hợp xua đuổi ruồi. Nhưng Barabbas đã không làm gì cả. Anh vẫn đứng sau bụi cây. Anh không làm gì hết. Chỉ có đôi mắt rực lửa của anh là luôn luôn nhìn Xaac, và miệng anh cũng hé mở vì sự đau đớn của kẻ bị hành hình.



Ngay sau đó đã thấy rõ là Xaac không còn chịu đựng được lâu nữa. Anh ta thở đã yếu hơn, ngực đã không còn đung đưa và Barabbas đã không còn nghe thấy tiếng anh ta thở. Rồi tiếp đó cái bộ ngực còm nhom đã hoàn toàn bất động - có nghĩa là - Xaac đã chết. Không hề có vầng mây đen nào giữa thanh thiên bạch nhật, không có điều kỳ diệu nào hết, anh ta đã trút hơi thở cuối cùng một cách lặng lẽ, nhẹ nhàng. Những ai phải theo dõi Xaac - đều không nhận biết được gì, họ đang bận nằm và chơi xúc xắc, hết như mọi lần - từ xưa từ xưa. Song lần này họ không bất động, không hoảng sợ vì kẻ bị câu rút trên cây thập ác đã chết. Chỉ đơn giản họ không nhận biết được gì. Chỉ một mình Barabbas nhận thấy. Và sau khi hiểu điều gì đã xảy ra, Barabbas thở hắt hắt và ngã quỵ xuống như để cầu nguyện.

Chuyện lạ thật. Và tựa như Xaac đã vui mừng vì kéo được Barabbas đến chứng kiến sự kiện này. Nhưng Xaac đã chết.

Đúng là Barabbas dù có ngã quỵ xuống nhưng anh không thể cầu nguyện được. Có ai đâu chứ! Anh chỉ quỳ gối giây lát, rồi úp mặt - bộ mặt đau khổ, râu bạc trắng vào lòng bàn tay, và, có lẽ, khóc oà lên.

Đột nhiên một tên lính chửi thề sau khi nhận ra nạn nhân đã chết, cần phải hạ xác anh ta khỏi cây thập ác rồi có thể chuồn. Và họ đã tháo Xaac khỏi cây thập ác rồi bỏ đi.

Xaac đã bị hành hình như vậy và Barabbas - người được tha đã đứng và chứng kiến sự kiện này.

\*\*\*

Khi Ngài thống sứ rời nhiệm sở của mình và trở về Roma để sống nốt những năm tháng cuối đời của mình, tài sản của ông ta lớn hơn của tất cả những người cầm quyền trước ông ta trên hòn đảo, tuy nhiên những hầm mỏ và nói chung - toàn bộ tỉnh này dưới quyền ông ta đã mang lại cho quốc gia khoản thu nhập lớn chưa từng thấy. Lũ cai nhiều không đếm nổi bằng sự hăng hái, nghiêm khắc và - có lẽ, cả sự tàn bạo - đã tạo điều kiện thuận lợi đáng kể cho việc đó, nhờ thế đã giúp Ngài thống sứ lấy được tất cả những gì có thể từ thiên nhiên và vắt kiệt mọi sức lực của dân cư và nô lệ. Vậy mà bản thân Ngài thống sứ lại hoàn toàn không tàn bạo. Chính quyền của ông

ta hà khắc chứ không phải bản thân ông ta. Và nếu như kết tội ông ta tàn bạo thì chỉ vì do sự dốt nát, đơn giản vì không biết ông ta. Do hoàn toàn không hay biết về ông ta, có nhiều lời đồn đại phỏng đoán về ông ta. Hàng ngàn những con người đáng thương ở dưới sâu trong các hầm lò hoặc kéo cày trên các cánh đồng kiệt sức dưới nắng trời đã cảm ơn số phận khi nghe tin ông ta chuẩn bị từ bỏ họ ra đi, do sự ngu dốt của mình họ hy vọng rằng người cầm quyền mới sẽ tốt hơn. Ngài thống sứ đã rời bỏ hòn đảo với vẻ buồn buồn và tiếc rẻ. Ông ta đã sống những năm tháng ở đây thật huy hoàng.

Ông ta đặc biệt không muốn chia tay với các công việc của mình, vì đang còn tràn trề sức lực. Song ông ta vốn là một người mẫu thanh lịch về việc này, và đã hài lòng chờ đón những niềm vui sướng đầy đủ mà Roma cùng cái xã hội tinh tế của những người bình đẳng đã hứa hẹn với ông ta. Và trong lúc bình yên nằm trên ghế đệm thoải mái trên boong thuyền có mái che ông ta thả mình trong những mơ ước nhẹ nhàng.

Ông ta có đưa đi theo mình những tên nô lệ có thể có ích cho ông ta trong các công việc riêng, và trong số này có Barabbas. Thật ra Barabbas được ông ta đưa vào danh sách chủ yếu vì tấm lòng nhân hậu, bởi lẽ một tên nô lệ ở lứa tuổi Barabbas thì lợi lộc đáng là bao. Nhưng ông thống sứ vẫn nhớ rất rõ tên nô lệ dễ thương, biết vâng lời. Đã khôn ngoan cho phép xóa tên Chúa của mình, và thế là ông ta đã quyết định đưa hắn đi theo. Ai mà có thể nghĩ rằng Barabbas sẽ lại có một người bảo trợ nhớ dai và quan tâm đến như thế.

Con tàu bơi dài ngày hơn bình thường nhiều, mãi vẫn không có gió cùng chiều, nhưng sau nhiều tuần lễ chèo thuyền không nghỉ các tay bơi chèo người đầm máu đã đưa được con tàu đến Ôxtia, và ngày hôm sau Ngài Thống sứ đã có mặt ở Roma. Ngay sau đó, cả tài sản lẫn người hầu của ông ta cũng tới đây.

Toà lâu đài mà ông ta đã ra lệnh mua nằm chính trung tâm thành phố, tại khu giàu có nhất của Roma. Lâu đài gồm mấy tầng lầu, toàn bộ được ốp lát bằng đá hoa cương nhiều màu sắc và trang trí nội thất sang chưa từng nghe thấy. Sống trong tầng hầm cùng với các nô lệ khác, Barabbas chỉ nhìn thấy toà nhà văn vẻ có tầng hầm này, song anh hiểu rằng ngôi nhà của ông chủ

vừa giàu có lại lộng lẫy. Và điều đó đối với anh cũng hoàn toàn chẳng có nghĩa lý gì. Công việc anh được giao không nặng nhọc, những nhiệm vụ nhỏ nhất dễ thực hiện, và sáng nào anh cũng cùng với các nô lệ khác hộ tống một người quan trọng được trả tự do điều hành nhà bếp khi người này đi mua thực phẩm. Vì thế Barabbas được ngắm Roma thỏa sức.

Nhưng có khả năng, nói đúng hơn, anh hoàn toàn không nhìn thấy Roma. Roma chỉ lấp loáng qua con mắt Baiabbas. Do phải lách qua những dòng người dày đặc theo các đường phố nhỏ chật hẹp, qua quảng trường chợ ồn ào, Barabbas nhìn thấy mọi thứ hầu như từ phía xa, như xuyên qua làn sương mù. Cái kinh đô khổng lồ ồn ào đối với anh hầu như không có thật, và anh di chuyển trên đó như mình không hiện hữu, đang đắm chìm trong những suy tư riêng. Nơi đây có những người đàn ông và đàn bà thuộc các chủng tộc khác nhau, từ các nước khác đến, và bất kể người nào khác - ngoại trừ Barabbas - đều sẽ phải sửng sốt bởi tổ kiến - người này, sự giàu có và lộng lẫy, những toà nhà khổng lồ và vô vàn các đền đài thờ đủ các Chúa - Thần, vào đó có các nhân vật nổi tiếng được khiêng bằng cáng để mỗi người cầu nguyện Chúa của mình vào giờ quy định - khi họ không bị thu hút bởi những cám dỗ được mời chào trong các quán sang trọng của các thương gia trên phố Via Xacra, hoặc là tiện nghi của các nhà tắm sang trọng. Bất kỳ người nào khác mắt cũng phải long lên ghi nhận tất cả những cảnh tuyệt diệu đó. Nhưng cặp mắt Barabbas không ghi nhận được gì, có thể là vì mắt anh ẩn nấp quá sâu, còn tất cả những gì mắt anh nhìn đều trượt qua, đều không cần thiết và xa lạ. Đúng, tất cả những cái đó chẳng có nghĩa lý gì, với Barabbas không quan trọng. Ít nhất thì anh cũng có ý nghĩ như vậy.

Nhưng không phải cái thế giới này vô can với Barabbas đến như vậy. Bởi vì anh căm ghét nó.

Đối với Barabbas mọi cái chuyển động trên các đường phố tựa hồ như không hiện hữu: từ những nhà tư tế, những con chiên lẫn các biểu tượng linh thiêng. Là một kẻ không có Chúa, anh thấy lạ lùng là thi thoảng trên đường đi gặp họ anh phải nhường đường cho họ. Barabbas áp người vào tường và nhìn theo gót họ, liếc nhìn trộm. Có một lần anh đi theo họ và đến một đền thờ kỳ lạ thế nào đó, trước đây chưa hề thấy và anh đi vào, rồi cũng như mọi người anh đứng trước một bức tượng bà mẹ bế đứa trẻ, và khi anh

hỏi bà ta là ai thì người ta nói với anh: đó là Idit ban phước cùng con trai Gor. Nhưng sau đó họ bắt đầu quan sát anh về ngờ vực: kẻ này là ai mà lại không biết tên Đức Thánh Mẫu, và viên bảo vệ đền thờ đã đuổi anh ra ngoài và bên ô cửa đức bằng đồng y làm dấu thần bí nhằm bảo vệ bản thân và đền thờ khỏi tên ngoại đạo Barabbas. Tựa hồ như y đã đoán ra là Barabbas đã được thụ thai và ra đời trong sự căm ghét tất cả mọi sáng tạo trên mặt đất và bầu trời và căm ghét cả đấng Sáng Tạo ra bầu trời và trái đất!

Vết sẹo dưới mắt anh lại ửng đỏ, lòng căm thù run lên trong cặp mắt hoang dại, ẩn sâu như mũi tên sẵn sàng vút bay đi, và Barabbas bỏ chạy theo các đường phố, ngõ ngách. “Hãy rút đi, đồ bất lương!” Anh lầm đường, lạc lối, và rồi cuối cùng về được tới nhà, người ta muốn trừng phạt anh, nhưng không đụng vào anh vì biết ông chủ có thiện cảm với anh. Mà họ cũng tin vào lời giải thích lấp bắp của Barabbas rằng anh đã bị lạc trong một thành phố lạ. Anh đi vào góc trong của hầm nhà dành cho nô lệ, nằm xuống đó trong bóng tối, ngực đau thắt lại, và cái tên “Giêsu Kitô” đã bị xoá như ngọn lửa đốt cháy ngực anh.

Và đêm hôm đó Barabbas mơ thấy mình bị xích chung với một gã nô lệ khác, và tên này đang nằm phủ phục ngay bên cạnh và cầu nguyện, vậy mà Barabbas lại không nhìn thấy gã.

- Mà cầu nguyện cái gì đây? - Anh hỏi - để làm gì?

- Tao cầu nguyện cho mày, - gã nô lệ đáp từ trong bóng tối, và giọng nói của gã nghe rất quen thuộc.

Và Barabbas nằm im hơi lặng tiếng để không làm phiền gã cầu nguyện, và cặp mắt già nua của Barabbas nhòa lệ. Nhưng khi anh thức giấc và giờ tay quờ quạng quanh mình tìm dây xích thì không có dây xích nào ở bên cạnh, cũng không hề có gã nô lệ nọ. Barabbas không bị cùm chung với ai, không bị ràng buộc với ai trong thế giới này.

Một lần, khi chỉ có một mình trong căn hầm hình vòm của lâu đài, anh nhìn thấy hình một con cá được cạo vạch tại một góc sâu. Nó được tạo nên bởi một bàn tay vụng về, nhưng nó mô tả cái gì và ý nghĩa ra sao thì không còn nghi ngờ gì cả. Anh đứng và suy ngẫm, kẻ đó trong đám nô lệ ở đây là

một tín đồ Kitô giáo. Sau đó anh còn suy nghĩ rất lâu về điều này và để mắt theo dõi tất cả đám nô lệ - từng tên một, cố gắng tìm ra lời giải đáp. Nhưng anh không hỏi han một tên nào hết. Không dò hỏi, không tiến hành bất cứ cuộc tìm kiếm nào. Và điều này phỏng có khó khăn gì! Nhưng anh đã không hỏi một ai cả.

Barabbas không giao tiếp với đám nô lệ còn lại, chính xác là chỉ trong trường hợp cần thiết mới tiếp xúc. Không bao giờ anh nói chuyện với ai, và vì thế anh không hề biết về chúng. Cũng vì thế không kẻ nào biết về anh và cũng chẳng kẻ nào có liên quan gì tới anh.

Ở Roma có rất nhiều tín đồ Kitô giáo, Barabbas biết rõ điều đó. Anh được biết họ tụ tập trong các nhà cầu nguyện của mình, theo các hội huynh đệ, ở nhiều nơi khác nhau trong thành phố. Nhưng anh không đến gặp họ. Thậm chí có vài lần nghĩ là nên đi, nhưng rồi không đi đâu hết. Anh đã từng mang tên Chúa của họ trên tấm thẻ nô lệ của mình, song tên Ngài đã bị xóa đi rồi.

Thời gian gần đây tất nhiên họ bắt đầu lẩn trốn, tụ họp một cách bí mật, ở những địa điểm khác: sợ bị truy lùng. Lúc đi mua hàng anh được nghe nói như thế, ở đó có người đã chống lại họ bằng bàn tay xòe năm ngón ra, hệt như tay bảo vệ trong đền thờ Đức Thánh Mẫu chống lại Barabbas hôm nào. Họ là những kẻ nguy hiểm và đê tiện, có khả năng làm ma thuật - Mà họ thì có khả năng làm tất cả! Hơn nữa Chúa của họ lại là một tội phạm khủng khiếp và đã bị treo cổ từ lâu. Tốt nhất nên lánh xa họ.

Một hôm vào buổi tối Barabbas tình cờ nghe thấy, hai gã nô lệ thì thầm với nhau trong hầm nhà tối đen, chúng không nhìn thấy Barabbas và tưởng rằng xung quanh không có ai. Barabbas cũng không nhìn thấy chúng, nhưng nhận ra qua giọng nói. Chúng mới đến đây không lâu, mới được mua về mấy tuần trước.

Họ nói với nhau về cuộc họp huynh đệ được ấn định vào tối ngày mai ở vườn Mác Lutxi bên đường Appia. Song chỉ ngay sau đó Barabbas hiểu ra là cuộc họp sẽ không ở trong vườn và ở khu hầm mộ Do Thái được bắt đầu ở đó.

Một địa điểm họp mặt mới kỳ lạ làm sao... Giữa những người chết...  
Làm sao mà nghĩ ra được...

Chiều hôm sau, trước khi cửa hầm nhà bị đóng lại về ban đêm Barabbas đã liều mạng kịp trốn ra khỏi lâu đài.

Khi anh ra tới phố Appia, trời đã chập choạng tối, và anh hầu như không gặp một ai cả. Anh đã hỏi người chăn cừu đang lừa gia súc về nhà đường đi tới vườn cây.

Sau khi đi vào dưới các tán lá xanh, Barabbas phải mò mẫm đi theo con đường nhỏ hẹp hơi dốc. Ánh sáng trời còn lờ mờ xuyên qua các tán lá xuống và đã nhìn thấy là dãy mộ đầu tiên chạy dài tối khoảng bóng tối. Vừa đi Barabbas vừa rờ mó hai tay vào những bức tường lạnh lẽo, ẩm ướt. Họ sẽ họp mặt ở hành lang lớn đầu tiên - hai gã nô lệ kia đã nói thế. Barabbas cứ đi và đi mãi.

Kia rồi, hình như, có tiếng nói. Anh đứng im lắng nghe - không, không nghe thấy gì hết, anh lại đi tiếp. Chân anh bước thận trọng, chốc chốc lại gặp các bậc thang trên đường, chỗ một bậc, chỗ vài bậc và chúng hướng tới vực sâu mỗi lúc một xa.

Vậy mà vẫn chưa thấy hành lang đâu cả. Chỉ có một lối đi hẹp giữa các chiếc quan tài. Cuối cùng lối đi tỏa về hai phía và Barabbas không biết giờ đây đi về phía nào. Và anh dừng lại đắn đo, hoàn toàn lúng túng. Nhưng vừa lúc đó ở một nơi xa có thấp thoáng ánh lửa - ở một nơi rất xa. Được rồi, ánh lửa! Barabbas bỏ nhào về phía đó. Nghĩa là - ở đó!

Rồi đột nhiên ánh lửa biến mất. Biến mất hoàn toàn. Có thể, anh đã vô tình đi vào một con đường khác? Anh lao ngược trở lại để lại nhìn thấy ánh lửa.

Song không còn ánh lửa nữa, không nơi nào có!

Barabbas không hiểu gì hết. Vậy họ ở đâu? Làm thế nào tìm được họ? Bởi lẽ họ ở đây mà!

Nhưng tự mình anh đã mò mẫm đi đâu? Thôi được, không sao hết, anh vẫn nhớ rõ mình đi như thế nào, kiêu gì cũng có thể mò mẫm ra được cửa. Và anh quyết định bỏ về.

Nhưng khi anh dò dẫm theo chính con đường cũ về phía sau - con đường anh nhớ rõ từng chỗ lồi lõm - đột nhiên anh lại nhìn thấy ánh lửa. Một vàng sáng mạnh, rõ ràng ở lối đi phía hông, có thể lúc trước anh không nhìn thấy lối đi này, và giờ đây ánh lửa đó di động sang một hướng khác. Dù sao thì, có lẽ, đó vẫn chính là ánh lửa nọ, và Barabbas bỏ nhào về phía đó. Và ánh sáng mỗi lúc một rõ hơn... Và rồi đột nhiên tắt. Tắt hoàn toàn.

Barabbas ôm đầu. Tay anh sờ mắt. Đó là ánh sáng gì? Và nói chung có ánh sáng không? Nhớ bỗng nhiên đó là do anh tưởng tượng ra? Hoặc giả lại có vấn đề với cặp mắt của anh... như hồi nào, hồi nào, lâu lắm rồi... Anh dụi mắt và rồi bắt lực nhìn...

Không có ánh sáng nào cả! Không nơi nào, không ở đâu! Xung quanh chỉ là màu đen giá lạnh, và mình anh ở giữa màu đen này, nơi đây không còn một ai khác, không một người nào, chỉ có những xác chết!...

Những xác chết! Xung quanh chỉ toàn những xác chết.

Khắp nơi, khắp mọi chỗ, khắp các phía, trên mọi lối đi... Đi đâu nào? Anh không còn biết mình phải đi đâu để thoát ra, ra khỏi nơi này, ra khỏi cõi chết...

Cõi chết!... Anh đã lạc đường đi vào cõi chết! Anh đang bị nhốt trong cõi chết!

Barabbas hoảng sợ. Một nỗi hoảng sợ hết hồn. Rồi đột nhiên anh lao chạy bừa đi, người anh lướt trên các khúc đường nổi, vấp vào các bậc không nhìn thấy, chạy bừa lúc sang chỗ này, lúc sang chỗ kia cố tìm cách thoát ra ngoài, thoát ra ngoài trời... Anh lướt đi lung tung như kẻ mất trí, thờ hồng học... Người chao đảo, va đập vào tường - nơi đặt thi hài những người chết, anh đã mất hết hy vọng thoát ra khỏi nơi đây...

Và rồi đột nhiên một làn gió ẩm phả vào anh, luồng gió từ phía trên - từ thế giới khác... Hầu như không còn nhận ra mình, Barabbas leo lên theo sườn dốc và lọt vào một vườn nho. Tới đây anh nằm xuống nền đất, cứ nằm và ngắm bầu trời đen trống trải.

Khắp nơi trời đã tối mù mịt. Cả mặt đất, cả bầu trời. Khắp mọi nơi.

\*\*\*

Khi Barabbas trở về thành phố theo đường phố đêm Appia anh cảm thấy vô cùng cô đơn. Cô đơn không phải vì không có ai cùng đi bên anh, và anh không gặp một ai, mà bởi vì chỉ có anh - một mình bé nhỏ trong đêm đen vô tận bao phủ khắp mặt đất, và anh không hề có một ai dù trên mặt đất hay trên bầu trời, không có một ai giữa những người sống và những người đã chết. Mà anh thì lúc nào cũng đơn côi, song chỉ lúc này anh mới hiểu ra điều đó. Anh lết chân trong đêm tối tựa hồ như bị chôn vùi trong đó, và bộ mặt cô đơn già nua của anh bị cắt ngang bởi vết sẹo - thương tích cha anh để lại. Và trên bộ ngực đầy nếp nhăn già nua có tấm biển nô lệ lẩn trong đám lông bạc trắng - tấm biển đã bị xoá tên Chúa. Đúng, anh chỉ có một mình - đơn côi, không có một ai khác trên mặt đất cũng như trên bầu trời.

Anh đã bị nhốt kín trong bản thân mình, thế giới những người đã chết của mình. Và làm thế nào thoát khỏi chốn đó?

Có một lần - lần duy nhất anh đã được giao kết với một người khác. Mà lại bằng sợi xích sắt. Chỉ bằng xích sắt, không gì hơn, không bao giờ.

Anh lắng nghe tiếng bước chân mình tắt dần khỏi con đường đá. Ngoài ra là hoàn toàn im ắng tựa như cả thế gian ngoài anh ra không còn một ai. Bóng tối bao quanh Barabbas từ mọi phía. Không một ánh lửa nhỏ. Không đâu có lấy một ánh lửa nhỏ nhoi. Và cũng không có sao trên trời cao, và tất cả đã bị bỏ quên, trống trải.

Anh thở mệt mỏi, không khí nồng nặc và oi bức như đang con sốt. Hoặc giả đó là bản thân Barabbas đang bị sốt, có thể anh đã bị cảm sốt, có thể ở đó, dưới hàm mộ cái chết đã thâm nhập vào anh? Cái chết! Anh luôn luôn mang nó trong người, nó lúc nào cũng ở trong con người anh, kể từ khi anh



có mặt trên trần gian. Cái chết đã rượt đuổi anh theo những con đường tối tăm, những con đường đen tối chuột chũi đi của lý trí riêng anh, đã phủ ngập anh bằng sự khiếp sợ. Dù cho lúc này Barabbas đã già và không còn muốn sống nữa, nhưng nó vẫn phủ ngập anh bằng sự khiếp sợ. Vì thậm chí anh còn thấy vui mừng... Đơn giản là vui mừng...

Không, không được, chỉ không phải chết thôi! Không phải chết!...

Còn bọn họ lại đang tụ họp nơi thế giới của những người đã chết để cầu nguyện Chúa của họ, liên kết với Ngài và với nhau. Bọn họ không sợ chết, đã chiến thắng cái chết. Họ cùng nhau tới dự cuộc gặp mặt huynh đệ của mình, đến dự cuộc gặp mặt yêu thương... “Hãy thương yêu nhau”... “Hãy thương yêu nhau”...

Nhưng anh đã đến với họ đó thôi, vậy mà không có họ ở đó, không có một ai trong số họ ở đó. Anh đã lạc lõng trong đêm tối, giữa những con đường chuột chạy của mình...

Vậy thì họ biến đi đâu? Những con người đó - những con người như thương yêu nhau ấy đã biến mất đâu?

Họ biến đi đâu mất, vì xung quanh là đêm tối, là màn đêm ngọt ngào (ở đây, trên đường phố rồi mà anh vẫn còn thấy ngọt ngào hơn), - màn đêm bao phủ toàn bộ mặt đất, màn đêm oi bức, và chẳng có gì để thở, màn đêm đã đè bẹp, đã làm Barabbas nghẹt thở...

Anh quay sang một góc phố, và mùi khói đập vào lỗ mũi anh. Khói bốc lên từ tầng hầm ngôi nhà gần đó, thoát ra ngoài từ tầng một và những lưỡi lửa luôn lách ra qua các khe hở nào đó nơi cửa sổ nhỏ... Barabbas bỏ nhào tới đó!

Lúc chạy anh nghe thấy tiếng hô hoán của những người cũng đang chạy:

- Cháy nhà! Cháy nhà!...

Tới ngã tư anh nhìn thấy ở một phố khác cũng đang bị cháy, thậm chí còn cháy to hơn. Anh không thể hiểu được đầu cua tai nheo ra sao... Rồi đột

nhiên từ đâu đó vang lên:

- Đó là bọn Kitô giáo! Đó là bọn Kitô giáo!

Và ngay lập tức - đồng loạt từ khắp nơi:

- Đó là bọn Kitô giáo! Đó là bọn Kitô giáo!

Thoạt tiên Barabbas lặng người đi tại chỗ, anh không thể hiểu được người ta nói gì, không thể hình dung nổi. Bọn Kitô giáo?... Rồi đột nhiên anh hiểu tất cả.

Đúng rồi! Đây là những người Kitô giáo! Đây là họ đã thiêu huỷ Roma! Họ đã thiêu huỷ cả thế giới!

Lúc này thì đã rõ vì sao họ không có mặt ở khu hầm mộ! Họ đã ở lại nơi đây để trao thành Roma đáng nguyên rửa cho thần lửa, để trao cả cái thế giới đáng nguyên rửa này cho thần lửa! Giờ của họ đã đến! Đáng Cứu Thế của họ đã xuất hiện!

Người bị hành hình đã trở về, từ Gongopha trở về. Để cứu vớt mọi người, để huỷ diệt thế giới này. Ngài đã hứa hẹn mà! Phải huỷ diệt, tiêu diệt nó trong lửa. Ngài đã hứa như thế. Cuối cùng thì Ngài cũng phô trương sức mạnh của mình. Và Barabbas phải hỗ trợ Ngài. Anh chàng Barabbas vô dụng, người anh em vô dụng của Ngài ở Gongopha, giờ đây anh sẽ không giở trò! Giờ đây anh sẽ không lừa dối Ngài!

Barabbas chạy tới ngôi nhà đang cháy ở gần, cầm lấy mẫu gỗ đang cháy ném vào cửa sổ ngôi nhà bên cạnh. Barabbas cứ cầm lấy các mẫu gỗ đang cháy rồi ném vào các hầm nhà, vào các ngôi nhà. Anh sẽ không phản thù! Barabbas giờ sẽ không phản thù! Anh ném chính xác. Và ngọn lửa bốc lên mới ghê gớm làm sao! Ngọn lửa đã nhảy từ ngôi nhà này sang ngôi nhà khác, liếm gọn các bức tường nhà, tắt thảy đều chìm trong lửa! Vậy mà Barabbas vẫn chạy, để cho lửa cháy càng lớn hơn, anh chạy, thở hổn hển, và cái tên Chúa bị xoá đi đang như mũi kim đâm vào sát con tim anh. Anh đã không phản bội. Anh đã không phản lại Chúa của mình khi thực tại Ngài cần đến anh, khi tới giờ - cái giờ phút vĩ đại - cái thời khắc tất thảy phải bị

huỷ diệt đã điểm! Lửa cứ lan đi, lan đi mãi! Tất cả mọi thứ đều biến thành biển lửa mênh mông, cả thế gian chìm trong lửa!

Nó đây! Hãy nhìn xem - nó đây, cái thế giới của Ngài!

\*\*\*

Tất cả những tín đồ Kitô bị kết tội đốt thành Roma - trong đó có cả Barabbas - bị nhốt trong nhà tù ở ngoại ô Capitôli. Barabbas bị bắt tại nơi gây tội, bị hỏi cung rồi đưa tới đây cùng với họ. Giờ đây anh đã ở bên họ.

Nhà tù được khoét sâu ngay trong núi đá và hơi nước rò rỉ ra trên tường. Trong cảnh mập mờ tối không thể nhận ra mặt người, và điều này làm Barabbas thấy mừng. Anh ngồi trên đám rơm rạ mục nát, tách riêng ra, không quay mặt về phía người nào.

Các bạn tù đang nói với nhau chỉ toàn chuyện đám cháy nọ, và về số phận họ rồi sẽ ra sao. Tất nhiên, kết tội gây hỏa hoạn chỉ là cái cớ để người ta bắt họ. Chính quan toà cũng quá rõ họ không hề đốt gì hết. Không có một ai trong số họ có mặt ở đó - nơi bị cháy - Không ai ra khỏi nhà mình mà, vì họ đã được biết người ta đã chuẩn bị sẵn cuộc vây bắt họ: có kẻ nào đó đã khai báo về địa điểm họp mặt tại khu hầm mộ. Họ không có tội. Nhưng có gì khác biệt? Tất cả mọi người đều muốn họ có tội. Tất cả đều phải tin vào tiếng hô hoán “Đây là bọn Kitô giáo! Đây là bọn Kitô giáo!”... của tên đồn mạt bị mua chuộc.

- Kẻ nào đã thuê chúng? - từ trong màn đêm một giọng nói cất lên. Song không một ai thèm để ý đến.

... Làm sao mà họ, những môn đồ của Thầy Giáo - lại có thể gây ra vụ hỏa hoạn, thiêu huỷ thành Roma chứ? Liệu có thể tin được chuyện đó không? Thầy Giáo đốt cháy tâm hồn con người bằng lửa chứ không phải đốt cháy các thành phố của con người. Ngài là Chúa của chúng ta và là Chúa của cả bầu trời lẫn mặt đất, Ngài không phải là tội phạm.

Rồi họ bắt đầu nói về Ngài, về vấn đề ai là Ánh Sáng và Tình Yêu, và về thế giới của Ngài - cái thế giới họ hằng mong đợi như Ngài hứa hẹn. Rồi

họ bắt đầu ca vang các bài Thánh ca với những lời ca vừa đẹp vừa lạ lẫm trước đây Barabbas chưa hề nghe thấy. Anh cứ ngồi và lắng nghe họ, đầu gục xuống.

Vừa lúc này từ bên ngoài người ta mở then cửa sắt, bản lề cửa kêu ken két, giám ngục bước vào. Y để cửa hé mở cho đôi chút ánh sáng lọt vào trong lúc y cho tù nhân ăn. Rõ ràng là chính y vừa ăn căng bụng và uống cũng không ít rượu bởi lẽ mặt mày đỏ ửng, lại nói huyền thuyên. Miệng chửi rủa tục tĩu, gã quăng cho tù nhân thứ thực phẩm hầu như không thể ăn được. Thật ra - y không muốn nhục mạ ai bằng lời chửi rủa của mình, đó chỉ là ngôn ngữ thông thường của y - thứ ngôn từ vốn có của những kẻ làm nghề này: tất cả bọn cai ngục của mọi thời đại đều nói năng như thế. Nói chung, y còn là người thân thiện nữa. Đột nhiên y nhận ra Barabbas đứng vào lúc vệt sáng từ ô cửa hé mở đổ vào người anh, và gã cất tiếng cười hô hố.

- Té ra thằng bẻm mép này cũng ở đây! - y nói tương lên. - Bỏ chạy, rồi thiêu hủy Roma! Đồ ngốc! Vậy mà mày còn nói láo là không phải mày châm lửa đốt! Nó đã bị tóm cổ đúng lúc nó cầm thanh gươm đang cháy nhào tới kho nhiên liệu - tới kho của Kai Xecvi!

Barabbas không ngược mắt lên. Bộ mặt anh lạnh băng và không hề biểu lộ gì, chỉ có vết sẹo dưới mắt ửng đỏ thôi.

Các tù nhân khác nhìn anh đầy vẻ sững sốt. Ở đây không có ai biết về anh. Họ cũng có ý nghĩ anh là kẻ phạm tội, một kẻ xa lạ thế nào đó, bị hỏi cung cũng riêng biệt.

- Không thể thế được, - họ thì thầm với nhau.

- Không thể... cái gì? - viên giám ngục ngạc nhiên hỏi.

- Nó không thể là tín đồ Kitô giáo, - họ đáp. - Nếu tất cả đúng như ông đã nói về nó.

- Không phải à? Không thể ư? Nhưng đây là do chính nó nói. Người ta đã nói với tao như thế - những người đã bắt nó ấy. Khi bị hỏi cung nó cũng

thừa nhận như vậy.

- Chúng tôi không biết nó, - họ bối rối lầu bầu. - Giá như nó là người của chúng tôi, chúng tôi đã biết nó. Vậy mà lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy nó.

- Chúng mày cứ việc giả vờ giả vịt! Lại đây, hãy mở mắt ra mà xem! - và y đến bên Barabbas, lật ngược tấm thẻ nô lệ đeo trên cổ anh. - Đây! Nhìn xem! Đây là cái gì - không phải tên Chúa của bọn bay, hả? Tao không hiểu được những nét chữ loằng ngoằng này, nhưng lẽ nào không phải như thế? Hãy đọc xem!

Đám tù bao vây viên giám ngục và Barabbas, rồi choáng váng khi xem kỹ dấu chữ có trên mặt sau của tấm thẻ. Đa số họ không thể đọc được những nét chữ này, nhưng đã có người thốt lên nho nhỏ vẻ lo lắng:

- Giêsu Kitô... Giêsu Kitô...

Viên giám ngục đảo ngược tấm thẻ như cũ rồi đầy vẻ chiến thắng nhìn những bộ mặt ở xung quanh:

- Nào, bây giờ chúng mày sẽ nói gì, hả? Theo chúng mày, nó không phải tên Kitô giáo chứ? Bởi chính nó đã cho quan toà xem, lại còn tuyên bố rằng nó không phải là nô lệ của Kêxa, mà là của Chúa nọ - kẻ được chúng mày cầu nguyện ấy và đã từ lâu bị hành hình ấy. Và rồi chính nó cũng sẽ bị hành hình, chuyện này thì tao có thể đủ sức làm được. Hơn nữa, cả toàn bộ bọn mày nữa, cũng thế! Dù cho chúng mày có khôn ngoan hơn, chỉ có điều chúng mày không gặp may rồi, để cho tên gốc này lọt vào, tự nộp mình cho chúng tao lại còn tuyên bố rằng nó là môn đồ Kitô giáo nữa chứ!

Y nhếch mép cười khinh miệt, đảo mắt nhìn khắp các bộ mặt đang bị choáng rồi bỏ đi, sau khi ra khoá cửa lại.

Bọn họ lại bao vây Barabbas và đặt ra cho anh đủ các câu hỏi. Anh là ai? Chẳng lẽ là tín đồ Kitô giáo? Vậy thì anh thuộc xứ đạo nào? Và chẳng lẽ anh thật sự đã đốt ư?

Barabbas không hề trả lời. Bộ mặt anh hoàn toàn xám xịt, và đôi mắt già nua ẩn giấu sâu kín cái nhìn.

- Tín đồ Kitô giáo đây! Thì các người đã chẳng nhìn thấy là gì, nét chữ bị xóa đi thôi!

- Đã bị xóa ư? Tên của Chúa đã bị xóa!

- Phải! Chính các người đã nhìn thấy đây!

Đúng là có người đã nhận thấy mọi điều, song họ lại không hề nghĩ nó có thể có nghĩa gì. Vậy nó có nghĩa gì?

Thế là một người cầm lấy tấm thẻ và lại xem xét kỹ, rồi, mặc dù ánh sáng hoàn toàn mờ tối họ cũng đã nhận ra - không còn tranh cãi gì nữa - có ai đó với bàn tay khỏe khoắn đã dùng mũi dao cạo sạch, bừa bãi cái tên đó.

- Vì sao lại xóa tên của Chúa? - Họ hỏi: để làm gì? Thế nghĩa là gì? Mà sao thế - Không nghe thấy à? Thế nghĩa là gì?

Nhưng Barabbas không đáp một lời nào. Anh cứ ngồi đầu gục xuống cho phép đám bạn tù muốn làm gì với tấm biển nô lệ của anh cũng mặc, không đáp lại dù chỉ một lời. Con người này mỗi lúc càng làm họ ngạc nhiên và công phần hơn. Tự nhận mình là tín đồ Kitô, nhưng không thể có loại tín đồ Kitô như vậy! Có đòi thưởng nhà ai lại như vậy không! Cuối cùng có ai đó đến gặp ông già - lão đang ngồi ở góc xa trong khoảng tối nhà tù và không hề tham gia vào cảnh hỗn loạn chung. Lão nghe người ta nói, ngay sau đó lão đứng dậy và tiến đến bên Barabbas.

Lão người chắc khỏe và mặc dù lưng đã hơi còng song vẫn rất cao lớn. Tóc lão để dài nhưng đã thưa và bạc trắng, cả bộ râu dài phủ kín ngực cũng bạc trắng. Mọi nét trên con người ông đều có vẻ đáng kính trọng, nhưng ông lại hiền dịu và cặp mắt xanh nhìn mở to gần như mắt trẻ thơ, dù bên trong vẫn thể hiện rõ sự thông thái của tuổi già.

Thoạt tiên lão để mắt hồi lâu ngắm nghía Barabbas, ngắm nghía bộ mặt già nua vô hồn của anh. Sau đó như nhớ ra điều gì và lão lắc đầu.

- Chuyện đó lâu lắm rồi, - lão nói để biện bạch rồi ngồi xuống đám rơm rạ cạnh anh.

Những người khác đứng xung quanh rất đỗi sững sốt. Chẳng lẽ bố già khả kính có quen biết con người này?

Còn lão thì chắc chắn là biết rõ anh rồi, có thể thấy rõ điều này ngay khi lão lên tiếng nói với Barabbas. Lão hỏi Barabbas anh đã sống ra sao. Và Barabbas đã kể cho lão nghe những gì số phận anh đã hứng chịu. Tất nhiên, không phải tất cả, sao mà kể hết được, nhưng đủ để lão hiểu rõ nhiều điều và có thể đoán ra nhiều điều khác. Khi lão hiểu điều gì đó mà Barabbas không đá động tới, lão chỉ dăm chiêu gật đầu. Hai người nói với nhau khá lâu, mặc dù Barabbas không có thói quen tin cậy ai, mà ở đây anh cũng chỉ phần nào tin ông già. Song anh trả lời giọng khẽ khàng, mệt mỏi cho các câu hỏi của ông già và thậm chí thi thoảng còn nhìn vào cặp mắt thông minh ngậy thơ của lão, nhìn bộ mặt già nua đầy nếp nhăn của lão cũng đã phải trả giá cho những tháng năm đã trải qua, nhưng nó hoàn toàn khác với bộ mặt Barabbas. Mặt lão hằn những nếp nhăn sâu, song dù sao vẫn khác hẳn - như lộ rõ vẻ thanh thản, da mặt gần như trắng trẻo, và hai má hóp lại, có thể vì răng đã rụng khá nhiều. Vậy mà nói chung lão hầu như không thay đổi. Và lão nói vẫn hệt như hồi nào, và giọng lão vẫn thế - giản dị, không mảy may láu lỉnh.

Dần dần ông lão khả kính đã biết rõ vì sao tên của Chúa bị xoá đi, và vì sao Barabbas đã góp sức đốt thành Roma - anh muốn giúp đỡ họ, giúp Đấng Cứu Thế thiêu hủy thành tro cái thế giới này. Nghe thấy thế ông lão chỉ lắc đầu đầy đau khổ. Và lão đã hỏi Barabbas làm sao anh có thể tin rằng đó là họ - những tín đồ Kitô đã gây nên đám cháy. Mọi điều đó là do chính Kêxa đã ra lệnh, và Barabbas đã giúp tay cho ông ta.

- Anh đã tiếp tay cho kẻ thống trị thế giới này. - Lão nói. - đã giúp kẻ có dấu chữ trên tấm biển nô lệ của anh; đó là chủ nhân của anh, chứ hoàn toàn không phải giúp Chúa có tên đã bị xoá trong tấm biển của anh. Do bản thân không hay biết chuyện đó, anh đã phục vụ cho chủ nô hợp pháp của mình. Chúa của chúng ta là Tình Thương Yêu, - lão nói thêm giọng khe khẽ. Và

lão cảm tấm biển đang lơ lửng trên bộ ngực đầy lông bạc trắng của Barabbas, buồn rầu nhìn cái tên bị xoá của Chúa - Thầy Giáo mình.

Rồi lão buông nó ra và thở dài đau khổ. Lão đã hiểu rõ Barabbas phải chấp nhận cái vệt đó, và phải mang theo nó cho tới chết, không gì - không còn làm được gì nữa. Và lão cũng thấy rõ là Barabbas cũng hiểu ra điều đó, lão đọc thấy điều đó trong cặp mắt cô đơn, rứt rứt của anh.

- Đó là kẻ nào? Nó là ai? - khi ông già đứng dậy tất cả đều hỏi tới tấp. Lão không muốn trả lời, lão muốn lảng tránh. Song đám tù o ép tới mức lão buộc phải nhượng bộ.

- Đây là Barabbas, kẻ đã được phóng thích thay cho Thầy. Giáo, - lão nói.

Bọn họ hoàn toàn bối rối nhìn con người kỳ quặc. Không gì có thể làm họ sửng sốt và công phần hơn thế này.

- Barabbas, - họ lầm bầm. - Barabbas - kẻ được phóng thích!

Đầu óc họ hoàn toàn không ngờ như vậy. Và mắt họ rục rịch về cảm giác trong màn đêm.

Nhưng ông già đã vỗ về họ.

- Đây là con người bất hạnh, - lão nói. - Và chúng ta không có quyền lên án hắn. Chính chúng ta cũng đầy những khiếm khuyết và thói xấu, và nếu Chúa thương yêu chúng ta thì đó không phải là công lao của chúng ta. Chúng ta không có quyền lên án một con người vì lẽ anh ta không có Chúa.

Họ đứng cúi gằm xuống và hầu như không dám nhìn Barabbas. Sau khi nghe những lời đó - những lời lẽ khùng khiếp đó, họ lặng lẽ bỏ đi và lại ngồi xuống chỗ trước đó đã ngồi. Và ông già cũng bất đắc dĩ thở dài đi theo họ.

Và Barabbas lại được ở một mình.



Anh cứ ngồi một mình như thế suốt những ngày sau đó trong ngục tù, một mình cách xa tất cả các bạn tù. Anh nghe thấy họ hát ca ngợi Chúa, thổ lộ với nhau những suy nghĩ về cái chết và về sự sống vĩnh hằng đang chờ đón họ. Và khi bản án được tuyên đọc, họ càng nói nhiều hơn về điều đó. Họ tin, và không ai trong họ có chút ngờ vực nào.

Barabbas lắng nghe họ nói, nhưng hết sức đăm chiêu. Anh cũng từng có ý nghĩ cái gì sẽ chờ đón anh. Anh cũng đã nhớ đến người anh gặp trên núi Ôliu - người khi đó đã chia cho anh bánh mì và muối và đã bị chết và từ lâu rằng đã nghiêng chặt bởi chiếc sọ chết chìm trong màn đêm vĩnh cửu.

Sự sống vĩnh hằng...

Thế còn cuộc sống mà Barabbas đã trải qua liệu có chút ý nghĩ gì không? Vì tất đã có. Nhưng vì anh không hề biết gì về điều này. Và đó không phải việc anh quyết định.

Ở nơi hơi xa anh, ông già râu tóc bạc đang ngồi giữa những người cùng hội cùng thuyền. Lão lắng nghe họ nói và trò chuyện với họ bằng thứ thô ngữ Galilây đặc biệt của mình. Và rồi đột nhiên lão im lặng, lòng bàn tay đỡ lấy cái đầu to nặng. Có thể, lão đã nhớ đến miền bờ biển quê hương, Ghennixaret - nơi ông muốn được yên nghỉ sau khi chết. Song điều đó không do ông quyết định. Trên đường đi lão đã được gặp Thầy Giáo, và Ngài đã nói với lão: “Hãy theo ta...” và lão đã không còn gì khác để lại. Cặp mắt trẻ thơ của lão nhìn thẳng về phía trước, và khuôn mặt già nua đầy nếp nhăn toả sáng một sự bình thản mênh mông.

Và thế rồi họ bị dẫn đi hành hình. Họ bị xích chân hai người một, nhưng Barabbas không có bạn cùng cặp, và anh đi cuối cùng, không bị xích chung với ai. Đó là do ngẫu nhiên thôi. Và cũng thật ngẫu nhiên anh bị hành hình trên cây thập ác ở ngoài cùng.

Có rất nhiều người tụ tập xem, và tới khi mọi chuyện kết thúc thời gian trôi qua cũng khá nhiều. Và trong suốt thời gian đó những người bị hành hình vẫn gieo hy vọng và yên ủi nhau. Song không một ai yên ủi Barabbas.

Trời đã dần tối, và những người đến xem đã ra về, quá mệt mỏi vì đứng lâu. Mà tất cả đã chết rồi. Chỉ có một mình Barabbas vẫn còn sống trên cây thập ác. Khi anh cảm nhận thấy thần chết - cái thứ luôn luôn làm anh khiếp đảm - đã đến, anh nói vọng vào màn đêm, như muốn nói với thần chết:

- Ta trao linh hồn ta cho ngươi đây.

Rồi anh tắt thở.

---

[1] Campania: trong kiến trúc Ý thời Trung Cổ và Phục hưng, đây là tháp chuông đứng độc lập rời khỏi khu đền thờ.

[2] Tư lệnh: (Condoftiere: tiếng Ý nghĩa là tư lệnh chỉ huy đội quân đánh thuê ở Ý vào các thế kỷ 14 – 16)

[3] Leo nghĩa là sư tử.

[4] Một loại cây con hoa nhỏ màu xanh sẫm hoặc xanh lơ có mùi thơm.

[5] Một loại cây phía Nam quanh năm xanh tốt, hoa trắng rất thơm. (ND)